

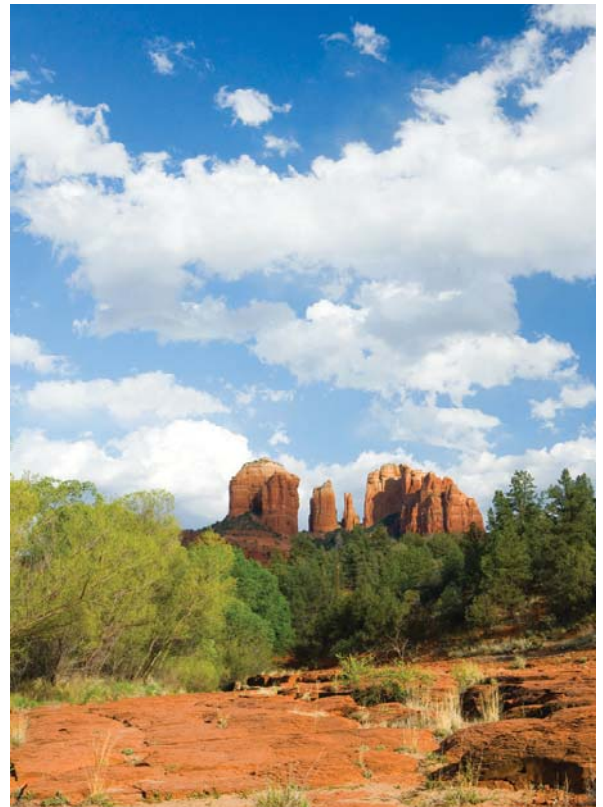
Máy in Dòng sản phẩm
HP Color LaserJet CP3525
Hướng Dẫn Sử Dụng



Sử dụng sản phẩm
Quản lý sản phẩm
Bảo trì sản phẩm
Xử lý sự cố



www.hp.com/support/cljcp3525



Máy in Dòng sản phẩm HP Color LaserJet
CP3525
Hướng Dẫn Sử Dụng



Bản Quyền và Giấy Phép

© 2008 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Số bộ phận: CC468-90943

Edition 1, 09/2008

Công Nhận Nhãn Hiệu

Adobe®, Acrobat®, và PostScript® là các nhãn hiệu thương mại của Adobe Systems Incorporated.

Corel® là một thương hiệu hay thương hiệu được đăng ký của Công ty Corel Corporation hay Corel Corporation Limited.

Intel® Core™ là nhãn hiệu của Intel Corporation tại Mỹ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác khác.

Java™ là nhãn hiệu tại Mỹ của Sun Microsystems, Inc.

Microsoft®, Windows®, và Windows®XP là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Mỹ.

Windows Vista® là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation ở Mỹ và/hoặc các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

PANTONE® là thương hiệu kiểm tra màu chuẩn của Pantone, Inc's.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

Nhãn ENERGY STAR và ENERGY STAR là các nhãn hiệu đã được đăng ký tại Mỹ.

Mục lục

1 Khái niệm cơ bản về sản phẩm

Các nguyên tắc được sử dụng trong hướng dẫn này	2
So sánh sản phẩm	3
Tính năng của Sản phẩm	4
Mô tả sản phẩm	7
Mặt trước	7
Mặt sau	8
Cổng ghép nối	8
Vị trí số sê-ri và số kiểu	9

2 Panen điều khiển

Sử dụng panen điều khiển	12
Sơ đồ panen điều khiển	12
Giải nghĩa các đèn chỉ báo của panen điều khiển	13
Các menu trên panen điều khiển	14
Sử dụng các menu	14
Thứ bậc menu	15
menu Cách thức Thực hiện	16
Menu truy lục lệnh in	17
Menu thông tin	19
Menu quản lý giấy	20
Menu cấu hình thiết bị	21
Menu in	21
Menu phụ PCL	22
Menu Chất lượng In	23
Mục nhập cài đặt hệ thống	26
I/O menu	32
Xác lập lại menu	40
Menu chẩn đoán	41
Menu dịch vụ	43

3 Phần mềm cho Windows

Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows	46
Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows	47

HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD)	48
Các chế độ cài đặt UPD	48
Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows	49
Ưu tiên cho cài đặt in	50
Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows	51
Xóa phần mềm cho Windows	52
Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows	53
HP Web Jetadmin	53
Máy chủ Web nhúng	53
HP Easy Printer Care	53
Phần mềm cho các hệ điều hành khác	55

4 Sử dụng sản phẩm với Macintosh

Phần mềm cho Macintosh	58
Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh	58
Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh	58
Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Macintosh	58
Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh	58
Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh	59
Phần mềm cho máy tính Macintosh	59
HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP)	59
Mở HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP)	59
Các tính năng HP Printer Utility (Tiện Ích Máy In HP)	60
Các tiện ích được hỗ trợ cho Macintosh	60
Máy chủ Web nhúng	60
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh	61
In	61
Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh	61
Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh	61
In trang bìa	61
Sử dụng các hình mờ	62
In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh	62
In trên cả hai mặt giấy (in hai mặt)	63
Lưu trữ nhiệm vụ	63
Đặt tùy chọn màu	64
Sử dụng menu Services (Dịch Vụ)	64

5 Khả năng kết nối

Kết nối USB	66
Cấu hình mạng	67
Các giao thức mạng được hỗ trợ	67
Cấu hình sản phẩm mạng	69
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng	69

Đặt hoặc thay đổi mật khẩu mạng	69
Lập cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	69
Lập cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	70
Không cho phép các giao thức mạng (tùy chọn)	71
Không cho phép IPX/SPX, AppleTalk hoặc DLC/LLC.	71
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết	71

6 Giấy và vật liệu in

Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in	74
Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ	75
Tùy chỉnh cỡ giấy	77
Các kích thước giấy và vật liệu in được hỗ trợ	78
Dung tích ngăn và khay giấy	79
Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt	80
Nạp khay	81
Định hướng giấy khi nạp khay giấy	81
Khay 1	82
Khay 2 hay Khay 3 tùy chọn	84
Nạp Khay 1	85
In phong bì	86
Nạp Khay 2	87
Nạp khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ tùy chọn (Khay 3)	88
Nạp giấy có kích thước chuẩn vào Khay 3	89
Nạp giấy có kích thước tùy chỉnh vào Khay 3	91
Nạp giấy khổ 4 x 6 inch (10 x 15 cm) vào Khay 3	92
Cấu hình các khay	96
Lập cấu hình cho khay khi nạp giấy	96
Lập cấu hình khay phù hợp với cấu hình lệnh in	96
Lập cấu hình khay bằng cách sử dụng menu Paper Handling (Xử Lý Giấy)	97
Tự động nhận biết phím trong suốt (chế độ tự động nhận biết)	97
Cài đặt tự động nhận biết	97
Chọn phương tiện theo nguồn, loại hoặc kích thước	98
Nguồn	98
Loại và Kích thước	98

7 Sử dụng tính năng của sản phẩm

Cài đặt tiết kiệm	100
Thời gian hoãn chế độ Sleep (Nghỉ)	100
Đặt thời gian hoãn chế độ nghỉ	100
Bật/tắt chế độ nghỉ	100
Thời gian đánh thức	100
Đặt đồng hồ thời gian thực	101

Đặt đồng hồ thời gian thực	101
Đặt thời gian đánh thức	102
Đặt chế độ tiết kiệm từ EWS	102
Sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in	103
Tạo lệnh in đã lưu	103
In lệnh in đã lưu	103
Xóa lệnh in đã lưu	104
In đồ họa kinh doanh hoặc tài liệu tiếp thị	105
Giấy láng được hỗ trợ	105
Cấu hình khay giấy	105
Cấu hình cài đặt trình điều khiển	106
In bản đồ chịu đựng được các điều kiện thời tiết và các biển báo ngoài trời	107
Giấy dai được hỗ trợ	107
Đặt canh chính hai mặt	108

8 Tác vụ in

Hủy lệnh in	110
Dừng lệnh in in hiện tại từ bảng điều khiển	110
Dừng lệnh in hiện tại từ chương trình phần mềm	110
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows	111
Mở trình điều khiển máy in	111
Sử dụng các lối tắt in	111
Đặt các tùy chọn chất lượng và giấy in	111
Đặt các hiệu ứng cho tài liệu	112
Đặt các tùy chọn hoàn thành tài liệu	112
Đặt tùy chọn lưu trữ lệnh in	114
Đặt các tùy chọn màu	114
Xem thông tin hỗ trợ và thông tin về tình trạng sản phẩm	115
Đặt các tùy chọn in nâng cao	115

9 Sử dụng màu

Quản lý màu	118
Tự động	118
In ở Sắc Độ Xám	118
Hạn chế sử dụng màu	118
Hạn chế in màu	118
Điều chỉnh màu thủ công	118
Tùy chọn màu thủ công	119
Chủ đề màu	119
Khớp màu	121
Khớp màu bằng sách mẫu	121
In các mẫu màu	121
Khớp màu PANTONE®	122

Các cài đặt sử dụng màu	123
Mực HP ColorSphere	123
HP ImageREt 3600	123
Chọn phương tiện	123
Color options	123
Standard red-green-blue (sRGB)	123

10 Quản lý và bảo trì sản phẩm

trang thông tin	126
HP Easy Printer Care	127
Mở phần mềm HP Easy Printer Care	127
Các thành phần của phần mềm HP Easy Printer Care	127
Máy chủ Web nhúng	130
Mở máy chủ Web nhúng bằng cách sử dụng một kết nối mạng	130
Các mục của máy chủ Web nhúng	131
Sử dụng phần mềm Web Jetadmin software của HP	133
Các tính năng bảo mật	134
Bảo vệ máy chủ Web nhúng	134
Xóa Đĩa An toàn	134
Dữ liệu bị ảnh hưởng	134
Thông tin Bổ sung	135
Lưu trữ lệnh in	135
Ổ cứng Hiệu suất Cao được Mã hóa của HP	135
Khóa các menu của panen điều khiển	135
Khóa khung bộ định dạng	136
Quản lý nguồn cung cấp	137
Lưu giữ hộp mực	137
Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP	137
Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP	137
Thay nguồn cung cấp	138
Thời gian sử dụng nguồn cung cấp	138
Xác định vị trí nguồn cung cấp	138
Hướng dẫn thay thế nguồn cung cấp	138
Thay hộp mực in	139
Thay bộ thu gom bột mực	141
Lắp bộ nhớ	143
Lắp DIMM bộ nhớ DDR	144
Bật bộ nhớ dành cho Windows	147
Lắp thẻ máy chủ in HP Jetdirect hoặc EIO hoặc ổ cứng EIO	147
Lau dọn sản phẩm	151
Lau dọn mặt ngoài	151
Lau dọn bột mực bị tràn	151
Lau dọn cuộn sấy	151

Nâng cấp chương trình cơ sở	152
Xác định phiên bản hiện tại của chương trình cơ sở	152
Tải về chương trình cơ sở mới từ trang Web của HP	152
Chuyển chương trình cơ sở mới vào sản phẩm	152
Sử dụng tập thi hành flash để cập nhật chương trình cơ sở	153
Sử dụng FTP để tải lên chương trình cơ sở thông qua trình duyệt	153
Sử dụng FTP để nâng cấp chương trình cơ sở thông qua kết nối mạng	154
Sử dụng HP Web Jetadmin để nâng cấp chương trình cơ sở	154
Sử dụng các lệnh của Microsoft Windows để nâng cấp chương trình cơ sở	155
Nâng cấp chương trình cơ sở HP Jetdirect	155

11 Giải quyết sự cố

Xử lý vấn đề chung	158
Danh sách kiểm tra xử lý sự cố	158
Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm	159
Khôi phục lại cài đặt gốc	160
Các loại thông báo ở bảng điều khiển	161
Các thông báo ở bảng điều khiển	162
Kẹt giấy	180
Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp	180
Các vị trí kẹt giấy	181
Xử lý kẹt giấy	181
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải	182
Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra	186
Gỡ giấy kẹt trong khay 1	187
Gỡ giấy kẹt trong khay 2	188
Gỡ giấy kẹt trong khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ tùy chọn (Khay 3)	189
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3)	190
Khôi phục khỏi tình trạng kẹt giấy	191
Vấn đề về quản lý giấy	192
Sản phẩm tiếp nhiều trang cùng lúc	192
Sản phẩm tiếp khổ giấy không đúng.	192
Sản phẩm không kéo giấy từ đúng khay	193
Giấy không tự động được tiếp vào.	193
Giấy không tiếp vào từ khay 2 hoặc 3	193
Phim trong suốt hoặc giấy láng sẽ không tiếp vào máy	194
Phong bì bị kẹt hoặc không đi vào sản phẩm	194
Giấy in ra bị cong hoặc nhăn	195
Sản phẩm sẽ không in hai mặt theo đúng cách.	195
Hiểu các đèn trên bộ định dạng	197
Đèn LED HP Jetdirect	197
Đèn LED nhấp nháy	197

Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh	199
Vấn đề về chất lượng in mẫu	199
Thước lỗi lặp lại	200
Phim trong suốt bị lỗi	201
Vấn đề về chất lượng in liên quan đến môi trường	201
Vấn đề về chất lượng in liên quan đến kẹt giấy	201
Tối ưu hoá và cải thiện chất lượng hình	201
Hiệu chỉnh sản phẩm	201
Trang xử lý sự cố về chất lượng in	202
Đặt đăng ký hình	202
Khắc phục các vấn đề với các vệt sáng	202
Xử lý vấn đề về hoạt động	203
Xử lý vấn đề về khả năng kết nối	204
Xử lý vấn đề kết nối trực tiếp	204
Xử lý vấn đề về mạng	204
Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm	206
Các sự cố thông thường của Windows	207
Xử lý vấn đề thường gặp đối với máy Macintosh	208

Phụ lục A Hàng cung cấp và phụ tùng

Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in	212
Số của bộ phận	213
Phụ kiện	213
Hộp mực in và bộ thu gom bột mực	213
Bộ nhớ	213
Dây cáp và mạch ghép nối	214
Các bộ đồ nghề bảo dưỡng	214

Phụ lục B Dịch vụ và hỗ trợ

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard	216
Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực	218
Tuyên bố về Bảo hành có Giới hạn của Bộ Cuộn sấy HP Color LaserJet	219
Thỏa thuận Cấp giấy phép Người dùng cuối	220
Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa	223
Hỗ trợ khách hàng	224

Phụ lục C Thông số kỹ thuật của sản phẩm

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể	226
Lượng điện tiêu thụ và độ ồn	227
Đặc điểm môi trường	228

Phụ lục D Thông tin về Tuân Thủ Quy Định

Các qui định của FCC	230
----------------------------	-----





Chương trình quản lý sản phẩm bảo vệ môi trường	231
Bảo vệ môi trường	231
Sản sinh ra khí ozone	231
Điện năng tiêu thụ	231
Sử dụng giấy	231
Bộ phận làm bằng chất dẻo	231
Nguồn cung cấp	231
Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế	232
Hợp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico	232
Hoàn trả nhiều sản phẩm (nhiều hơn một hộp mực)	232
Hoàn trả đơn lẻ	232
Vận chuyển	232
Hoàn trả ngoài phạm vi Hoa Kỳ	232
Giấy in	232
Giới hạn về vật liệu	233
Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu	233
Hóa chất	233
Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)	234
Thông tin thêm	234
Tuyên bố về tính Thích hợp	235
Tuyên bố về an toàn	236
An toàn laser	236
Các quy định DOC tại Canada	236
Tuyên bố VCCI (Nhật)	236
Tuyên bố về dây dẫn (Nhật)	236
Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)	236
Tuyên bố về laser cho Phần Lan	236
Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc)	238
Bảng chú dẫn	239

1 Khái niệm cơ bản về sản phẩm





- Các nguyên tắc được sử dụng trong hướng dẫn này
- So sánh sản phẩm
- Tính năng của Sản phẩm
- Mô tả sản phẩm

Các nguyên tắc được sử dụng trong hướng dẫn này

Trong toàn bộ hướng dẫn này, một số mẹo, lưu ý, cẩn thận, và cảnh báo sẽ nhắc bạn về thông tin quan trọng.

-
-  **CHỈ DẪN:** Các mẹo cung cấp mạch nước hữu ích hoặc phím tắt.
 -  **GHI CHÚ:** Các lưu ý cung cấp thông tin quan trọng để giải thích một khái niệm hoặc để hoàn tất một tác vụ.
 -  **THẬN TRỌNG:** Các mục cẩn thận cho biết các bước bạn cần tuân thủ để tránh mất dữ liệu hoặc làm hư sản phẩm.
 -  **CẢNH BÁO!** Các cảnh báo nhắc bạn về những bước cụ thể cần tuân thủ để tránh chấn thương, mất dữ liệu quan trọng, hoặc hư hỏng nặng sản phẩm.
-

So sánh sản phẩm

Kiểu	Tính năng
<p>HP Color LaserJet CP3525</p> 	<ul style="list-style-type: none">• Khay tiếp giấy đa năng 100 tờ (Khay 1)• Khay tiếp giấy 250 tờ (Khay 2)• Ngăn giấy ra 250 tờ, có mặt hướng xuống dưới• Cổng USB 2.0 tốc độ cao• 256 megabytes (MB) bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên
<p>HP Color LaserJet CP3525n</p> 	<ul style="list-style-type: none">• Khay tiếp giấy đa năng 100 tờ (Khay 1)• Khay tiếp giấy 250 tờ (Khay 2)• Ngăn giấy ra 250 tờ, có mặt hướng xuống dưới• Cổng USB 2.0 tốc độ cao• Máy chủ in nhúng HP Jetdirect để kết nối với mạng 10/100Base-TX• 256 megabytes (MB) bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên
<p>HP Color LaserJet CP3525dn</p> 	<ul style="list-style-type: none">• Khay tiếp giấy đa năng 100 tờ (Khay 1)• Khay tiếp giấy 250 tờ (Khay 2)• Ngăn giấy ra 250 tờ, có mặt hướng xuống dưới• Cổng USB 2.0 tốc độ cao• Máy chủ in nhúng HP Jetdirect để kết nối với mạng 10/100Base-TX• 384 megabytes (MB) bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên• In hai mặt tự động
<p>HP Color LaserJet CP3525x</p> 	<ul style="list-style-type: none">• Khay tiếp giấy đa năng 100 tờ (Khay 1)• Khay tiếp giấy 250 tờ (Khay 2)• Ngăn giấy ra 250 tờ, có mặt hướng xuống dưới• Khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ (Khay 3), có phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP cho giấy khổ 101,6 x 152,4 mm• Cổng USB 2.0 tốc độ cao• Máy chủ in nhúng HP Jetdirect để kết nối với mạng 10/100Base-TX• 512 megabytes (MB) bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên• In hai mặt tự động

Tính năng của Sản phẩm

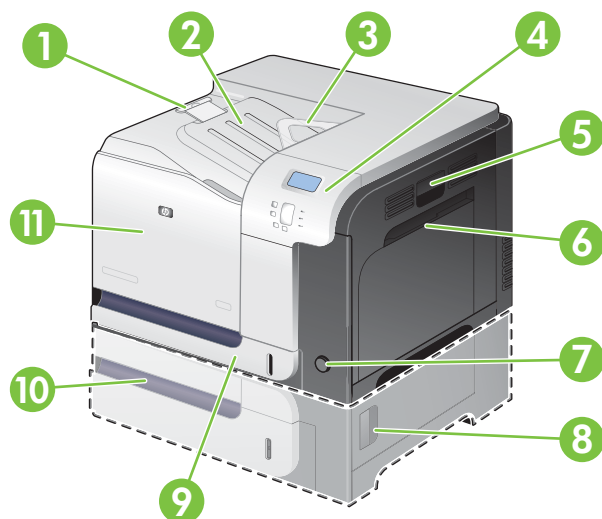
Tốc độ và số lượng	<ul style="list-style-type: none">• In tối đa 30 trang mỗi phút (ppm) trên giấy khổ letter và 30 ppm trên giấy A4.• Mất từ 12 giây để in trang đầu tiên• Khối lượng in hàng tháng tối đa được đề xuất là 5.000 trang• Bộ vi xử lý 515 megahertz (MHz)
Độ phân giải	<ul style="list-style-type: none">• 600 điểm trên inch (dpi) với công nghệ Tăng cường Độ phân giải hình 3600 cho chất lượng hình tổng thể tối ưu• 1200 x 600 dpi để in tác phẩm dạng dòng kẻ chi tiết và văn bản nhỏ
Bộ nhớ	<ul style="list-style-type: none">• HP Color LaserJet CP3525: 256 MB bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM), có thể mở rộng lên tới 1 gigabyte (GB) bằng cách cắm thêm bộ nhớ vào các khe DDR2 SODIMM còn trống hỗ trợ 128 MB, 256 MB, 512 MB, hoặc 1 GB RAM. GHI CHÚ: Nếu bạn lắp một 1 GB DIMM vào khe còn trống, tổng bộ nhớ khả dụng sẽ là 1 GB.• HP Color LaserJet CP3525n: 256 MB bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM), có thể mở rộng lên tới 1 gigabyte (GB) bằng cách cắm thêm bộ nhớ vào các khe DDR2 SODIMM còn trống hỗ trợ 128 MB, 256 MB, 512 MB, hoặc 1 GB RAM. GHI CHÚ: Nếu bạn lắp một 1 GB DIMM vào khe còn trống, tổng bộ nhớ khả dụng sẽ là 1 GB.• HP Color LaserJet CP3525dn: 384 MB bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM), có thể mở rộng lên tới 1 gigabyte (GB) bằng cách thay DIMM gốc bằng DDR2 SODIMM hỗ trợ 128 MB, 256 MB, 512 MB, hoặc 1 GB RAM. GHI CHÚ: Nếu bạn lắp một 1 GB DIMM, tổng bộ nhớ khả dụng sẽ là 1 GB. Với kiểu HP Color LaserJet CP3525dn, bạn phải thay DIMM 128 MB gốc bằng DIMM 1 GB để tăng bộ nhớ lên 1 GB.• HP Color LaserJet CP3525x: 512 MB bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM), có thể mở rộng lên tới 1 gigabyte (GB) bằng cách thay DIMM gốc bằng DDR2 SODIMM hỗ trợ 128 MB, 256 MB, 512 MB, hoặc 1 GB RAM. GHI CHÚ: Nếu bạn lắp một 1 GB DIMM, tổng bộ nhớ khả dụng sẽ là 1 GB. Với kiểu HP Color LaserJet CP3525x, bạn phải thay một trong những DIMM 256 MB gốc bằng DIMM 1 GB để tăng bộ nhớ lên 1 GB.• Công nghệ Nâng cao Bộ nhớ (MEt) tự động nén dữ liệu để sử dụng RAM hiệu quả hơn.
Giao diện người dùng	<ul style="list-style-type: none">• Màn hình đồ họa màu bốn dòng trên panen điều khiển• Máy chủ Web nhúng để có truy cập vào thông tin hỗ trợ và đặt mua nguồn cung cấp (chỉ dành những sản phẩm có kết nối mạng)• Phần mềm HP Easy Printer Care (công cụ xử lý sự cố và tình trạng dựa trên nền Web)• Các tính năng đặt mua nguồn cung cấp qua Internet bằng phần mềm HP Easy Printer Care và máy chủ Web nhúng
Xử lý giấy	<ul style="list-style-type: none">• Khay 1 (khay đa tác dụng): Khay đa tác dụng cho giấy, phim trong suốt, nhãn, phong bì, và các loại giấy khác. Khay này chứa được tối đa 100 trang, 50 phim trong suốt, hoặc 10 phong bì• Khay 2: Khay 250 tờ

	<ul style="list-style-type: none"> ● Khay 3 Tùy chọn: Khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ, và phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP tùy chọn. (Cả hai có trong máy in HP Color LaserJet CP3525x.) Giữ được giấy chuẩn và khổ tùy chỉnh. Khay này tự động dò các khổ giấy phổ biến. ● In hai mặt: Máy in HP Color LaserJet CP3525dn và máy in HP Color LaserJet CP3525x hỗ trợ chức năng in hai mặt tự động. Các kiểu máy in khác hỗ trợ in hai mặt thủ công. ● Ngăn giấy ra chuẩn: Ngăn giấy ra chuẩn nằm ở phía trên cùng của sản phẩm. Ngăn này có thể chứa tối đa 250 trang. Sản phẩm có một cảm biến cho biết khi nào ngăn này đầy. <p>Để biết thêm thông tin về các khổ giấy được hỗ trợ, xem Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ thuộc trang 75.</p> <p>Để biết thêm thông tin về các loại giấy được hỗ trợ, xem Các kích thước giấy và vật liệu in được hỗ trợ thuộc trang 78.</p>
Ngôn ngữ và phông chữ	<ul style="list-style-type: none"> ● Ngôn ngữ Kiểm soát Máy in HP PCL 5, PCL 6, và mô phỏng HP postscript cấp 3 ● PDF trực tiếp ● 80 kiểu chữ TrueType PS có thể co giãn
Hộp mực	<ul style="list-style-type: none"> ● Để biết thông tin về các hộp mực in, xem www.hp.com/go/learnaboutsupplies. ● Dò hộp mực in HP xác thực ● Tự động tháo băng bột mực ● Sản phẩm này sử dụng các nguồn cung cấp có thể tiêu hao sau: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Hộp mực in màu đen chuẩn CE250A ◦ Hộp mực in màu đen có dung lượng cao: CE250X ◦ Hộp mực xanh lá mạ: CE251A ◦ Hộp mực vàng: CE252A ◦ Hộp mực đỏ tươi: CE253A ◦ Bộ thu gom bột mực: CE254A
Hỗ trợ các hệ điều hành	<ul style="list-style-type: none"> ● Microsoft® Windows® 2000, Windows® XP, Windows Vista™, Windows® Server 2003, và Windows® Server 2008 ● Macintosh OS X V10.3.9, V10.4, V10.5, và phiên bản mới hơn ● Novell NetWare ● Unix® ● Linux
Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> ● Kết nối USB 2.0 ● Có cổng như USB 2.0 để bên thứ ba kết nối ● Đầu nối mạng nội bộ (LAN) (RJ-45) cho máy chủ in HP Jetdirect nhúng (không đi kèm máy in HP Color LaserJet CP3525) ● Một khe vào/ra (EIO) nâng cao

Môi trường	<ul style="list-style-type: none">● Đặt chế độ nghỉ để tiết kiệm năng lượng● Nhiều thành phần và vật liệu có thể tái chế● Cuộn sấy bật tức thì giúp tiết kiệm năng lượng
Bảo mật	<ul style="list-style-type: none">● Xóa Đĩa An toàn● Khóa an toàn (tùy chọn)● Ghi nhớ lệnh in● Sử dụng xác thực PIN cho những lệnh in đã lưu● An toàn IPsec● Ổ cứng Hiệu suất Cao được mã hóa của HP (tùy chọn)
Tự trợ giúp	<ul style="list-style-type: none">● Các trang chỉ cách giúp bạn có thể in từ panen điều khiển● Các hỗ trợ lệnh cho các thao tác cụ thể khả dụng từ www.hp.com/support/cljcp3525.● Hình động và trợ giúp trên panen điều khiển● Hình động trên đĩa CD

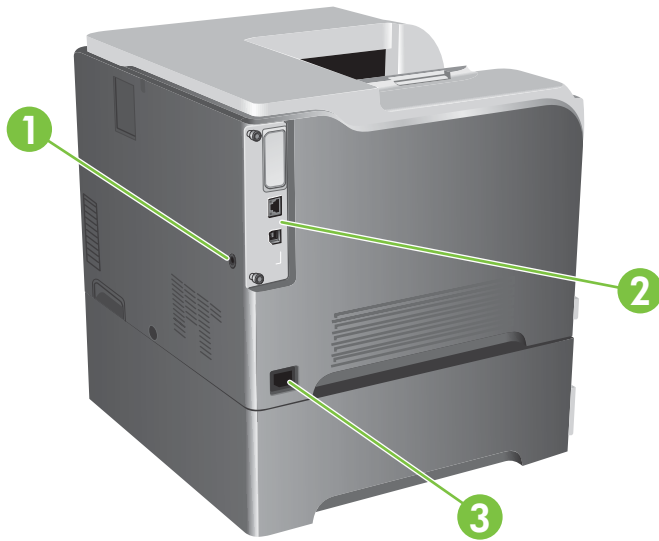
Mô tả sản phẩm

Mặt trước



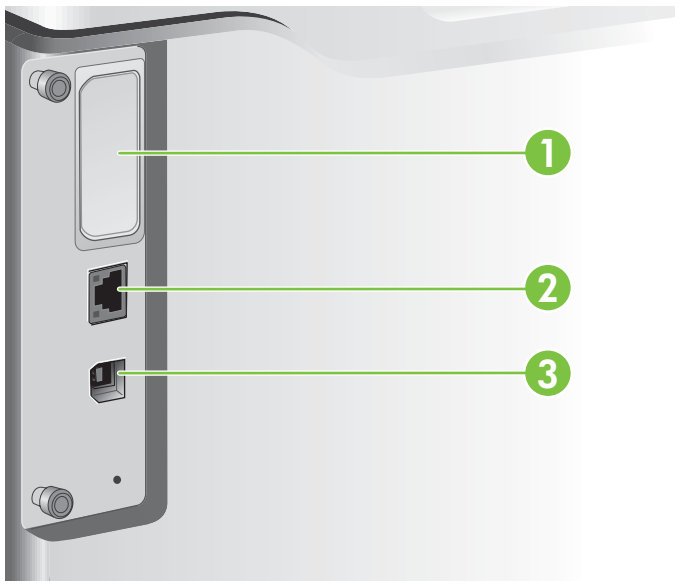
1	Phần mở rộng của ngăn giấy ra
2	Ngăn giấy ra chuẩn
3	Hướng dẫn chuyển trở lại in hai mặt (chỉ máy in HP Color LaserJet CP3525dn và máy in HP Color LaserJet CP3525x)
4	Panên điều khiển
5	Cửa bên phải (cửa xử lý kẹt giấy)
6	Khay 1 (kéo tay cầm để mở khay)
7	Nút nguồn (sáng khi bật máy)
8	Cửa bên phải phía dưới (cửa xử lý kẹt giấy)
9	Khay 2
10	Khay 3 Tùy chọn (đi kèm với máy in HP Color LaserJet CP3525x)
11	Cửa trước (truy cập vào hộp mực in và bộ thu gom bột mực)

Mặt sau



1	Khe khóa an toàn dạng nắp
2	Cổng ghép nối
3	Kết nối nguồn

Cổng ghép nối



1	Khe mở rộng giao diện EIO
2	Cổng mạng RJ.45 (không được kích hoạt với máy in HP Color LaserJet CP3525)
3	Cổng in USB 2.0 tốc độ cao

Vị trí số sê-ri và số kiểu

Số kiểu và số sê-ri được ghi trên nhãn nhận dạng trên cửa sau của sản phẩm. Số sê-ri có chứa thông tin về quốc gia/vùng xuất xứ, phong bì sản phẩm, mã sản phẩm, và số sản phẩm của sản phẩm.

Tên kiểu	Số kiểu
HP Color LaserJet CP3525	CC468A
HP Color LaserJet CP3525n	CC469A
HP Color LaserJet CP3525dn	CC470A
HP Color LaserJet CP3525x	CC471A

2 Panen điều khiển

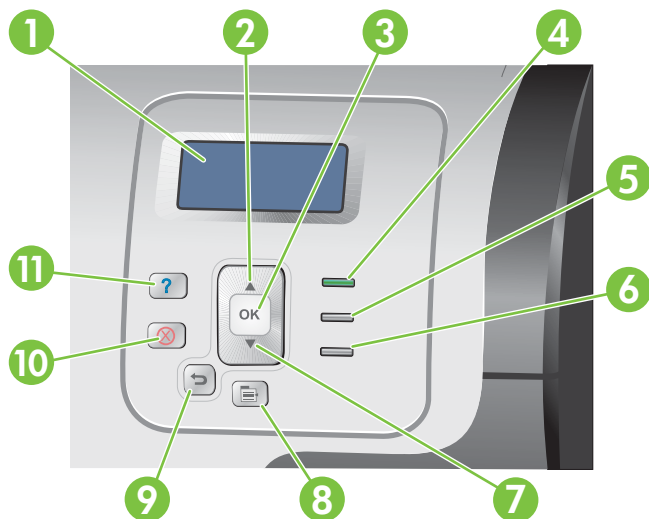
- [Sử dụng panen điều khiển](#)
- [Các menu trên panen điều khiển](#)
- [Thứ bậc menu](#)
- [menu Cách thức Thực hiện](#)
- [Menu truy lục lệnh in](#)
- [Menu thông tin](#)
- [Menu quản lý giấy](#)
- [Menu cấu hình thiết bị](#)
- [Menu chẩn đoán](#)
- [Menu dịch vụ](#)

Sử dụng panen điều khiển

Panen điều khiển có màn hình màu, đồ họa và văn bản cung cấp truy cập vào tất cả các chức năng của sản phẩm. Sử dụng các nút để điều khiển các lệnh và tình trạng sản phẩm. Các đèn báo cho biết tình trạng chung của sản phẩm.

Sơ đồ panen điều khiển

Panen điều khiển có màn hình màu, đồ họa và văn bản, các nút điều khiển lệnh in, và ba đèn LED tình trạng.



1	Màn hình panen điều khiển:	Hiển thị thông tin trình trạng, menu, thông tin trợ giúp và thông báo lỗi.
2	Sử dụng nút mũi tên ▲	Điều hướng qua các menu và văn bản, và tăng giá trị của các mục số trong màn hình.
3	Nút OK	Lựa chọn, tiếp tục sau những lỗi liên tục, và ghi đè hộp mực in không phải của HP.
4	Đèn Sẵn sàng	Đèn Sẵn sàng cho biết sản phẩm đã sẵn sàng để bắt đầu xử lý bất kỳ lệnh in nào.
5	Đèn Dữ liệu	Đèn Dữ liệu cho biết sản phẩm đang nhận dữ liệu.
6	Đèn Chú ý	Đèn Chú ý cho biết sản phẩm có một tình trạng yêu cầu can thiệp. Ví dụ như khay giấy đã hết giấy hoặc một thông báo lỗi trên màn hình.
7	Nút mũi tên xuống ▼	Điều hướng qua các menu và văn bản, và giảm giá trị của các mục số trong màn hình.
8	Nút  Menu	Mở và đóng các menu.
9	Nút mũi tên quay về ↶	Điều hướng ngược trở lại trong các menu lồng.
10	Nút Stop (Dừng) ⊗	Tạm dừng lệnh in hiện thời, cung cấp lựa chọn tiếp tục lại hoặc hủy lệnh in hiện thời, lấy hết giấy ra khỏi sản phẩm, và dọn sạch mọi lỗi liên tục liên quan đến lệnh in bị tạm dừng. Nếu sản phẩm không có lệnh in nào, việc bấm Stop (Dừng) sẽ tạm dừng sản phẩm.
11	Nút Trợ giúp ?	Cung cấp thông tin chi tiết, bao gồm cả những hình động, về các thông báo hoặc menu của sản phẩm.

Giải nghĩa các đèn chỉ báo của panen điều khiển


Chỉ báo	Bật	Tắt	Nhấp nháy
Sẵn sàng (xanh lá cây)	Sản phẩm đang ở trạng thái trực tuyến (có thể chấp nhận và xử lý dữ liệu).	Sản phẩm đang ở trạng thái ngoại tuyến hoặc bị tắt.	Sản phẩm đang tìm cách dừng và chuyển sang trạng thái ngoại tuyến.
Dữ liệu (xanh lá cây)	Dữ liệu đã được xử lý có trong sản phẩm, nhưng cần có thêm dữ liệu để hoàn tất lệnh in.	Sản phẩm không đang xử lý hay nhận dữ liệu.	Sản phẩm đang xử lý và nhận dữ liệu.
Chú ý (màu hổ phách)	Xảy ra lỗi nghiêm trọng. Sản phẩm yêu cầu sự chú ý.	Không tồn tại tình trạng nào cần chú ý.	Đã xuất hiện một lỗi. Sản phẩm yêu cầu sự chú ý.

Các menu trên panen điều khiển

Bạn có thể thực hiện thủ tục trong các thao tác từ máy tính thông qua trình điều khiển máy in hoặc ứng dụng phần mềm. Đây là cách tiện lợi nhất để điều khiển sản phẩm, và sẽ ghi đè các cài đặt của panen điều khiển của sản phẩm. Xem các tệp trợ giúp kết hợp với phần mềm này, hoặc để biết thêm thông tin về cách truy cập vào trình điều khiển máy in, hãy xem [Phần mềm cho Windows thuộc trang 45](#) hoặc [Sử dụng sản phẩm với Macintosh thuộc trang 57](#).

Bạn cũng có thể điều khiển sản phẩm bằng cách thay đổi các cài đặt trong panen điều khiển của sản phẩm. Sử dụng panen điều khiển để truy cập vào những tính năng không được hỗ trợ bởi trình điều khiển máy in hoặc ứng dụng phần mềm, và để cấu hình các khay cho các khổ và loại giấy.

Sử dụng các menu

- Mở và thoát khỏi menu bằng cách bấm nút **Menu** .
- Chọn một mục menu bằng cách sử dụng nút **OK** đồng thời chọn các giá trị số khi cấu hình sản phẩm.
- Sử dụng mũi tên lên hoặc xuống **▲▼** để điều hướng qua các menu. Ngoài việc điều hướng menu, mũi tên lên và mũi tên xuống có thể tăng và giảm các lựa chọn giá trị số. Bấm và giữ mũi tên lên hoặc mũi tên xuống để di chuyển nhanh hơn.
- Nút trở về **↩** cho phép bạn quay trở lại trong các lựa chọn menu.
- Nếu không bấm phím nào trong 60 giây, sản phẩm sẽ thoát khỏi menu.

Thứ bậc menu

Có các menu bậc trên cùng sau đây:

- **CÁCH THỨC THỰC HIỆN.** Xem [menu Cách thức Thực hiện thuộc trang 16](#) để biết thêm thông tin.
- **TRUY LỤC LỆNH IN.** Xem [Menu truy lục lệnh in thuộc trang 17](#) để biết thêm thông tin.
- **THÔNG TIN.** Xem [Menu thông tin thuộc trang 19](#) để biết thêm thông tin.
- **QUẢN LÝ GIẤY.** Xem [Menu quản lý giấy thuộc trang 20](#) để biết thêm thông tin.
- **CẤU HÌNH THIẾT BỊ.** Xem [Menu cấu hình thiết bị thuộc trang 21](#) để biết thêm thông tin.
- **CHẨN ĐOÁN.** Xem [Menu chẩn đoán thuộc trang 41](#) để biết thêm thông tin.
- **DỊCH VỤ.** Xem [Menu dịch vụ thuộc trang 43](#) để biết thêm thông tin.

menu Cách thức Thực hiện


Menu **CÁCH THỨC THỰC HIỆN** sẽ in những trang cung cấp thêm thông tin về sản phẩm.


Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , và sau đó chọn menu **CÁCH THỨC THỰC HIỆN**.

Mục	Giải thích
XỬ LÝ KỆT GIẤY	Cung cấp hướng dẫn xử lý kẹt giấy trên sản phẩm.
NẠP KHAY	Cung cấp hướng dẫn nạp và cấu hình các khay.
NẠP GIẤY IN ĐẶC BIỆT	Cung cấp hướng dẫn nạp phương tiện in đặc biệt, như là phong bì, phim trong suốt, và nhãn.
IN HAI MẶT	Cung cấp hướng dẫn in hai mặt.
GIẤY ĐƯỢC HỖ TRỢ	Cung cấp danh sách các loại giấy và phương tiện in được hỗ trợ.
IN HƯỚNG DẪN TRỢ GIÚP	In trang cho biết liên kết đến phần trợ giúp thêm trên Web.

Menu truy lục lệnh in

Menu **TRUY LỤC LỆNH IN** cho phép bạn xem danh sách tất cả những lệnh in đã lưu.

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , và sau đó chọn menu **TRUY LỤC LỆNH IN**.

 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiển thị các mục menu không có giá trị mặc định.

Mục	Mục con	Tùy chọn	Mô tả
<TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG>			Mỗi người sử dụng có lệnh in đã lưu sẽ được liệt kê theo tên. Chọn tên người sử dụng thích hợp để xem danh sách lệnh in đã lưu.
	TẤT CẢ CÁC LỆNH IN (KHÔNG CÓ MÃ PIN)	IN IN VÀ XÓA XÓA	Thông báo này sẽ hiển thị nếu một người sử dụng có nhiều lệnh in đã lưu không yêu cầu mã PIN. Tùy chọn IN hoặc tùy chọn IN VÀ XÓA sẽ hiển thị, tùy thuộc vào loại lệnh in được liệt kê. Sử dụng tùy chọn BẢN SAO để xác định số bản sao lệnh in này sẽ in.
	TẤT CẢ CÁC LỆNH IN (CÓ MÃ PIN)	IN IN VÀ XÓA XÓA	Thông báo này sẽ hiển thị nếu một người sử dụng có nhiều lệnh in đã lưu có yêu cầu mã PIN. Tùy chọn IN hoặc tùy chọn IN VÀ XÓA sẽ hiển thị, tùy thuộc vào loại lệnh in được liệt kê. Sử dụng tùy chọn BẢN SAO để xác định số bản sao lệnh in này sẽ in.
	<TÊN LỆNH IN X>	IN IN VÀ XÓA XÓA	Mỗi lệnh in được liệt kê theo tên. Tùy chọn IN hoặc tùy chọn IN VÀ XÓA sẽ hiển thị, tùy thuộc vào loại lệnh in được liệt kê. Sử dụng tùy chọn BẢN SAO để xác định số bản sao lệnh in này sẽ in.
		BẢN SAO	Xác định số bản sao lệnh in này sẽ in. Giá trị mặc định là 1. Nếu bạn chọn tùy chọn LỆNH IN , số bản sao được xác định trong trình điều khiển sẽ được in. Nếu bạn chọn menu TÙY CHỈNH , một cài đặt khác sẽ hiển thị để bạn có thể xác định số bản sao của lệnh in sẽ được in. Số bản sao được xác định trong trình điều khiển được nhân với số bản sao được xác định trên panen điều khiển. Ví dụ, nếu bạn xác định hai bản sao trong trình điều khiển và hai bản sao trên panen điều

Mục	Mục con	Tùy chọn	Mô tả
			kiển, tổng số bốn bản sao của lệnh in sẽ được in.

Menu thông tin


Sử dụng menu **THÔNG TIN** để truy cập vào và in thông tin sản phẩm cụ thể.


Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , và sau đó chọn menu **THÔNG TIN**.

Mục	Mô tả
IN SƠ ĐỒ MENU	In sơ đồ menu của panen điều khiển, sơ đồ này cho biết bố cục và cài đặt hiện thời của các mục menu của panen điều khiển.
IN CẤU HÌNH	In trang cấu hình sản phẩm, trang này hiển thị các cài đặt của máy in và các phụ kiện đã được lắp đặt.
IN TRANG TÌNH TRẠNG NGUỒN CUNG CẤP	<p>In lượng nguồn cung cấp còn lại; báo cáo số liệu thống kê về tổng số trang trang và số lệnh in đã xử lý, số sê-ri, đếm số trang, và thông tin về bảo trì.</p> <p>HP cung cấp ước tính về lượng nguồn cung cấp còn lại để tiện lợi cho khách hàng. Mức nguồn cung cấp còn lại thực tế có thể khác với số liệu ước tính được cung cấp.</p>
TÌNH TRẠNG NGUỒN CUNG CẤP	Hiển thị tình trạng tương đối của các hộp mực in, bộ cuộn sấy, và bộ thu gom bột mực trong một danh sách có thể cuộn. Với mỗi mục, bấm nút OK để mở trợ giúp cho mục này.
IN TRANG MỨC SỬ DỤNG	In số đếm của tất cả các khổ giấy đã đi qua sản phẩm; cho biết chúng được in một mặt, hai mặt, in đen trắng hay in màu; và báo cáo số trang.
IN NHẬT KÝ LỆNH IN SỬ DỤNG MÀU	In số liệu thống kê về việc sử dụng màu cho máy in.
IN DEMO	In trang thử nghiệm.
IN MẪU RGB	In mẫu màu cho các giá trị RGB khác nhau. Sử dụng các mẫu này làm hướng dẫn để khớp các màu đã in.
IN MẪU CMYK	In mẫu màu cho các giá trị CMYK khác nhau. Sử dụng các mẫu này làm hướng dẫn để khớp các màu đã in.
IN THƯ MỤC TỆP	In tên và thư mục tệp được lưu trong sản phẩm.
IN DANH SÁCH PHÒNG CHỮ PCL	In các phòng chữ PCL khả dụng.
IN DANH SÁCH PHÒNG CHỮ PS	In các phòng chữ PS khả dụng.

Menu quản lý giấy

Sử dụng menu này để cấu hình các khay tiếp giấy theo kích thước và loại. Cần lưu ý cấu hình chính xác các khay bằng menu này trước khi in lần đầu tiên.

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , và sau đó chọn menu **QUẢN LÝ GIẤY**.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn sử dụng kiểu sản phẩm HP LaserJet khác, bạn có thể quen với việc lập cấu hình Khay 1 ở chế độ **First** (Đầu tiên) hoặc **Cassette** (Hộp nhỏ). Trên các máy in Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP3525, việc cài đặt Khay 1 là **KÍCH THƯỚC BẤT KỲ** và **TẤT CẢ CÁC LOẠI** tương đương với chế độ **First** (Đầu tiên). Khi đặt kích thước cho Khay 1 khác với **KÍCH THƯỚC BẤT KỲ** hoặc **TẤT CẢ CÁC LOẠI** thì sẽ tương đương với việc đặt ở chế độ **Cassette** (Hộp nhỏ).

Mục menu	Giá trị	Mô tả
KÍCH THƯỚC KHAY 1	Danh sách các khổ giấy khả dụng sẽ hiển thị.	Cho phép bạn cấu hình khổ giấy cho Khay 1. Cài đặt mặc định là KÍCH THƯỚC BẤT KỲ . Xem Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ thuộc trang 75 để biết danh sách các khổ giấy khả dụng.
LOẠI KHAY 1	Danh sách các loại khả dụng sẽ hiển thị.	Cho phép bạn cấu hình loại giấy cho Khay 1. Cài đặt mặc định là TẤT CẢ CÁC LOẠI . Xem Các kích thước giấy và vật liệu in được hỗ trợ thuộc trang 78 để biết danh sách các loại khả dụng.
KÍCH THƯỚC KHAY <X> X = 2 hoặc tùy chọn 3	Danh sách các khổ giấy khả dụng sẽ hiển thị.	Cho phép bạn cấu hình khổ giấy cho Khay 2 hoặc Khay 3 tùy chọn. Khổ mặc định là LETTER hoặc A4 , tùy thuộc vào quốc gia/vùng của bạn. Khay 2 không dò khổ giấy bằng các thanh dẫn trong khay. Khay 3 dò một số khổ giấy bằng các thanh dẫn trong khay. Xem Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ thuộc trang 75 để biết danh sách các khổ giấy khả dụng.
LOẠI KHAY <X> X = 2 hoặc tùy chọn 3	Danh sách các loại khả dụng sẽ hiển thị.	Cho phép bạn cấu hình loại giấy cho Khay 2 hoặc Khay 3 tùy chọn. Cài đặt mặc định là THƯỜNG . Xem Các kích thước giấy và vật liệu in được hỗ trợ thuộc trang 78 để biết danh sách các loại khả dụng.


Menu cấu hình thiết bị

Menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ** cho phép bạn thay đổi các giá trị mặc định trong cài đặt, điều chỉnh chất lượng in, thay đổi cấu hình hệ thống và tùy chọn I/O, và xác lập lại các cài đặt mặc định.

Menu in

Các cài đặt này chỉ ảnh hưởng tới những lệnh in không có các đặc tính nhận dạng. Hầu hết các lệnh in nhận dạng tất cả các đặc tính và ghi đè các giá trị được đặt từ menu này.

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó chọn menu **ĐANG IN**.

 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiển thị các mục menu không có giá trị mặc định.


Mục menu	Giá trị	Mô tả
BẢN SAO	Phạm vi: 1 - 32000	Cho phép bạn đặt số bản sao mặc định cho các lệnh in. Số mặc định là 1.
KÍCH THƯỚC GIẤY MẶC ĐỊNH	Danh sách các khổ giấy khả dụng sẽ hiển thị.	Cho phép bạn đặt khổ giấy mặc định.
KÍCH THƯỚC GIẤY TÙY CHỈNH MẶC ĐỊNH	<ul style="list-style-type: none">• ĐƠN VỊ ĐO• KÍCH THƯỚC X• KÍCH THƯỚC Y	Cho phép bạn đặt khổ mặc định cho bất kỳ lệnh in tùy chỉnh nào. Đơn vị mặc định của phép đo là MILIMÉT .
IN HAI MẶT	TẮT* BẬT	Cho phép bạn bật hoặc tắt tính năng in hai mặt. GHI CHÚ: Menu này chỉ khả dụng trên máy in HP Color LaserJet CP3525dn và máy in HP Color LaserJet CP3525x
ĐÓNG GÁY HAI MẶT	CẠNH DÀI* CẠNH NGẮN	Cho phép bạn thay đổi cạnh đóng gáy cho in hai mặt. GHI CHÚ: Menu này chỉ khả dụng trên máy in HP Color LaserJet CP3525dn và máy in HP Color LaserJet CP3525x
GHI ĐỀ A4/LETTER	KHÔNG CÓ*	Cho phép bạn đặt sản phẩm để in lệnh in giấy A4 trên giấy khổ letter khi không có giấy A4 trong khay.
TIẾP GIẤY THỦ CÔNG	TẮT* BẬT	Việc cài đặt tùy chọn này là BẬT làm cho TIẾP GIẤY THỦ CÔNG trở thành mặc định cho những lệnh in không chọn một khay.
PHÔNG CHỮ COURIER	THƯỜNG* ĐẠM	Cho phép bạn chọn một phiên bản của phông Courier. Cài đặt ĐẠM là một phông Courier nội bộ khả dụng trên máy in Dòng sản phẩm HP LaserJet III và các máy in cũ hơn.
A4 RỘNG	KHÔNG * CÓ	Cho phép bạn thay đổi vùng có thể in của giấy A4. Nếu bạn chọn KHÔNG , vùng có thể in là bảy mươi tám ký tự 10-pitch trên một dòng đơn. Nếu bạn chọn CÓ , vùng có thể in là tám mươi ký tự 10-pitch trên một dòng đơn.

Mục menu	Giá trị	Mô tả
IN LỖI PS	TẮT* BẬT	Cho phép bạn chọn in trang lỗi PS.
IN LỖI PDF	TẮT* BẬT	Cho phép bạn chọn in trang lỗi PDF.

Menu phụ PCL

Menu này lập cấu hình cài đặt cho ngôn ngữ điều khiển máy in.

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, chọn menu **ĐANG IN**, và sau đó chọn menu **PCL**.


 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiển thị các mục menu không có giá trị mặc định.

Mục	Giá trị	Mô tả
CHIỀU DÀI BIỂU MẪU		Đặt khoảng cách dọc từ 5 đến 128 dòng đối với kích thước giấy mặc định. Giá trị mặc định là 60.
ĐỊNH HƯỚNG	DỌC* NGANG	Cho phép bạn đặt hướng trang mặc định là dọc hoặc ngang.
NGUỒN PHÔNG CHỮ	Danh sách các nguồn phông chữ khả dụng sẽ hiển thị.	Chọn nguồn phông chữ. Cài đặt mặc định là TRONG .
SỐ HIỆU PHÔNG CHỮ		Sản phẩm sẽ gán một số cho mỗi phông chữ và liệt kê các số này trong danh sách phông chữ PCL. Phạm vi là từ 0 đến 102. Giá trị mặc định là 0.
PITCH PHÔNG CHỮ		Chọn pitch phông chữ. Mục này có thể không xuất hiện, tùy thuộc vào phông chữ được chọn. Phạm vi là từ 0,44 đến 99,99. Giá trị mặc định là 10,00.
KÍCH THƯỚC ĐIỂM PHÔNG CHỮ		Chọn kích thước điểm của phông chữ. Phạm vi là từ 4,00 đến 999,75. Giá trị mặc định là 12,00.
BỘ BIỂU TƯỢNG	Danh sách các bộ ký hiệu khả dụng sẽ hiển thị.	Chọn bất kỳ một trong số những bộ biểu tượng hiện có tại panen điều khiển của sản phẩm. Bộ biểu tượng là một nhóm đơn nhất tất cả các ký tự trong một phông chữ. PC-8 hoặc PC-850 được khuyến dùng cho các ký tự vẽ đường nét. Cài đặt mặc định là PC-8 .
NÓI LỆNH VỀ ĐẦU DÒNG VÀO LỆNH CHUYỂN DÒNG	KHÔNG* CÓ	Chọn CÓ để nói lệnh quay về đầu dòng vào mỗi lệnh chuyển dòng mà sản phẩm đã gặp phải trong những lệnh in PCL tương tích ngược (vấn bản thuần túy, không có kiểm soát lệnh in). Một số môi trường chỉ báo một dòng mới bằng cách chỉ sử dụng mã điều khiển chuyển dòng. Sử dụng tùy chọn này để nói lệnh quay về đầu dòng bắt buộc vào mỗi lệnh chuyển dòng.
BỎ TRANG ĐỂ TRỐNG	KHÔNG* CÓ	Khi tạo PCL của riêng bạn, các lệnh cưỡng bức phụ sẽ được tạo kèm theo làm cho máy in ra một trang để trống. Chọn CÓ để bỏ qua các lệnh cưỡng bức nếu trang bị để trống.

Mục	Giá trị	Mô tả
SẮP XẾP NGUỒN PHƯƠNG TIỆN		Lệnh SẮP XẾP NGUỒN PHƯƠNG TIỆN của PCL5 chọn một khay tiếp giấy bằng một số khớp với các khay và khay tiếp giấy khả dụng khác nhau.
	CHUẨN*	Việc đánh số được dựa trên các máy in HP LaserJet mới hơn có các thay đổi được cập nhật với việc đánh số các khay và khay tiếp giấy.
	CÓ ĐIỀN	Việc đánh số được dựa trên các máy in HP LaserJet 4 và các kiểu cũ hơn.

Menu Chất lượng In

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó chọn menu **CHẤT LƯỢNG IN**.

 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiển thị các mục menu không có giá trị mặc định.


Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
ĐIỀU CHỈNH MÀU	TÔ SÁNG	Phạm vi từ +5 đến -5. Giá trị mặc định là 0.	Điều chỉnh độ đậm hoặc độ sáng của các vùng tô sáng trên trang được in. Các giá trị thấp hơn thể hiện các vùng tô sáng sáng hơn trên một trang được in, và các giá trị cao hơn thể hiện các vùng tô sáng đậm hơn trên trang được in.
	• MẶT ĐỘ XANH LÁ MẠ		
	• MẶT ĐỘ ĐỎ TƯƠI		
	• MẶT ĐỘ VÀNG		
	• MẶT ĐỘ ĐEN		
	TÔNG MÀU TRUNG	Phạm vi từ +5 đến -5. Giá trị mặc định là 0.	Điều chỉnh độ đậm hoặc độ sáng của các tông màu trung trên trang được in. Các giá trị thấp hơn thể hiện các tông màu trung sáng hơn trên một trang được in, và các giá trị cao hơn thể hiện các tông màu trung đậm hơn trên trang được in.
	• MẶT ĐỘ XANH LÁ MẠ		
	• MẶT ĐỘ ĐỎ TƯƠI		
	• MẶT ĐỘ VÀNG		
	• MẶT ĐỘ ĐEN		
	BÓNG	Phạm vi từ +5 đến -5. Giá trị mặc định là 0.	Điều chỉnh độ đậm hoặc độ sáng của các bóng trên trang được in. Các giá trị thấp hơn thể hiện các bóng sáng hơn trên một trang được in, và các giá trị cao hơn thể hiện các bóng đậm hơn trên trang được in.
	• MẶT ĐỘ XANH LÁ MẠ		
	• MẶT ĐỘ ĐỎ TƯƠI		
• MẶT ĐỘ VÀNG			
• MẶT ĐỘ ĐEN			
	KHÔI PHỤC CÁC GIÁ TRỊ MÀU		Khôi phục cài đặt màu bằng cách xác lập lại các giá trị mặt độ của mỗi màu.
ĐẶT ĐĂNG KÝ			Với mỗi khay, cài đặt dịch chuyển đăng ký đóng lề trang thành đóng giữa hình ảnh trên trang, tính từ trên xuống dưới và từ trái sang phải. Bạn cũng có thể đóng hình ảnh in ra ở mặt trước với hình ảnh in ra ở mặt sau.


Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
	ĐIỀU CHỈNH KHAY <X>	Dịch chuyển từ -20 đến 20 Dọc trục X hoặc Y. 0 là giá trị mặc định.	Thực hiện các bước đóng lề cho mỗi khay. Khi tạo một hình, sản phẩm sẽ quét dọc trang từ bên này sang bên kia khi giấy được nạp vào sản phẩm từ trên xuống dưới.
		IN TRANG KIỂM TRA	In trang thử cho cài đặt đăng ký.
		DỊCH CHUYỂN X1 DỊCH CHUYỂN Y1 DỊCH CHUYỂN X2 DỊCH CHUYỂN Y2	Hướng quét được đề cập đến như là X. X1 là hướng quét cho trang in một mặt hoặc cho mặt đầu tiên của trang in hai mặt. X2 là hướng quét cho mặt thứ hai của trang in hai mặt. Hướng nạp giấy được đề cập đến như là Y. Y1 là hướng nạp cho trang in một mặt hoặc cho mặt đầu tiên của trang in hai mặt. Y2 là hướng nạp cho mặt thứ hai của trang in hai mặt.
CHẾ ĐỘ TỰ ĐỘNG NHẬN BIẾT	NHẬN BIẾT KHAY 1	NHẬN BIẾT ĐẦY ĐỦ (mặc định) Chỉ phim trong suốt	Đặt tùy chọn cảm biến cho Khay 1 với các loại giấy sử dụng chế độ TỰ ĐỘNG NHẬN BIẾT . Khi NHẬN BIẾT ĐẦY ĐỦ được chọn, sản phẩm sẽ nhận biết từng trang và chuyển chế độ tùy theo. Sản phẩm có thể phân biệt phim trong suốt với các loại giấy khác. Khi Chỉ phim trong suốt được chọn, sản phẩm sẽ chỉ nhận biết trang đầu tiên. Sản phẩm có thể phân biệt phim trong suốt với các loại giấy khác.
CHẾ ĐỘ IN	Danh sách các loại giấy sẽ hiển thị.	Danh sách các chế độ in sẽ hiển thị.	Cấu hình chế độ in được kết hợp với mỗi loại phương tiện.
	CHẾ ĐỘ KHÔI PHỤC		Sử dụng tính năng này để đưa tất cả cài đặt chế độ theo loại giấy về cài đặt mặc định ban đầu.
TỐI ƯU HÓA	Danh sách các tùy chọn khả dụng sẽ hiển thị.		Cho phép bạn tối ưu hóa các chế độ in khác nhau để giải quyết các vấn đề về chất lượng in.
	KHÔI PHỤC TỐI ƯU HÓA		Sử dụng tính năng này để đưa tất cả cài đặt trong menu TỐI ƯU HÓA về cài đặt mặc định ban đầu.
HIỆU CHỈNH NHANH NGAY BÂY GIỜ			Thực hiện hiệu chỉnh một phần sản phẩm.
HIỆU CHỈNH TOÀN BỘ NGAY BÂY GIỜ			Thực hiện hiệu chỉnh toàn phần sản phẩm.
LÀM CHẬM HIỆU CHỈNH KHI ĐÁNH THỨC/BẬT MÁY		KHÔNG CÓ*	Menu này kiểm soát thời điểm hiệu chỉnh khi sản phẩm được đánh thức hoặc khi bật. <ul style="list-style-type: none">Chọn KHÔNG để hiệu chỉnh sản phẩm ngay lập tức khi được đánh thức hoặc bật. Sản phẩm sẽ không in bất kỳ lệnh in nào cho tới khi kết thúc hiệu chỉnh.Chọn CÓ để cho phép một sản phẩm đang ở chế độ nghỉ chấp nhận các lệnh in trước khi hiệu chỉnh. Nó có thể bắt đầu hiệu chỉnh trước khi in xong tất cả các lệnh in đã nhận. Tùy chọn này cho phép in nhanh hơn khi thoát khỏi chế độ nghỉ hoặc khi bật sản phẩm, nhưng chất lượng in có thể kém hơn.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
			<p>GHI CHÚ: Để có kết quả tốt nhất, hãy để sản phẩm hiệu chỉnh trước khi in. Những lệnh in được thực hiện trước khi hiệu chỉnh có thể không có được chất lượng cao nhất.</p>
ĐỘ PHÂN GIẢI		Image REt 3600* 1200x600 dpi	Đặt độ phân giải mà sản phẩm sẽ in ra. Giá trị mặc định là Image REt 3600 . Hãy thử cài đặt 1200x600 dpi để cải thiện việc in tác phẩm dạng đồng kê chi tiết hoặc văn bản nhỏ.
KIỂM SOÁT CẠNH		TẮT NHẬT THƯỜNG* TỐI ĐA	<p>Cài đặt Edge Control (Kiểm soát Cạnh) xác định cách render các cạnh. Kiểm soát cạnh có hai thành phần: bẫy và bán sắc thích ứng. Bán sắc thích ứng tăng độ sắc của cạnh. Bẫy giảm hiệu ứng của sự đăng ký sai mặt phẳng màu bằng cách chồng một chút lên các cạnh của các đối tượng gần kề.</p> <ul style="list-style-type: none"> ● TẮT sẽ tắt cả bẫy và bán sắc thích ứng bật. ● NHẬT đặt bẫy ở mức tối thiểu và bán sắc thích ứng bật. ● THƯỜNG là cài đặt bẫy mặc định. Bẫy ở mức trung bình và bán sắc thích ứng bật. ● TỐI ĐA là cài đặt bẫy mạnh nhất. Bán sắc thích ứng bật.
TỰ ĐỘNG LAU DỌN		TẮT* BẬT	Khi tự động lau dọn được bật, sản phẩm sẽ in một trang trang lau dọn khi số đếm trang đạt tới cài đặt KHOẢNG THỜI GIAN LAU DỌN .
KHOẢNG THỜI GIAN LAU DỌN		500* 1000 2000 5000 10000 20000	Khi TỰ ĐỘNG LAU DỌN được bật, tùy chọn này xác định số trang được in trước khi một trang lau dọn tự động được in.
KÍCH THƯỚC TỰ ĐỘNG LAU DỌN		LETTER* A4	Khi TỰ ĐỘNG LAU DỌN được bật, tùy chọn này xác định khổ giấy được sử dụng để in trang lau dọn.
TẠO TRANG LAU DỌN			<p>In một trang hướng dẫn lau dọn bột mực thừa trên trực nạp áp suất trong cuộn sấy.</p> <p>GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ khả dụng trên máy in HP Color LaserJet CP3525 và máy in HP Color LaserJet CP3525n.</p>
XỬ LÝ TRANG LAU DỌN			<p>Cho phép bạn tạo và xử lý một trang lau dọn để lau dọn trực nạp áp suất trong cuộn sấy. Khi thực hiện quá trình lau dọn, một trang lau dọn sẽ được in ra. Trang này có thể bỏ đi.</p> <p>GHI CHÚ: Đối với máy in HP Color LaserJet CP3525 và máy in HP Color LaserJet CP3525n, trước tiên bạn phải chọn tùy chọn TẠO TRANG LAU DỌN.</p>

Mục nhập cài đặt hệ thống

Sử dụng menu **CÀI ĐẶT HỆ THỐNG** để thay đổi sản phẩm - các giá trị cấu hình mặc định như là chế độ nghỉ, đặc tính sản phẩm (ngôn ngữ), và khắc phục kẹt giấy.

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó chọn menu **CÀI ĐẶT HỆ THỐNG**.

 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiển thị các mục menu không có giá trị mặc định.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
NGÀY/GIỜ	NGÀY	---/[MMM]/[DD] NĂM = [YYYY]/--/[DD] THÁNG= [YYYY]/[MMM]/- DAY=	Cho phép bạn đặt ngày chính xác. Phạm vi năm là từ 2008 đến 2037.
	ĐỊNH DẠNG NGÀY	YYYY/MMM/DD* MMM/DD/YYYY DD/MMM/YYYY	Cho phép bạn chọn thứ tự hiển thị năm, tháng, và ngày.
	GIỜ	--:[MM] [PM] GIỜ = [HH]: -- [PM] PHÚT= [HH]:[MM] -- AM/PM=	Cho phép bạn chọn từ các cấu hình khác nhau cho định dạng GIỜ . Các thuật sĩ khác nhau sẽ hiển thị tùy thuộc vào ĐỊNH DẠNG GIỜ được chọn.
	ĐỊNH DẠNG GIỜ	12 GIỜ* 24 GIỜ	Cho phép bạn chọn định dạng 12 GIỜ hoặc 24 GIỜ .
GIỚI HẠN LƯU TRỮ LỆNH IN		Giá trị liên tục Phạm vi: 1–100 Mặc định = 32	Cho phép bạn xác định số lệnh in Sao chép Nhanh có thể được lưu trên sản phẩm. Giá trị mặc định là 32. Giá trị tối đa cho phép là 100.
THỜI GIAN CHỜ GIỮ LỆNH IN		TẮT* 1 GIỜ 4 GIỜ 1 NGÀY 1 TUẦN	Cho phép bạn đặt khoảng thời gian giữ lại các lệnh in Sao chép Nhanh trước khi tự động xóa khỏi hàng chờ. Mục menu này chỉ hiển thị khi laptop ở cứng.
HIỂN THỊ ĐỊA CHỈ		TỰ ĐỘNG TẮT*	Mục này xác định việc hiển thị hoặc không hiển thị địa chỉ IP của sản phẩm trên màn hình cùng với thông báo Sẵn sàng .
HẠN CHẾ SỬ DỤNG MÀU		BẬT MÀU*	Vô hiệu hoặc hạn chế việc sử dụng màu. Xem Hạn chế sử dụng màu thuộc trang 118 .
		MÀU NẾU ĐƯỢC CHO PHÉP	
		TẮT MÀU	Để sử dụng cài đặt MÀU NẾU ĐƯỢC CHO PHÉP , hãy cài đặt việc cho phép người sử dụng từ máy chủ Web nhúng, HP Easy Printer Care, hoặc Web Jetadmin.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
			Xem Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows thuộc trang 53 .
HỘP MỤC HỖN HỢP ĐEN/MÀU		TỰ ĐỘNG* HÀU HẾT CÁC TRANG MÀU HÀU HẾT CÁC TRANG MÀU ĐEN	Mục menu này thiết lập cách sản phẩm chuyển từ chế độ màu sang đen trắng để có hiệu suất tối ưu và để kéo dài tuổi thọ của hộp mực in. TỰ ĐỘNG xác lập lại sản phẩm về cài đặt mặc định ban đầu. Chọn HÀU HẾT CÁC TRANG MÀU nếu hầu hết các lệnh in của bạn là in màu với diện phủ trang cao. Chọn HÀU HẾT CÁC TRANG MÀU ĐEN nếu bạn in hầu hết các lệnh in ở chế độ đen trắng, hoặc kết hợp các lệnh in màu và đen trắng.
CÁCH XỬ LÝ KHAY			Sử dụng menu này để kiểm soát cách sản phẩm quản lý các khay giấy và các lời nhắc liên quan trên panen điều khiển.
	SỬ DỤNG KHAY ĐƯỢC YÊU CẦU	DÀNH RIÊNG* ĐẦU TIÊN	SỬ DỤNG KHAY ĐƯỢC YÊU CẦU quản lý các lệnh in đã xác định một khay tiếp giấy cụ thể. Có hai tùy chọn: <ul style="list-style-type: none">● DÀNH RIÊNG: Sản phẩm không bao giờ chọn một khay khác khi người sử dụng đã cho biết rằng cần sử dụng một khay cụ thể, ngay cả khi khay này không có giấy.● ĐẦU TIÊN: Sản phẩm có thể sử dụng giấy từ một khay khác nếu khay đã xác định hết giấy, mặc dù người sử dụng đã xác định riêng một khay cho lệnh in này.
	NHẮC TIẾP GIẤY THỦ CÔNG	LUÔN LUÔN* TRỪ KHI ĐƯỢC NẠP	Tùy chọn này kiểm soát việc hiển thị hoặc không hiển thị thông báo tiếp giấy thủ công khi loại hoặc kích thước cho một lệnh in không khớp với kích thước hoặc kiểu đã được cấu hình cho Khay 1. Có hai tùy chọn: <ul style="list-style-type: none">● LUÔN LUÔN: Một thông báo nhắc nhở luôn hiển thị trước khi in một lệnh in tiếp giấy thủ công.● TRỪ KHI ĐƯỢC NẠP: Một thông báo sẽ chỉ xuất hiện nếu khay đa năng hết giấy hoặc không khớp với kích thước hoặc loại của lệnh in.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
	PS TUÂN THEO PHƯƠNG TIỆN	ĐÃ BẬT* ĐÃ TẮT	<p>Tùy chọn này ảnh hưởng tới cách quản lý giấy khi in từ trình điều khiển in Adobe PS.</p> <ul style="list-style-type: none"> ● ĐÃ BẬT sử dụng kiểu quản lý giấy của HP. ● ĐÃ TẮT sử dụng kiểu quản lý giấy Adobe PS.
	THÔNG BÁO NHẮC DẠNG/ KÍCH THƯỚC	HIỂN THỊ* KHÔNG HIỂN THỊ	<p>Tùy chọn này kiểm soát việc hiển thị hoặc không hiển thị thông báo cấu hình khay bất cứ khi nào đóng một khay. Có hai tùy chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● HIỂN THỊ: Tùy chọn này hiển thị thông báo cấu hình khay khi đóng một khay. Bạn có thể cấu hình kích thước hoặc loại khay trực tiếp từ thông báo này. ● KHÔNG HIỂN THỊ: Tùy chọn này không cho tự động hiển thị thông báo cấu hình khay.
	SỬ DỤNG KHAY KHÁC	ĐÃ BẬT* ĐÃ TẮT	<p>Tùy chọn này bật hoặc tắt thông báo trên panen điều khiển nhắc của chọn một khay khác khi khay đã xác định hết giấy. Có hai tùy chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● ĐÃ BẬT: Khi chọn tùy chọn này, người sử dụng sẽ được nhắc thêm giấy vào khay đã chọn hoặc chọn một khay khác. ● ĐÃ TẮT: Khi tùy chọn này được chọn, người sử dụng sẽ không được cung cấp tùy chọn chọn một khay khác. Sản phẩm sẽ nhắc người sử dụng thêm giấy vào khay được chọn ban đầu.
	CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC	BẬT TẮT*	<p>Tùy chọn này cho phép bạn nạp giấy tiêu đề thư hoặc giấy in sẵn theo cùng một cách cho mọi lệnh in, bất kể in một mặt hay hai mặt. Để biết thêm thông tin, xem Định hướng giấy khi nạp khay giấy thuộc trang 81.</p>

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
	TRANG ĐỂ TRÓNG KHI IN HAI MẶT	TỰ ĐỘNG* CÓ	<p>Tùy chọn này kiểm soát cách sản phẩm quản lý các lệnh in hai mặt. Có hai tùy chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> TỰ ĐỘNG bật tính năng In Hai mặt Thông minh, tính năng này lệnh cho sản phẩm không xử lý cả hai mặt nếu mặt thứ hai để trống. Tính năng này sẽ cải thiện tốc độ in. CÓ tắt tính năng In Hai mặt Thông minh và buộc phụ kiện in hai mặt lật trang giấy kể cả khi chỉ in một mặt. <p>GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ khả dụng trên máy in HP Color LaserJet CP3525dn hoặc máy in HP Color LaserJet CP3525x.</p>
THỜI GIAN HOÃN CHẾ ĐỘ NGHỈ		1 PHÚT 15 PHÚT* 30 PHÚT 45 PHÚT 60 PHÚT 90 PHÚT 2 GIỜ 4 GIỜ	Giảm lượng điện tiêu thụ khi sản phẩm không hoạt động trong một khoảng thời gian đã chọn.
THỜI GIAN ĐÁNH THỨC	<NGÀY TRONG TUẦN>	TẮT* TÙY CHỈNH	Cho phép bạn cấu hình thời gian đánh thức hàng ngày cho sản phẩm để tránh thời gian khởi động hoặc hiệu chỉnh. Chọn một ngày trong tuần và sau đó chọn TÙY CHỈNH . Đặt thời gian đánh thức cho ngày đó, và sau đó chọn áp dụng hoặc không áp dụng thời gian đánh thức này cho tất cả các ngày trong tuần.
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG/TỐC ĐỘ TỐI ƯU		IN TRANG ĐẦU TIÊN NHANH HƠN* TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG	<p>Kiểm soát cách hoạt động của việc làm nguội cuộn sấy.</p> <p>Nếu IN TRANG ĐẦU TIÊN NHANH HƠN được chọn, cuộn sấy sẽ không được phép nguội xuống, và trang đầu tiên được xử lý nhanh hơn cho bất kỳ lệnh in mới nào được gửi đến máy in.</p> <p>Nếu TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG được chọn, cuộn sấy được phép nguội xuống tự nhiên. Tốc độ in trang đầu tiên sẽ giảm tùy thuộc vào việc cuộn sấy đã ở chế độ chờ trong bao lâu.</p>

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
ĐỘ SÁNG MÀN HÌNH		Phạm vi từ -10 đến 10.	Đặt độ sáng màn hình của panen điều khiển. Giá trị mặc định là 0.
ĐẶC TÍNH	TỰ ĐỘNG* PCL PDF PS		Đặt đặc tính mặc định để tự động chuyển đổi giữa các chế độ PCL, PDF, hoặc PS.
CẢNH BÁO CÓ THỂ XÓA ĐI	LỆNH IN* BẬT		Đặt xóa hoặc không xóa một cảnh báo trên panen điều khiển hoặc khi một lệnh in khác được gửi.
TỰ ĐỘNG TIẾP TỤC	TẮT BẬT*		Xác định cách hoạt động của sản phẩm khi hệ thống tạo ra một lỗi Liên tục Tự động.
THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP			<p>Đặt cách hoạt động của sản phẩm khi một mục nguồn cung cấp sắp hết.</p> <p>Sản phẩm sẽ hiển thị thông báo "Đặt mua nguồn cung cấp" khi một mục nguồn cung cấp sắp hết và thông báo "Thay nguồn cung cấp" khi một mục nguồn cung cấp đã hết. Để đảm bảo chất lượng in tối ưu, HP khuyến bạn nên thay mục nguồn cung cấp khi thông báo "Thay nguồn cung cấp" hiển thị. Nguồn cung cấp không phải thay ngay tại thời điểm này trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Việc in ngoài điểm này có thể thực hiện được bằng cách sử dụng GHI ĐỀ KHI HẾT MỤC 1 hoặc GHI ĐỀ KHI HẾT MỤC 2. Tùy chọn Ghi đề cho phép sản phẩm tiếp tục sử dụng một mục nguồn cung cấp đã hết.</p>
		DỪNG KHI GẦN HẾT MỤC*	Chọn DỪNG KHI GẦN HẾT MỤC để dừng in khi một nguồn cung cấp sắp hết.
		DỪNG KHI HẾT MỤC	Chọn DỪNG KHI HẾT MỤC để dừng in khi một nguồn cung cấp đã hết. Việc in ngoài điểm này có thể thực hiện được bằng cách sử dụng GHI ĐỀ KHI HẾT MỤC 1 hoặc GHI ĐỀ KHI HẾT MỤC 2 . Nguồn cung cấp không cần thay thế ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.
		GHI ĐỀ KHI HẾT MỤC 1 GHI ĐỀ KHI HẾT MỤC 2	Chọn GHI ĐỀ KHI HẾT MỤC 1 để cho phép sản phẩm tiếp tục in khi các mục nguồn cung cấp, ngoài bộ thu gom bột mực, đã hết. Sử dụng tùy chọn này cuối cùng rồi cũng sẽ cho ra chất lượng in không thể chấp nhận được. Hãy xem xét

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
			<p>chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để có thể sử dụng ngay khi chất lượng in trở nên không chấp nhận được.</p> <p>Chọn GHI ĐÈ KHI HẾT MỰC 2 để cho phép sản phẩm tiếp tục in khi bất kỳ nguồn cung cấp màu nào đã vượt quá khả năng ước tính, bao gồm cả bộ thu gom bột mực. Bạn không nên sử dụng tùy chọn này để tránh nguy cơ làm tràn bộ thu gom bột mực, tình trạng này có thể dẫn đến việc cần phải sửa chữa máy in.</p> <p>Thông tin về bột mực còn lại không khả dụng khi in ở chế độ Ghi đề.</p> <p>Sau khi nguồn cung cấp HP đã đã hết, Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp này cũng sẽ hết hiệu lực. Để biết thông tin về chế độ Bảo hành, xem Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực thuộc trang 218.</p> <p>Tùy chọn Ghi đề có thể được bật hoặc tắt bất cứ lúc nào, và không phải bật lại cho mỗi mực nguồn cung cấp. Sản phẩm sẽ tự động tiếp tục in khi một mực nguồn cung cấp đã hết. Thông báo “Đang Sử dụng Ghi đề Thay Nguồn cung cấp” sẽ hiển thị trên panen điều khiển trong khi một nguồn cung cấp được sử dụng ở chế độ Ghi đề. Khi mực nguồn cung cấp được thay bằng một nguồn cung cấp mới, tính năng Ghi đề sẽ được hủy kích hoạt cho tới khi một mực nguồn cung cấp khác hết.</p>
		GIỚI HẠN TRANG Phạm vi từ 0 đến 100000.	Menu này hiển thị nếu bạn chọn YES, USE OVERRIDE (CÓ, SỬ DỤNG GHI ĐÈ) cho tùy chọn Ghi đề. Chọn số trang mà sản phẩm sẽ tiếp tục in ở chế độ ghi đề. Giá trị mặc định là 1500.
THÔNG TIN NGUỒN CUNG CẤP	SỐ TRANG CÒN LẠI THÔNG BÁO ĐẶT MUA ĐO MỨC	BẬT* TẮT	<p>Khi SỐ TRANG CÒN LẠI được đặt là TẮT, phần còn lại của các trang của thông báo nguồn cung cấp sẽ bị bỏ qua</p> <p>Khi THÔNG BÁO ĐẶT MUA được đặt là TẮT, thông báo đặt mua nguồn cung cấp sẽ không hiển thị.</p> <p>Khi ĐO MỨC được đặt là TẮT, thanh tình trạng nguồn cung cấp sẽ không hiển thị.</p>
ĐẶT MUA TẠI		PHẠM VI=0-100%	Người sử dụng có thể đặt phần trăm còn lại của nguồn cung cấp


Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
			<p>mà tới ngưỡng đó thông báo “Đặt mua” sẽ hiển thị.</p> <p>Cài đặt mặc định phụ thuộc vào hộp mực in màu đen nào được lắp. Nếu hộp mực đen có khả năng in chuẩn được lắp, cài đặt mặc định là 8%. Nếu hộp mực đen có khả năng in cao được lắp, cài đặt mặc định là 7%.</p>
HẾT NGUỒN CUNG CẤP MÀU		DỪNG* TỰ ĐỘNG TIẾP TỤC MÀU ĐEN	<p>Đặt cách hoạt động của sản phẩm khi một nguồn cung cấp màu hết mực.</p> <p>Khi sản phẩm được đặt là DỪNG, thông báo THAY HỘP MỰC <COLOR> hoặc THAY CÁC NGUỒN CUNG CẤP sẽ hiển thị khi một hoặc nhiều nguồn cung cấp màu hết mực.</p> <p>Khi sản phẩm được đặt là TỰ ĐỘNG TIẾP TỤC MÀU ĐEN, sản phẩm sẽ tiếp tục in bằng chỉ bột mực đen.</p>
KHÔI PHỤC GIẤY KẸT		TỰ ĐỘNG* TẮT BẬT	<p>Đặt sản phẩm nhắc hoặc không nhắc in lại trang sau khi bị kẹt. Nếu bạn chọn TỰ ĐỘNG, sản phẩm sẽ in lại trang nếu có đủ bộ nhớ để in hai mặt ở tốc độ đầy đủ.</p>
ĐĨA RAM		TỰ ĐỘNG* TẮT	<p>Đặt cách lập cấu hình tính năng đĩa RAM. Tùy chọn này chỉ khả dụng nếu không lắp ổ cứng và máy in có ít nhất 8 MB bộ nhớ.</p> <p>Nếu cài đặt TỰ ĐỘNG được bật, sản phẩm sẽ xác định kích cỡ đĩa RAM tối ưu dựa vào lượng bộ nhớ còn trống.</p> <p>Nếu cài đặt TẮT được bật, đĩa RAM sẽ bị vô hiệu, nhưng một đĩa RAM tối thiểu vẫn hoạt động.</p>
NGÔN NGỮ		Danh sách các ngôn ngữ khả dụng sẽ hiển thị.	Đặt ngôn ngữ mặc định. Ngôn ngữ mặc định là TIẾNG ANH .

I/O menu

Các mục trong menu I/O (vào/ra) ảnh hưởng đến việc truyền tín hiệu giữa sản phẩm và máy tính. Nếu sản phẩm có máy chủ in HP Jetdirect, bạn có thể lập cấu hình các thông số mạng bằng cách sử dụng menu phụ này. Bạn cũng có thể lập cấu hình những thông số này và các thông số khác thông qua máy chủ Web nhúng hoặc HP Web Jetadmin.

Để biết thêm thông tin về các tùy chọn này, xem [Cấu hình mạng thuộc trang 67](#).

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó chọn menu **I/O**.

 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiện thị các mục menu không có giá trị mặc định.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
THỜI GIAN CHỜ I/O		Phạm vi: 5 - 300	<p>Cho phép bạn đặt THỜI GIAN CHỜ I/O của sản phẩm theo giây. Giá trị mặc định là 15 giây.</p> <p>Sử dụng cài đặt này để điều chỉnh thời gian chờ để đạt hiệu suất hoạt động tốt nhất. Nếu dữ liệu từ cổng khác xuất hiện khi bạn đang thực hiện lệnh in, hãy tăng giá trị của thời gian chờ.</p>

MENU JETDIRECT CÀI SẴN Xem danh sách các tùy chọn trong bảng tiếp theo.

Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
THÔNG TIN	IN GIAO THỨC		CÓ	Sử dụng mục này để in trang liệt kê cấu hình các giao thức sau: IPX/SPX, Novell NetWare, AppleTalk, DLC/LLC.
			KHÔNG*	
	IN TRANG BẢO MẬT		CÓ*	CÓ: In trang có thông tin về các cài đặt an toàn hiện tại trên máy chủ in HP Jetdirect.
			KHÔNG	KHÔNG: Không in ra trang cài đặt an toàn.
TCP/IP	BẬT		BẬT*	BẬT: Cho phép giao thức TCP/IP.
			TẮT	TẮT: Không cho phép giao thức TCP/IP.
	TÊN MÁY CHỦ			Chuỗi chữ và số, tối đa là 32 ký tự, được dùng để nhận dạng sản phẩm. Tên này sẽ được liệt kê trên trang cấu hình HP Jetdirect. Tên máy chủ mặc định là NPIxxxxxx, trong đó xxxxxx là sáu chữ số cuối cùng của địa chỉ phần cứng mạng LAN (địa chỉ MAC).
	CÀI ĐẶT IPV4	PHƯƠNG PHÁP CẤU HÌNH	BOOTP	Xác định cách thức lập cấu hình các thông số TCP/IPv4 trên máy chủ in HP Jetdirect.
			DHCP	Sử dụng BOOTP (Giao thức Tự mời) để tự động cấu hình từ máy chủ BootP.
			IP TỰ ĐỘNG	Sử dụng DHCP (Giao thức Cấu hình Máy chủ Động) để tự động cấu hình từ máy chủ DHCPv4. Nếu được chọn và thuê DHCP tồn tại, menu THUÊ DHCP và GIA HẠN DHCP sẽ khả dụng để đặt các tùy chọn thuê DHCP.
			THỦ CÔNG	Sử dụng IP TỰ ĐỘNG để tự động ghi địa chỉ IPv4 liên kết nội bộ. Máy sẽ tự động gán địa chỉ theo dạng 169.254.x.x.
				Nếu bạn đặt tùy chọn này là THỦ CÔNG , sử dụng menu CÀI ĐẶT THỦ CÔNG để cấu hình các thông số TCP/IPv4.
		CÀI ĐẶT THỦ CÔNG	ĐỊA CHỈ IP	(Chỉ có khi PHƯƠNG PHÁP CẤU HÌNH được đặt là THỦ CÔNG) Cấu hình các thông

Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng (còn tiếp)

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
			SUBNET MASK	số trực tiếp từ panen điều khiển của sản phẩm:
			CÔNG NỐI MẠC ĐỊNH	ĐỊA CHỈ IP: Địa chỉ IP riêng (n.n.n.n) của sản phẩm, trong đó n làm một giá trị trong khoảng từ 0 đến 255. SUBNET MASK: Subnet mask (n.n.n.n) của sản phẩm, trong đó n làm một giá trị trong khoảng từ 0 đến 255. CÔNG NỐI MẠC ĐỊNH: Địa chỉ IP của cổng nối hoặc bộ định tuyến được dùng khi truyền tín hiệu với các mạng khác.
	IP MẠC ĐỊNH	IP TỰ ĐỘNG*	DI SẢN	Xác định địa chỉ IP về mặc định khi máy chủ không thể lấy địa chỉ IP từ mạng máy tính trong khi tái lập cấu hình TCP/IP cưỡng bức (ví dụ: khi được lập cấu hình thủ công để sử dụng BootP hoặc DHCP). GHI CHÚ: Tính năng này gán một địa chỉ IP tĩnh có thể ảnh hưởng tới một mạng được quản lý. IP TỰ ĐỘNG: Địa chỉ IP liên kết địa phương được đặt là 169.254.x.x. DI SẢN: Địa chỉ được đặt là 192.0.0.192, phù hợp với các sản phẩm HP Jetdirect cũ hơn.
	THUÊ DHCP	KHÔNG*	CÓ	Menu này hiển thị nếu PHƯƠNG PHÁP CẤU HÌNH được đặt là DHCP và thuê DHCP cho máy chủ in tồn tại. KHÔNG: Thuê DHCP hiện thời được lưu. CÓ: Thuê DHCP hiện thời và địa chỉ IP được thuê đã được giải phóng.
	GIA HẠN DHCP	KHÔNG*	CÓ	Menu này hiển thị nếu PHƯƠNG PHÁP CẤU HÌNH được đặt là DHCP và thuê DHCP cho máy chủ in tồn tại. KHÔNG: Máy chủ in không yêu cầu gia hạn thuê DHCP. CÓ: Máy chủ in yêu cầu gia hạn thuê DHCP hiện thời.
		DNS CHÍNH		Xác định địa chỉ IP (n.n.n.n) của Máy chủ DNS Chính.
		DNS PHỤ		Xác định địa chỉ IP (n.n.n.n) của Máy chủ Hệ thống Tên Miền (DNS) Phụ.
CÀI ĐẶT IPV6	BẬT	BẬT	TẮT*	Sử dụng mục này để cho phép hoặc không cho phép IPv6 hoạt động trên máy chủ in. TẮT: IPv6 bị tắt. BẬT: IPv6 đã được bật.

Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng (còn tiếp)

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
		ĐỊA CHỈ	CÀI ĐẶT THỦ CÔNG <ul style="list-style-type: none"> BẬT ĐỊA CHỈ 	Sử dụng mục này để cho phép và lập cấu hình địa chỉ TCP/IPv6 theo cách thủ công. BẬT: Chọn BẬT để cho phép cấu hình thủ công, hoặc TẮT để không cho phép cấu hình thủ công. Cài đặt mặc định là TẮT . ĐỊA CHỈ: Sử dụng mục này để gõ địa chỉ nút IPv6 có 32 con số theo hệ thập lục phân, sử dụng cú pháp hai chấm cho hệ thập lục phân.
		CHÍNH SÁCH DHCPV6	BỘ ĐỊNH TUYẾN CHỈ ĐỊNH* KHÔNG SẴN CÓ BỘ ĐỊNH TUYẾN LUÔN LUÔN	BỘ ĐỊNH TUYẾN CHỈ ĐỊNH: Bộ định tuyến xác định phương pháp cấu hình tự động trạng thái (người dẫn: đối lập với cấu hình tự động phi trạng thái) được máy chủ in sử dụng. Bộ định tuyến xác định máy chủ in lấy địa chỉ của máy, thông tin cấu hình máy hoặc cả hai thông tin này từ máy chủ DHCPv6. KHÔNG SẴN CÓ BỘ ĐỊNH TUYẾN: Nếu không có bộ định tuyến, máy chủ in sẽ tìm cách lấy cấu hình trạng thái của máy từ máy chủ DHCPv6. LUÔN LUÔN: Cho dù có hay không có bộ định tuyến, máy chủ in sẽ luôn luôn tìm cách lấy cấu hình trạng thái của máy từ máy chủ DHCPv6.
		DNS CHÍNH		Sử dụng mục này để xác định địa chỉ IPv6 cho máy chủ DNS chính mà máy chủ in nên sử dụng.
		DNS PHỤ		Sử dụng mục này để xác định địa chỉ IPv6 cho máy chủ DNS phụ mà máy chủ in nên sử dụng.
	MÁY CHỦ PROXY			Xác định máy chủ proxy cần sử dụng bằng những ứng dụng cài sẵn có trong sản phẩm. Máy chủ proxy thường được các máy khách mạng sử dụng để truy cập Internet. Máy chủ lấy các trang Web, và cung cấp mức độ an toàn Internet cho các máy khách này. Để xác định máy chủ proxy, hãy nhập địa chỉ IPv4 của máy hoặc tên miền đầy đủ và đúng cú pháp. Tên có thể dài tối đa đến 255 nhóm, mỗi nhóm có tám ký tự. Đối với một số mạng, bạn có thể cần phải liên hệ với Nhà cung cấp Dịch vụ Internet (ISP) của bạn để biết địa chỉ máy chủ proxy.
	CỔNG PROXY			Gõ số cổng mà máy chủ proxy sử dụng dành cho hỗ trợ máy khách. Số cổng nhận dạng cổng được dùng cho hoạt động proxy trên mạng của bạn và có thể có giá trị từ 0 đến 65535.
	THỜI GIAN CHỜ NHÀN RỜI			THỜI GIAN CHỜ NHÀN RỜI: Khoảng thời gian, tính bằng giây, sau khi đóng kết nối dữ liệu in TCP nhàn rỗi (giá trị mặc định là 270 giây, giá trị 0 sẽ tắt tính năng thời gian chờ).

Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng (còn tiếp)

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
IPX/SPX	BẬT		BẬT*	BẬT: Cho phép giao thức IPX/SPX.
			TẮT	TẮT: Không cho phép giao thức IPX/SPX.
	DẠNG KHUNG		TỰ ĐỘNG*	Chọn cài đặt kiểu khung cho mạng của bạn.
			EN_8023	TỰ ĐỘNG: Tự động đặt và giới hạn kiểu khung cho mạng đầu tiên được dò tìm thấy. EN_8023, EN_II, EN_8022, và EN_SNAP là các lựa chọn kiểu khung cho mạng Ethernet
			EN_II	
	EN_8022			
		EN_SNAP		
APPLETALK	BẬT		BẬT*	Cấu hình mạng AppleTalk.
			TẮT	
DLC/LLC	BẬT		BẬT*	BẬT: Cho phép giao thức DLC/LLC.
			TẮT	TẮT: Không cho phép giao thức DLC/LLC.
BẢO MẬT	TRUY CẬP WEB BẢO MẬT		HTTPS BẮT BUỘC*	<p>Để quản lý cấu hình, hãy xác định máy chủ Web nhúng sẽ chấp nhận việc truyền tín hiệu chỉ sử dụng giao thức HTTP (HTTP An toàn) hay cả giao thức HTTP lẫn HTTPS.</p> <p>HTTPS BẮT BUỘC: Chỉ chấp nhận truy cập HTTPS khi truyền tín hiệu đã mã hóa và an toàn. Máy chủ in sẽ xuất hiện ở dạng trang an toàn.</p> <p>HTTPS TỰY CHỌN: Được phép truy cập sử dụng giao thức HTTP hoặc HTTPS.</p>
			HTTPS TỰY CHỌN	
	IPSEC		GIỮ	Xác định trạng thái IPsec trên máy chủ in.
		TẮT*	<p>GIỮ: Trạng thái IPsec vẫn giữ nguyên như đã được lập cấu hình hiện tại.</p> <p>TẮT: IPsec không được phép hoạt động trên máy chủ in.</p>	
	802.1X		XÁC LẬP LẠI	<p>Chọn xác lập lại hoặc không xác lập lại cài đặt 802.1X trên máy chủ in về cài đặt mặc định ban đầu.</p> <p>XÁC LẬP LẠI: Cài đặt 802.1X được xác lập lại về giá trị mặc định ban đầu.</p> <p>GIỮ: Cài đặt 802.1X vẫn giữ nguyên.</p>
		GIỮ*		
	XÁC LẬP LẠI BẢO MẬT		CÓ	<p>Xác định cài đặt an toàn hiện tại trên máy chủ in sẽ được lưu hoặc được xác lập lại về cài đặt mặc định của nhà sản xuất.</p> <p>CÓ: Xác lập lại cài đặt an toàn về cài đặt mặc định của nhà sản xuất.</p> <p>KHÔNG: Giữ cài đặt an toàn hiện tại.</p>
		KHÔNG*		
CHẨN ĐOÁN	KIỂM TRA CÀI SẴN			Menu này có các bài kiểm tra nhằm giúp chẩn đoán các vấn đề về kết nối mạng TCP/IP hoặc phần cứng mạng.

Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng (còn tiếp)

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
				<p>Những bài kiểm tra được cài sẵn này sẽ giúp bạn xác định lỗi mạng nằm bên trong hay bên ngoài sản phẩm. Sử dụng bài kiểm tra cài sẵn để kiểm tra các đường dẫn tín hiệu và phần cứng trên máy chủ in. Sau khi bạn chọn và cho phép kiểm tra và đặt thời gian chạy, bạn phải chọn CHẠY để bắt đầu bài kiểm tra.</p> <p>Tùy thuộc vào thời gian chạy, bài kiểm tra được chọn sẽ chạy liên tục cho đến khi tắt sản phẩm, hoặc xảy ra lỗi và sẽ in ra trang chẩn đoán.</p>
		KIỂM TRA PHẦN CỨNG MẠNG LAN	CÓ KHÔNG*	<p>THẬN TRỌNG: Khi chạy bài kiểm tra cài sẵn này, máy sẽ xóa cấu hình TCP/IP của bạn.</p> <p>Bài kiểm tra này thực hiện một cuộc kiểm tra lặp vòng bên trong. Việc kiểm tra lặp vòng bên trong sẽ gửi và nhận các gói dữ liệu chỉ ở trên phần cứng mạng bên trong. Không có việc truyền tín hiệu nào xảy ra bên ngoài mạng của bạn.</p> <p>Chọn CÓ để chọn bài kiểm tra này, hoặc chọn KHÔNG để không chọn bài kiểm tra này.</p>
		KIỂM TRA HTTP	CÓ KHÔNG*	<p>Bài kiểm tra này sẽ kiểm tra hoạt động của giao thức HTTP bằng cách gọi ra các trang đã được xác định trước từ trong sản phẩm, và kiểm tra máy chủ Web nhúng</p> <p>Chọn CÓ để chọn bài kiểm tra này, hoặc chọn KHÔNG để không chọn bài kiểm tra này.</p>
		KIỂM TRA SNMP	CÓ KHÔNG*	<p>Bài kiểm tra này sẽ kiểm tra hoạt động truyền tín hiệu SNMP bằng cách truy cập vào các đối tượng SNMP đã được xác định trước trên sản phẩm.</p> <p>Chọn CÓ để chọn bài kiểm tra này, hoặc chọn KHÔNG để không chọn bài kiểm tra này.</p>
		KIỂM TRA ĐƯỜNG DẪN DỮ LIỆU	CÓ KHÔNG*	<p>Bài kiểm tra này giúp bạn xác định đường dẫn dữ liệu và các sự cố hỏng hóc trong sản phẩm mô phỏng HP postscript cấp 3. Bài kiểm tra sẽ gửi một tệp PS được xác định trước đến sản phẩm. Tuy nhiên, do bài kiểm tra không cần giấy nên sẽ không in tệp.</p> <p>Chọn CÓ để chọn bài kiểm tra này, hoặc chọn KHÔNG để không chọn bài kiểm tra này.</p>
		CHỌN TẤT CẢ	CÓ KHÔNG*	<p>Sử dụng mục này để chọn tất cả các bài kiểm tra khả dụng.</p> <p>Chọn CÓ để chọn tất cả các bài kiểm tra. Chọn KHÔNG để chọn từng bài kiểm tra.</p>
		THỜI GIAN CHẠY [M]		<p>Sử dụng mục này để xác định độ dài khoảng thời gian (tính theo phút) sẽ chạy bài kiểm tra cài sẵn. Bạn có thể chọn giá trị từ 0 đến 24 phút. Nếu bạn chọn không (0), bài kiểm tra sẽ</p>

Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng (còn tiếp)

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
				chạy không ngừng cho đến khi xảy ra lỗi hoặc tắt sản phẩm. Máy sẽ in dữ liệu thu được từ các bài kiểm tra HTTP, SNMP và Data Path (Đường dẫn Dữ liệu) sau khi thực hiện xong bài kiểm tra.
		CHẠY	CÓ KHÔNG*	KHÔNG: Không bắt đầu các bài kiểm tra được chọn. CÓ: Bắt đầu các bài kiểm tra được chọn.
	KIỂM TRA PING			Dùng bài kiểm tra này để kiểm tra việc truyền tín hiệu mạng. Bài kiểm tra này sẽ gửi các gói dữ liệu mức liên kết đến máy chủ mạng từ xa, sau đó chờ tín hiệu trả lời phù hợp. Để chạy bài kiểm tra ping, hãy đặt các mục sau:
		DẠNG ĐÍCH	IPV4 IPV6	Xác định sản phẩm đích là nút IPv4 hay IPv6.
		IPV4 ĐÍCH		Gõ địa chỉ IPv4.
		IPV6 ĐÍCH		Gõ địa chỉ IPv6.
		KÍCH THƯỚC GÓI DỮ LIỆU		Xác định kích thước mỗi gói dữ liệu, tính theo byte, để gửi đến máy chủ từ xa. Giá trị nhỏ nhất là 64 (mặc định) và lớn nhất là 2048.
		THỜI GIAN CHỜ		Xác định độ dài khoảng thời gian, tính bằng giây, chờ tín hiệu trả lời từ máy chủ từ xa. Giá trị mặc định là 1 và lớn nhất là 100.
		SỐ ĐẾM		Xác định số lượng gói dữ liệu kiểm tra ping sẽ gửi đi đối với bài kiểm tra này. Chọn một giá trị từ 0 đến 100. Giá trị mặc định là 4. Để cấu hình bài kiểm tra để chạy liên tục, chọn 0.
		IN KẾT QUẢ	CÓ KHÔNG*	Nếu không đặt kiểm tra ping sao cho nó chạy liên tục, bạn có thể chọn in kết quả kiểm tra. Chọn CÓ để in kết quả kiểm tra. Nếu bạn chọn KHÔNG , máy sẽ không in ra kết quả.
		CHẠY	CÓ KHÔNG*	Xác định có bắt đầu kiểm tra ping hay không. Chọn CÓ để bắt đầu kiểm tra, hoặc KHÔNG để không chạy bài kiểm tra.
	KẾT QUẢ PING			Sử dụng mục này để xem tình trạng kiểm tra ping và xem kết quả bằng cách sử dụng màn hình của panen điều khiển. Bạn có thể chọn các mục sau:
		SỐ GÓI TIN ĐÃ GỬI		Hiển thị số lượng gói dữ liệu (0 - 65535) được gửi đến máy chủ từ xa kể từ khi phần lớn bài kiểm tra gần đây đã được bắt đầu hoặc đã hoàn thành. Giá trị mặc định là 0.
		SỐ GÓI TIN ĐÃ NHẬN		Hiển thị số lượng gói dữ liệu (0 - 65535) nhận được từ máy chủ từ xa kể từ khi phần lớn bài kiểm tra gần đây đã được bắt đầu hoặc đã hoàn thành. Giá trị mặc định là 0.

Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng (còn tiếp)

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
		TỶ LỆ PHẦN TRĂM BỊ MẤT		Hiển thị tỷ lệ phần trăm (0 đến 100) gói dữ liệu kiểm tra ping được gửi đi mà không có tín hiệu trả lời từ máy chủ từ xa kể từ khi phần lớn bài kiểm tra gần đây đã được bắt đầu hoặc đã hoàn thành. Giá trị mặc định là 0.
		RTT TỐI THIỂU		Hiển thị thời gian khứ hồi (RTT) nhỏ nhất đã phát hiện được, từ 0 đến 4096 mili giây, đối với truyền gói dữ liệu và tín hiệu trả lời. Giá trị mặc định là 0.
		RTT TỐI ĐA		Hiển thị thời gian khứ hồi (RTT) lớn nhất đã phát hiện được, từ 0 đến 4096 mili giây, đối với truyền gói dữ liệu và tín hiệu trả lời. Giá trị mặc định là 0.
		RTT TRUNG BÌNH		Hiển thị thời gian khứ hồi (RTT) trung bình đã phát hiện được, từ 0 đến 4096 mili giây, đối với truyền gói dữ liệu và tín hiệu trả lời. Giá trị mặc định là 0.
	ĐANG THỰC HIỆN PING		CÓ KHÔNG*	Hiển thị thông tin về việc kiểm tra ping. CÓ nghĩa là đang kiểm tra và KHÔNG nghĩa là đã kiểm tra xong hoặc không chạy bài kiểm tra.
	LÀM MỚI		CÓ KHÔNG*	Khi xem kết quả kiểm tra ping, mục này sẽ cập nhật dữ liệu của bài kiểm tra ping theo các kết quả hiện tại. Chọn CÓ để cập nhật dữ liệu, hoặc KHÔNG để lưu giữ dữ liệu hiện có. Tuy nhiên, máy sẽ tự động làm mới dữ liệu khi menu hết thời gian chờ hoặc khi bạn trở lại menu chính theo cách thủ công.
TỐC ĐỘ LIÊN KẾT			TỰ ĐỘNG* 10T BÁN PHẦN 10T TOÀN PHẦN 100TX BÁN PHẦN 100TX TOÀN PHẦN 100TX TỰ ĐỘNG 100TX TOÀN PHẦN	<p>Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với mạng. Cài đặt sẵn có sẽ xuất hiện tùy theo sản phẩm và máy chủ in đã được cài. Chọn một trong những cài đặt cấu hình liên kết sau:</p> <p>THẬN TRỌNG: Nếu bạn thay đổi cài đặt liên kết, việc truyền tín hiệu mạng với máy chủ in và sản phẩm mạng có thể bị mất.</p> <p>TỰ ĐỘNG: Máy chủ in sử dụng cơ chế thỏa thuận tự động để lập cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có. Nếu không thể tự động thỏa thuận, máy sẽ cài đặt 100TX BÁN PHẦN hoặc 10T BÁN PHẦN, tùy thuộc vào tốc độ liên kết được tìm thấy của cổng công tắc chuyển đổi/hub. (Không hỗ trợ lựa chọn bán song công 1000T.)</p> <p>10T BÁN PHẦN: Truyền bán song công, 10 Mbps.</p> <p>10T TOÀN PHẦN: Truyền song công, 10 Mbps.</p> <p>100TX BÁN PHẦN: Truyền bán song công, 100 Mbps.</p>


Bảng 2-1 Các menu EIO <X> Jetdirect và Jetdirect nhúng (còn tiếp)

Mục	Mục con	Mục con	Giá trị	Mô tả
				100TX TOÀN PHẦN: Truyền song công, 100 Mbps.
				100TX TỰ ĐỘNG: Giới hạn tự động thỏa thuận đến tốc độ liên kết tối đa là 100 Mbps.
				100TX TOÀN PHẦN: Truyền song công, 1000 Mbps.

Xác lập lại menu

Menu **XÁC LẬP LẠI** cho phép bạn xác lập lại cài đặt gốc, tắt và bật chế độ nghỉ, và cập nhật sản phẩm sau khi đã lắp các nguồn cung cấp mới.


Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó chọn menu **XÁC LẬP LẠI**.


 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiển thị các mục menu không có giá trị mặc định.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
KHÔI PHỤC CÀI ĐẶT GỐC			
			Cho phép bạn xóa bộ đệm trang, xóa tất cả các dữ liệu cá nhân có thể hỏng, xác lập lại môi trường, và đưa tất cả các cài đặt mặc định cài đặt về cài đặt mặc định gốc.
HIỆU CHỈNH XÁC LẬP LẠI			
			Xác lập lại các giá trị hiệu chỉnh trên bộ định dạng.
XÁC LẬP LẠI NGUỒN CUNG CẤP	BỘ CUỘN SẤY MỚI	KHÔNG* CÓ	Cho phép bạn xác lập lại số đếm bảo trì cuộn sấy sau khi cài đặt cuộn sấy mới.
CHẾ ĐỘ NGHỈ		TẮT BẬT*	Nếu CHẾ ĐỘ NGHỈ là TẮT , sản phẩm sẽ không bao giờ chuyển sang chế độ tiết kiệm và không có dấu hoa thị nào hiển thị cạnh bất kỳ mục nào khi người sử dụng vào mục menu THỜI GIAN HOÀN CHẾ ĐỘ NGHỈ .

Menu chẩn đoán

Menu **CHẨN ĐOÁN** cho phép bạn chạy các bài kiểm tra có thể giúp bạn xác định và giải quyết các vấn đề của sản phẩm.

Để hiển thị: Bấm nút **Menu** , và sau đó chọn menu **CHẨN ĐOÁN**.

 **GHI CHÚ:** Những giá trị có dấu hoa thị (*) là các giá trị mặc định gốc. Hiển thị các mục menu không có giá trị mặc định.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
IN NHẬT KÝ SỰ KIỆN			In một báo cáo có chứa 50 mục nhập mới nhất trong nhật ký sự kiện của sản phẩm, bắt đầu từ mục mới nhất.
HIỂN THỊ NHẬT KÝ SỰ KIỆN			Hiển thị 50 sự kiện gần đây nhất, bắt đầu từ sự kiện gần đây nhất.
XỬ LÝ SỰ CỐ PQ			In một trang có các hướng dẫn, các trang cho mỗi màu, trang demo, và trang cấu hình. Các trang này có thể giúp tách riêng các vấn đề về chất lượng in.
IN TRANG CHẨN ĐOÁN			In một trang có thể giúp chẩn đoán các vấn đề của sản phẩm.
TẮT KIỂM TRA HỘP MỰC			Mục này cho phép bạn tháo một hộp mực in để giúp xác định xem hộp mực nào là căn nguyên của vấn đề.
CẢM BIẾN ĐƯỜNG DẪN GIẤY			Thực hiện một kiểm tra trên mỗi cảm biến của sản phẩm để xác định xem chúng có hoạt động đúng không và hiển thị tình trạng của mỗi cảm biến.
KIỂM TRA ĐƯỜNG DẪN GIẤY			Kiểm tra các tính năng quản lý giấy của sản phẩm, chẳng hạn như cấu hình của các khay.
	IN TRANG KIỂM TRA		Tạo một trang để kiểm tra các tính năng quản lý giấy. Bạn phải xác định đường dẫn cho bài kiểm tra để kiểm tra các đường dẫn giấy cụ thể.
	NGUỒN	TẮT CẢ CÁC KHAY KHAY 1 KHAY 2* KHAY 3	Chọn in trang kiểm tra từ tất cả các khay hoặc từ một khay cụ thể.
	IN HAI MẶT	TẮT BẬT	Xác định kèm theo hoặc không kèm theo phụ kiện in hai mặt trong bài kiểm tra. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ khả dụng trên máy in HP Color LaserJet CP3525dn và máy in HP Color LaserJet CP3525x.

Mục	Mục con	Giá trị	Mô tả
	BẢN SAO	1* 10 50 100 500	Xác định số trang sẽ được gửi từ nguồn được xác định như một phần của bài kiểm tra.
KIỂM TRA CẢM BIẾN THỦ CÔNG			Thực hiện các bài kiểm tra để xác định xem các cảm biến đường dẫn có hoạt động đúng không.
KIỂM TRA CẢM BIẾN THỦ CÔNG 2			Thực hiện các bài kiểm tra bổ sung để xác định xem các cảm biến đường dẫn có hoạt động đúng không.
KIỂM TRA THÀNH PHẦN	Danh sách các thành phần hiện có sẽ xuất hiện.		Kích hoạt từng bộ phận độc lập để tách riêng bộ phận hoạt động ổn, rò rỉ, và các vấn đề phần cứng khác.
KIỂM TRA IN/DỪNG		Phạm vi 0 - 60.000 mili giây. Giá trị mặc định là 0.	Tách riêng các lỗi chất lượng in chính xác hơn bằng cách dừng sản phẩm ở giữa chu kỳ in, điều này cho phép bạn xem hình bắt đầu giảm chất lượng từ đâu. Điều này gây ra thông báo kẹt giấy có thể cần xử lý theo cách thủ công. Một đại diện bảo dưỡng cần thực hiện kiểm tra này.
KIỂM TRA DẢI MÀU	IN TRANG KIỂM TRA		In trang kiểm tra dải màu được sử dụng để nhận dạng sự phóng điện trong nguồn cung cấp sử dụng nguồn cao áp.
	BẢN SAO	Phạm vi từ 1 đến 30. Giá trị mặc định là 1.	Cho phép người sử dụng xác định số bản sao của trang nội bộ được in.

Menu dịch vụ

Menu **DỊCH VỤ** đã bị khóa và cần phải có số PIN để có thể truy cập vào. Chỉ nhân viên bảo dưỡng được ủy quyền mới được phép sử dụng menu này.

3 Phần mềm cho Windows

- [Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows](#)
- [Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows](#)
- [HP Universal Print Driver \(Trình Điều khiển In Chung HP - UPD\)](#)
- [Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Ưu tiên cho cài đặt in](#)
- [Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Xóa phần mềm cho Windows](#)
- [Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows](#)
- [Phần mềm cho các hệ điều hành khác](#)

Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows

Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành Windows sau:

- Windows XP (32 bit và 64 bit)
- Windows 2003 Server (32 bit và 64 bit)
- Windows Server 2008 (32-bit và 64-bit)
- Windows 2000 (32-bit)
- Windows Vista (32 bit và 64 bit)

Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows

- HP PCL 6 (đây là trình điều khiển máy in mặc định)
- Trình điều khiển HP Universal Print mô phỏng postscript (HP UPD PS)
- Trình điều khiển HP PCL 5 UPD Universal Print (HP UPD PCL 5) - có thể tải xuống từ www.hp.com/go/cljcp3525_software

Trình điều khiển máy in bao gồm mục Trợ Giúp trực tuyến có các hướng dẫn cho những thao tác in phổ biến và cả mô tả các nút, các hộp chọn, và các danh sách thả xuống có trong trình điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về UPD, xem www.hp.com/go/upd.

HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD)

HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD) dành cho máy cài Windows là một trình điều khiển cho phép bạn truy cập vào gần như mọi sản phẩm HP LaserJet, từ bất kỳ vị trí nào, mà không cần phải tải xuống các trình điều khiển riêng lẻ. Trình điều khiển này được xây dựng dựa trên công nghệ trình điều khiển in HP đã được chứng minh hiệu quả, được kiểm tra hoàn toàn và được sử dụng với nhiều chương trình phần mềm. Đây là một giải pháp vượt trội, bảo đảm duy trì hiệu quả làm việc theo thời gian.

HP UPD giao tiếp trực tiếp với mỗi sản phẩm của HP, tập hợp các thông tin cấu hình, sau đó hiệu chỉnh giao diện người sử dụng để hiển thị các tính năng sẵn có và duy nhất của sản phẩm. Trình điều khiển này tự động bật các tính năng sẵn có đối với sản phẩm, ví dụ như in hai mặt và dập ghim. Vì vậy, bạn không cần phải bật các tính năng một cách thủ công.

Để biết thêm thông tin, hãy đến www.hp.com/go/upd.

Các chế độ cài đặt UPD

Chế độ truyền thống

- Sử dụng chế độ này nếu bạn đang cài đặt trình điều khiển trong một máy tính từ đĩa CD.
- Khi được cài đặt từ đĩa CD đi kèm với sản phẩm, UPD hoạt động như các máy in thông thường. Nó hoạt động với một sản phẩm cụ thể.
- Nếu sử dụng chế độ này, bạn phải cài riêng một UPD cho mỗi máy tính và mỗi sản phẩm.

Chế độ động

- Để sử dụng chế độ này, hãy tải UPD xuống từ Internet. Xem trang www.hp.com/go/upd.
 - Chế độ động cho phép bạn sử dụng một cài đặt trình điều khiển duy nhất, để bạn có thể khám phá và in bằng các sản phẩm HP từ bất kỳ vị trí nào.
 - Sử dụng chế độ này nếu bạn đang cài đặt UPD cho một nhóm làm việc.
-

Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows

Trình điều khiển máy in cung cấp quyền truy cập các tính năng sản phẩm và cho phép máy tính liên lạc với sản phẩm (sử dụng ngôn ngữ máy in). Kiểm tra các lưu ý khi cài đặt và tệp readme trên CD sản phẩm để biết thêm về phần mềm và ngôn ngữ.

Mô tả trình điều khiển HP PCL 6

- Được cung cấp trên đĩa CD của sản phẩm và tại www.hp.com/go/cljcp3525_software
- Được cung cấp dưới dạng trình điều khiển mặc định
- Được đề nghị cho việc in trong tất cả môi trường Windows
- Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất, và hỗ trợ tính năng sản phẩm cho hầu hết người dùng
- Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows
- Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh hoặc của bên thứ ba dựa trên PCL 5

Thông tin mô tả trình điều khiển HP UPD PS


- Được cung cấp trên đĩa CD của sản phẩm và tại www.hp.com/go/cljcp3525_software
- Được đề nghị để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu
- Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nháy postscript

Thông tin mô tả trình điều khiển HP UPD PCL 5

- Cài đặt từ thuật sĩ **Add Printer** (Thêm Máy in)
- Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows
- Tương thích với các phiên bản PCL trước và các sản phẩm HP LaserJet cũ hơn
- Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh
- Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt sản phẩm theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương)
- Được thiết kế để sử dụng trong các môi trường Windows trong doanh nghiệp sao cho có thể sử dụng một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu máy in
- Được ưa chuộng sử dụng khi in từ một máy tính Windows di động đến nhiều kiểu máy in

Ưu tiên cho cài đặt in

Các thay đổi cho thông số cài đặt in được cài ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Thông số cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè thông số cài đặt đã đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại In:** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và thường không ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Đặc tính Máy in (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) thường không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in. Bạn có thể thay đổi hầu hết các cài đặt in từ đây.
- **Thông số mặc định của trình điều khiển máy in:** Thông số cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định các thông số được sử dụng trong tất cả các tác vụ in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Thông số cài đặt bảng điều khiển máy in:** Các thông số cài đặt thay bằng bảng điều khiển máy in sẽ có độ ưu tiên thấp hơn các thay đổi thực hiện ở các nơi khác.

Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).

Các bước có thể khác nhau; quá trình này là phổ biến nhất.

Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu mặc định):** Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

- hoặc -

Windows 2000, Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu Cổ điển): Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers** (Máy in).

- hoặc -

Windows Vista: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Printing Preferences** (Sở Thích In).

Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu mặc định):** Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

- hoặc -

Windows 2000, Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu Cổ điển): Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers** (Máy in).

- hoặc -

Windows Vista: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
3. Bấm vào tab **Device Settings** (Cài Đặt Thiết Bị).

Xóa phần mềm cho Windows

Windows XP

1. Bấm vào **Start** (Bắt đầu), **Control Panel** (Panen Điều khiển), và sau đó chọn **Add or Remove Programs** (Thêm hoặc Xóa Chương trình).
2. Tìm và chọn HP Color LaserJet CP3525 từ danh sách.
3. Bấm vào nút **Change/Remove** (Thay đổi/Xóa) để xóa phần mềm.

Windows Vista

1. Bấm **Start** (Bắt đầu), **Control Panel** (Panen Điều khiển) và sau đó bấm **Programs and Features** (Các Chương trình và Tính năng).
2. Tìm và chọn HP Color LaserJet CP3525 từ danh sách.
3. Chọn tùy chọn **Uninstall/Change** (Tháo Cài đặt/Thay đổi).

Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là một công cụ phần mềm quản lý thiết bị ngoại vi và hình ảnh giúp tối ưu hóa việc sử dụng sản phẩm, kiểm soát chi phí màu, bảo mật sản phẩm, và sắp xếp hợp lý việc quản lý nguồn cung cấp bằng cách cho phép cấu hình từ xa, giám sát trước, xử lý sự cố bảo mật, và báo cáo về các sản phẩm in và hình ảnh.

Để tải xuống phiên bản HP Web Jetadmin và danh sách các hệ thống máy chủ được hỗ trợ mới nhất, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/go/webjetadmin.

Khi được cài đặt trên một máy chủ lưu trữ, một máy khách Windows có thể có được truy cập vào HP Web Jetadmin bằng cách sử dụng trình duyệt Web được hỗ trợ (như là Microsoft® Internet Explorer) bằng việc điều hướng đến máy chủ có cài đặt HP Web Jetadmin.

Máy chủ Web nhúng

Sản phẩm này được trang bị một máy chủ Web nhúng cung cấp truy cập vào thông tin về sản phẩm và các hoạt động mạng. Thông tin này xuất hiện trên một trình duyệt Web, như là Microsoft Internet Explorer, Netscape Navigator, Apple Safari, hoặc Firefox.

Máy chủ Web nhúng được cài trên sản phẩm. Nó không được tải trên máy chủ mạng.

Máy chủ Web nhúng cung cấp một giao diện đến sản phẩm để bất cứ ai có một máy tính được kết nối vào mạng và có một trình duyệt Web chuẩn đều có thể sử dụng. Không cần cài đặt hay cấu hình phần mềm đặc biệt, nhưng bạn phải có một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính. Để có truy cập vào máy chủ Web nhúng, nhập địa chỉ IP của sản phẩm trong dòng địa chỉ của trình duyệt. (Để tìm địa chỉ IP này, hãy in trang cấu hình. Để biết thêm thông tin về cách in trang cấu hình, xem [trang thông tin thuộc trang 126](#).)

Để có giải thích đầy đủ về những tính năng và chức năng của máy chủ Web nhúng, xem [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 130](#).

HP Easy Printer Care

Phần mềm HP Easy Printer Care là chương trình bạn có thể sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm
- Kiểm tra tình trạng các nguồn cung cấp và sử dụng HP SureSupply để mua các nguồn cung cấp trực tuyến
- Cài đặt các cảnh báo
- Xem các bản báo cáo sử dụng sản phẩm
- Xem tài liệu của sản phẩm
- Truy cập vào các công cụ xử lý sự cố và bảo trì
- Sử dụng HP Proactive Support (Hỗ trợ Chủ động HP) để điều đặn quét hệ thống in của bạn và ngăn ngừa các sự cố có khả năng xảy ra. HP Proactive Support (Hỗ trợ Chủ động HP) có thể cập nhật phần mềm, chương trình cơ sở và các trình điều khiển máy in HP.

Bạn có thể xem phần mềm HP Easy Printer Care khi sản phẩm được nối trực tiếp vào máy tính hoặc khi được kết nối mạng.

Hỗ trợ các hệ điều hành

- Microsoft® Windows 2000, Service Pack 4
- Microsoft Windows XP, Service Pack 2 (32-bit và 64-bit)
- Microsoft Windows Server 2003, Service Pack 1 (32-bit và 64-bit)
- Microsoft Windows Server 2008 (32-bit và 64-bit)
- Microsoft Windows Vista™ (32-bit và 64-bit)

Hỗ trợ các trình duyệt

- Microsoft Internet Explorer 6.0 hoặc 7.0
-

Để tải xuống phần mềm HP Easy Printer Care, hãy truy cập vào www.hp.com/go/easyprintercare. Trang Web này cũng cung cấp các thông tin cập nhật về các trình duyệt được hỗ trợ và danh sách các sản phẩm của HP có hỗ trợ phần mềm HP Easy Printer Care.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng phần mềm HP Easy Printer Care, xem [HP Easy Printer Care thuộc trang 127](#).

Phần mềm cho các hệ điều hành khác

OS	Phần mềm
UNIX	<p>Với các mạng HP-UX và Solaris, hãy truy cập vào www.hp.com/support/go/jetdirectunix_software để cài đặt các script kiểu sử dụng bộ cài đặt máy in HP Jetdirect (HPPI) cho UNIX.</p> <p>Để có các script kiểu mới nhất, hãy truy cập vào www.hp.com/go/unixmodelscripts.</p>
Linux	<p>Để biết thông tin, hãy truy cập vào www.hp.com/go/linuxprinting.</p>

4 Sử dụng sản phẩm với Macintosh


- [Phần mềm cho Macintosh](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh](#)

Phần mềm cho Macintosh

Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh

Sản phẩm hỗ trợ các hệ điều hành Macintosh sau:

- Mac OS X V10.3.9, V10.4, V10.5, và các phong bì mới hơn

 **GHI CHÚ:** Có hỗ trợ bộ vi xử lý PPC và Intel Core Processor Macs (Bộ xử lý Intel® Core™ dành cho các máy Mac) đối với Mac OS V10.4 và phiên bản mới hơn.

Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh

Bộ cài đặt của HP cung cấp các tập tin Mô Tả Máy In PostScript® (PPD), Các Ứng Dụng Mở Rộng Hộp Thoại Máy In (PDE), và HP Printer Utility (Tiện Ích Máy In HP) để sử dụng với máy tính Macintosh.


Các PPD, kết hợp với các trình điều khiển PostScript dành cho Apple, cung cấp truy cập vào các tính năng của sản phẩm. Sử dụng trình điều khiển PostScript dành cho Apple đi kèm với máy tính.

Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Macintosh

Để xóa phần mềm khỏi máy tính Macintosh, kéo các tập tin PPD vào biểu tượng thùng rác.

Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh

Các thay đổi cho cài đặt in được đặt ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Bấm **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Các cài đặt được thay đổi ở đây có thể ghi đè các cài đặt được thay đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định cài đặt được sử dụng trong tất cả các nhiệm vụ in, *trừ khi* cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Cài đặt panen điều khiển máy in:** Cài đặt được thay đổi trong panen điều khiển của máy in có mức ưu tiên thấp hơn những thay đổi ở bất kỳ nơi nào khác.

Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm	Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in	Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm
<ol style="list-style-type: none">1. Trên menu File (Tập tin), bấm Print (In).2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.	<ol style="list-style-type: none">1. Trên menu File (Tập tin), bấm Print (In).2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.3. Trên menu Presets (Cài đặt Sẵn), bấm Save as (Lưu như) và nhập tên của cài đặt sẵn. <p>Các cài đặt này được lưu trong menu Presets (Cài đặt sẵn). Để sử dụng cài đặt mới, bạn phải chọn tùy chọn cài đặt sẵn đã lưu mỗi lần mở một chương trình và in.</p>	<p>Mac OS X V10.3 hoặc Mac OS X V10.4</p> <ol style="list-style-type: none">1. Từ menu của Apple, bấm System Preferences (Sở thích Hệ thống), sau đó bấm Print & Fax (In & Fax).2. Bấm Printer Setup (Cài đặt Máy in).3. Bấm menu Installable Options (Tùy chọn Có thể Cài đặt). <p>Mac OS X V10.5</p> <ol style="list-style-type: none">1. Từ menu của Apple, bấm System Preferences (Sở thích Hệ thống), sau đó bấm Print & Fax (In & Fax).2. Bấm Options & Supplies (Tùy chọn & Nguồn Cung cấp).3. Bấm menu Driver (Trình Điều khiển).4. Chọn trình điều khiển có trong danh sách, và lập cấu hình các tùy chọn được cài đặt.

Phần mềm cho máy tính Macintosh

HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP)

Sử dụng HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) để cài đặt các tính năng của sản phẩm không có trong trình điều khiển máy in.

Bạn có thể sử dụng HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) khi sản phẩm sử dụng cáp nối tiếp chung (USB) hoặc khi được kết nối với mạng hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP.

Mở HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP)

Mac OS X V10.3 hoặc Mac OS X V10.4	<ol style="list-style-type: none">1. Mở Finder (Trình Tìm), bấm Applications (Ứng dụng), bấm Utilities (Các Tiện ích), sau đó bấm đúp Printer Setup Utility (Tiện ích Cài đặt Máy in).2. Chọn sản phẩm bạn muốn lập cấu hình, sau đó bấm Utility (Tiện ích).
Mac OS X V10.5	<ol style="list-style-type: none">1. Từ menu Printer (Máy in), bấm Printer Utility (Tiện ích Máy in). <p>- hoặc -</p> <p>Từ Print Queue (Hàng chờ In), bấm vào biểu tượng Utility (Tiện ích).</p>

Các tính năng HP Printer Utility (Tiện Ích Máy In HP)

HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) bao gồm nhiều trang. Bạn có thể mở các trang này bằng cách bấm vào danh sách **Configuration Settings** (Cài đặt Cấu hình). Bảng sau mô tả các tác vụ bạn có thể thực hiện từ những trang này.

Mục	Mô tả
Configuration Page (Trang Cấu hình)	In trang cấu hình.
Supplies Status (Tình trạng Nguồn Cung cấp).	Hiển thị tình trạng nguồn cung cấp của sản phẩm và cung cấp các liên kết để đặt mua nguồn cung cấp trực tuyến.
HP Support (Hỗ trợ HP)	Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, đặt mua nguồn cung cấp trực tuyến, đăng ký trực tuyến và thông tin tái chế và hoàn trả.
File Upload (Tải lên Tập tin)	Chuyển các tập tin từ máy tính đến sản phẩm.
Upload Fonts (Tải lên Phông chữ)	Chuyển các tập tin phông chữ từ máy tính đến sản phẩm.
Firmware Update (Cập nhật Chương trình Cơ sở)	Chuyển các tập tin chương trình cơ sở đã cập nhật từ máy tính đến sản phẩm.
Duplex Mode (Chế độ In Hai mặt)	Bật chế độ in hai mặt tự động.
Mật độ Bột mực	Điều chỉnh mật độ bột mực.
Resolution (Độ phân giải)	Thay đổi cài đặt độ phân giải, bao gồm cả cài đặt RET.
Lock Resources (Khóa Tài nguyên)	Khóa hoặc mở khóa sản phẩm lưu trữ, ví dụ như đĩa cứng.
Stored Jobs (Lệnh In Đã Lưu)	Quản lý các lệnh in đã được lưu trên đĩa cứng của sản phẩm.
Trays Configuration (Cấu hình Khay)	Thay đổi cài đặt mặc định của khay.
IP Settings (Cài đặt IP)	Thay đổi cài đặt mạng của sản phẩm và cung cấp truy cập vào máy chủ Web nhúng.
Bonjour Settings (Cài đặt Bonjour)	Cho phép bật hoặc tắt hỗ trợ Bonjour, hoặc thay đổi tên dịch vụ của sản phẩm được liệt kê trên mạng.
Additional Settings (Cài đặt Thêm)	Cung cấp truy cập vào máy chủ Web nhúng.
E-mail Alerts (Cảnh báo E-mail)	Lập cấu hình sản phẩm để gửi thông báo e-mail khi có sự kiện cụ thể.
Thông tin Thiết bị	Hiển thị thông tin về sản phẩm đang được chọn.

Các tiện ích được hỗ trợ cho Macintosh

Máy chủ Web nhúng

Sản phẩm này được trang bị một máy chủ Web nhúng cung cấp truy cập vào thông tin về sản phẩm và các hoạt động mạng. Để biết thêm thông tin, xem [Các mục của máy chủ Web nhúng thuộc trang 131](#).

Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh

In

Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh


Sử dụng các cài đặt sẵn để lưu cài đặt trình điều khiển máy in hiện thời để sử dụng lại.

Tạo cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Chọn cài đặt in.
4. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), bấm **Save As...** (Lưu làm), và nhập tên cho cài đặt sẵn này.
5. Bấm **OK**.

Sử dụng cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), chọn cài đặt sẵn in bạn muốn sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng các cài đặt mặc định của trình điều khiển máy in, chọn **Standard** (Chuẩn).

Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh

Bạn có thể co giãn tài liệu cho vừa trên kích thước giấy khác.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Paper Handling** (Xử Lý Giấy).
3. Trong vùng cho **Destination Paper Size** (Kích Thước Giấy Đích), chọn **Scale to fit paper size** (Co giãn cho vừa kích thước giấy), và sau đó chọn kích thước giấy từ danh sách thả xuống.
4. Nếu bạn chỉ muốn sử dụng giấy nhỏ hơn tài liệu, chọn **Scale down only** (Chỉ giảm xuống).

In trang bìa

Bạn có thể in một trang bìa riêng cho tài liệu có một thông báo (chẳng hạn như “Bí Mật”).

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu **Cover Page** (Trang bìa), sau đó chọn in trang bìa **Before Document** (Trước Tài liệu) hoặc **After Document** (Sau Tài liệu)
4. Trong menu **Cover Page Type** (Kiểu Trang bìa), chọn thông báo bạn muốn in trên trang bìa này.

 **GHI CHÚ:** Để in trang bìa trắng, chọn **Standard** (Chuẩn) làm **Cover Page Type** (Kiểu Trang Bìa).

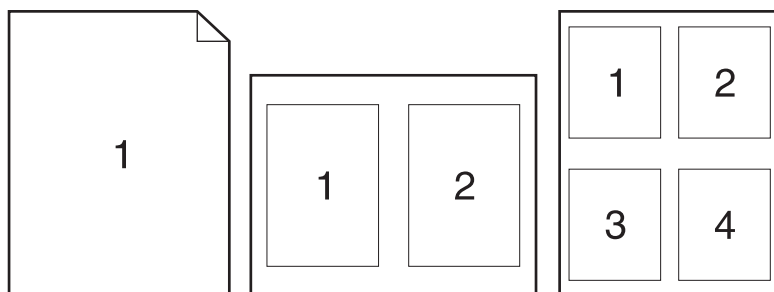
Sử dụng các hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như “Bí Mật,” được in trên nền mỗi trang tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Watermarks** (Hình mờ).
3. Chọn **Mode** (Chế độ), chọn kiểu hình mờ bạn muốn sử dụng. Chọn **Watermark** (Hình mờ) để in một thông báo nửa trong suốt. Chọn **Overlay** (Phủ) để in một thông báo không trong suốt.
4. Chọn **Page** (Trang), chọn in hình mờ trên tất cả các trang hoặc chỉ trang đầu.
5. Chọn **Text** (Văn bản), chọn một trong những thông báo chuẩn, hoặc chọn **Custom** (Tùy chỉnh) và nhập một thông báo mới vào hộp.
6. Chọn các tùy chọn cho những cài đặt còn lại.

In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy. Tính năng này cung cấp một cách hiệu quả để in các trang nháp.



1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu **Layout** (Bố cục).
4. Chọn **Pages per Sheet** (Trang trên mỗi Bản), chọn số trang tài liệu bạn muốn in trên mỗi trang giấy (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Chọn **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và bố cục của các trang tài liệu trên trang giấy.
6. Chọn **Borders** (Đường viền), chọn kiểu đường viền sẽ được in quanh mỗi trang tài liệu trên trang giấy.

In trên cả hai mặt giấy (in hai mặt)

Sử dụng in hai mặt tự động


1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
 - Đối với Khay 1, nạp giấy tiêu đề thư với mặt quay xuống, cạnh trên nạp vào sản phẩm trước tiên.
 - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư với mặt quay xuống, cạnh trên ở bên phải khay.
2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
3. Mở menu **Layout** (Bố cục).
4. Cạnh **Two-Sided** (Hai Mặt), chọn **Long-Edge Binding** (Đóng Cạnh Dài) hoặc **Short-Edge Binding** (Đóng Cạnh Ngắn).
5. Nhấp **Print** (In).

In hai mặt thủ công

1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
 - Đối với Khay 1, nạp giấy tiêu đề thư với mặt quay xuống, cạnh trên nạp vào sản phẩm trước tiên.
 - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư với mặt quay xuống, cạnh trên ở bên phải khay.
2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
3. Trên menu **Finishing** (Hoàn thành), chọn **Manually Print on 2nd Side** (In Thủ công trên Mặt Thứ 2).
4. Nhấp **Print** (In). Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong cửa sổ pop-up hiển thị trên màn hình máy tính trước khi cho xếp giấy ra vào Khay 1 để in nửa thứ hai.
5. Đến máy in, và lấy mọi giấy trắng trong Khay 1 ra.
6. Lấp chồng giấy đã in vào Khay 1 với mặt quay lên, cạnh dưới nạp vào máy in trước. Bạn *phải* in mặt thứ hai từ Khay 1.
7. Nếu được nhắc, nhấn nút panen điều khiển thích hợp để tiếp tục.

Lưu trữ nhiệm vụ

Bạn có thể lưu trữ các nhiệm vụ trên sản phẩm để bạn có thể in chúng tại bất kỳ thời điểm nào. Bạn có thể chia sẻ các nhiệm vụ đã được lưu với những người sử dụng khác hoặc bạn có thể giữ riêng chúng.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về các tính năng lưu trữ lệnh in, xem [Sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in thuộc trang 103](#) và [Đặt tùy chọn lưu trữ lệnh in thuộc trang 114](#).

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Job Storage** (Lưu trữ Nhiệm vụ).
3. Trong danh sách **Job Storage:** (Lưu trữ Nhiệm vụ) thả xuống, chọn kiểu nhiệm vụ được lưu trữ.

4. Đối với những lệnh in được lưu có dạng **Stored Job** (Lệnh in Lưu trữ) và **Private Job** (Lệnh in Riêng), hãy nhập tên của lệnh in được lưu vào hộp kế bên phần **Job Name** (Tên Lệnh in):.

Chọn tùy chọn để sử dụng khi đã có một nhiệm vụ lưu trữ khác với tên đó.

- **Use Job Name + (1 - 99)** (Dùng Tên Nhiệm vụ + (1 - 99)) sẽ gán một tên duy nhất vào phần cuối của tên nhiệm vụ.
 - **Replace Existing File** (Thay Tập Đã Có) sẽ ghi đè nhiệm vụ lưu trữ hiện có bằng một tên mới.
5. Nếu bạn đã chọn **Stored Job** (Lệnh in Lưu trữ) hoặc **Private Job** (Lệnh in Riêng) ở bước 3, hãy nhập một số gồm 4 chữ số vào hộp kế bên phần **Use PIN To Print** (Sử dụng PIN Để In. Khi người khác tìm cách in lệnh in này, sản phẩm sẽ nhắc người đó nhập vào số PIN này.

Đặt tùy chọn màu

Sử dụng menu pop-up **Color Options** (Tùy Chọn Màu) để điều chỉnh cách biên dịch và in màu từ các chương trình phần mềm.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu pop-up **Color Options** (Tùy Chọn Màu).
4. Nhấp vào **Show Advanced Options** (Hiển thị các Tùy chọn Nâng cao)
5. Điều chỉnh từng cài đặt cho văn bản, đồ họa, và ảnh.

Sử dụng menu Services (Dịch Vụ)

Nếu sản phẩm được nối mạng, hãy sử dụng menu **Services** (Dịch vụ) để xem thông tin về sản phẩm và tình trạng nguồn cung cấp.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Services** (Dịch Vụ).
3. Để mở máy chủ Web nhúng và thực hiện nhiệm vụ bảo trì, hãy thực hiện các bước sau:
 - a. Chọn **Device Maintenance** (Bảo trì Thiết bị).
 - b. Chọn một nhiệm vụ từ danh sách thả xuống.
 - c. Bấm **Launch** (Khởi chạy).
4. Để đến các trang web hỗ trợ khác nhau dành cho sản phẩm này, hãy thực hiện các bước sau:
 - a. Chọn **Services on the Web** (Dịch vụ trên Web).
 - b. Chọn **Internet Services** (Dịch vụ Internet) và chọn một tùy chọn từ danh sách thả xuống.
 - c. Bấm vào **Go!** (Bắt đầu!).

5 Khả năng kết nối

- [Kết nối USB](#)
- [Cấu hình mạng](#)

Kết nối USB

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối USB 2.0. Bạn phải sử dụng một cáp USB kiểu A-to-B không dài quá 2 mét (6,56 bộ Anh)

Cấu hình mạng

Bạn có thể cần phải lập cấu hình các thông số cài đặt mạng cụ thể trên sản phẩm. Bạn có thể lập cấu hình các thông số này từ bảng điều khiển, máy chủ Web nhúng hoặc đối với phần lớn các mạng, từ phần mềm HP Web Jetadmin.

Xin hãy xem *HP Jetdirect Embedded Print Server Administrator's Guide* (Hướng dẫn Máy chủ In Nhúng HP Jetdirect Dành cho Nhà Quản trị) để có một danh sách đầy đủ các mạng được hỗ trợ và để được hướng dẫn cấu hình các thông số mạng từ phần mềm. Bản hướng dẫn này đi kèm với sản phẩm có cài máy chủ in nhúng HP Jetdirect.

Các giao thức mạng được hỗ trợ

Sản phẩm hỗ trợ giao thức mạng TCP/IP, giao thức hoạt động mạng được chấp nhận và sử dụng rộng rãi nhất. Nhiều dịch vụ mạng sử dụng giao thức này. Các bảng sau liệt kê những dịch vụ và giao thức mạng được hỗ trợ.

Bảng 5-1 In

Tên dịch vụ	Mô tả
port9100 (Chế độ Trực tiếp)	Dịch vụ in
Line Printer daemon (Xử lý ngàm máy in dòng - LPD)	Dịch vụ in
LPD nâng cao (xếp hàng LPD tùy chỉnh)	Giao thức và các chương trình liên quan tới các dịch vụ đồng tác máy in dòng được cài đặt trên các hệ thống TCP/IP.
FTP	Tiện ích TCP/IP để chuyển dữ liệu giữa các hệ thống.
In WS	Sử dụng Các dịch vụ Microsoft Web Services for Devices (WSD) Print trên máy chủ in HP Jetdirect.
WS Khám phá	Cho phép Microsoft WS khám phá các giao thức trên máy chủ in HP Jetdirect.

Bảng 5-2 Dò tìm thiết bị qua mạng

Tên dịch vụ	Mô tả
SLP (Giao thức Định vị Dịch vụ)	Giao thức dò tìm thiết bị, được sử dụng để trợ giúp việc tìm kiếm và cấu hình các thiết bị mạng. Được sử dụng chủ yếu bởi các chương trình dựa trên Microsoft.
Bonjour	Giao thức dò tìm thiết bị, được sử dụng để trợ giúp việc tìm kiếm và cấu hình các thiết bị mạng. Được sử dụng đầu tiên bởi các chương trình dựa trên Apple Macintosh.

Bảng 5-3 Quản lý và nhận tin

Tên dịch vụ	Mô tả
HTTP (Giao thức Truyền Siêu Văn bản)	Cho phép các trình duyệt web giao tiếp với máy chủ Web nhúng.
EWS (máy chủ Web nhúng)	Cho phép bạn quản lý sản phẩm thông qua trình duyệt Web.
SNMP (Giao thức Quản lý Mạng Đơn giản)	Được sử dụng bởi các ứng dụng mạng để quản lý sản phẩm. Các đối tượng SNMP v1, SNMP v3, và MIB-II chuẩn (Cơ sở Thông tin Quản lý) được hỗ trợ.

Bảng 5-3 Quản lý và nhắn tin (còn tiếp)

Tên dịch vụ	Mô tả
LLMNR (Phân tích Tên Multicast Nội bộ Liên kết)	Xác định xem sản phẩm có phản hồi lại các yêu cầu LLMNR qua IPv4 và IPv6 hay không.
Cấu hình TFTP	Cho phép bạn sử dụng TFTP để tải xuống một tệp cấu hình có chứa các thông số cấu hình bổ sung, chẳng hạn như SNMP hoặc cài đặt không mặc định, cho một máy chủ in HP Jetdirect.

Bảng 5-4 xác định địa chỉ IP

Tên dịch vụ	Mô tả
DHCP (Giao thức Cấu hình Máy chủ Động)	Để chỉ định địa chỉ IP tự động. Sản phẩm này hỗ trợ IPv4 và IPv6. Máy chủ DHCP cung cấp sản phẩm với địa chỉ IP đi kèm. Thông thường, người sử dụng không cần phải làm gì để sản phẩm lấy địa chỉ IP từ máy chủ DHCP.
BOOTP (Giao thức Tự Khởi động)	Để chỉ định địa chỉ IP tự động. Máy chủ BOOTP sẽ cung cấp cho sản phẩm một địa chỉ IP đi kèm. Cần nhà quản trị phải nhập địa chỉ phần cứng MAC của sản phẩm trên máy chủ BOOTP để máy chủ lấy địa chỉ IP từ máy chủ đó.
Auto IP (IP Tự động)	Để chỉ định địa chỉ IP tự động. Nếu không có cả máy chủ DHCP lẫn BOOTP, sản phẩm sẽ sử dụng dịch vụ này để tạo một địa chỉ IP duy nhất.

Bảng 5-5 Các tính năng bảo mật

Tên dịch vụ	Mô tả
IPsec/Tường lửa	Cung cấp bảo mật lớp mạng trên mạng IPv4 và IPv6. Một tường lửa cung cấp kiểm soát đơn giản đối với lưu lượng IP. IPsec cung cấp bảo vệ bổ sung qua các giao thức xác thực và mã hóa.
Kerberos	Cho phép bạn trao đổi thông tin bí mật qua một mạng mở bằng cách gán mã khóa riêng, được gọi là vé, cho mỗi người sử dụng đăng nhập vào mạng. Sau đó vé này sẽ được nhúng vào các tin nhắn để nhận dạng người gửi.
SNMP v3	Áp dụng kiểu bảo mật dựa vào người sử dụng cho SNMP v3, kiểu bảo mật này cung cấp xác thực người sử dụng và bảo mật dữ liệu thông qua mã hóa.
Danh sách kiểm soát truy cập (ACL)	Xác định các hệ thống máy chủ riêng lẻ, hoặc mạng của các hệ thống máy chủ được cho phép truy cập vào máy chủ in HP Jetdirect và các sản phẩm nối mạng.
SSL/TLS	Cho phép bạn chuyển các tài liệu riêng qua Internet và bảo đảm tính bảo mật và tính nguyên vẹn của dữ liệu giữa các ứng dụng khách và ứng dụng máy chủ.
Cấu hình mở IPsec	Cung cấp bảo mật lớp mạng qua kiểm soát đơn giản đối với lưu lượng IP đến và từ sản phẩm. Giao thức này cung cấp những lợi ích của việc mã hóa và xác thực và cho phép nhiều cấu hình.

Cấu hình sản phẩm mạng

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng


Bạn có thể sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.

1. In trang cấu hình, và tìm địa chỉ IP.
 - Nếu bạn đang sử dụng IPv4, địa chỉ IP sẽ chỉ gồm có các chữ số. Địa chỉ có định dạng sau:
xxx . xxx . xxx . xxx
 - Nếu bạn đang sử dụng IPv6, địa chỉ IP sẽ là tổ hợp các ký tự và chữ số theo hệ thập lục phân. Nó có định dạng tương tự như sau:
xxxx : : xxxx : xxxx : xxxx : xxxx
2. Gõ địa chỉ IP vào dòng địa chỉ của trình duyệt Web để mở máy chủ Web nhúng.
3. Bấm tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

Đặt hoặc thay đổi mật khẩu mạng.


Sử dụng máy chủ Web nhúng để đặt mật khẩu mạng hoặc thay đổi mật khẩu hiện có.


1. Mở máy chủ Web nhúng và nhấp vào tab **Hoạt động mạng**.
2. Ở ô bên trái, nhấp vào nút **Bảo mật**.

 **GHI CHÚ:** Nếu đã cài đặt mật khẩu trước đó, bạn sẽ được nhắc nhập lại mật khẩu đó. Nhập mật khẩu vào, sau đó nhấp vào nút **Áp dụng**.
3. Trong khu vực **Mật khẩu Thiết bị**, gõ mật khẩu mới vào hộp **Mật khẩu Mới** và vào hộp **Xác nhận mật khẩu**.
4. Ở cuối cửa sổ, nhấp vào nút **Áp dụng** để lưu mật khẩu.

Lập cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Ngoài việc sử dụng máy chủ Web nhúng, bạn cũng có thể sử dụng các menu của bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới và cổng nối mặc định.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **I/O**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **MENU JETDIRECT CÀI SẴN**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **TCP/IP**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT IPV4**, và sau đó bấm nút **OK**.
7. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **PHƯƠNG PHÁP CẤU HÌNH**, và sau đó bấm nút **OK**.
8. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **THỦ CÔNG**, và sau đó bấm nút **OK**.
9. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT THỦ CÔNG**, và sau đó bấm nút **OK**.


10. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **ĐỊA CHỈ IP**, và sau đó bấm nút **OK**.
- hoặc -
Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **SUBNET MASK**, và sau đó bấm nút **OK**.
- hoặc -
Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÔNG NỐI MẶC ĐỊNH**, và sau đó bấm nút **OK**.
11. Bấm mũi tên lên ▲ hoặc mũi tên xuống ▼ để tăng hoặc giảm số của byte đầu tiên trong địa chỉ IP, subnet mask hoặc cổng nối mặc định.
12. Bấm nút **OK** để di chuyển sang bộ số tiếp theo. Để di chuyển sang bộ số trước đó, bấm mũi tên lùi lại ⬅.
13. Lặp lại các bước 11 và 12 cho đến khi hoàn thành địa chỉ IP, mặt nạ mạng cấp dưới hoặc cổng nối mặc định, sau đó bấm nút **OK** để lưu cài đặt.
14. Bấm nút **Menu**  để trở về trạng thái **Sẵn sàng**.

Lập cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Ngoài việc sử dụng máy chủ Web nhúng, bạn cũng có thể sử dụng các menu của bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv6.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **I/O**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **MENU JETDIRECT CÀI SẴN**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **TCP/IP**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT IPV6**, và sau đó bấm nút **OK**.
7. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **ĐỊA CHỈ**, và sau đó bấm nút **OK**.
8. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT THỦ CÔNG**, và sau đó bấm nút **OK**.
9. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **BẬT**, và sau đó bấm nút **OK**.
10. Bấm mũi tên lên ▲ để chọn cài đặt **BẬT**, và sau đó bấm nút **OK**.
11. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **ĐỊA CHỈ**, và sau đó bấm nút **OK**.
12. Bấm mũi tên lên ▲ hoặc mũi tên xuống ▼ để nhập địa chỉ. Bấm nút **OK**.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải bấm nút **OK** để nhập từng ký tự.


13. Bấm mũi tên lên ▲ hoặc mũi tên xuống ▼ để chọn ký tự dừng ⊗. Bấm nút **OK**.
14. Bấm nút **Menu**  để trở về trạng thái **Sẵn sàng**.



Không cho phép các giao thức mạng (tùy chọn)

Theo mặc định, máy cho phép tất cả các giao thức mạng mà máy hỗ trợ. Vô hiệu hóa IPX/SPX, AppleTalk hoặc DLC/LLC:

- Giảm lưu lượng dữ liệu do sản phẩm tạo ra
- Ngăn không cho những người sử dụng không được phép thực hiện lệnh in từ sản phẩm
- Chỉ cung cấp thông tin phù hợp trên trang cấu hình
- Cho phép bảng điều khiển của sản phẩm hiển thị các cảnh báo và thông báo lỗi đặc trưng của giao thức


Không cho phép IPX/SPX, AppleTalk hoặc DLC/LLC.


 **GHI CHÚ:** Không vô hiệu IPX/SPX, trong các hệ thống chạy trên nền Windows, in thông qua IPX/SPX.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **I/O**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **MENU JETDIRECT CÀI SẴN**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **IPX/SPX**, và sau đó bấm nút **OK**.
- hoặc -
Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **APPLETALK**, và sau đó bấm nút **OK**.
- hoặc -
Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **DLC/LLC**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Bấm nút **OK** để chọn cài đặt **BẬT**.
7. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **TẮT**, và sau đó bấm nút **OK**.
8. Bấm nút **Menu**  để trở về trạng thái **Sẵn sàng**.

Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với mạng. Nên để sản phẩm ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn sản phẩm không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Nếu bạn cần thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, sản phẩm sẽ tắt đi, sau đó lại bật lên. Chỉ thay đổi khi sản phẩm chạy không (nhàn rỗi).

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **I/O**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **MENU JETDIRECT CÀI SẴN**, và sau đó bấm nút **OK**.

5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **TỐC ĐỘ LIÊN KẾT**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Nhấn mũi tên xuống ▼ để tô sáng một trong các tùy chọn sau.

Cài đặt	Mô tả
TỰ ĐỘNG	Máy chủ in tự động lập cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tin hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
10T BÁN PHẦN	Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
10T TOÀN PHẦN	Truyền song công, 10 Mbps
100TX BÁN PHẦN	Truyền bán song công, 100 Mbps
100TX TOÀN PHẦN	Truyền song công, 100 Mbps
100TX TỰ ĐỘNG	Giới hạn tự động thỏa thuận đến tốc độ liên kết tối đa là 100 Mbps
100TX TOÀN PHẦN	Truyền song công, 1000 Mbps

7. Bấm nút **OK**. Sản phẩm sẽ tắt, sau đó bật lên lại.

6 Giấy và vật liệu in

- [Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in](#)
- [Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ](#)
- [Tùy chỉnh cỡ giấy](#)
- [Các kích thước giấy và vật liệu in được hỗ trợ](#)
- [Dung tích ngăn và khay giấy](#)
- [Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt](#)
- [Nạp khay](#)
- [Cấu hình các khay](#)

Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều loại giấy và các phương tiện khác phù hợp với nguyên tắc sử dụng được nêu ở đây. Giấy hay phương tiện in không đáp ứng các nguyên tắc này có thể gây ra những vấn đề sau:

- Chất lượng in kém
- Hay kẹt giấy
- Máy bị mòn sớm, cần sửa chữa


Để có được kết quả tốt nhất, chỉ sử dụng giấy và phương tiện in có nhãn hiệu HP được thiết kế cho các máy in laser hoặc đa dụng. Không sử dụng phương tiện in dành cho các máy in inkjet. Công ty Hewlett-Packard khuyên bạn không nên sử dụng phương tiện của các thương hiệu khác vì HP không thể kiểm soát chất lượng của chúng.

Vẫn có khả năng là giấy đáp ứng tất cả nguyên tắc hướng dẫn sử dụng mà vẫn không thể cho kết quả đáng hài lòng. Đây có thể là hậu quả của việc xử lý không thích đáng, nhiệt độ và/hay độ ẩm không thể chấp nhận, hay các thay đổi mà Hewlett-Packard không kiểm soát được.

△ **THẬN TRỌNG:** Sử dụng giấy hay phương tiện in không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của Hewlett-Packard có thể gây ra các vấn đề về sản phẩm, cần sửa chữa. Việc sửa chữa này không nằm trong thỏa thuận bảo hành hay dịch vụ của Hewlett-Packard.

Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều kích thước giấy và tương thích với nhiều vật liệu in khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, hãy chọn đúng kích thước giấy và loại giấy trong trình điều khiển máy in trước khi in.

Bảng 6-1 Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ

Chiều và kích thước	Khay 1	Khay 2	Khay 3 (tùy chọn)
Letter (Thư) 216 x 279 mm	✓	✓	✓
Legal 216 x 356 mm	✓		✓
A4 210 x 297 mm	✓	✓	✓
RA4 215 x 305 mm	✓		✓
A5 148 x 210 mm	✓	✓	✓
B5 (JIS) 182 x 257 mm	✓	✓	✓
B6 (JIS) 128 x 182 mm	✓		
Executive 184 x 267 mm	✓	✓	✓
Statement 140 x 216 mm	✓		
4x6 101,6 x 152,4 mm	✓		✓ Phải lắp phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP.
10 x 15 cm 101,6 x 152,4 mm	✓		✓ Phải lắp phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP.
5x7 127 x 178 mm	✓		
5x8 127 x 203 mm	✓		

Bảng 6-1 Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ (còn tiếp)

Chiều và kích thước	Khay 1	Khay 2	Khay 3 (tùy chọn)
A6 105 x 148 mm	✓		
Bưu thiếp (JIS) 100 x 148 mm 3,9 x 5,8 inch	✓		
Double Postcard (Bưu thiếp Kép - JIS) 148 x 200 mm	✓		
16K 184 x 260 mm	✓	✓	✓
16K 195 x 270 mm	✓	✓	✓
16K 197 x 273 mm	✓	✓	✓
8,5 x 13 216 x 330 mm	✓		✓
Envelope Commercial #10 (Phong bì Thương mại #10) 105 x 241 mm	✓		
Phong bì #9 100 x 226 mm	✓		
Phong bì B5 176 x 250 mm	✓		
Envelope C5 ISO (Phong bì C5 ISO) 162 x 229 mm	✓		
Phong bì C6 114 x 162 mm	✓		
Phong bì DL ISO 110 x 220 mm	✓		
Phong bì Monarch 98 x 191 mm	✓		
Custom (Tùy chỉnh) 98,4 x 148 mm đến 216 x 356 mm	✓		
Tùy chỉnh 148 x 210 mm đến 216 x 297 mm		✓	
Custom (Tùy chỉnh) 148 x 210 mm đến 216 x 356 mm			✓

Tùy chỉnh cỡ giấy

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều tùy chỉnh cỡ giấy. Các cỡ tùy chỉnh được hỗ trợ là các cỡ nằm trong nguyên tắc khoảng kích cỡ tối thiểu và tối đa đối với sản phẩm nhưng không được liệt kê trong bảng các cỡ giấy được hỗ trợ. Khi sử dụng một cỡ tùy chỉnh được hỗ trợ, xác định cỡ tùy chỉnh trong chương trình điều khiển máy in, và nạp giấy vào một khay có hỗ trợ các cỡ tùy chỉnh.

Các kích thước giấy và vật liệu in được hỗ trợ

Xin đến www.hp.com/support/cljcp3525 để có danh sách đầy đủ về giấy mang nhãn hiệu HP cụ thể mà sản phẩm này hỗ trợ.

Loại giấy	Khay 1	Khay 2	Khay 3 (tùy chọn)
Giấy thường	✓	✓	✓
Nhẹ 60–74 g/m ²	✓	✓	✓
Trung bình (96–110 g/m ²)	✓	✓	✓
Nặng (111–130 g/m ²)	✓	✓	✓
Siêu Nặng (131–175 g/m ²)	✓		✓
Phim trong suốt màu	✓	✓	✓
Nhãn	✓		✓
Tiêu đề thư	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Dập lỗ trước	✓	✓	✓
Màu	✓	✓	✓
Ráp	✓	✓	✓
Liên kết	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Phong bì	✓		
Tập thẻ	✓		✓
Giấy láng trung bình (96–110 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy láng nặng (111–130 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy láng siêu nặng (131–175 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy láng thẻ (176–220 g/m ²)	✓	✓	✓
Phim đục	✓	✓	✓
Giấy Dai HP	✓	✓	✓
Giấy Mờ HP (105 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy Mờ HP (120 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy Mờ HP (160 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy Mờ HP (200 g/m ²)	✓		✓
Giấy Láng Mềm HP (120 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy láng HP (130 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy láng HP (160 g/m ²)	✓	✓	✓
Giấy láng HP (220 g/m ²)	✓	✓	✓

Dung tích ngăn và khay giấy

Ngăn hoặc khay giấy	Loại giấy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Khay 1	Giấy	Phạm vi: Sợi giấy từ 60 g/m ² đến 216 g/m ²	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm Tương đương với 100 trang có sợi giấy nặng 75 g/m ²
	Phong bì	Sợi giấy từ ít hơn 60 g/m ² đến 90 g/m ²	Tối đa 10 phong bì
	Nhãn	Độ dày tối đa là 102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm
	Giấy kính trong	Độ dày tối thiểu là 102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm Tối đa 50 tờ
	Giấy láng	Phạm vi: Sợi giấy từ 96 g/m ² đến 220 g/m ²	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm Tối đa 50 tờ
Khay 2	Giấy	Phạm vi: Sợi giấy từ 60 g/m ² đến 216 g/m ²	Chiều cao tối đa của tập giấy 25 mm Tương đương với 250 trang có sợi giấy nặng 75 g/m ² Chiều cao chông giấy tối đa cho giấy A6: 15 mm
	Giấy kính trong	Độ dày tối thiểu là 102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 25 mm
	Giấy láng	Phạm vi: Sợi giấy từ 96 g/m ² đến 220 g/m ²	Chiều cao tối đa của tập giấy 25 mm
Khay 3 (tùy chọn)	Giấy	Phạm vi: Sợi giấy từ 60 g/m ² đến 220 g/m ²	Tương đương với 500 trang có sợi giấy nặng 75 g/m ² Chiều cao tối đa của tập giấy 56 mm
	Phim trong suốt	Độ dày tối thiểu là 102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 56 mm
	Giấy láng	Phạm vi: Sợi giấy từ 96 g/m ² đến 220 g/m ²	Chiều cao tối đa của tập giấy 56 mm
Ngăn đựng bản in	Giấy		Tối đa 250 trang có sợi giấy nặng 75 g/m ²

Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt

Sản phẩm này hỗ trợ in trên các vật liệu đặc biệt. Sử dụng các nguyên tắc sau để có kết quả như ý. Khi sử dụng giấy hay vật liệu in đặc biệt, nhớ cài loại và cỡ trong chương trình điều khiển in để có kết quả in tốt nhất.

- △ **THẬN TRỌNG:** Các máy in HP LaserJet sử dụng bộ phận làm nóng chảy để làm dính các hạt mực khô lên giấy ở các điểm rất chính xác. Giấy in la-de của HP được thiết kế để chịu được nhiệt độ cực cao này. Sử dụng giấy dành cho máy in phun không được thiết kế cho công nghệ này có thể làm hư máy in của bạn.


Loại vật liệu	Nên	Không nên
Các phong bì	<ul style="list-style-type: none">Ngăn chứa phong bì.Sử dụng các phong bì có đường nối kéo dài đến góc của phong bì.Sử dụng các loại băng dính lột ra để dán được chấp nhận sử dụng cho các máy in la-de.	<ul style="list-style-type: none">Không sử dụng các phong bì nhăn nheo, bị cắt, bị dính với nhau, hay các dạng hư hỏng khác.Không sử dụng các phong bì có móc cài, khóa, cửa sổ, hay phủ các lớp lót.Đừng sử dụng các băng tự dính hay các vật liệu tổng hợp khác.
Các nhãn	<ul style="list-style-type: none">Chỉ sử dụng các nhãn không có phần lưng phơi ra giữa chúng.Sử dụng các Nhãn nằm thật sát.Chỉ sử dụng các tờ có đầy nhãn.	<ul style="list-style-type: none">Đừng sử dụng các nhãn bị nhăn hay có chỗ phồng, hay bị hư hỏng.Đừng in từng phần các tờ chứa nhãn.
Phim đèn chiếu	<ul style="list-style-type: none">Chỉ sử dụng phim trong suốt được chấp nhận để sử dụng trong các máy in laser màu.Đặt phim đèn chiếu lên một mặt phẳng sau khi lấy chúng ra khỏi máy.	<ul style="list-style-type: none">Không sử dụng phương tiện in trong suốt không được chấp nhận cho máy in laser màu.
Đầu đề trang hay các mẫu in sẵn	<ul style="list-style-type: none">Chỉ sử dụng đầu đề trang hay các mẫu được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.	<ul style="list-style-type: none">Đừng sử dụng các đầu đề trang nổi lên hay có kim loại.
Giấy dày	<ul style="list-style-type: none">Chỉ sử dụng giấy dày được chấp nhận sử dụng trong máy in la-de đáp ứng các đặc điểm về trọng lượng của máy in này.	<ul style="list-style-type: none">Đừng sử dụng giấy nặng hơn đặc điểm kỹ thuật được đề nghị cho máy, trừ khi nó là giấy HP được chấp nhận sử dụng trong máy in này.
Giấy láng hay có phủ	<ul style="list-style-type: none">Chỉ sử dụng giấy láng hay có phủ được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.	<ul style="list-style-type: none">Đừng sử dụng giấy láng hay có phủ được thiết kế để sử dụng trong máy in phun.

Nạp khay

Bạn có thể nạp các phương tiện khác nhau vào các khay và sau đó yêu cầu phương tiện theo loại hoặc khổ bằng cách sử dụng panen điều khiển.

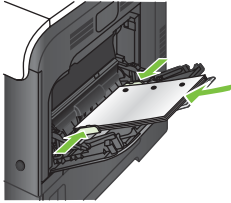
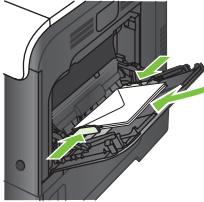
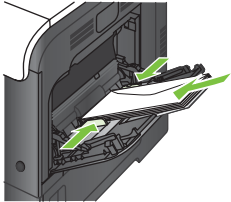
Định hướng giấy khi nạp khay giấy

Nếu bạn đang sử dụng giấy có yêu cầu phải định hướng cụ thể, hãy nạp giấy theo thông tin có trong các bảng sau.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt **CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC** ảnh hưởng tới cách bạn nạp tiêu đề thư hoặc giấy in sẵn. Cài đặt này được tắt theo mặc định. Để biết thêm thông tin, xem [Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26](#).

Khay 1

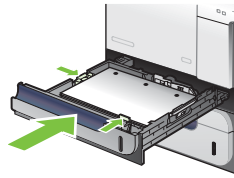
Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Tắt	Cách nạp giấy CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Bật
In sẵn hoặc tiêu đề thư	Chân dung	In 1 mặt	Mặt quay xuống Cạnh trên hướng vào trong sản phẩm	Mặt quay lên Cạnh dưới hướng vào trong sản phẩm
		in 2 mặt	Mặt quay lên Cạnh dưới hướng vào trong sản phẩm	Mặt quay lên Cạnh dưới hướng vào trong sản phẩm
	Ngang	In 1 mặt	Mặt quay xuống Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm	Mặt quay lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
		in 2 mặt	Mặt quay lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm	Mặt quay lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
Dập lỗ trước	Đọc hoặc ngang	In 1 hoặc 2 mặt	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm	Không áp dụng

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy	Cách nạp giấy
			CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Tắt	CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Bật
				
Phong bì	Cạnh dài của phong bì tiếp vào sản phẩm	In 1 mặt	Mặt quay xuống	Không áp dụng
			Cạnh trên hướng vào trong sản phẩm	
				
	Cạnh ngắn của phong bì tiếp vào sản phẩm	In 1 mặt	Mặt quay xuống	Không áp dụng
			Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm	
				

Khay 2 hay Khay 3 tùy chọn

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Tắt	Cách nạp giấy CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Bật
In sẵn hoặc tiêu đề thư	Chân dung	In 1 mặt	Mặt quay lên Cạnh trên ở bên phải của khay	Mặt quay xuống Cạnh trên ở bên trái của khay
		in 2 mặt	Mặt quay xuống Cạnh trên ở bên phải của khay	Mặt quay xuống Cạnh trên ở bên trái của khay
	Ngang	In 1 mặt	Mặt quay lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm	Mặt quay xuống Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
		in 2 mặt	Mặt quay xuống Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm	Mặt quay xuống Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
Dập lỗ trước	Đọc hoặc ngang	In 1 hoặc 2 mặt	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm	Không áp dụng

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy	Cách nạp giấy
			CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Tắt	CHẾ ĐỘ TIÊU ĐỀ THƯ KHÁC = Bật

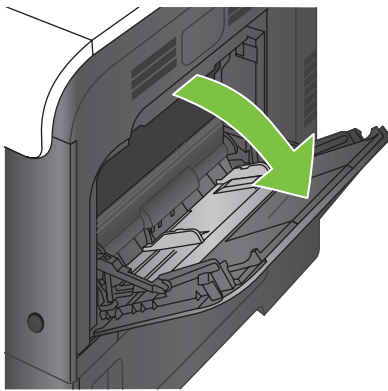


Nạp khay 1

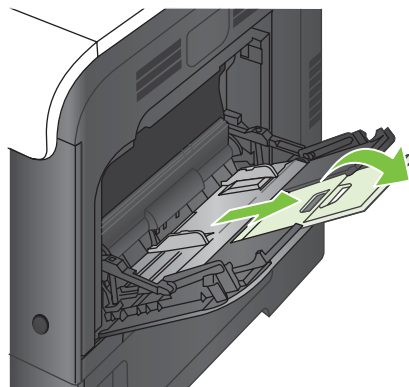
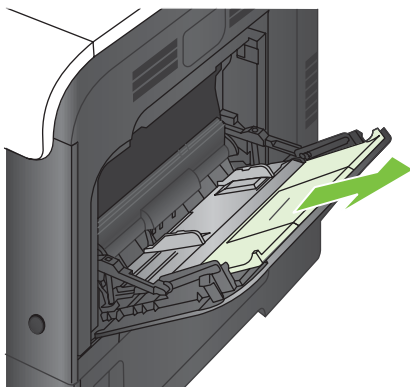
☛ **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-load-tray1.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh kẹt giấy, không thêm hoặc lấy giấy ra khỏi khay 1 trong khi in.

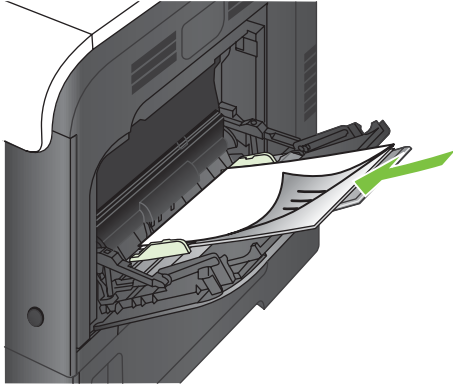
1. Mở khay 1.



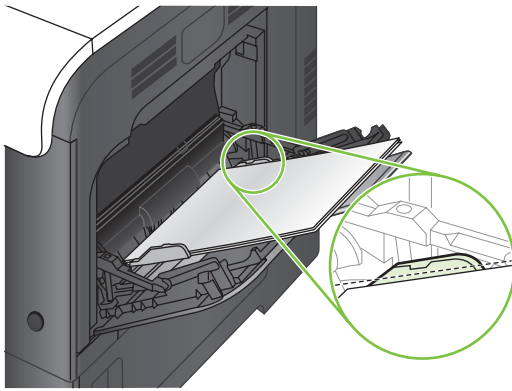
2. Mở phần mở rộng của khay ra để hỗ trợ cho giấy và đặt các thanh dẫn bên theo độ rộng thích hợp.



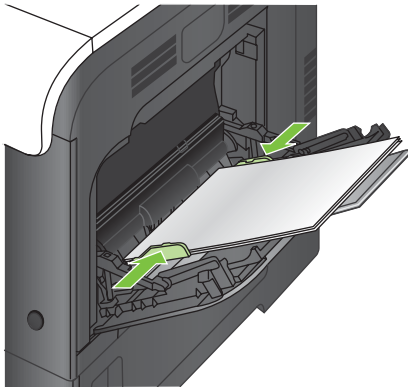
3. Nạp giấy vào khay với mặt quay xuống và cạnh ngắn, trên cùng đi vào sản phẩm trước.



4. Đảm bảo xếp giấy vừa dưới các vấu trên các thanh dẫn và không vượt quá các chỉ báo mức nạp.



5. Điều chỉnh các thanh dẫn cạnh sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.



In phong bì

Nếu phần mềm của bạn không tự động định dạng phong bì, chọn định hướng trang là **Landscape** (Ngang) trong chương trình phần mềm hoặc trình điều khiển máy in. Sử dụng các hướng dẫn sau để đặt lề cho địa chỉ trả lại và địa chỉ đến trên những phần mềm #10 hoặc DL thương mại:

Loại địa chỉ	Lề trái	Lề trên
Trả lại	15 mm	15 mm
Đích	102 mm	51 mm

Với các khổ phong bì khác, hãy điều chỉnh cài đặt lề tùy theo.

Nạp khay 2

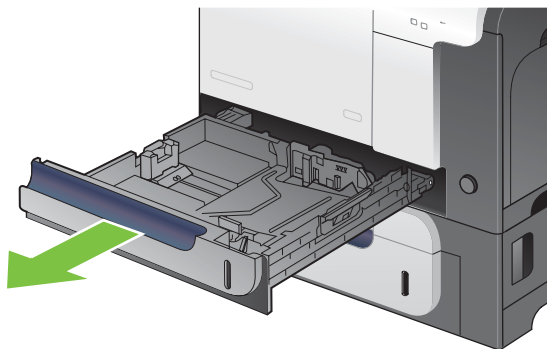
Khay này chứa được tối đa 250 trang giấy 75 g/m². Nếu giấy nặng hơn, khay sẽ chứa được ít hơn. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.

△ **THẬN TRỌNG:** Không in phong bì, nhãn, bưu thiếp, hoặc các khổ giấy không được hỗ trợ từ Khay 2. Chỉ in các loại giấy này từ Khay 1.

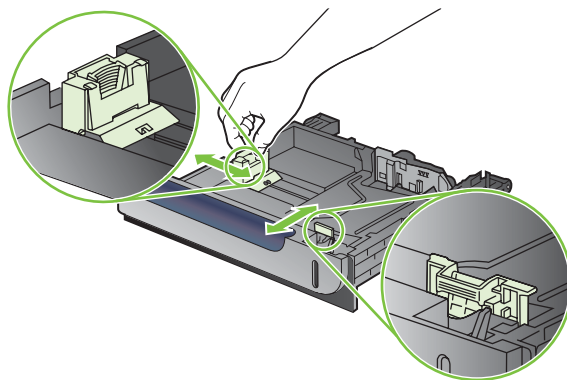
💡 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-load-tray2.

1. Trượt mở khay.


📌 **GHI CHÚ:** Không mở khay trong khi đang sử dụng nó.

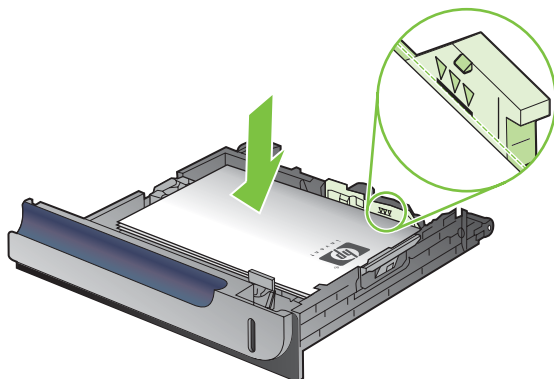



2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng cách sử dụng các chốt và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.



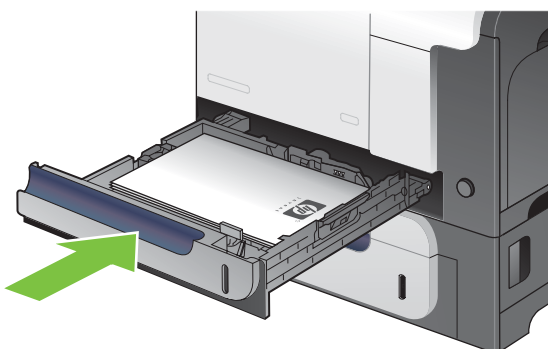
3. Nạp giấy vào khay với mặt quay lên. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào nếp giấy, nhưng không làm cong nếp giấy.

 **GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của nếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.



 **GHI CHÚ:** Nếu khay không được điều chỉnh đúng, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.

4. Trượt khay vào trong sản phẩm.




5. Panen điều khiển hiển thị loại và kích thước giấy của khay. Nếu cấu hình không chính xác, hãy thực hiện theo hướng dẫn trên panen điều khiển để thay đổi kích thước hoặc loại.




Nạp khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ tùy chọn (Khay 3)

Khay 3 chứa được tối đa 500 trang giấy chuẩn.


Sản phẩm sẽ tự động phát hiện các khổ giấy chuẩn sau đây trong Khay 3: Letter, Legal, Executive, A4, A5, và B5 (JIS).

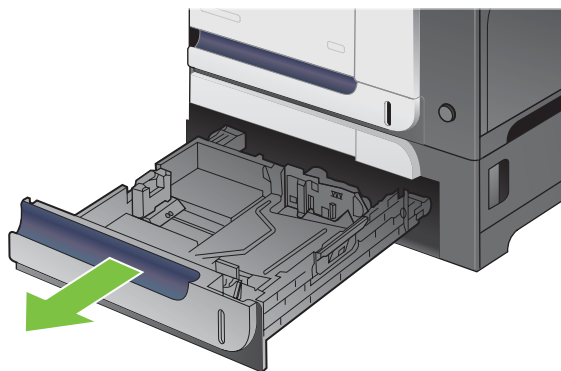
 **THẬN TRỌNG:** Không in phong bì hoặc các khổ giấy không được hỗ trợ từ Khay 3. Chỉ in các loại giấy này từ Khay 1.

Nạp giấy có kích thước chuẩn vào khay 3

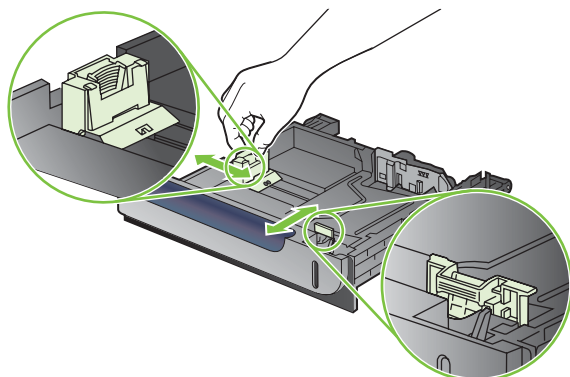
 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-load-tray3.

1. Trượt mở khay.


 **GHI CHÚ:** Không mở khay trong khi đang sử dụng nó.

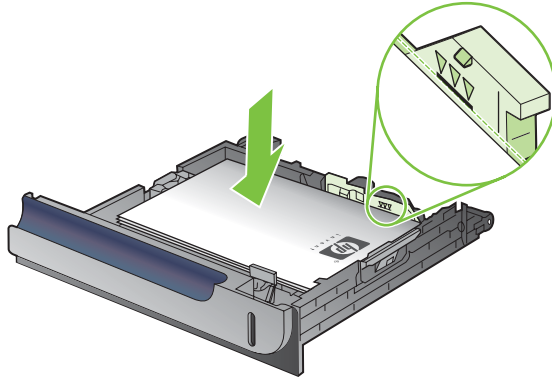



2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng cách sử dụng các chốt và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.



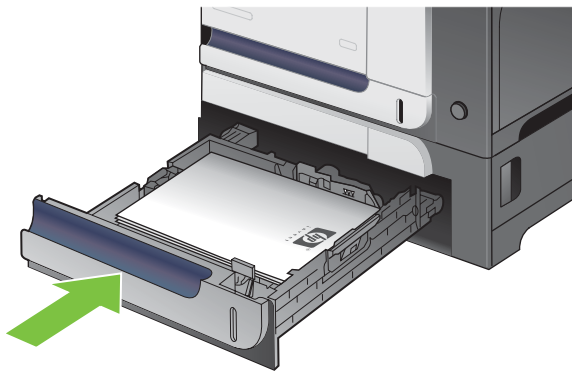
3. Nạp giấy vào khay với mặt quay lên. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào nếp giấy, nhưng không làm cong nếp giấy.

 **GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của nếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.



 **GHI CHÚ:** Nếu khay không được điều chỉnh đúng, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.

4. Trượt khay vào trong sản phẩm.



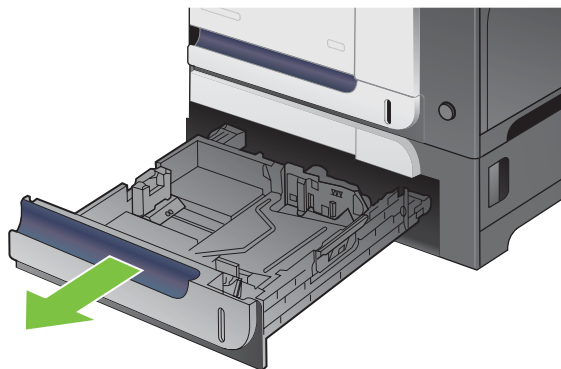
5. Panen điều khiển hiển thị loại và kích thước giấy của khay. Nếu cấu hình không chính xác, hãy thực hiện theo hướng dẫn trên panen điều khiển để thay đổi kích thước hoặc loại.



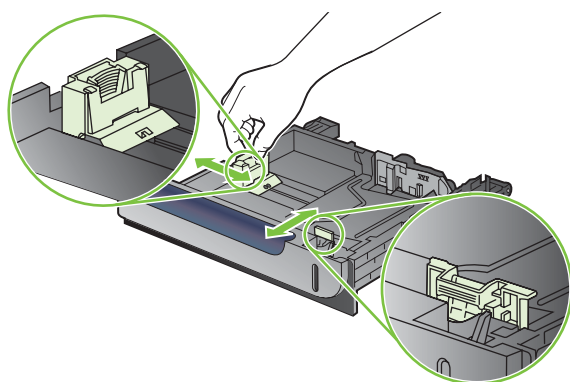
Nạp giấy có kích thước tùy chỉnh vào khay 3

Để sử dụng phương tiện tùy chỉnh, hãy thay đổi cài đặt kích thước trên panen điều khiển thành **TÙY CHỈNH** và đặt đơn vị đo, **KÍCH THƯỚC X** và **KÍCH THƯỚC Y**.

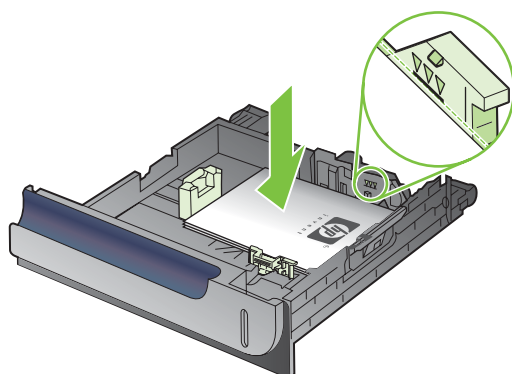
1. Trượt mở khay.



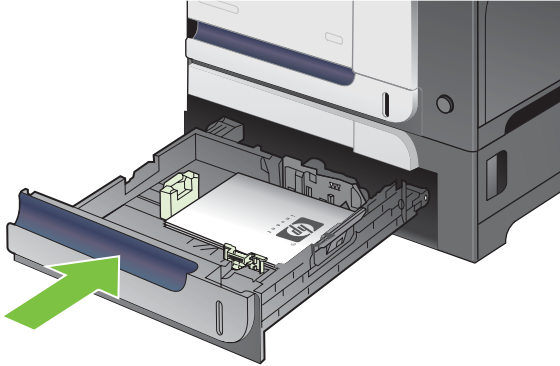
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng cách sử dụng các chốt và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.



3. Nạp giấy vào khay với mặt quay lên. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào xếp giấy, nhưng không làm cong xếp giấy.




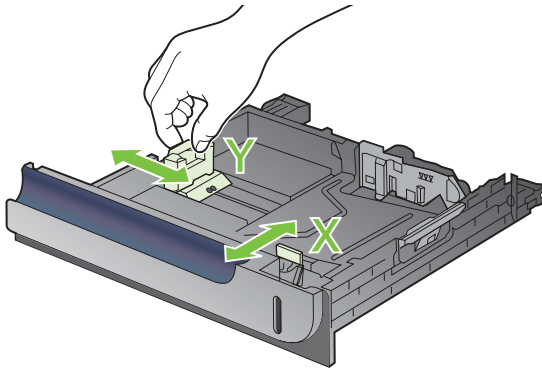
4. Trượt khay vào trong sản phẩm. Panen điều khiển hiển thị loại và kích thước giấy.




5. Panen điều khiển sẽ nhắc bạn đặt kích thước và loại giấy. Chọn cài đặt **TÙY CHỈNH**, và sau đó cấu hình kích thước X và Y của khổ giấy tùy chỉnh.



 **GHI CHÚ:** Xem nhãn trên khay giấy, hoặc hình minh họa sau đây, để xác định kích thước X và Y.

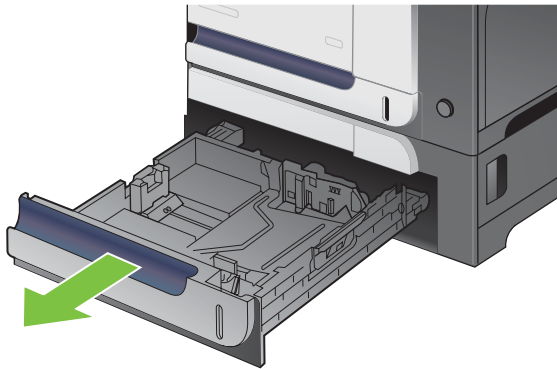


Nạp giấy khổ 4 x 6 inch (10 x 15 cm) vào Khay 3

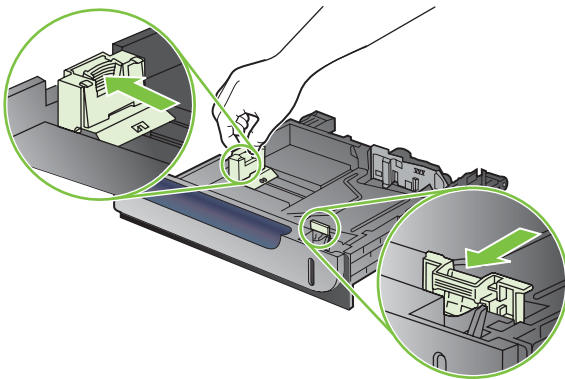
 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-load-tray3-4x6.

Nạp khổ giấy 4 x 6 inch (10 x 15 cm) vào khay 3 yêu cầu lắp phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP.

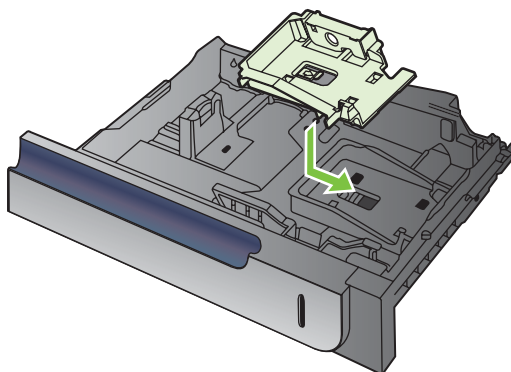
1. Trượt mở khay.



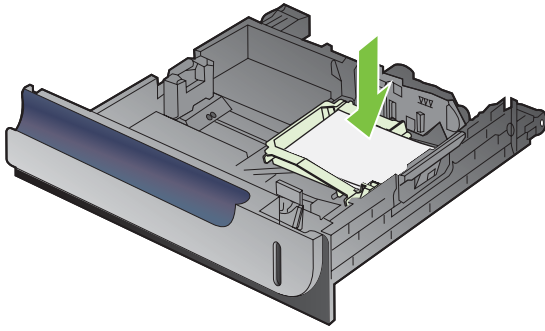
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng bóp các chốt điều chỉnh và điều chỉnh các thanh dẫn này sang vị trí mở hoàn toàn.



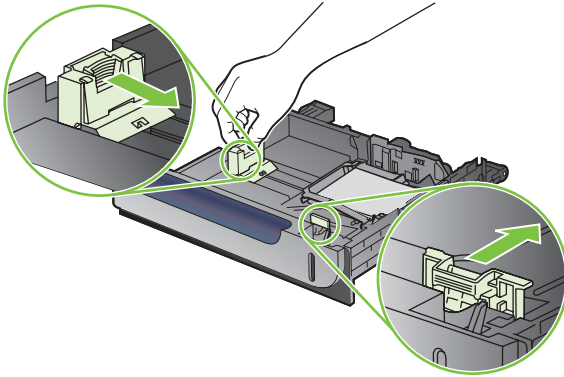
3. Lắp phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP vào khay 3 và sau đó trượt phụ kiện lắp sang bên phải cho tới khi khớp vào vị trí.



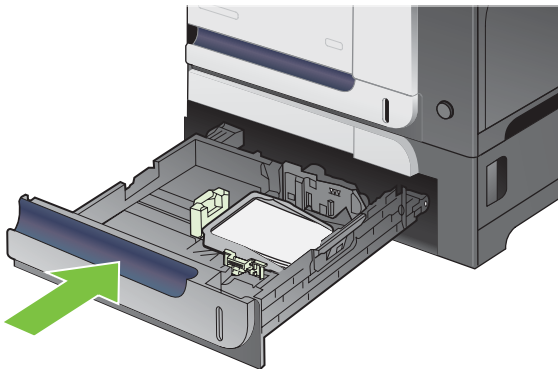
4. Nạp giấy khổ 4 x 6 inch (10 x 15 cm) vào khay với mặt quay lên.



5. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng bóp các chốt điều chỉnh và điều chỉnh các thanh dẫn này sang vị trí đóng hoàn toàn.



6. Trượt khay vào trong sản phẩm.

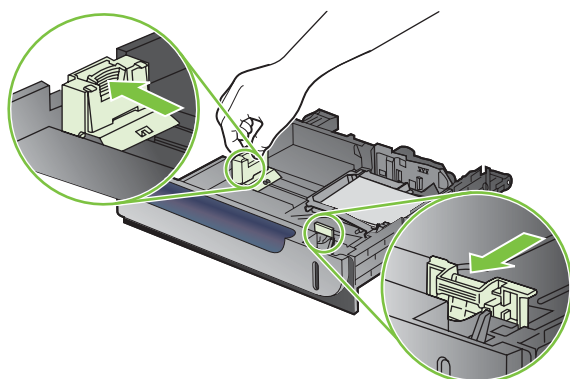


7. Màn hình điều khiển sẽ nhắc bạn đặt kích thước và loại giấy. Chọn giấy khổ 4 x 6 inch hay 10 x 15 cm.

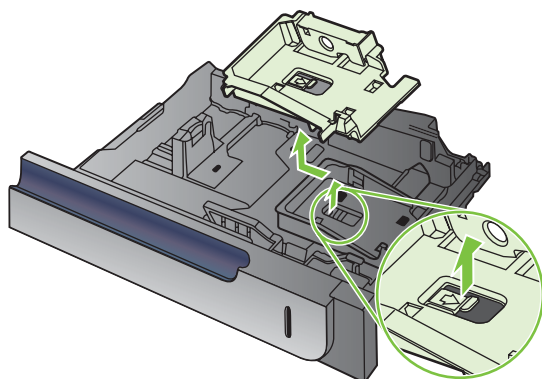


Tháo lắp phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP

1. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng bóp các chốt điều chỉnh và điều chỉnh các thanh dẫn này sang vị trí mở hoàn toàn.



2. Để tháo kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP, nhấn vấu lên, trượt phụ kiện lắp về phía giữa khay, và sau đó nhấn phụ kiện lắp lên để tháo.




Cấu hình các khay

Sản phẩm tự động nhắc bạn lập cấu hình khay dành cho kích thước và loại giấy trong các trường hợp sau:

- Khi bạn nạp giấy vào khay
- Khi bạn chỉ định một khay giấy hoặc loại phương tiện cụ thể cho một lệnh in thông qua trình điều khiển máy in hoặc chương trình phần mềm, và khay giấy không được lập cấu hình phù hợp với các cài đặt của lệnh in

Thông báo sau đây sẽ hiển thị trên panen điều khiển: **KHAY <X> [LOẠI] [KÍCH THƯỚC] Để thay đổi kích thước hoặc loại, bấm OK. Để chấp nhận các cài đặt, bấm ↵.**

 **GHI CHÚ:** Thông báo nhắc sẽ hiển thị nếu bạn in từ Khay 1, và khay này được cấu hình cho cài đặt **KÍCH THƯỚC BẤT KỲ** và **TẤT CẢ CÁC LOẠI**.

GHI CHÚ: Nếu bạn sử dụng kiểu sản phẩm HP LaserJet khác, bạn có thể quen với việc lập cấu hình Khay 1 ở chế độ **First** (Đầu tiên) hoặc **Cassette** (Hộp nhỏ). Với sản phẩm này, việc đặt **KÍCH THƯỚC KHAY 1** là **KÍCH THƯỚC BẤT KỲ** và đặt **LOẠI KHAY 1** là **TẤT CẢ CÁC LOẠI** tương đương với chế độ **First** (Đầu tiên). Việc đặt **KÍCH THƯỚC KHAY 1** và **LOẠI KHAY 1** thành bất kỳ cài đặt nào khác tương đương với chế độ **Cassette** (Hộp nhỏ).

Lập cấu hình cho khay khi nạp giấy



1. Nạp giấy vào khay. Đóng khay này nếu bạn sử dụng Khay 2 hoặc 3.
2. Thông báo cấu hình khay sẽ xuất hiện.
3. Bấm mũi tên lùi \leftarrow để chấp nhận kích thước và loại, hoặc bấm nút **OK** để chọn một khổ giấy hoặc loại giấy khác.
4. Nếu bạn sửa đổi cấu hình kích thước khay, bấm mũi tên xuống \blacktriangledown để chọn kích thước thích hợp, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Nếu bạn sửa đổi cấu hình loại khay, bấm mũi tên xuống \blacktriangledown để chọn loại thích hợp, và sau đó bấm nút **OK**.

Lập cấu hình khay phù hợp với cấu hình lệnh in

1. Trong chương trình phần mềm, xác định khay nguồn, kích thước giấy và loại giấy.
2. Gửi lệnh in đến sản phẩm.
Nếu khay này cần được cấu hình, thông báo **NẠP KHAY <X> [LOẠI] [KÍCH THƯỚC]** sẽ hiển thị.
3. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.
4. Khi thông báo **KÍCH THƯỚC KHAY <X> = <Size>** hiển thị, bấm nút **OK** để xác nhận kích thước.
Để xác định kích thước tùy chỉnh, đầu tiên hãy bấm mũi tên xuống \blacktriangledown để chọn đúng đơn vị đo. Sau đó sử dụng mũi tên lên hoặc mũi tên xuống \blacktriangle để đặt kích thước X và Y, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Khi thông báo **KHAY<X> LOẠI=<LOẠI>** hiển thị, bấm nút **OK** để xác nhận loại và tiếp tục với lệnh in.

Lập cấu hình khay bằng cách sử dụng menu Paper Handling (Xử Lý Giấy)

Bạn cũng có thể lập cấu hình loại và kích thước giấy cho khay mà không cần sản phẩm phải nhấc.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **QUẢN LÝ GIẤY**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt loại giấy hoặc kích thước giấy cho khay bạn muốn, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm mũi tên lên ▲ hoặc mũi tên xuống ▼ để chọn kích thước hoặc loại. Nếu bạn chọn một kích thước tùy chỉnh, chọn đơn vị đo, và sau đó đặt kích thước X và kích thước Y.
5. Bấm nút **OK** để lưu lựa chọn.
6. Bấm nút **Menu**  để thoát khỏi menu.

Tự động nhận biết phim trong suốt (chế độ tự động nhận biết)

Cảm biến loại phương tiện tự động chỉ hoạt động khi khay được cấu hình thành cài đặt **TẤT CẢ CÁC LOẠI**. Việc cấu hình một khay thành một loại khác, chẳng hạn như Liên kết hoặc Giấy láng, sẽ hủy kích hoạt cảm biến phương tiện trong khay đó.

Các máy in Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP3525 có thể tự động phân loại các loại giấy thành một trong hai loại:

- Không trong suốt
- Phim trong suốt

Để kiểm soát được nhiều hơn, bạn phải chọn một loại cụ thể trong in lệnh in hoặc cấu hình trong một khay.

Cài đặt tự động nhận biết

Nhận biết đầy đủ (chỉ Khay 1)

- Sản phẩm phân biệt giữa phim trong suốt (chế độ Giấy kính trong suốt) và giấy (chế độ Bình thường).
- Mỗi lần sản phẩm in một trang, nó sẽ nhận biết phim trong suốt hoặc không trong suốt.
- Đây là chế độ chậm nhất.

Chỉ phim trong suốt

- Sản phẩm phân biệt giữa phim trong suốt (chế độ Giấy kính trong suốt) và giấy (chế độ Bình thường).
- Sản phẩm cho rằng trang thứ hai và tất cả các trang tiếp theo thuộc cùng một loại phương tiện như trang đầu tiên.
- Đây là chế độ nhanh nhất và tiện cho việc in số lượng lớn ở chế độ Bình thường.

Để biết thêm thông tin về việc cài đặt các tùy chọn này, xem [Menu Chất lượng In thuộc trang 23](#).

Chọn phương tiện theo nguồn, loại hoặc kích thước

Trong hệ điều hành Microsoft Windows, ba cài đặt này ảnh hưởng đến cách thức trình điều khiển máy in lấy phương tiện khi bạn gửi lệnh in. Các cài đặt *Source* (Nguồn) *Type* (Loại) và *Size* (Kích thước) xuất hiện trong các hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)** hoặc **Print Properties** (Đặc tính In), trong phần lớn các chương trình phần mềm. Trừ khi bạn thay đổi những cài đặt này, nếu không, sản phẩm sẽ tự động chọn khay bằng cách sử dụng cài đặt mặc định.

Nguồn

Để in theo *Source* (Nguồn), chọn khay cụ thể để sản phẩm lấy giấy từ nguồn đó. Nếu bạn chọn khay được lập cấu hình theo loại hoặc kích thước không giống như loại hoặc kích thước trong lệnh in, sản phẩm sẽ nhắc bạn nạp khay có loại hoặc kích thước phương tiện in đó cho lệnh in của bạn trước khi in. Khi bạn nạp khay, sản phẩm sẽ bắt đầu in.

Loại và Kích thước

In theo *Type* (Loại) hoặc *Size* (Kích thước) nghĩa là bạn muốn sản phẩm lấy giấy từ khay có đúng kích thước và loại phương tiện. Khi bạn chọn phương tiện theo loại chứ không theo nguồn, điều này cũng tương tự như việc khóa các khay lại và giúp bảo vệ phương tiện đặc biệt khỏi bị sử dụng mà bạn không biết. Ví dụ: nếu một khay được lập cấu hình theo giấy in sẵn đầu đề và bạn chọn loại giấy thường, sản phẩm sẽ không lấy giấy in sẵn đầu đề từ khay đó. Thay vào đó, sản phẩm sẽ lấy giấy từ khay có giấy thường và được lập cấu hình theo giấy thường trên bảng điều khiển của sản phẩm. Việc chọn phương tiện theo Loại và Kích thước sẽ tạo ra chất lượng in tốt hơn đáng kể cho giấy nặng, giấy láng, và phim trong suốt. Sử dụng sai cài đặt có thể dẫn đến chất lượng in không như mong muốn. Luôn in theo *Type* (Loại) đối với các phương tiện in đặc biệt, như là nhãn hoặc phim trong suốt. In theo *Kích thước* đối với phong bì, nếu có thể.

- Để in theo Loại hoặc Kích thước, chọn loại hoặc kích thước từ hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)** hoặc **Print Properties** (Đặc tính In), tùy thuộc vào chương trình phần mềm.
- Nếu bạn thường in trên một loại hoặc kích thước phương tiện cụ thể, hãy lập cấu hình khay cho loại hoặc kích thước giấy đó. Sau đó, khi bạn chọn loại hoặc kích thước khi bạn in, sản phẩm sẽ tự động lấy phương tiện từ khay đã được lập cấu hình theo loại hoặc kích thước đó.

7 Sử dụng tính năng của sản phẩm


- [Cài đặt tiết kiệm](#)
- [Sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in](#)
- [In đồ họa kinh doanh hoặc tài liệu tiếp thị](#)
- [In bản đồ chịu đựng được các điều kiện thời tiết và các biển báo ngoài trời](#)
- [Đặt canh chỉnh hai mặt](#)

Cài đặt tiết kiệm



Bạn có thể điều chỉnh cài đặt tiết kiệm từ panen điều khiển hoặc từ máy chủ Web nhúng (EWS).

Thời gian hoãn chế độ Sleep (Nghỉ)



Tính năng chế độ nghỉ có thể điều chỉnh được sẽ giúp làm giảm lượng tiêu thụ điện khi sản phẩm không hoạt động trong một thời gian kéo dài. Bạn có thể đặt khoảng thời gian trước khi sản phẩm chuyển sang chế độ nghỉ. Cài đặt mặc định là **15 PHÚT**.

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm hiển thị không rõ ràng khi ở trong chế độ nghỉ. Chế độ này không ảnh hưởng đến thời gian chạy nóng máy của sản phẩm.

Đặt thời gian hoãn chế độ nghỉ

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT HỆ THỐNG**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **THỜI GIAN HOÃN CHẾ ĐỘ NGHỈ**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên lên hoặc xuống ▲/▼ để chọn khoảng thời gian thích hợp.
6. Bấm nút **OK** để đặt khoảng thời gian.
7. Bấm nút **Menu** .

Bật/tắt chế độ nghỉ

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **XÁC LẬP LẠI**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CHẾ ĐỘ NGHỈ**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn cài đặt **BẬT** hoặc **TẮT**.
6. Bấm nút **OK** để lưu lựa chọn
7. Bấm nút **Menu** .

Thời gian đánh thức

Tính năng thời gian đánh thức cho phép bạn hướng dẫn sản phẩm "thức dậy" vào một thời điểm cụ thể trong những ngày được chọn, nhằm loại bỏ khoảng thời gian chờ chạy nóng máy và hiệu chỉnh. Bạn phải bật cài đặt **CHẾ ĐỘ NGHỈ** để đặt thời gian đánh thức.

 **GHI CHÚ:** Đảm bảo rằng đồng hồ thời gian thực được đặt trước khi đặt thời gian đánh thức. Để biết thêm thông tin, xem [Đặt đồng hồ thời gian thực thuộc trang 101](#).

Để đặt hoặc thay đổi thời gian đánh thức, hãy thực hiện các bước sau:



Đặt đồng hồ thời gian thực

Sử dụng tính năng đồng hồ thời gian thực để đặt cài đặt ngày giờ. Thông tin ngày giờ được gắn với các lệnh in đã lưu, để bạn có thể nhận dạng những phiên bản mới nhất.

Đặt đồng hồ thời gian thực

Đặt ngày	<ol style="list-style-type: none">1. Bấm nút Menu .2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÁU HÌNH THIẾT BỊ, và sau đó bấm nút OK.3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÀI ĐẶT HỆ THỐNG, và sau đó bấm nút OK.4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu NGÀY/GIỜ, và sau đó bấm nút OK.5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu NGÀY, và sau đó bấm nút OK.6. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn năm, tháng, và ngày. Bấm nút OK sau mỗi lần chọn.
Đặt định dạng ngày	<ol style="list-style-type: none">1. Bấm nút Menu .2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÁU HÌNH THIẾT BỊ, và sau đó bấm nút OK.3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÀI ĐẶT HỆ THỐNG, và sau đó bấm nút OK.4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu NGÀY/GIỜ, và sau đó bấm nút OK.5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu ĐỊNH DẠNG NGÀY, và sau đó bấm nút OK.6. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn định dạng ngày, và sau đó bấm nút OK.
Đặt thời gian	<ol style="list-style-type: none">1. Bấm nút Menu .2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÁU HÌNH THIẾT BỊ, và sau đó bấm nút OK.3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÀI ĐẶT HỆ THỐNG, và sau đó bấm nút OK.4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu NGÀY/GIỜ, và sau đó bấm nút OK.5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu GIỜ, và sau đó bấm nút OK.6. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn giờ, phút, và cài đặt AM/PM (sáng/chiều). Bấm nút OK sau mỗi lần chọn.
Đặt định dạng thời gian	<ol style="list-style-type: none">1. Bấm nút Menu .2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÁU HÌNH THIẾT BỊ, và sau đó bấm nút OK.3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu CÀI ĐẶT HỆ THỐNG, và sau đó bấm nút OK.4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu NGÀY/GIỜ, và sau đó bấm nút OK.5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu ĐỊNH DẠNG GIỜ, và sau đó bấm nút OK.6. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn định dạng thời gian, và sau đó bấm nút OK.

Đặt thời gian đánh thức

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT HỆ THỐNG**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **THỜI GIAN ĐÁNH THỨC**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn ngày trong tuần, sau đó bấm nút **OK**.
6. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **TÙY CHỈNH**, và sau đó bấm nút **OK**.
7. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn giờ, và sau đó bấm nút **OK**.
8. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn phút, và sau đó bấm nút **OK**.
9. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn cài đặt **AM** (sáng) hoặc **PM** (chiều), sau đó bấm nút **OK**.
10. Bấm nút **OK** để mở menu **APPLY TO ALL DAYS** (ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC NGÀY).
11. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn cài đặt **CÓ** hoặc **KHÔNG**, sau đó bấm nút **OK**.
12. Nếu bạn chọn **NO** (KHÔNG), hãy sử dụng mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để đặt cài đặt **THỜI GIAN ĐÁNH THỨC** cho những ngày khác trong tuần, sau đó bấm nút **OK** để chấp nhận mỗi lựa chọn.
13. Bấm nút **Menu** .

Đặt chế độ tiết kiệm từ EWS

1. Từ một trình duyệt Web, mở EWS. Xem [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 130](#).
2. Bấm **Settings** (Cài đặt) và sau đó bấm **Wake Time** (Thời Gian Đánh Thức).
3. Đặt thời gian đánh thức cho mỗi ngày trong tuần.
4. Đặt thời gian hoãn chế độ nghỉ cho sản phẩm.
5. Bấm **Apply** (Áp dụng).

Sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in

Các tính năng lưu trữ lệnh in sau đây đều sẵn có đối với các lệnh in:

- **Proof and hold jobs** (Kiểm tra và giữ lệnh in): Tính năng này cho phép bạn dễ dàng và nhanh chóng in và kiểm tra bản sao của lệnh in, sau đó in các bản sao khác.
- **Personal jobs** (Lệnh In Riêng): Khi bạn gửi một lệnh in riêng đến sản phẩm, sản phẩm sẽ không in cho đến khi bạn cung cấp số nhận dạng cá nhân (PIN) bắt buộc trên bảng điều khiển.
- **Quick Copy jobs** (Lệnh in Sao chép Nhanh): Nếu đã lắp ổ cứng tùy chọn vào sản phẩm, bạn có thể in số bản sao của một lệnh in đã yêu cầu và sau đó lưu một bản sao của lệnh in này vào ổ cứng tùy chọn. Việc lưu lệnh in cho phép bạn in thêm các bản sao sau này.
- **Stored jobs** (Lệnh in Đã Lưu): Nếu đã lắp ổ cứng tùy chọn vào sản phẩm, bạn có thể lưu lệnh in như biểu mẫu nhân viên, bảng chấm công hoặc lịch biểu trên sản phẩm và cho phép người sử dụng khác in lệnh in vào bất kỳ thời gian nào. Những lệnh in đã lưu cũng có thể được bảo vệ bằng số PIN.

△ **THẬN TRỌNG:** Khi bạn tắt sản phẩm tất cả các lệnh in Quick Copy (Sao chép Nhanh), Proof and Hold (Kiểm tra và Giữ) và Personal (Riêng) đều bị xóa đi.


Tạo lệnh in đã lưu

Sử dụng trình điều khiển máy in để tạo lệnh in đã lưu.

Windows	<ol style="list-style-type: none">1. Trên menu File (Tập tin), nhấp Print.2. Bấm Properties (Đặc tính), sau đó bấm tab Job Storage (Lưu trữ Lệnh In).3. Chọn chế độ lưu trữ lệnh in mà bạn muốn. <p>Để biết thêm thông tin, xin xem tại Đặt tùy chọn lưu trữ lệnh in thuộc trang 114.</p>
Macintosh	<ol style="list-style-type: none">1. Trên menu File (Tập tin), nhấp Print.2. Mở menu Job Storage (Lưu trữ Lệnh In).3. Trong danh sách Job Storage: (Lưu trữ Lệnh In:) thả xuống, chọn loại lệnh in đã lưu. <p>Để biết thêm thông tin, xin xem tại Lưu trữ nhiệm vụ thuộc trang 63.</p>


📌 **GHI CHÚ:** Để lưu trữ cố định lệnh in và ngăn không cho sản phẩm xóa lệnh in khi cần có bộ nhớ cho việc khác, hãy chọn tùy chọn **Stored Job** (Lệnh In Đã Lưu) trong trình điều khiển.

In lệnh in đã lưu

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **TRUY LỤC LỆNH IN**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tên người sử dụng của bạn, sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tên lệnh in, sau đó bấm nút **OK**.

Tùy chọn **IN** hoặc **IN VÀ XÓA** sẽ được tô sáng.

5. Bấm nút **OK** để chọn tùy chọn **IN** hoặc **IN VÀ XÓA**.
6. Nếu lệnh in yêu cầu mã PIN, hãy bấm mũi tên **▲** hoặc mũi tên xuống **▼** để nhập mã PIN, sau đó bấm nút **OK**.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn sử dụng mũi tên lên **▲** hoặc mũi tên xuống **▼** để nhập mã PIN, hãy bấm nút **OK** sau mỗi chữ số.

7. Bấm nút **OK** để chọn tùy chọn **BẢN SAO**.
8. Để in số bản sao đã xác định trong trình điều khiển khi lệnh in đã được lưu, bấm nút **OK** để chọn tùy chọn **LỆNH IN**.


- hoặc -


Để in nhiều bản sao hơn như đã xác định trong trình điều khiển khi lệnh in đã được lưu, bấm mũi tên xuống **▼** để chọn tùy chọn **BẢN SAO**, và sau đó bấm nút **OK**. Bấm mũi tên lên **▲** hoặc mũi tên xuống **▼** để chọn số bản sao, và sau đó bấm nút **OK**. Số bản sao được in là số bản sao được xác định trong trình điều khiển nhân với số bản sao được xác định cho tùy chọn **BẢN SAO**.

Xóa lệnh in đã lưu

Khi bạn gửi lệnh in đã lưu, sản phẩm sẽ ghi đè bất kỳ lệnh in nào có trước đó với cùng tên lệnh in và người sử dụng. Nếu lệnh in không được lưu với cùng tên lệnh in và người sử dụng, và sản phẩm cần có thêm bộ nhớ, sản phẩm sẽ có thể xóa đi các lệnh in đã lưu khác. Việc xóa bắt đầu từ lệnh in cũ nhất. Bạn có thể thay đổi số lượng lệnh in có thể được lưu từ menu **TRUY LỤC LỆNH IN** trên bảng điều khiển của sản phẩm.

Bạn có thể xóa lệnh in từ bảng điều khiển sản phẩm, máy chủ Web nhúng hoặc từ HP Web Jetadmin. Để xóa lệnh in từ bảng điều khiển, hãy sử dụng quy trình sau:

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống **▼** để chọn menu **TRUY LỤC LỆNH IN**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống **▼** để chọn tên người sử dụng của bạn, sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống **▼** để chọn tên lệnh in, sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên xuống **▼** để chọn tùy chọn **XÓA**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Nếu lệnh in yêu cầu mã PIN, hãy bấm mũi tên **▲** hoặc mũi tên xuống **▼** để nhập mã PIN, sau đó bấm nút **OK**.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn sử dụng mũi tên lên **▲** hoặc mũi tên xuống **▼** để nhập mã PIN, hãy bấm nút **OK** sau mỗi chữ số.

7. Bấm nút **OK** để xác nhận bạn muốn xóa lệnh in đó.

In đồ họa kinh doanh hoặc tài liệu tiếp thị

Bạn có thể sử dụng sản phẩm này để in tài liệu tiếp thị và bán hàng hoặc các tài liệu màu khác trên giấy láng. Để tối đa hóa chất lượng của đầu ra này, bạn phải thực hiện các bước sau:

- Chọn giấy thích hợp. Xem bảng dưới đây.
- Cấu hình khay giấy chính xác. Xem [Cấu hình khay giấy thuộc trang 105](#).
- Chọn cài đặt thích hợp trong trình điều khiển máy in. Xem [Cấu hình cài đặt trình điều khiển thuộc trang 106](#).

Giấy láng được hỗ trợ

Sản phẩm giấy láng của HP	Mã sản phẩm	Kích thước sản phẩm	Cài đặt panen điều khiển và trình điều khiển máy in
Giấy Thuyết trình HP Laser, Láng Mềm	Q6541A	Letter	Láng mềm HP 120 g
Giấy Thuyết trình HP, Giấy láng	Q2546A	Letter	Giấy láng HP 130 g
Giấy Thuyết trình HP, Giấy láng	Q2552A	A4	Giấy láng HP 130 g
Giấy Chuyên nghiệp HP Laser, Láng Mềm	Q6542A	A4	Láng mềm HP 120 g
Giấy Sách mỏng HP, Giấy láng	Q6611A, Q6610A	Letter	Giấy láng HP 160 g
Giấy Cao cấp HP Laser, Giấy láng	Q6616A	A4	Giấy láng HP 160 g
Giấy Ảnh HP Laser, Giấy láng	Q6607A, Q6608A	Letter	Giấy láng HP 220 g
Giấy Ảnh HP Laser, Giấy láng	Q6614A	A4	Giấy láng HP 220 g
Giấy Ảnh HP Laser, Giấy láng 4x6	Q8842A	101,6 x 152,4 mm	Giấy láng HP 220 g
Giấy Ảnh HP Laser, Giấy láng 10 cm x 15 cm	Q8843A	101,6 x 152,4 mm	Giấy láng HP 220 g

 **GHI CHÚ:** Tại Mỹ, hãy xem trên www.hp.com/go/paper để có danh sách giấy thương hiệu HP đầy đủ.

Cấu hình khay giấy

Cấu hình khay giấy cho đúng loại giấy.

1. Nạp giấy vào Khay 2 hoặc 3.
2. Sau khi bạn đóng khay lại, panen điều khiển sẽ nhắc bạn cấu hình khổ và loại giấy. Bấm nút **OK** để cấu hình kích thước và loại.

3. Nếu đúng khổ giấy hiển thị, bấm nút **OK** để chấp nhận khổ giấy này, nếu không hãy bấm mũi tên lên hoặc xuống ▲ ▼ để chọn một khổ giấy khác.
4. Khi nhắc loại giấy hiển thị, bấm mũi tên lên hoặc xuống ▲ ▼ để chọn loại giấy thích hợp và sau đó bấm nút **OK** để chọn nó.

Cấu hình cài đặt trình điều khiển

Thực hiện các bước sau đây để in trên giấy láng từ phần mềm đồ họa.

1. Chọn **Print (In)** từ menu **File (Tệp)** của chương trình phần mềm.
2. Chọn trình máy in Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP3525, sau đó bấm **Properties (Đặc tính)** hoặc **Preferences (Sở thích)**.
3. Từ danh sách thả xuống **Paper type (Loại giấy)**, chọn cùng loại giấy bạn đã cấu hình trên panen điều khiển của sản phẩm.
4. Bấm **OK** để lưu cài đặt và **OK** để in. Lệnh in sẽ tự động được in từ khay đã được cấu hình cho giấy.

In bản đồ chịu đựng được các điều kiện thời tiết và các biến báo ngoài trời

Bạn có thể sử dụng Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP3525 để in bản đồ, biển báo hoặc menu chịu đựng được các điều kiện thời tiết, bền bằng cách sử dụng Giấy Dai HP. Giấy Dai HP là loại giấy láng có thể chịu nước, chống rách có thể giữ được màu in sắc sỡ sống động và rõ nét ngay cả khi sử dụng nhiều hoặc trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Điều này tránh được sự cản trở tốn tiền và tốn thời gian. Để tối đa hóa chất lượng của đầu ra này, bạn phải thực hiện các bước sau:


- Chọn giấy thích hợp. Xem bảng dưới đây.
- Cấu hình khay giấy chính xác. Xem [Cấu hình khay giấy thuộc trang 105](#).
- Chọn cài đặt thích hợp trong trình điều khiển máy in. Xem [Cấu hình cài đặt trình điều khiển thuộc trang 106](#).

Giấy dai được hỗ trợ

Tên giấy HP	Mã sản phẩm	Kích thước sản phẩm	Cài đặt panen điều khiển và trình điều khiển máy in
Giấy dai HP LaserJet	Q1298A	Letter	Giấy Dai HP
Giấy dai HP LaserJet	Q1298B	A4	Giấy Dai HP

Đặt canh chỉnh hai mặt

Với các tài liệu in hai mặt chẳng hạn như sách mỏng, hãy đặt đăng ký cho khay trước khi in để đảm bảo rằng mặt trước và mặt sau của trang được canh thẳng khớp.


1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÁU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CHẤT LƯỢNG IN**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **ĐẶT ĐĂNG KÝ**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **ĐIỀU CHỈNH KHAY <X>** cho khay bạn muốn điều chỉnh, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **IN TRANG KIỂM TRA**, và sau đó bấm nút **OK**.
7. Thực hiện theo hướng dẫn trên trang in thử để hoàn tất việc điều chỉnh.

8 Tác vụ in

- [Hủy lệnh in](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows](#)

Hủy lệnh in

Bạn có thể dừng yêu cầu in bằng cách sử dụng bảng điều khiển hoặc sử dụng chương trình phần mềm. Để có các hướng dẫn về cách dừng yêu cầu in từ máy tính trên mạng, xem phần Trợ giúp trực tuyến dành cho phần mềm mạng cụ thể.

 **GHI CHÚ:** Có thể mất vài phút để xóa việc in ẩn sau khi bạn đã hủy lệnh in.

Dừng lệnh in in hiện tại từ bảng điều khiển

1. Bấm nút dừng  trên bảng điều khiển.
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **HỦY LỆNH IN HIỆN THỜI**, và sau đó bấm nút **OK**.

Dừng lệnh in hiện tại từ chương trình phần mềm

Khi bạn gửi lệnh in, một hộp thoại xuất hiện nhanh trên màn hình, cho bạn tùy chọn hủy lệnh in.

Nếu nhiều yêu cầu được gửi tới sản phẩm qua phần mềm của bạn, các yêu cầu này có thể đang chờ trong dãy lệnh in (ví dụ trong Windows Print Manager). Xin xem tài liệu của phần mềm để có hướng dẫn cụ thể về cách hủy yêu cầu in từ máy in.

Nếu một lệnh in đang xếp hàng chờ in hoặc trong bộ in nền, hãy xóa lệnh in có ở đó.

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu mặc định):** Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers and Faxes** (Máy in và Fax).

- hoặc -

Windows 2000, Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu Cổ điển): Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers** (Máy in).

- hoặc -

Windows Vista: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó vào phân mục dành cho **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

2. Trong danh sách máy in, bấm đúp vào tên sản phẩm này để mở hàng chờ in hoặc bộ in nền.
3. Chọn lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó bấm **Delete** (Xóa).

Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows

Mở trình điều khiển máy in

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Mở trình điều khiển máy in	Trên menu File (Tập) trong chương trình phần mềm, bấm Print (In). Chọn trình điều khiển, sau đó bấm Properties (Đặc tính) hoặc Preferences (Sở thích).
Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ấn	Bấm biểu tượng ? nằm ở góc trên bên phải của trình điều khiển máy in, sau đó bấm vào bất kỳ mục nào trong trình điều khiển máy in. Một thông báo dạng bật lên (pop-up) sẽ xuất hiện, cho biết thông tin về mục đó. Nếu không, bấm Help (Trợ giúp) để mở phần Trợ giúp trực tuyến.

Sử dụng các lối tắt in

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Printing Shortcuts** (Lối tắt In).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Sử dụng lối tắt in	Chọn một trong các lối tắt, sau đó bấm OK để in nhiệm vụ với các thông số đã được xác định trước. GHI CHÚ: Luôn chọn một phím tắt trước khi điều chỉnh bất kỳ cài đặt nào ở bên phải màn hình. Nếu bạn điều chỉnh cài đặt và sau đó chọn một phím tắt, tất cả các điều chỉnh sẽ bị mất.
Tạo lối tắt in tùy chỉnh	a) Chọn một lối tắt in hiện có để làm cơ sở. b) Chọn các tùy chọn in cho lối tắt mới. c) Bấm Save As (Lưu Như), gõ tên cho lối tắt, sau đó bấm OK . GHI CHÚ: Luôn chọn một phím tắt trước khi điều chỉnh bất kỳ cài đặt nào ở bên phải màn hình. Nếu bạn điều chỉnh cài đặt và sau đó chọn một phím tắt, tất cả các điều chỉnh sẽ bị mất.

Đặt các tùy chọn chất lượng và giấy in

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn kích thước giấy	Chọn một kích thước từ danh sách Paper size (Kích thước giấy) thả xuống.
Chọn kích thước giấy tùy chỉnh	a) Bấm Custom (Tùy chỉnh). Hộp thoại Custom Paper Size (Kích thước Giấy Tùy chỉnh) sẽ xuất hiện. b) Gõ tên cho kích thước tùy chỉnh, xác định các chiều và bấm OK .
Chọn nguồn giấy	Chọn một khay từ danh sách Paper source (Nguồn giấy) thả xuống.

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn loại giấy	Từ danh sách Paper type (Loại giấy) bấm More... (Khác). Mở rộng các điều khoản và điều kiện cho Type is: (Loại là:) Mở rộng danh mục loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn, và sau đó bấm vào loại giấy bạn định sử dụng.
In trang bìa trên giấy khác nhau In trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác nhau	a) Trong khu vực Special pages (Các trang đặc biệt), bấm Covers (Trang bìa) hoặc Print pages on different paper (In các trang trên giấy khác nhau), sau đó bấm Settings (Cài đặt). b) Chọn tùy chọn để in trang bìa trước để trắng hoặc in sẵn, trang bìa sau hoặc cả hai. Hoặc, chọn tùy chọn để in trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác nhau. c) Chọn các tùy chọn từ các danh sách Paper source (Nguồn giấy) và Paper type (Loại giấy) thả xuống, sau đó bấm Add (Thêm). d) Bấm OK .
Điều chỉnh độ phân giải hình ảnh in ra	Trong khu vực Print Quality (Chất lượng In), chọn một tùy chọn từ danh sách thả xuống đầu tiên. Xem phần Help (Trợ giúp) trực tuyến của trình điều khiển máy in để biết thông tin về mỗi một tùy chọn trong các tùy chọn sẵn có.
Điều chỉnh độ bóng trên các trang in ra.	Trong khu vực Print Quality (Chất lượng In), chọn một tùy chọn từ danh sách Gloss Level (Độ Bóng) thả xuống. GHI CHÚ: Nếu bạn định sử dụng giấy láng, chọn loại giấy đó từ danh sách thả xuống Paper type (Loại giấy) thay vì đặt mức láng.

Đặt các hiệu ứng cho tài liệu

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Effects** (Hiệu ứng).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Co giãn trang cho vừa kích thước giấy được chọn	Bấm Print document on (In tài liệu trên), sau đó chọn kích thước từ danh sách thả xuống.
Co giãn trang theo tỷ lệ phần trăm của kích thước thực	Bấm % of actual size (% của kích thước thực), sau đó gõ tỷ lệ phần trăm hoặc điều chỉnh thanh trượt.
In hình mờ	a) Chọn hình mờ từ danh sách Watermarks (Hình mờ) thả xuống. b) Để in hình mờ chỉ trên trang đầu tiên, bấm First page only (Chỉ trang đầu tiên). Nếu không, hình mờ sẽ được in trên mỗi trang.
Thêm hoặc chỉnh sửa hình mờ	a) Trong khu vực Watermarks (Hình mờ), bấm Edit (Sửa). Hộp thoại Watermark Details (Chi tiết Hình mờ) sẽ mở ra. b) Xác định các thông số cho hình mờ, sau đó bấm OK .

GHI CHÚ: Để sử dụng tính năng này, phải cài đặt trình điều khiển máy in vào máy tính thay vì một máy chủ.

Đặt các tùy chọn hoàn thành tài liệu

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Finishing** (Hoàn thành).

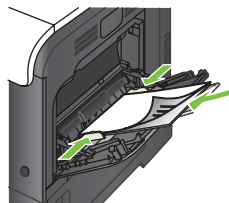
Làm thế nào để

In thủ công trên hai mặt

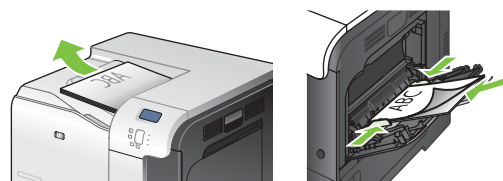
GHI CHÚ: Thông tin này áp dụng cho những sản phẩm không có phụ kiện in hai mặt tự động.

Thực hiện các bước

1. Nạp giấy vào khay 1 với mặt quay xuống hoặc vào khay 2 với mặt quay lên.



2. Trong trình điều khiển máy in, chọn hộp chọn **Print on both sides (manually)** (In hai mặt (thủ công)). Nếu bạn định đóng tài liệu dọc theo cạnh trên, chọn hộp chọn **Flip pages up** (Lật trang lên).
3. Bấm nút **OK** để in mặt đầu tiên của lệnh in.
4. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra, và đặt nó vào khay 1 với mặt đã in quay lên.

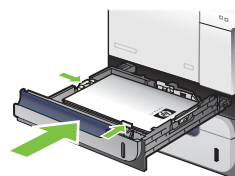


5. Bấm nút **OK** để in mặt thứ hai lệnh in.

In trên hai mặt tự động

GHI CHÚ: Thông tin này áp dụng cho những sản phẩm có phụ kiện in hai mặt tự động.

1. Nạp giấy vào khay 2 với mặt quay lên.



2. Trong trình điều khiển máy in, chọn hộp chọn **Print on both sides** (In hai mặt). Nếu bạn định đóng tài liệu dọc theo cạnh trên, chọn hộp chọn **Flip pages up** (Lật trang lên).
3. Nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

In sách nhỏ

- a) Chọn hộp chọn **Print on both sides** (In hai mặt). b) Trong danh sách thả xuống **Booklet layout** (Bố cục sách nhỏ), bấm vào tùy chọn **Left binding** (Đóng trái) hoặc **Right binding** (Đóng phải). Tùy chọn **Pages per sheet** (Trang trên mỗi bản) sẽ tự động chuyển thành **2 pages per sheet** (2 trang mỗi mặt).

In nhiều trang một tờ

- a) Chọn số lượng trang trên một tờ từ danh sách **Pages per sheet** (Trang trên một tờ) thả xuống. b) Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Định hướng).


Chọn hướng của trang

- a) Trong khu vực **Orientation** (Định hướng), chọn tùy chọn **Portrait** (Dọc) hoặc **Landscape** (Ngang). b) Để in hình ảnh

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
	trang theo chiều lật ngược từ trên xuống, chọn các điều khoản và điều kiện Rotate by 180 degrees (Xoay 180 độ).

Đặt tùy chọn lưu trữ lệnh in

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh In).

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về tính năng lưu trữ lệnh in, xem [Lưu trữ nhiệm vụ thuộc trang 63](#) và [Đặt tùy chọn lưu trữ lệnh in thuộc trang 114](#).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Thử in một bản trước khi in tất cả các bản sao	Trong khu vực Job Storage Mode (Chế độ Lưu trữ Lệnh In), bấm Proof and Hold (In thử và Giữ). Sản phẩm sẽ chỉ in bản sao đầu tiên. Một thông báo xuất hiện trên bảng điều khiển của sản phẩm để nhắc bạn in các bản sao còn lại.
Tạm thời lưu trữ lệnh in cá nhân trên sản phẩm và thực hiện lệnh in sau này	a) Trong khu vực Job Storage Mode (Chế độ Lưu trữ Lệnh In), bấm Personal Job (Lệnh In Riêng). b) Tùy chọn: Trong vùng Make Job Private (Giữ kín Lệnh In), bấm Số PIN để in , và nhập số nhận dạng cá nhân (PIN) gồm 4 chữ số.
Tạm thời lưu trữ lệnh in trên sản phẩm GHI CHÚ: Những lệnh in này sẽ bị xóa đi nếu tắt sản phẩm.	Trong khu vực Job Storage Mode (Chế độ Lưu trữ Lệnh In), bấm Quick Copy (Sao chép Nhanh). Một bản sao của lệnh in sẽ ngay lập tức được in ra, nhưng bạn có thể in nhiều bản sao từ bảng điều khiển của sản phẩm.
Cố định lưu trữ lệnh in trên sản phẩm	Trong khu vực Job Storage Mode (Chế độ Lưu trữ Lệnh In), bấm Stored Job (Lệnh In đã Lưu).
Giữ kín lệnh in đã lưu cố định sao cho bất kỳ ai muốn thực hiện lệnh in đều phải cung cấp số PIN	a) Trong khu vực Job Storage Mode (Chế độ Lưu trữ Lệnh In), bấm Stored Job (Lệnh In đã Lưu). b) Trong khu vực Make Job Private (Giữ kín Lệnh In), bấm Số PIN để in , sau đó nhập số nhận dạng cá nhân (PIN) gồm 4 chữ số.
Nhận thông báo khi có người thực hiện lệnh in đã được lưu	Trong khu vực Job Notification Options (Tùy chọn Thông báo Lệnh In), bấm Display Job ID when printing (Hiện thị ID Lệnh In khi in).
Đặt tên người dùng cho lệnh in đã được lưu	Trong khu vực User Name (Tên Người dùng), bấm User name (Tên người dùng) để sử dụng tên người dùng mặc định của Windows. Để cấp một tên người dùng khác, bấm Custom (Tùy chỉnh) và gõ tên vào.
Xác định tên cho lệnh in đã lưu	a) Trong khu vực Job Name (Tên Lệnh In), bấm Automatic (Tự động) để sử dụng tên lệnh in mặc định. Để xác định một tên lệnh in khác, bấm Custom (Tùy chỉnh) và gõ tên vào. b) Chọn một tùy chọn từ danh sách If job name exists (Nếu tên lệnh in đã tồn tại) thả xuống. Chọn Use Job Name + (1-99) (Sử dụng Tên Lệnh In + (1-99)) để thêm số vào phần cuối của tên hiện có, hoặc chọn Replace Existing File (Thay thế Tập tin Hiện có) để ghi đè lệnh in đã có tên đó.

Đặt các tùy chọn màu

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Color** (Màu).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Dùng tay điều chỉnh các thông số cài đặt màu	a) Trong khu vực Color Options (Tùy chọn Màu), bấm vào Manual (Thủ công), sau đó bấm Settings (Cài đặt). b) Bạn có thể điều chỉnh các thông số cài đặt đối với phần Edge Control (Kiểm soát Cạnh) và các thông số cài đặt dành cho văn bản, đồ họa và ảnh chụp. Xem Quản lý màu thuộc trang 118 để biết thông tin về mỗi tùy chọn.
Tắt tính năng in màu và chỉ sử dụng tính năng in đen xám.	Trong vùng Color Options (Tùy chọn Màu), bấm Print in Grayscale (In ở Sắc độ Xám).
Thay đổi cách kết xuất màu	Trong khu vực Color Themes (Chủ đề Màu), chọn một tùy chọn từ danh sách thả xuống. Xem Quản lý màu thuộc trang 118 để biết thông tin về mỗi tùy chọn.

Xem thông tin hỗ trợ và thông tin về tình trạng sản phẩm

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Services** (Dịch vụ).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Xem thông tin hỗ trợ dành cho sản phẩm và đặt mua các nguồn cung cấp trực tuyến	Trong danh sách Internet Services (Dịch vụ Internet) thả xuống, chọn một tùy chọn hỗ trợ và bấm Go! (Bắt đầu!)
Kiểm tra tình trạng của sản phẩm, bao gồm mức độ các nguồn cung cấp	Bấm biểu tượng Device and Supplies Status (Tình trạng Thiết bị và Nguồn Cung cấp). Trang Device Status (Tình trạng Thiết bị) của máy chủ Web nhúng HP sẽ mở ra.
Tim thông tin về số trang màu và số trang chỉ đen trắng mà sản phẩm đã in	Bấm vào biểu tượng Print Color Usage Job Log (In Nhật ký Lệnh in Sử dụng Màu). Nhật ký lệnh in sử dụng màu sẽ liệt kê tổng số trang đã được in, cũng như số trang trong số này là trang màu và số trang chỉ là màu đen.

Đặt các tùy chọn in nâng cao

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Advanced** (Nâng cao).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn các tùy chọn in nâng cao	Trong bất kỳ mục nào, bấm một cài đặt hiện tại để kích hoạt danh sách thả xuống. Bạn có thể thay đổi thông số cài đặt từ danh sách này.
Thay đổi số lượng bản sao chép được in ra GHI CHÚ: Nếu phần mềm bạn đang sử dụng không hỗ trợ tính năng in các bản sao với một số lượng cụ thể, bạn có thể thay đổi số lượng các bản sao trong trình điều khiển. Khi bạn thay đổi thông số cài đặt này, sẽ tác động đến số lượng các bản sao chép của tất cả các nhiệm vụ in. Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ in, hãy khôi phục lại thông số cài đặt này về giá trị gốc.	Mở mục Paper/Output (Giấy/Giấy ra) và nhập số lượng bản sao cần in. Nếu bạn chọn nhiều hơn 1 bản sao, bạn có thể chọn tùy chọn đối chiếu các trang.

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
In chữ màu thành đen trắng chứ không phải là đen xám	a) Mở mục Document Options (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục Printer Features (Tính năng Máy in). b) Trong danh sách Print All Text as Black (In Tất cả Chữ thành Đen trắng) thả xuống, chọn Enabled (Bật).
Thay đổi thứ tự các trang sẽ được in	a) Mở mục Document Options (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục Layout Options (Tùy chọn Bố cục). b) Trong danh sách Page Order (Thứ tự Trang) thả xuống, chọn Front to Back (Trước đến Sau) để in các trang theo thứ tự giống như khi trong tài liệu, hoặc chọn Back to Front (Sau đến Trước) để in các trang theo thứ tự ngược lại.

9 Sử dụng màu


- [Quản lý màu](#)
- [Khớp màu](#)
- [Các cài đặt sử dụng màu](#)

Quản lý màu

Quản lý màu bằng cách thay đổi cài đặt trên tab Màu trong trình điều khiển máy in.

Tự động

Việc cài đặt tùy chọn mang sang chế độ **Tự động** thường cho chất lượng in tốt nhất đối với tài liệu màu. Tùy chọn điều chỉnh màu **Tự động** sẽ tối ưu hoá việc xử lý màu xám trung tính, bán sắc, và nâng cao cạnh cho từng yếu tố trong một tài liệu. Để biết thêm thông tin, xem Trợ giúp trực tuyến về trình điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** **Tự động** là cài đặt mặc định và được đề nghị cho việc in tất cả tài liệu màu.

In ở Sắc Độ Xám


Chọn tùy chọn **Print in Grayscale** (In ở Sắc độ xám) từ trình điều khiển máy in để in tài liệu màu ở dạng đen trắng. Tùy chọn này hữu ích khi in tài liệu màu sẽ được photocopy hoặc fax.

Khi chọn **In ở Sắc độ xám**, máy in sẽ sử dụng chế độ đen trắng, giảm việc sử dụng các hộp mực màu.

Hạn chế sử dụng màu

Sản phẩm này có một cài đặt **HẠN CHẾ SỬ DỤNG MÀU**. Một quản trị mạng có thể sử dụng cài đặt này để hạn chế người sử dụng truy cập vào màu để bảo tồn bột mực màu. Nếu bạn không thể in màu, hãy gặp quản trị mạng.

Hạn chế in màu

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT HỆ THỐNG**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **HẠN CHẾ SỬ DỤNG MÀU**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - **TẮT MÀU**. Cài đặt này từ chối khả năng in màu đối với tất cả người sử dụng.
 - **BẬT MÀU** (mặc định). Cài đặt này cho phép tất cả người sử dụng có thể in màu.
 - **MÀU NẾU ĐƯỢC CHO PHÉP**. Cài đặt này cho phép quản trị mạng cho phép một số người sử dụng và/hoặc ứng dụng nhất định được sử dụng màu. Sử dụng máy chủ Web nhúng để chỉ định những người sử dụng và/hoặc ứng dụng có thể in màu.
6. Bấm **OK** để lưu.

Để biết thêm thông tin về hạn chế và báo cáo sử dụng màu, hãy truy cập vào www.hp.com/go/coloraccess.

Điều chỉnh màu thủ công

Sử dụng tùy chọn điều chỉnh màu **Manual** (Thủ công) để điều chỉnh xử lý màu xám trung tính, bán sắc và nâng cao cạnh cho văn bản, đồ họa và ảnh. Để truy cập vào tùy chọn màu thủ công, từ tab **Color** (Màu), chọn **Manual** (Thủ công) và sau đó chọn **Settings** (Cài đặt).

Tùy chọn màu thủ công

Sử dụng các tùy chọn màu thủ công để điều chỉnh các tùy chọn **Neutral Grays** (Độ Xám Trung tính) **Halftone** (Bán sắc) và **Edge Control** (Kiểm soát Cạnh) cho văn bản, hình đồ họa và hình chụp.

Bảng 9-1 Tùy chọn màu thủ công

Mô tả cài đặt	Đặt tùy chọn
Bán sắc Tùy chọn Halftone (Bán sắc) tác động đến độ phân giải và độ sắc nét của màu được in ra .	<ul style="list-style-type: none">Tùy chọn Smooth (Nhấn) tạo ra hiệu quả tốt hơn cho những vùng lớn, màu liền khối và nâng cao ảnh bằng cách làm nhẵn các phần tô dốc màu. Chọn tùy chọn này khi vùng tô đều và nhấn là ưu tiên số một.Tùy chọn Detail (Chi tiết) hữu ích cho văn bản và đồ họa yêu cầu độ sắc nét rõ ràng giữa các dòng hoặc những hình có một mẫu hình hoặc nhiều chi tiết. Chọn tùy chọn này khi các cạnh sắc và chi tiết là ưu tiên cao nhất.
Độ Xám Trung Tính Cài đặt Neutral Grays (Độ Xám Trung tính) xác định phương pháp để tạo màu xám được sử dụng trong văn bản, hình đồ họa và hình chụp.	<ul style="list-style-type: none">Chỉ có Màu đen tạo màu trung tính (xám và đen) bằng cách chỉ sử dụng mực đen. Điều này bảo đảm các màu trung tính không cần bố trí màu. Cài đặt này tốt nhất cho các tài liệu và hình chụp độ xám.Tùy chọn 4-Color (4 Màu) tạo ra các màu trung tính (xám và đen) bằng cách kết hợp bốn màu của bột mực. Phương pháp này tạo ra các phần tô dốc và chuyển tiếp màu mịn hơn so với các màu khác, và nó tạo ra màu đen đậm nhất.
Kiểm Soát Cạnh Cài đặt Edge Control (Kiểm soát Cạnh) xác định cách render các cạnh. Kiểm soát cạnh có hai thành phần: bẫy và bán sắc thích ứng. Bán sắc thích ứng tăng độ sắc của cạnh. Bẫy giảm hiệu ứng của sự đăng ký sai mặt phẳng màu bằng cách chồng một chút lên các cạnh của các đối tượng gần kề.	<ul style="list-style-type: none">Cài đặt Maximum (Tối đa) là cài đặt bẫy mạnh nhất. Bán sắc thích ứng bật.Normal (Thường) sẽ cài đặt bẫy ở mức trung bình. Bán sắc thích ứng bật.Light (Đèn) sẽ cài đặt bẫy ở mức độ tối thiểu, Bán sắc thích ứng bật.Off (Tắt) sẽ tắt cả bẫy và bán sắc thích ứng.

Chủ đề màu

Sử dụng chủ đề màu để điều chỉnh các tùy chọn **RGB Color** (Màu RGB) cho trang hiện tại.

Mô tả cài đặt	Tùy chọn cài đặt
Màu RGB	<ul style="list-style-type: none">Default (sRGB) ((sRGB) Mặc định) chỉ thị cho sản phẩm dịch màu RGB ra sRGB. Chuẩn sRGB là chuẩn được chấp nhận của Microsoft và the World Wide Web Consortium (http://www.w3.org).Photo (sRGB) (Ảnh (sRGB)) dịch màu RGB như được in là ảnh chụp sử dụng mini-lab kỹ thuật số. Nó render màu sâu hơn, đậm hơn so với chế độ (sRGB) Mặc định. Sử dụng cài đặt này để in ảnh.Tùy chọn Photo (AdobeRGB 1998) (Ảnh (AdobeRGB 1998)) dành cho ảnh kỹ thuật số sử dụng khoảng màu AdobeRGB thay vì sRGB. Khi in từ một chương trình phần mềm chuyên nghiệp sử dụng AdobeRGB, việc quan trọng là bạn phải tắt quản lý màu trong chương trình phần mềm này và để sản phẩm quản lý khoảng màu.

Mô tả cài đặt	Tùy chọn cài đặt
	<ul style="list-style-type: none">● Vivid (sRGB) (Sắc sỡ (sRGB)) lệnh cho sản phẩm tăng độ đậm màu trong các tông trung. Những đối tượng ít màu được render nhiều màu hơn. Bạn nên sử dụng cài đặt này in đồ họa sử dụng trong văn phòng.● Tùy chọn None (Không) đặt máy in in dữ liệu RGB ở chế độ thiết bị thô. Để render ảnh chụp một cách chính xác khi tùy chọn này được chọn, bạn phải quản lý màu trong chương trình đang làm việc hoặc trong hệ điều hành.● Custom profile (Cấu hình tùy chỉnh) tăng độ đậm của màu trong các tông trung. Những đối tượng ít màu được render nhiều màu hơn. Bạn có thể tải xuống các cấu hình tùy chỉnh từ www.hp.com/go/cljcp3525_software.

Khớp màu

Quá trình khớp màu in từ sản phẩm với màn hình máy tính là một quá trình phức tạp vì máy in và màn hình máy tính sử dụng các phương tiện tạo màu khác nhau. Màn hình *hiển thị* màu bằng cách sử dụng các pixel sáng, các pixel này sử dụng quá trình màu RGB (đỏ, xanh lá cây, xanh da trời), trong khi đó máy in *in* màu bằng cách sử dụng quá trình CMYK (xanh lá mạ, đỏ tươi, vàng, và đen).

Một vài yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng khớp màu được in với màu trên màn hình. Các yếu tố này bao gồm:

- Giấy
- Các thành phần tạo màu của máy in (ví dụ mực hoặc bột mực)
- Quá trình in (ví dụ inkjet, báo chí, hoặc công nghệ laser)
- Ánh sáng trên đầu
- Sự khác biệt cá nhân trong cảm nhận màu
- Chương trình phần mềm
- Trình điều khiển máy in
- Hệ điều hành của máy tính
- Màn hình và cài đặt màn hình
- Video card và trình điều khiển
- Môi trường sử dụng (ví dụ độ ẩm)

Hãy lưu ý tới các yếu tố trên đây khi màu trên màn hình không hoàn toàn khớp với màu in ra.

Với hầu hết người sử dụng, phương pháp tốt nhất để khớp màu trên màn hình với sản phẩm là in màu sRGB.

Khớp màu bằng sách mẫu

Quá trình khớp bản in ra của sản phẩm với các sách mẫu in sẵn và tham khảo màu chuẩn là quá trình phức tạp. Nói chung, bạn có thể có được một mức khớp tương đối hợp lý với sách mẫu nếu mực được sử dụng để tạo sách mẫu có màu xanh lá mạ, đỏ tươi, vàng, và đen. Chúng thường được gọi là sách mẫu màu xử lý.

Một số sách mẫu được tạo từ các màu điểm. Các màu điểm là các thành phần tạo màu được tạo đặc biệt. Nhiều màu điểm trong số này nằm ngoài phạm vi của sản phẩm. Hầu hết các sách mẫu màu điểm có các sách mẫu xử lý đi kèm cung cấp các ước tính CMYK tương ứng với màu điểm.


Hầu hết các sách mẫu xử lý sẽ nêu các chuẩn xử lý được sử dụng để in sách mẫu. Trong hầu hết các trường hợp chúng sẽ là SWOP, EURO, hoặc DIC. Để có sự khớp màu tối ưu với sách mẫu xử lý, hãy chọn mô phỏng mực tương ứng từ menu sản phẩm. Nếu bạn không thể xác định chuẩn xử lý, hãy sử dụng mô phỏng mực SWOP.

In các mẫu màu

Để sử dụng các mẫu màu, chọn mẫu màu sát với màu bạn muốn nhất. Sử dụng các giá trị của mẫu màu trong phần mềm để mô tả đối tượng bạn muốn khớp. Các màu có thể khác nhau tùy thuộc vào


loại giấy và chương trình phần mềm được sử dụng. Để biết thêm chi tiết về cách sử dụng các mẫu màu, hãy truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525.

Sử dụng các bước sau đây để in các mẫu màu trên sản phẩm bằng cách sử dụng panen điều khiển:

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **THÔNG TIN**, và bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **IN MẪU RGB** hoặc **IN MẪU CMYK**, và bấm nút **OK**.

Khớp màu PANTONE®

PANTONE có nhiều hệ thống khớp màu. PANTONE MATCHING SYSTEM® rất phổ biến và sử dụng mực đặc để tạo nhiều khoảng trạng thái và sắc thái màu khác nhau. Xem www.hp.com/go/cljcp3525_software để biết chi tiết về cách sử dụng các Màu PANTONE cùng với sản phẩm này.

 **GHI CHÚ:** Các Màu PANTONE được tạo ra có thể không khớp với các chuẩn được xác định theo PANTONE. Hãy tham khảo các Ấn bản PANTONE mới để có các màu màu chính xác.

Các cài đặt sử dụng màu

Sản phẩm cung cấp các tính năng màu tự động để tạo các kết quả màu hoàn hảo. Các bảng màu được thiết kế và kiểm tra cẩn thận cung cấp sự thể hiện màu mịn, chính xác cho tất cả màu có thể in.

Sản phẩm cũng cung cấp các công cụ tinh xảo cho những chuyên gia có kinh nghiệm.

Mực HP ColorSphere

HP thiết kế hệ thống in (máy in, hộp mực, mực, và giấy) để cùng hoạt động để tối ưu hoá chất lượng in, độ tin cậy của sản phẩm, và năng suất của người dùng. Các hộp mực in nguyên thủy của HP chứa mực HP ColorSphere để kết hợp đặc biệt với máy in để sản sinh thật nhiều màu rực rỡ. Điều này giúp bạn tạo các tài liệu trông thật chuyên nghiệp chứa văn bản và đồ hoạ rõ ràng, sắc nét và các bức ảnh in thật sống động.

Mực HP ColorSphere cho chất lượng và cường độ in đồng nhất mà bạn có thể tin cậy trên nhiều loại giấy khác nhau. Có nghĩa là bạn có thể in các tài liệu giúp bạn tạo được ấn tượng đúng. Hơn nữa, các loại giấy đặc biệt hàng ngày và chất lượng chuyên nghiệp của HP (bao gồm rất nhiều loại phương tiện và trọng lượng của HP) được thiết kế theo công việc của bạn.

HP ImageREt 3600

Công nghệ in HP ImageREt 3600 là một hệ thống công nghệ sáng tạo được phương tiện riêng bởi HP để tạo ra chất lượng in cao cấp. Hệ thống HP ImageREt làm cho nó nổi trội trong ngành bằng cách tích hợp những lợi thế của công nghệ và việc tối ưu hóa từng thành phần của hệ thống in. Nhiều danh mục của HP ImageREt đã được phương tiện cho hàng loạt nhu cầu khác nhau của người sử dụng.

Nền tảng của hệ thống gồm có các công nghệ laser màu chính, bao gồm các nâng cao hình ảnh, nguồn cung cấp thông minh, và hình ảnh độ phân giải cao. Khi cấp hoặc danh mục của ImageREt tăng, các công nghệ này được tinh chỉnh cho việc sử dụng hệ thống nâng cao, và các công nghệ bổ sung được tích hợp. HP cung cấp các nâng cấp hình ảnh cao cấp cho các tài liệu văn phòng chung và tài liệu tiếp thị. Được tối ưu hóa để in trên giấy láng cao laser màu HP, HP Image REt 3600 cung cấp kết quả tuyệt vời cho tất cả các phương tiện được hỗ trợ, và dưới hàng loạt các điều kiện môi trường khác nhau.

Chọn phương tiện

Để có chất lượng hình ảnh và màu tốt nhất, chọn loại phương tiện thích hợp từ trình đơn phần mềm máy in hay từ trình điều khiển máy in.

Color options


Các tùy chọn màu tự động cung cấp bản in màu tối ưu. Các tùy chọn này sử dụng việc gắn thẻ vật thể, cung cấp các cài đặt bán sắc và màu tối ưu cho các vật thể khác nhau (văn bản, đồ hoạ, hình ảnh) trên một trang. Trình điều khiển máy in xác định vật thể nào xuất hiện trên trang và sử dụng cài đặt bán sắc và màu để cung cấp chất lượng in tốt nhất cho từng vật thể.

Trong môi trường Windows, các tùy chọn màu **Tự động** và **Thủ công** nằm trên tab **Màu** trong trình điều khiển máy in.

Standard red-green-blue (sRGB)

Standard red-green-blue (sRGB) là chuẩn màu trên toàn thế giới mà HP và Microsoft đã phát triển thành ngôn ngữ màu phổ biến cho màn hình, các thiết bị dữ liệu vào (máy quét và máy ảnh kỹ thuật số), và thiết bị dữ liệu ra (máy in và máy vẽ). Nó là không gian màu mặc định được sử dụng cho sản phẩm

HP, hệ điều hành Microsoft, World Wide Web, và hầu hết phần mềm văn phòng. Chuẩn sRGB tượng trưng cho màn hình Windows điển hình và là chuẩn hội tụ cho tivi độ nét cao.

 **GHI CHÚ:** Các yếu tố như loại màn hình bạn sử dụng và ánh sáng trong phòng có thể ảnh hưởng đến sự thể hiện màu trên màn hình của bạn. Để biết thêm thông tin, xem [Khớp màu thuộc trang 121](#).

Các phiên bản Adobe PhotoShop mới nhất®, CorelDRAW®, Microsoft Office, và nhiều chương trình khác sử dụng sRGB để liên lạc màu. Vì nó là không gian màu mặc định trong hệ điều hành Microsoft, sRGB đã được thừa nhận rộng rãi. Khi các chương trình và thiết bị sử dụng sRGB để trao đổi thông tin màu, thì kinh nghiệm điển hình của người dùng cải thiện rất nhiều cho kết hợp màu.


Chuẩn sRGB cải thiện khả năng kết hợp màu giữa sản phẩm, màn hình máy tính, và các thiết bị dữ liệu nhập khác một cách tự động, và loại trừ nhu cầu phải trở thành một chuyên gia về màu.

10 Quản lý và bảo trì sản phẩm

- [trang thông tin](#)
- [HP Easy Printer Care](#)
- [Máy chủ Web nhúng](#)
- [Sử dụng phần mềm Web Jetadmin software của HP](#)
- [Các tính năng bảo mật](#)
- [Quản lý nguồn cung cấp](#)
- [Thay nguồn cung cấp](#)
- [Lau dọn sản phẩm](#)
- [Nâng cấp chương trình cơ sở](#)

trang thông tin

Các trang thông tin cung cấp chi tiết về sản phẩm và cấu hình hiện thời của nó. Thực hiện theo các bước sau để in các trang thông tin.

1. Bấm nút **Menu**  .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **THÔNG TIN**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn thông tin bạn cần, và sau đó bấm nút **OK** để in.

Để biết thêm thông tin về những thông tin trang khả dụng, xem [Menu thông tin thuộc trang 19](#).

HP Easy Printer Care

Mở phần mềm HP Easy Printer Care


Sử dụng một trong các phương pháp sau để mở phần mềm HP Easy Printer Care:


- Trên menu **Start** (Bắt đầu), chọn **Programs** (Các Chương trình), chọn **Hewlett-Packard**, chọn **HP Easy Printer Care**, sau đó nhấp **Start HP Easy Printer Care** (Chăm sóc Máy in Dễ dàng của HP).
- Trong khay hệ thống của Windows (ở góc dưới cùng bên phải của màn hình), nhấp đúp vào biểu tượng HP Easy Printer Care.
- Nhấp đúp vào biểu tượng máy tính để bàn.

Các thành phần của phần mềm HP Easy Printer Care

Phần mềm HP Easy Printer Care có thể cung cấp thông tin về các sản phẩm của HP có trên mạng máy tính của bạn, cũng như bất kỳ sản phẩm nào được kết nối trực tiếp với máy tính của bạn. Một số mục trong bảng sau có thể không có đối với mọi sản phẩm.

Nút Help (Trợ giúp) (?) nằm ở góc trên bên phải của mỗi trang cung cấp thông tin chi tiết về các tùy chọn trên trang đó.


Mục	Tùy chọn
Tab Device List (Danh sách Thiết bị)	<ul style="list-style-type: none">• Danh sách Devices (Thiết bị): Hiển thị những sản phẩm bạn có thể chọn.
Khi bạn mở phần mềm, đây là trang đầu tiên sẽ xuất hiện.	<p>GHI CHÚ: Bạn có thể xem thông tin sản phẩm ở dạng danh sách hoặc biểu tượng, tùy thuộc vào cài đặt cho phần tùy chọn View as (Xem ở dạng).</p>
<p>GHI CHÚ: Để quay trở lại trang này khi bạn đang ở bất kỳ tab nào, bấm My HP Printers (Máy in HP Riêng) nằm ở phần bên trái của cửa sổ.</p>	<ul style="list-style-type: none">• Thông tin trên tab này bao gồm các cảnh báo hiện hành dành cho sản phẩm.• Nếu bạn bấm vào một sản phẩm trong danh sách, HP Easy Printer Care sẽ mở tab Overview (Tổng quan) dành cho sản phẩm đó.
Compatible Printers (Máy in Tương thích)	Cung cấp danh sách tất cả các sản phẩm của HP có hỗ trợ phần mềm HP Easy Printer Care.
Cửa sổ Find Other Printers (Tìm Máy in Khác)	Bấm vào liên kết Find Other Printers (Tìm Máy in Khác) trong danh sách Devices (Thiết bị) để mở cửa sổ Find Other Printers (Tìm Máy in Khác). Cửa sổ Find Other Printers (Tìm Máy in Khác) cung cấp một tiện ích giúp phát hiện các máy in mạng khác để bạn có thể thêm chúng vào danh sách My HP Printers (Máy in HP Riêng) và sau đó giám sát các sản phẩm này từ máy tính của bạn.
Thêm sản phẩm vào danh sách My HP Printers (Máy in HP Riêng)	
Tab Overview (Tổng quan)	<ul style="list-style-type: none">• Mục Device Status (Tình trạng Thiết bị): Mục này hiển thị thông tin nhận dạng sản phẩm và tình trạng của sản phẩm. Nó cho biết các tình trạng cảnh báo của sản phẩm, chẳng hạn như khi một hộp mực in đã hết. Sau khi khắc phục sự cố của sản phẩm, bấm vào nút làm mới  nằm ở góc trên bên phải của cửa sổ để cập nhật tình trạng sản phẩm.• Mục Supplies Status (Tình trạng Nguồn Cung cấp): Hiển thị thông tin chi tiết về tình trạng các nguồn cung cấp, chẳng hạn lượng mực ước tính còn lại trong hộp mực in và tình trạng giấy nạp trong mỗi khay.• Liên kết Supplies Details (Chi tiết Nguồn Cung cấp): Mở trang tình trạng nguồn cung cấp để xem thông tin chi tiết hơn về các nguồn cung cấp của sản phẩm, thông tin đặt hàng, và thông tin tái chế.
Bao gồm những thông tin cơ bản về tình trạng sản phẩm	

Mục	Tùy chọn
<p>Tab Support (Hỗ trợ)</p> <p>Cung cấp các liên kết về thông tin hỗ trợ sản phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> Mục Device Status (Tình trạng Thiết bị): Mục này hiển thị thông tin nhận dạng sản phẩm và tình trạng của sản phẩm. Nó cho biết các tình trạng cảnh báo của sản phẩm, chẳng hạn như một hộp mực in đã hết. Sau khi khắc phục sự cố của sản phẩm, bấm vào nút làm mới  nằm ở góc trên bên phải của cửa sổ để cập nhật tình trạng sản phẩm. Mục Device Management (Quản lý Thiết bị): Cung cấp các liên kết đến những thông tin về HP Easy Printer Care, đến các cài đặt nâng cao dành cho sản phẩm và đến các bản báo cáo sử dụng sản phẩm. Troubleshooting and Help (Xử lý Sự cố và Trợ giúp): Cung cấp các liên kết đến các công cụ mà bạn có thể sử dụng để giải quyết sự cố, các liên kết đến những thông tin hỗ trợ trực tuyến dành cho sản phẩm và đến các chuyên gia HP trực tuyến.
<p>Tab Settings (Cài đặt)</p> <p>Lập cấu hình các cài đặt của sản phẩm, điều chỉnh các cài đặt chất lượng in và tìm kiếm thông tin về các tính năng cụ thể của sản phẩm</p> <p>GHI CHÚ: Tab này chỉ có đối với một số sản phẩm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> About (Thông tin): Cung cấp những thông tin chung về tab này. General (Tổng quát): Cung cấp thông tin về sản phẩm, ví dụ như số kiểu sản phẩm, số sê-ri và các thông số cài đặt ngày tháng, nếu có. Information Pages (Trang Thông tin): Cung cấp các liên kết để in các trang thông tin sẵn có dành cho sản phẩm. Capabilities (Tính năng): Cung cấp thông tin về các tính năng của sản phẩm, ví dụ như in hai mặt, bộ nhớ hiện có và các cài đặt in riêng hiện có. Bấm Change (Thay đổi) để điều chỉnh các cài đặt. Print Quality (Chất lượng In): Cung cấp thông tin về các thông số cài đặt chất lượng in. Bấm Change (Thay Đổi) để điều chỉnh các cài đặt. Trays / Paper (Khay / Giấy): Cung cấp thông tin về các khay giấy và cách thức các khay giấy được lập cấu hình. Bấm Change (Thay đổi) để điều chỉnh các cài đặt. Restore Defaults (Khôi phục Mặc định): Cho biết cách thức khôi phục các cài đặt của sản phẩm về lại các cài đặt gốc. Bấm Restore (Khôi phục) để khôi phục các thông số cài đặt về lại các thông số cài đặt mặc định.
<p>HP Proactive Support (Hỗ trợ Chủ động HP)</p> <p>GHI CHÚ: Mục này có trong các tab Overview (Tổng quan) và Support (Hỗ trợ).</p>	<p>Khi bật mục này, chương trình HP Proactive Support (Hỗ trợ Chủ động HP) sẽ đều đặn quét hệ thống in của bạn nhằm xác định các sự cố có khả năng xảy ra. Bấm vào liên kết more info (thông tin thêm) để đặt thông số cấu hình tần suất quét. Trang này cũng cung cấp thông tin về các phiên bản cập nhật hiện có cho phần mềm sản phẩm, chương trình cơ sở và các trình điều khiển máy in HP. Bạn có thể chấp nhận hoặc từ chối mỗi khi có yêu cầu khuyến bạn cập nhật.</p>
<p>Nút Supplies Ordering (Đặt hàng Nguồn Cung cấp)</p> <p>Bấm nút Supplies Ordering (Đặt hàng Nguồn Cung cấp) tại bất tab nào để mở cửa sổ Supplies Ordering (Đặt hàng Nguồn Cung cấp). Cửa sổ này cho phép truy nhập vào tính năng đặt hàng trực tuyến các nguồn cung cấp.</p> <p>GHI CHÚ: Mục này có trong các tab Overview (Tổng quan) và Support (Hỗ trợ).</p>	<ul style="list-style-type: none"> Danh sách đặt hàng: Hiển thị các nguồn cung cấp bạn có thể đặt mua cho mỗi sản phẩm. Để đặt hàng một sản phẩm cụ thể, bấm vào hộp chọn Order (Đặt hàng) cho sản phẩm đó trong danh sách nguồn cung cấp. Bạn có thể sắp xếp danh sách theo sản phẩm hoặc theo nguồn cung cấp mà bạn cần đặt mua sớm nhất. Danh sách này bao gồm thông tin nguồn cung cấp cho mỗi sản phẩm có trong danh sách My HP Printers (Máy in HP Riêng). Nút Shop Online for Supplies (Mua Nguồn Cung cấp Trực tuyến): Mở trang web HP SureSupply trong một cửa sổ trình duyệt mới. Nếu bạn đã chọn hộp chọn Order (Đặt hàng) cho bất kỳ sản phẩm nào, thông tin về các sản phẩm đó có thể được chuyển đến trang web, nơi bạn sẽ nhận được thông tin về các tùy chọn để mua các nguồn cung cấp đã chọn. Nút Print Shopping List (In Danh sách Mua hàng): In thông tin của các nguồn cung cấp mà bạn đã chọn hộp chọn Order (Đặt hàng).

Mục	Tùy chọn
<p>Cửa sổ Alert Settings (Cài đặt Cảnh báo)</p> <p>GHI CHÚ: Mục này có trong các tab Overview (Tổng quan) và Support (Hỗ trợ).</p>	<p>Bấm Alert Settings (Cài đặt Cảnh báo) để mở cửa sổ Alert Settings (Cài đặt Cảnh báo). Trong cửa sổ này, bạn có thể lập cấu hình cho các cảnh báo đối với mỗi sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chế độ cảnh báo bật hoặc tắt: Kích hoạt hoặc ngừng kích hoạt tính năng cảnh báo. • Printer Alerts (Cảnh báo Máy in): Chọn tùy chọn này để nhận các cảnh báo chỉ khi xảy ra lỗi nghiêm trọng hoặc khi xảy ra bất kỳ lỗi nào. • Job Alerts (Cảnh báo Nhiệm vụ): Đối với những sản phẩm hỗ trợ tính năng này, bạn có thể nhận được các cảnh báo dành cho các nhiệm vụ in cụ thể.
<p>Color Access Control (Kiểm soát Quyền Sử dụng Màu)</p> <p>GHI CHÚ: Tính năng này chỉ có ở các sản phẩm màu có hỗ trợ Color Access Control (Kiểm soát Quyền Sử dụng Màu) của HP.</p> <p>GHI CHÚ: Mục này có trong các tab Overview (Tổng quan) và Support (Hỗ trợ).</p>	<p>Sử dụng tính năng này để cho phép hoặc giới hạn in màu.</p>

Máy chủ Web nhúng


Sử dụng máy chủ Web nhúng để xem tình trạng sản phẩm, cấu hình cài đặt mạng của sản phẩm, và quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ panen điều khiển của sản phẩm. Sau đây là các ví dụ về những gì bạn có thể thực hiện bằng cách sử dụng máy chủ Web nhúng:

 **GHI CHÚ:** Khi sản phẩm được kết nối trực tiếp với máy tính, sử dụng HP Easy Printer Care để xem tình trạng của sản phẩm thay vì sử dụng máy chủ Web nhúng.

- Xem thông tin về tình trạng của sản phẩm.
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi cấu hình menu của panen điều khiển sản phẩm.
- Xem và in các trang nội bộ.
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và sản phẩm.
- Xem và thay đổi cấu hình mạng.


Để sử dụng máy chủ Web nhúng, bạn phải có Microsoft Internet Explorer 5.01 hoặc phiên bản mới hơn, hoặc Netscape 6.2 hoặc phiên bản mới hơn cho máy Windows, Mac OS, và Linux (chỉ dành cho Netscape). Netscape Navigator 4.7 cần cho HP-UX 10 và HP-UX 11. Máy chủ Web nhúng hoạt động khi sản phẩm được kết nối với mạng hoạt động dựa trên giao thức IP. Máy chủ Web nhúng không hỗ trợ các kết nối sản phẩm dựa trên IPX. Bạn không cần phải truy cập Internet để mở và sử dụng máy chủ Web nhúng.

Khi sản phẩm được nối mạng, máy chủ Web nhúng sẽ tự động sẵn sàng.

 **GHI CHÚ:** Để biết thông tin đầy đủ về cách sử dụng máy chủ Web nhúng, hãy xem *Embedded Web Server User Guide* (Hướng dẫn Sử dụng Máy chủ Web Nhúng), hướng dẫn này có trên đĩa CD đi kèm với sản phẩm.

Mở máy chủ Web nhúng bằng cách sử dụng một kết nối mạng.

1. Trong trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, nhập địa chỉ IP của sản phẩm hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. Để tìm địa chỉ IP hoặc tên máy chủ, hãy in trang cấu hình. Xem [trang thông tin thuộc trang 126](#).

 **GHI CHÚ:** Sau khi mở URL, bạn có thể đưa trang này vào bookmark để có thể trở lại trang này một cách nhanh chóng sau này.

2. Máy chủ Web nhúng có ba tab chứa các cài đặt và thông tin về sản phẩm, các tab này bao gồm:
 - Tab **Information** (Thông Tin)
 - Tab **Settings** (Cài đặt)
 - Tab **Networking** (Mạng)

Xem [Các mục của máy chủ Web nhúng thuộc trang 131](#) để biết thêm thông tin về mỗi tab.

Các mục của máy chủ Web nhúng


Tab hoặc mục	Tùy chọn
Tab Thông tin Cung cấp thông tin sản phẩm, thông tin tình trạng và cấu hình.	<ul style="list-style-type: none">● Trạng thái Thiết bị: Hiển thị tình trạng của sản phẩm và hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này còn hiển thị loại và kích thước giấy in được đặt cho mỗi khay. Để thay đổi cài đặt mặc định, bấm Thay đổi Cài đặt.● Trang cấu hình: Hiển thị thông tin tìm thấy trên trang cấu hình.● Tình trạng Nguồn cung cấp: Hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này cũng cung cấp số mục của nguồn cung cấp. Để đặt mua các nguồn cung cấp mới, bấm Mua Nguồn cung cấp trong vùng Liên kết Khác ở bên trái cửa sổ.● Nhật ký Sự kiện: Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của sản phẩm. Sử dụng liên kết hp instant support (trong vùng Liên kết Khác trên tất cả các trang của máy chủ Web nhúng) để kết nối với tập hợp các trang Web động giúp giải quyết các vấn đề Nhật ký Sự kiện và các vấn đề khác. Các trang này còn hiển thị các dịch vụ bổ sung khả dụng cho sản phẩm.● Số lượng Trang Đã Dùng: Hiển thị tóm tắt số trang sản phẩm đã in, được nhóm theo kích thước, loại và đường dẫn in giấy.● Trang Chuẩn đoán: CUNG CẤP thời gian của lần hiệu chỉnh gần đây nhất và các thông số chụp ảnh điện (EP) có thể được sử dụng để chẩn đoán một số vấn đề về chất lượng in. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ của HP. Xem Hỗ trợ khách hàng thuộc trang 224.● Thông tin Thiết bị: Hiển thị thông tin về tên mạng, địa chỉ, và kiểu sản phẩm. Để tùy chỉnh các mục nhập này, bấm Thông tin Thiết bị trên tab Thiết lập.● Panen Điều khiển: Hiển thị các thông báo từ bảng điều khiển, chẳng hạn như Sẵn sàng hoặc Chế độ nghỉ bật.● Nhật ký Lệnh in Sử dụng Màu: Hiển thị tổng số trang đã in, số trang đã in màu, và số trang in chỉ sử dụng màu đen.● In: Cho phép bạn gửi các lệnh đã sẵn sàng in đến sản phẩm.
Tab Thiết lập Cung cấp khả năng lập cấu hình sản phẩm từ máy tính của bạn.	<ul style="list-style-type: none">● Cấu Hình Thiết Bị: Cho phép bạn lập cấu hình các cài đặt mặc định của sản phẩm. Trang này bao gồm các menu truyền thống, thường thấy trên màn hình của bảng điều khiển.● Kích thước/Loại Khay: Hiển thị kích thước và loại giấy và phương tiện in được cho phép cho mỗi khay tiếp giấy.● Máy chủ E-mail: Chỉ ở chế độ mạng. Được sử dụng cùng với trang Cảnh báo để cài đặt cảnh báo e-mail.● Cảnh báo: Chỉ ở chế độ mạng. Cho phép bạn cài đặt để nhận các cảnh báo qua e-mail cho các sự kiện của sản phẩm và các nguồn cung cấp khác nhau.● Tự động Gửi: Cho phép bạn lập cấu hình sản phẩm để gửi các e-mail tự động về cấu hình sản phẩm và các nguồn cung cấp đến những địa chỉ e-mail cụ thể.● Bảo mật: Cho phép bạn đặt mật khẩu, phải nhập mật khẩu này để có được truy cập vào tab Thiết lập và tab Hoạt động mạng cũng như các phần của panen điều khiển của sản phẩm và mạng HP Jetdirect. Bật hoặc tắt các tính năng nhất định của sản phẩm.● Sửa đổi các Liên kết Khác: Cho phép bạn thêm hoặc tùy chỉnh một liên kết đến một trang Web khác. Liên kết này được hiển thị trong vùng Liên kết Khác trên tất cả các trang của máy chủ Web nhúng.

Tab hoặc mục	Tùy chọn
	<ul style="list-style-type: none"> ● Thông tin Thiết bị: Cho phép bạn đặt tên sản phẩm và gán một mã số tài sản cho sản phẩm này. Nhập tên và địa chỉ e-mail cho liên hệ chính, người sẽ nhận thông tin về sản phẩm. ● Ngôn ngữ: Cho phép bạn xác định ngôn ngữ hiển thị thông tin máy chủ Web nhúng. ● Ngày Giờ: Cho phép bạn đồng bộ thời gian với máy chủ thời gian của mạng. ● Thời gian Đánh thức: Cho phép bạn đặt và sửa đổi thời gian đánh thức cho sản phẩm để sản phẩm chuyển sang trạng thái sẵn sàng. ● Giới hạn Màu: Sử dụng tính năng này để cho phép hoặc giới hạn in màu. Bạn có thể xác định việc cho phép đối với những người sử dụng riêng lẻ hoặc những lệnh in được gửi từ những chương trình phần mềm cụ thể. <p>GHI CHÚ: Tab Thiết lập có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. Nếu sản phẩm này nằm trong một mạng, hãy luôn tham vấn với nhà quản trị hệ thống trước khi thay đổi cài đặt trên tab này.</p>
<p>Tab Hoạt động mạng</p> <p>Cung cấp khả năng thay đổi cài đặt mạng từ máy tính của bạn.</p>	<p>Người quản lý mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát cài đặt mạng cho sản phẩm khi nó được kết nối với một mạng có nền IP. Tab này không hiển thị nếu sản phẩm được kết nối trực tiếp với một máy tính, hoặc nếu sản phẩm được kết nối vào mạng sử dụng máy chủ in không phải là máy chủ in HP Jetdirect.</p> <p>GHI CHÚ: Tab Hoạt động mạng có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.</p>
<p>Liên kết Khác</p> <p>Bao gồm các liên kết sẽ kết nối bạn vào Internet</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● hp instant support: Kết nối bạn với trang Web của HP để giúp bạn tìm các giải pháp cho những vấn đề của sản phẩm. ● Mua Nguồn cung cấp: Kết nối với trang Web HP SureSupply, nơi bạn sẽ nhận được thông tin về các tùy chọn mua các nguồn cung cấp HP chính hãng, chẳng hạn như các hộp mực in và giấy. ● Hỗ trợ Sản phẩm: Kết nối với trang hỗ trợ dành cho sản phẩm, từ trang này bạn có thể tìm trợ giúp liên quan đến các chủ đề khác nhau. ● Cách Thực hiện: Kết nối với thông tin trình bày những tác vụ cụ thể cho sản phẩm, chẳng hạn như xử lý kẹt giấy và in trên các loại giấy khác nhau. <p>GHI CHÚ: Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng bất kỳ liên kết nào trong số các liên kết này. Nếu bạn sử dụng kết nối quay số và chưa kết nối khi lần đầu tiên mở máy chủ Web nhúng, bạn phải kết nối trước khi có thể truy cập vào các trang Web này. Việc kết nối có thể yêu cầu đóng và mở lại máy chủ Web nhúng.</p>

Sử dụng phần mềm Web Jetadmin software của HP

HP Web Jetadmin là một giải pháp phần mềm dựa trên Web để cài đặt, giám sát, và xử lý sự cố của các thiết bị ngoại vi nối mạng từ xa. Việc quản lý là phòng trước, cho phép những người quản trị mạng giải quyết các vấn đề trước khi người sử dụng bị ảnh hưởng. Tải xuống phần mềm quản lý nâng cao miễn phí này từ www.hp.com/go/webjetadmin.

Các plug-in cho thiết bị có thể được cài đặt vào HP Web Jetadmin để cung cấp hỗ trợ cho một tính năng sản phẩm cụ thể. Phần mềm HP Web Jetadmin có thể tự động thông báo cho bạn khi có plug-in mới. Trên trang **Product Update** (Cập nhật Sản phẩm), hãy thực hiện theo hướng dẫn để tự động kết nối với trang Web của HP và cài đặt các plug-in thiết bị cho sản phẩm của bạn.

 **GHI CHÚ:** Trình duyệt phải hỗ trợ các ứng dụng Java™. Chương trình không hỗ trợ các trình duyệt dùng trên máy tính Apple PC.

Các tính năng bảo mật

Bảo vệ máy chủ Web nhúng

Gán một mật khẩu để truy cập vào máy chủ Web nhúng để người sử dụng không được phép không thể thay đổi cài đặt của sản phẩm.

1. Mở máy chủ Web nhúng. Xem [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 130](#).
2. Bấm vào tab **Settings** (Cài đặt).
3. Ở bên trái cửa sổ, bấm vào menu **Security** (Bảo mật).
4. Bấm nút **Device Security Settings** (Cài đặt Bảo mật của Thiết bị).
5. Trong vùng **Device Password** (Mật khẩu của Thiết bị), nhập mật khẩu vào cạnh **New Password** (Mật khẩu Mới), và nhập nó vào cạnh **Verify Password** (Xác minh Mật khẩu).
6. Bấm **Apply** (Áp dụng). Nhớ mật khẩu và để nó ở nơi an toàn.

Xóa Đĩa An toàn


Để bảo vệ dữ liệu đã bị xóa không cho truy cập trái phép trên ổ cứng của sản phẩm, hãy sử dụng tính năng Xóa Đĩa An toàn trong phần mềm HP Web Jetadmin. Tính năng này có thể xóa các lệnh in trong ổ cứng một cách an toàn.

Xóa Đĩa An toàn cung cấp các cấp bảo mật đĩa sau:

- **Non-Secure Fast Erase** (Xóa Nhanh Không An toàn). Đây là chức năng xóa bảng tệp đơn giản. Việc truy cập vào tệp bị xóa, những dữ liệu thực vẫn còn lại trên ổ đĩa cho tới khi bị ghi đè bởi các thao tác lưu trữ dữ liệu tiếp theo. Đây là chế độ nhanh nhất. Xóa Nhanh Không An toàn là chế độ xóa mặc định.
- **Secure Fast Erase** (Xóa Nhanh An toàn). Việc truy cập vào tệp bị xóa, và dữ liệu bị ghi bằng một kiểu ký tự giống nhau cố định. Chế độ này chậm hơn chế độ Xóa Nhanh Không An toàn, nhưng tất cả dữ liệu sẽ bị ghi đè. Xóa Nhanh An toàn thỏa mãn các yêu cầu của Bộ Quốc phòng Mỹ 5220-22.M cho việc xóa phương tiện đĩa.
- **Secure Sanitizing Erase** (Xóa Vệ sinh An toàn). Mức này tương tự như chế độ Xóa Nhanh An toàn. Ngoài ra, dữ liệu được ghi đè lặp đi lặp lại bằng cách sử dụng một thuật toán để ngăn chặn sự tiếp tục tồn tại dữ liệu còn dư. Chế độ này sẽ ảnh hưởng tới hiệu suất. Xóa Vệ sinh An toàn thỏa mãn các yêu cầu của Bộ Quốc phòng Mỹ 5220-22.M cho việc vệ sinh phương tiện đĩa.

Dữ liệu bị ảnh hưởng

Dữ liệu bị ảnh hưởng (được áp dụng) bởi tính năng Xóa Đĩa An toàn bao gồm các tệp tạm thời được tạo trong quá trình in, các lệnh in đã lưu, các lệnh in kiểm chứng và tạm giữ, các phông chữ trên đĩa, các macro (biểu mẫu) trên đĩa, số địa chỉ, và các ứng dụng của HP và các bên thứ ba.

 **GHI CHÚ:** Các lệnh in đã lưu sẽ chỉ bị ghi đè an toàn khi chúng đã bị xóa bằng cách sử dụng menu **TRUY LỤC LỆNH IN** trên sản phẩm sau khi chế độ xóa thích hợp đã được đặt.

Tính năng này sẽ không ảnh hưởng tới dữ liệu được lưu trên RAM (NVRAM) không linh hoạt dựa trên flash của sản phẩm, NVRAM này được sử dụng để lưu các cài đặt mặc định, số đếm trang, và dữ liệu tương tự. Tính năng này không ảnh hưởng tới dữ liệu được lưu trên ổ đĩa RAM của hệ thống (nếu được sử dụng). Tính năng này không ảnh hưởng tới dữ liệu được lưu trên RAM khởi động hệ thống dựa trên flash.

Việc thay đổi chế độ Xóa Đĩa An toàn sẽ không ghi đè dữ liệu đã có trước đó trên đĩa, nó cũng không ngay lập tức thực hiện vệ sinh toàn bộ đĩa. Việc thay đổi chế độ Xóa Đĩa An toàn sẽ thay đổi cách sản phẩm dọn dữ liệu tạm thời cho các lệnh in sau khi đã thay đổi chế độ xóa.

Thông tin Bổ sung

Để biết thêm thông tin về tính năng HP Xóa Đĩa An toàn, xem tờ rơi hỗ trợ của HP hoặc truy cập vào www.hp.com/go/webjetadmin.

Lưu trữ lệnh in

Để in lệnh in riêng một cách an toàn, hãy sử dụng tính năng lệnh in cá nhân. Lệnh in chỉ có thể được in khi nhập chính xác mã PIN trên panen điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in thuộc trang 103](#).

Ổ cứng Hiệu suất Cao được Mã hóa của HP

Sản phẩm này hỗ trợ một ổ cứng được mã hóa tùy chọn mà bạn có thể lắp vào khi phụ kiện EIO. Ổ cứng này cung cấp tính năng mã hóa bằng phần cứng để bạn có thể lưu dữ liệu in, photocopy, và quét nhạy cảm một cách an toàn mà không ảnh hưởng tới hiệu suất của sản phẩm. Ổ cứng này sử dụng Chuẩn Mã hóa Nâng cao (AES) mới nhất và có tính năng và tiết kiệm thời gian linh hoạt và chức năng mạnh mẽ.

Để biết thông tin về cách đặt mua các phụ kiện này, hãy xem [Số của bộ phận thuộc trang 213](#).

Khóa các menu của panen điều khiển

Để ngăn không cho người khác thay đổi cấu hình của sản phẩm, bạn có thể khóa menu panen điều khiển. Việc làm này ngăn không cho những người sử dụng trái phép thay đổi cài đặt cấu hình chẳng hạn như máy chủ SMTP.

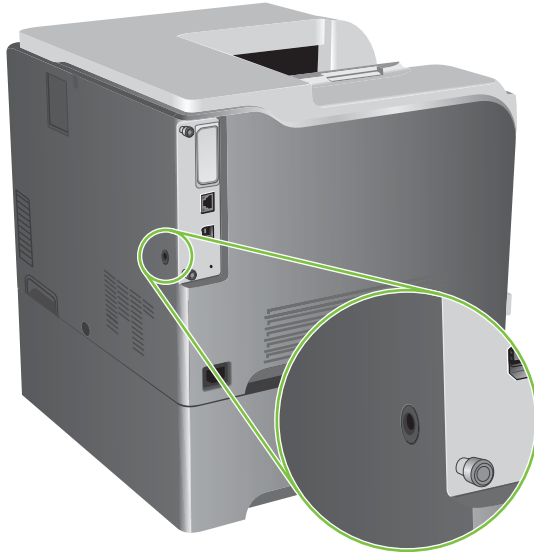
Bạn có thể sử dụng HP Web Jetadmin để khóa menu panen điều khiển trên nhiều sản phẩm cùng lúc. Duyệt tới www.hp.com/go/webjetadmin để truy cập vào sách trắng thảo luận về tính năng bảo mật, chẳng hạn như khóa panen điều khiển cho phép bạn bảo vệ sản phẩm chống lại truy cập không mong muốn.

1. Mở chương trình HP Web Jetadmin.
2. Mở thư mục **DEVICE MANAGEMENT** (QUẢN LÝ THIẾT BỊ) trong danh sách thả xuống ở ô **Navigation** (Điều hướng). Di chuyển đến thư mục **DEVICE LISTS** (DANH SÁCH THIẾT BỊ).
3. Chọn sản phẩm.
4. Trong danh sách thả xuống **Device Tools** (Công cụ Thiết bị), chọn **Configure** (Cấu hình).
5. Chọn **Security** (Bảo mật) từ danh sách **Configuration Categories** (Danh mục Cấu hình).
6. Nhập một **Device Password** (Mật khẩu Thiết bị).
7. Trong mục **Control Panel Access** (Truy cập Panen Điều khiển), chọn **Maximum Lock** (Khóa Tối đa). Làm như vậy sẽ ngăn không cho truy cập trái phép vào cài đặt cấu hình.

Khóa khung bộ định dạng

Khung bộ định dạng, nằm ở mặt sau của sản phẩm, có một khe bạn có thể sử dụng để gắn cáp an toàn vào. Khi khóa khung bộ định dạng, bạn có thể ngăn người khác tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

Hình 10-1 Khe cắm dùng cho cáp bảo mật



Quản lý nguồn cung cấp

Sử dụng các hộp mực in HP chính hãng để có kết quả tốt nhất.

Lưu giữ hộp mực

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để nó tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút.

Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP

Công ty Hewlett-Packard không thể khuyến bạn sử dụng các loại hộp mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế.

📄 **GHI CHÚ:** Mọi hư hỏng gây ra bởi hộp mực không phải của HP sẽ không được bao gồm trong bảo hành và thỏa thuận dịch vụ của HP.

Để lắp hộp mực HP mới, xem [Thay hộp mực in thuộc trang 139](#). Để tái sử dụng hộp mực cũ, hãy thực hiện theo hướng dẫn đi kèm với hộp mực mới.

Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP

Hãy gọi cho đường dây nóng về gian lận của HP (1-877-219-3183, số gọi miễn phí ở Bắc Mỹ) hoặc truy cập vào trang web www.hp.com/go/anticounterfeit khi bạn lắp hộp mực HP và panen điều khiển hiển thị thông báo nói rằng hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem hộp mực này có phải là chính hãng không và thực hiện các bước để khắc phục vấn đề.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Bạn gặp phải nhiều vấn đề với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như chúng thường thấy (ví dụ, không có vấu kéo màu da cam, hoặc bao gói khác với bao gói của HP).

Thay nguồn cung cấp

Bạn có thể cấu hình sản phẩm để dừng khi hết nguồn cung cấp. Tuy nhiên, nguồn cung cấp có thể vẫn cho ra chất lượng in có thể chấp nhận được. Để tiếp tục in, hãy thay nguồn cung cấp hoặc cấu hình lại máy in bằng cách sử dụng menu **THAY CÁC NGUỒN CUNG CẤP** trên panen điều khiển. Để biết thêm thông tin về cách đặt mua nguồn cung cấp, xem [Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 211](#). Để biết thêm thông tin về menu **THAY CÁC NGUỒN CUNG CẤP**, xem [Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26](#).

Thời gian sử dụng nguồn cung cấp

Để biết thông tin về sản lượng sản phẩm cụ thể, xem www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

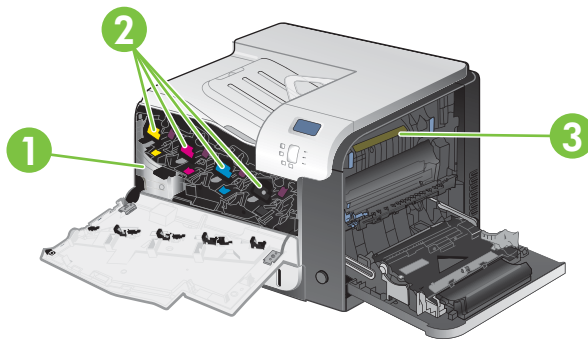
Để đặt hàng nguồn cung cấp, xem [Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 211](#).

Xác định vị trí nguồn cung cấp

Các nguồn cung cấp được xác định theo nhãn và tay cầm nhựa màu xanh da trời của chúng.

Hình sau đây minh họa vị trí của ừng mực nguồn cung cấp.

Hình 10-2 Các vị trí của mực nguồn cung cấp



1	Bộ thu gom bột mực
2	Hộp mực
3	Cuộn sấy

Hướng dẫn thay thế nguồn cung cấp

Để tạo thuận tiện cho việc thay thế nguồn cung cấp, hãy ghi nhớ các nguyên tắc sau đây khi lắp đặt sản phẩm.

- Để khoảng trống đủ rộng ở phía trước và bên phải sản phẩm để tháo nguồn cung cấp.
- Sản phẩm phải được đặt trên bề mặt phẳng và vững chắc.

Để xem hướng dẫn về cách lắp nguồn cung cấp, hãy xem nhãn trên mỗi mực nguồn cung cấp hoặc xem www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

Thay hộp mực in

Khi hộp mực in gần đến hết thời gian sử dụng, bảng điều khiển sẽ hiển thị một thông báo khuyên bạn nên đặt mua hộp mực thay thế. Sản phẩm có thể tiếp tục in bằng hộp mực in hiện thời cho tới khi panen điều khiển hiển thị thông báo yêu cầu bạn thay hộp mực này, trừ khi bạn đã chọn tùy chọn ghi đè thông báo này bằng cách sử dụng menu **THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP**. Để biết thêm thông tin về menu **THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP**, xem [Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26](#).

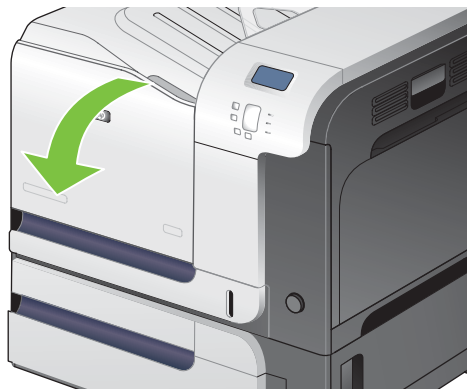
Sản phẩm sử dụng bốn màu và mỗi màu có một hộp mực in riêng: đen (K), đỏ tươi (M), xanh lá mạ (C), và vàng (Y).

Bạn có thể thay hộp mực in khi panen điều khiển hiển thị thông báo **THAY HỘP MỰC <COLOR>**. Panen điều khiển cũng cho biết màu của hộp mực đã hết thời gian sử dụng (nếu đang lắp một hộp mực HP chính hãng). Hướng dẫn thay thế sẽ được cung cấp trên nhãn của hộp mực in.

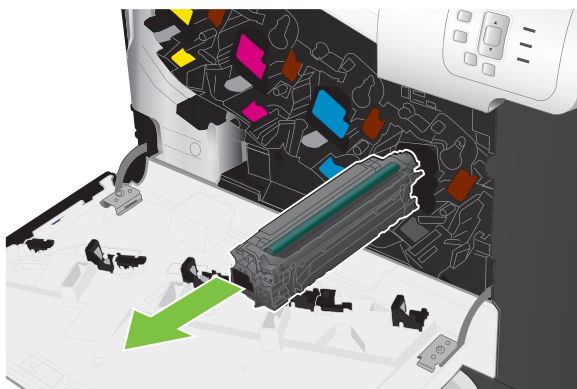
- △ **THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.
- 📖 **GHI CHÚ:** Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in. Xem [Nguồn cung cấp thuộc trang 231](#).
- 🌐 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-replace-print-cartridges.

Thay hộp mực

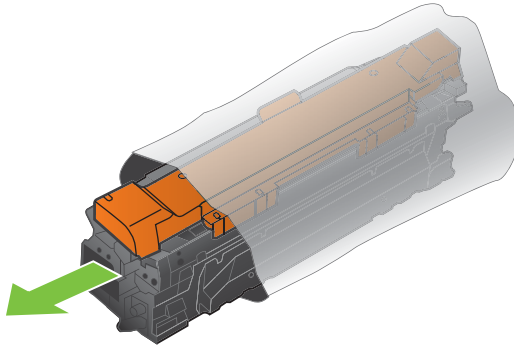
1. Mở cửa trước. Đảm bảo rằng cửa mở hoàn toàn.




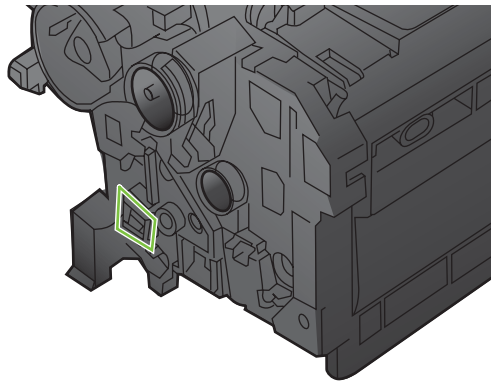
2. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.



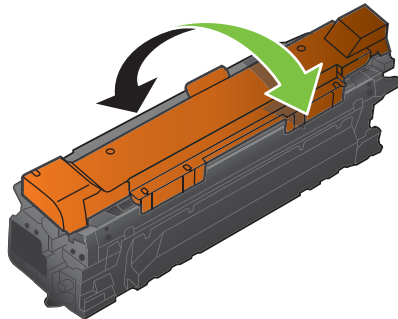
3. Cất hộp mực in đã qua sử dụng trong túi bảo vệ. Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in.
4. Tháo hộp mực in mới ra khỏi túi bảo vệ.



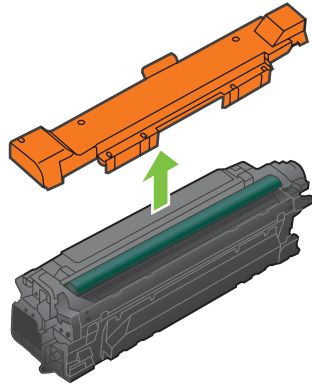
 **GHI CHÚ:** Cần thận không làm hư thẻ nhớ trên hộp mực in.



5. Nắm cả hai mặt của hộp mực in và phân bố bột mực bằng cách lắc nhẹ hộp mực in.



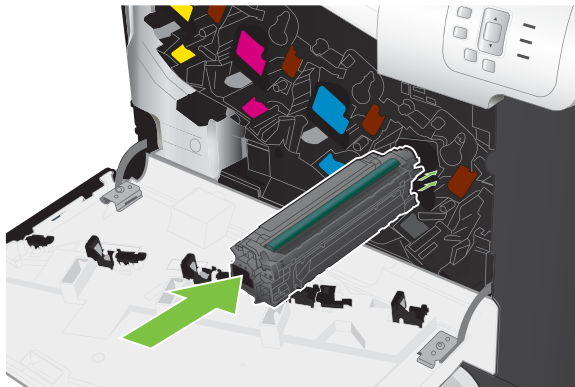
6. Tháo lớp bảo vệ màu cam ra khỏi hộp mực in.



△ **THẬN TRỌNG:** Tránh tiếp xúc lâu với ánh sáng.

THẬN TRỌNG: Không sờ con lăn màu xanh lá cây. Chạm vào con lăn này có thể làm hỏng hộp mực.

7. Canh hộp mực in với khe cắm của nó và lắp hộp mực in vào cho tới khi nó khớp vào vị trí.



8. Đóng cửa trước.



Thay bộ thu gom bột mực

Thay bộ thu gom bột mực khi panen điều khiển nhắc bạn làm như vậy.

GHI CHÚ: Bộ thu gom bột mực được thiết kế để sử dụng một lần. Không tìm cách dọn sạch bộ thu gom bột mực này và sử dụng lại. Làm như vậy có thể dẫn tới việc bộ mực bị đổ vào trong sản phẩm và làm giảm chất lượng in. Sau khi sử dụng, hãy gửi bộ thu gom bột mực trả lại cho chương trình tái chế của Đối tác Toàn cầu của HP. Xem [Nguồn cung cấp thuộc trang 231](#).

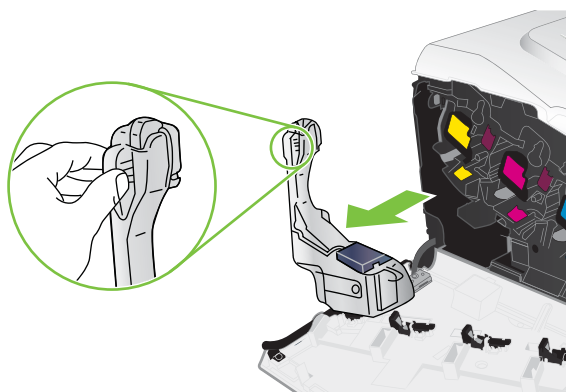
CHỈ DẪN: Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-replace-toner-collection-unit.

Thay bộ thu gom bột mực

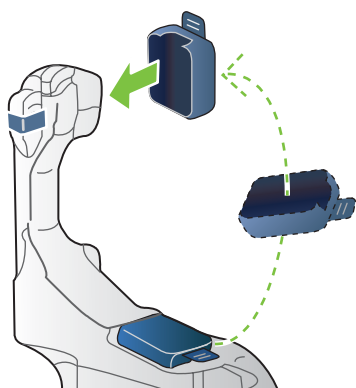
1. Mở cửa trước. Đảm bảo rằng cửa mở hoàn toàn.



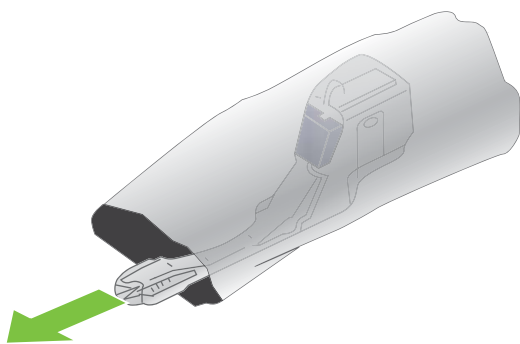
2. Nắm lấy nhãn màu xanh da trời phía trên cùng của bộ thu gom bột mực và tháo nó ra khỏi sản phẩm.



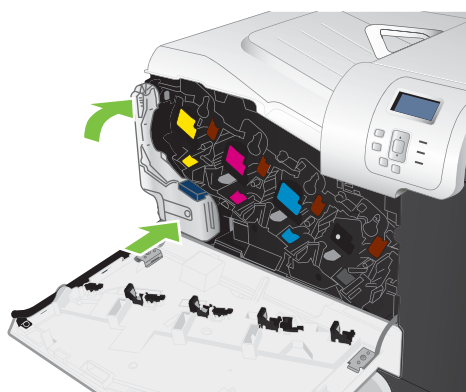
3. Đẩy nắp màu xanh da trời đi kèm vào lỗ màu xanh da trời ở phía trên cùng của bộ thu gom.



4. Lấy bộ thu gom bột mực mới from bao gói sản phẩm.



5. Lắp phần đáy của bộ mới này vào sản phẩm trước và sau đó đẩy phần đầu vào cho tới khi nó khớp vào vị trí.



6. Đóng cửa trước.



GHI CHÚ: Nếu bộ thu gom bột mực không được lắp theo đúng cách, cửa trước sẽ không đóng hoàn toàn.

Để tái chế bộ thu gom bột mực đã qua sử dụng, hãy thực hiện theo hướng dẫn đi kèm bộ thu gom bột mực mới.

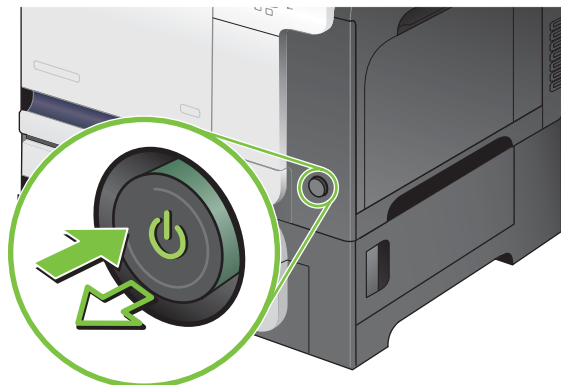
Lắp bộ nhớ

Bạn có thể lắp thêm bộ nhớ cho sản phẩm bằng cách thêm mô-đun nhớ trực tuyến đôi (DIMM).


- △ **THẬN TRỌNG:** Trường tĩnh điện có thể làm hỏng các thanh DIMM. Khi cắm các thanh DIMM, hãy đeo vòng chống tĩnh điện, hoặc thường xuyên chạm vào bề mặt của bao chống tĩnh điện DIMM và sau đó chạm vào phần kim loại không cách điện trên sản phẩm.

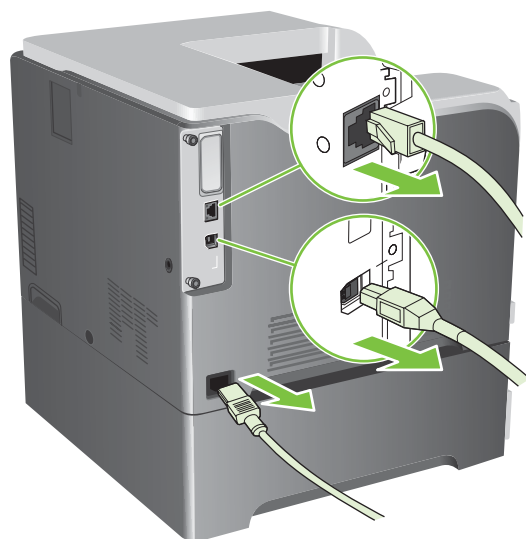
Lắp DIMM bộ nhớ DDR

1. Tắt sản phẩm.

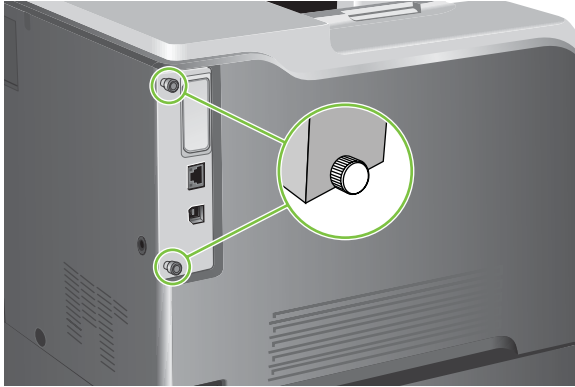


2. Ngắt tất cả cáp nguồn và cáp ghép nối.

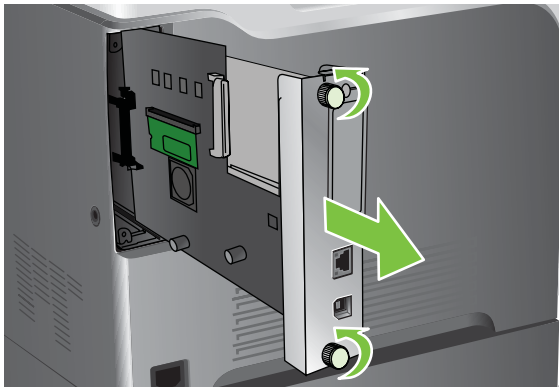
 **GHI CHÚ:** Hình minh họa có thể không thể hiện tất cả các cáp.



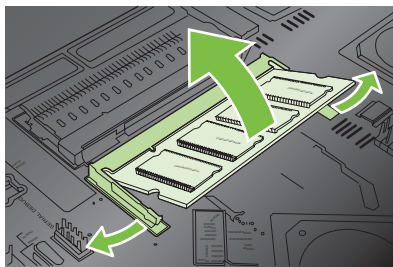
3. Tìm các ốc vặn tay trên bảng bộ định dạng ở mặt sau của sản phẩm.



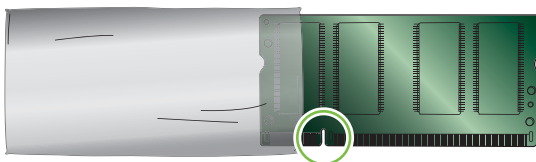
4. Vặn các ốc vặn tay để mở ra và sau đó kéo bảng bộ định dạng ra khỏi sản phẩm. Đặt bảng bộ định dạng lên một mặt phẳng sạch sẽ có tiếp đất.



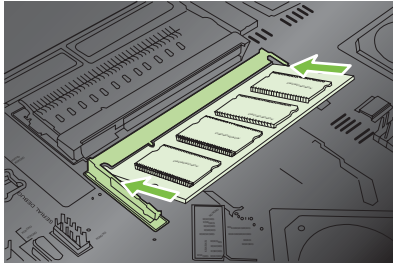
5. Để thay thế một DIMM đang được cài đặt hiện thời, bật các chốt khỏi các bên của rãnh DIMM, nhấc DIMM lên ở một góc, và kéo nó ra.



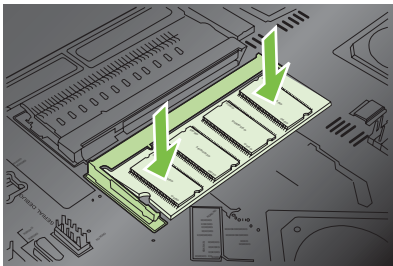
6. Tháo DIMM mới ra khỏi bao chống tĩnh điện. Tìm chìa canh chỉnh trên cạnh dưới cùng của DIMM.



- Giữ DIMM bằng các mép, canh thẳng hàng khóa DIMM với thanh trong rãnh DIMM ở một góc và ấn mạnh thanh DIMM xuống rãnh cho tới khi khớp vào vị trí. Khi được lắp đặt đúng, các điểm tiếp xúc kim loại sẽ không thể nhìn thấy.



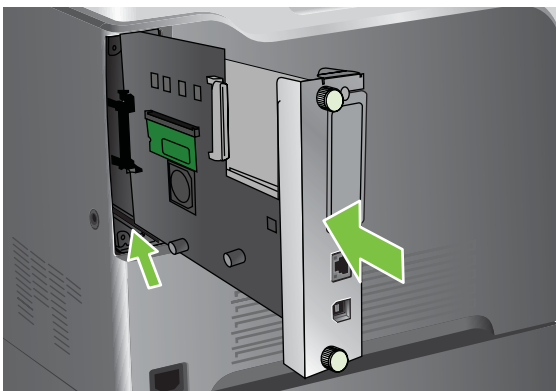
- Bấm DIMM xuống cho đến khi cả hai chốt ăn khớp vào DIMM.



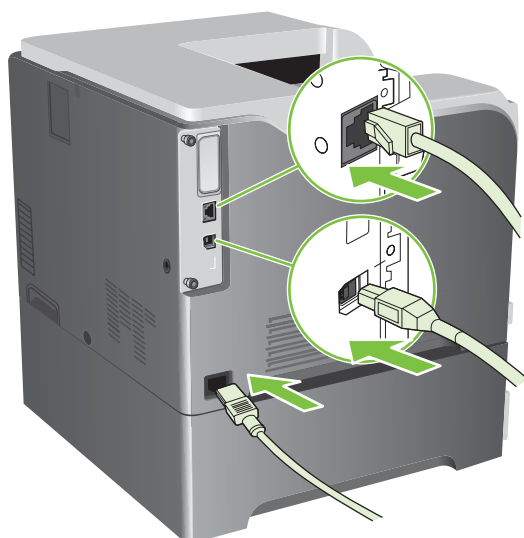
GHI CHÚ: Nếu bạn gặp khó khăn khi gắn DIMM vào, hãy bảo đảm rằng chốt ở dưới đáy của DIMM thẳng hàng với thanh trong rãnh. Nếu vẫn không thể gắn DIMM vào, hãy bảo đảm bạn sử dụng đúng loại DIMM.

- Canh cho bảng bộ định dạng khớp với các vết ở đáy rãnh và sau đó trượt bảng vào trở lại sản phẩm.

GHI CHÚ: Để tránh làm hư hỏng bộ định dạng, đảm bảo bảng bộ định dạng được canh khớp với các vết trên cùng và dưới cùng của lỗ.



10. Cắm lại cáp nguồn và cáp ghép nối, và bật sản phẩm.



Bật bộ nhớ dành cho Windows

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu mặc định):** Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers and Faxes** (Máy in và Fax).

- hoặc -

Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu Cổ điển): Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers** (Máy in).

- hoặc -

Windows Vista: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bản Điều khiển), sau đó vào phân mục dành cho **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

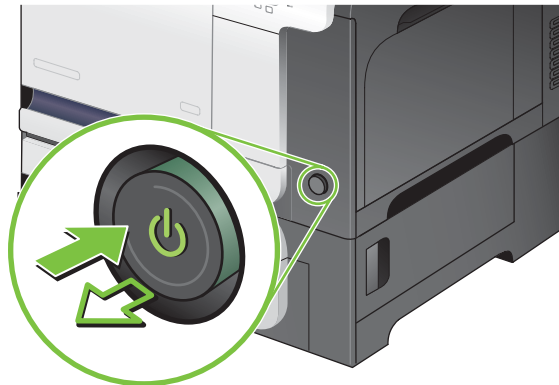
2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
3. Bấm vào tab **Device Settings** (Cài Đặt Thiết Bị).
4. Mở rộng khu vực của **Installable Options** (Tùy chọn Có thể Cài đặt).
5. Chọn lượng bộ nhớ được cài trong sản phẩm.
6. Cạnh **Automatic Configuration** (Tự động Cấu hình), chọn **Update Now** (Cập nhật Ngay bây giờ).
7. Bấm **OK**.

Lắp thẻ máy chủ in HP Jetdirect hoặc EIO hoặc ổ cứng EIO

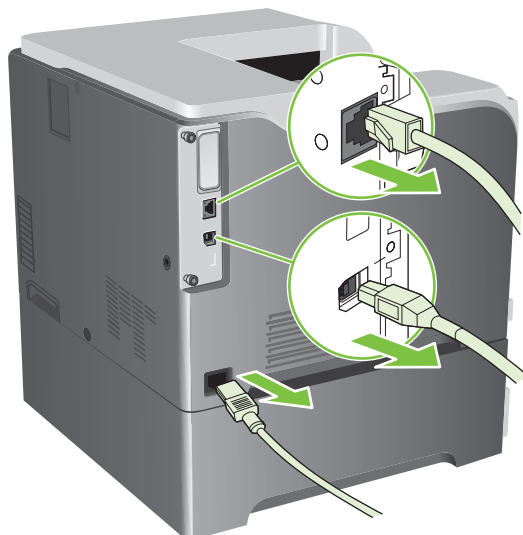
Sản phẩm này được trang bị một khe cắm I/O (EIO). Bạn có thể lắp thêm thẻ máy chủ in HP Jetdirect hoặc ổ cứng EIO ngoài vào khe cắm EIO còn trống.

 **GHI CHÚ:** Ví dụ này thể hiện cách lắp một thẻ máy chủ in HP Jetdirect.

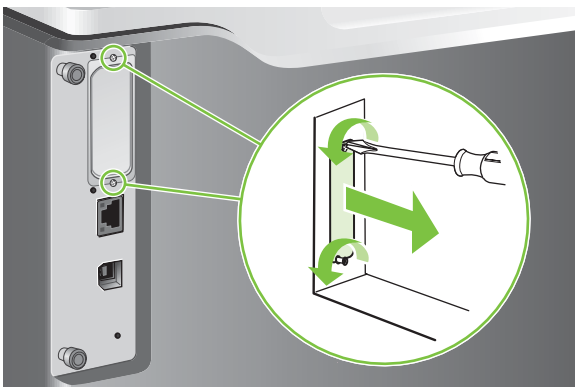
1. Tắt sản phẩm.



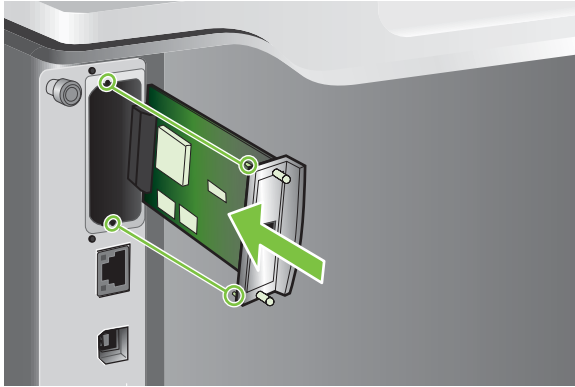
2. Ngắt tất cả cáp nguồn và cáp ghép nối.



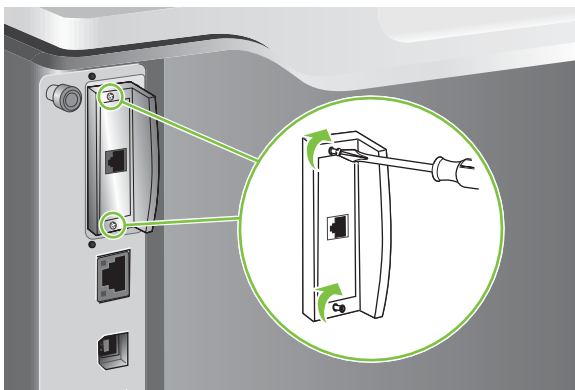
3. Nới lỏng và tháo hai ốc giữ nắp khe cắm EIO, và sau đó tháo nắp ra. Bạn sẽ không cần sử dụng lại các ốc và nắp này. Có thể vứt chúng đi.



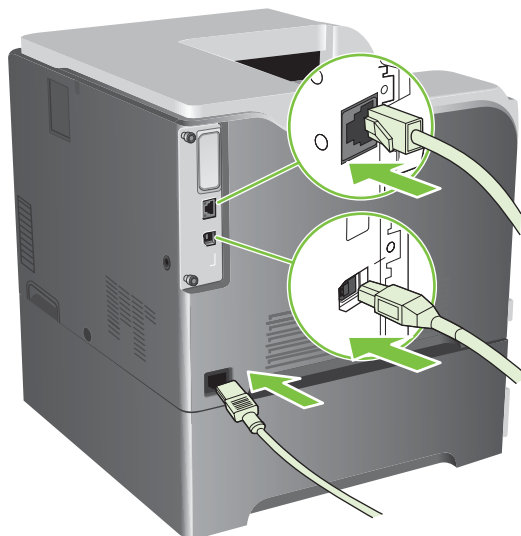
4. Lắp chặt thẻ máy chủ in HP Jetdirect vào khe cắm EIO.



5. Lắp và vặn chặt các ốc giữ đi kèm với thẻ máy chủ in.



6. Cắm lại cáp nguồn và cáp ghép nối còn lại, và bật sản phẩm.



7. In một trang cấu hình. Máy cũng sẽ in ra một trang cấu hình HP Jetdirect có thông tin tình trạng và cấu hình mạng.

Nếu trang này không được in, hãy tắt sản phẩm, và sau đó tháo và lắp lại thẻ máy chủ in để đảm bảo nó đã khớp hoàn toàn vào khe cắm.

8. Thực hiện một trong các bước sau:

- Chọn một cổng thích hợp. Xem tài liệu của máy tính hoặc hệ điều hành để có hướng dẫn.
- Cài đặt lại phần mềm, lần này chọn cài đặt mạng.

Lau dọn sản phẩm

Sau một thời gian sử dụng, các hạt bột mực và giấy sẽ tích tụ bên trong sản phẩm. Điều này có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in trong khi in. Việc lau dọn sản phẩm sẽ loại bỏ hoặc giảm các vấn đề này.

Lau dọn vùng đường dẫn giấy và vùng hộp mực in mỗi lần thay hộp mực in hoặc bất cứ khi nào xuất hiện các vấn đề về chất lượng in. Hãy giữ sản phẩm không bị bụi bẩn và mảnh vụn càng ít càng tốt.

Lau dọn mặt ngoài

Sử dụng miếng vải mềm, ẩm và không có xơ để lau sạch bụi, vết ố và vết bẩn khỏi bề mặt bên ngoài của sản phẩm.

Lau dọn bột mực bị tràn

Nếu bạn bị dính bột mực trên quần áo hoặc tay, hãy giặt quần áo bằng nước *lạnh*. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết vào vải.

Lau dọn cuộn sấy


Chạy trang lau dọn sản phẩm để giữ cho cuộn sấy không có các hạt bột mực và giấy thỉnh thoảng có thể tích tụ. Sự tích tụ của bột mực và các hạt có thể làm xuất hiện các vết trên mặt trước hoặc mặt sau của các trang được in ra.

HP khuyên bạn nên sử dụng trang lau dọn khi có vấn đề về chất lượng in.

Thông báo **CLEANING** (ĐANG LAU DỌN) sẽ hiển thị trên màn hình panen điều khiển của sản phẩm trong khi lau dọn.

Để trang lau dọn hoạt động đúng, hãy in trang trên giấy loại dùng cho máy photocopy (không phải giấy liên kết, nặng, hoặc dai). Một trang sẽ được in ra khi tác vụ hoàn tất. Hãy vứt bỏ trang này.


Tạo và sử dụng trang lau dọn

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn menu **CHẤT LƯỢNG IN**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Nếu sản phẩm không có chức năng in hai mặt tự động, bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn tùy chọn **TẠO TRANG LAU DỌN**, và sau đó bấm nút **OK**. Nếu sản phẩm có chức năng in hai mặt tự động, hãy đến bước 5.
5. Bấm mũi tên lên hoặc mũi tên xuống ▲/▼ để chọn tùy chọn **XỬ LÝ TRANG LAU DỌN**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Hãy vứt bỏ trang được in ra. Tác vụ hoàn tất.

Nâng cấp chương trình cơ sở

Sản phẩm này có khả năng cập nhật chương trình cơ sở từ xa (RFU). Hãy sử dụng thông tin này để nâng cấp chương trình cơ sở của sản phẩm.

Xác định phiên bản hiện tại của chương trình cơ sở

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **THÔNG TIN**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để tô sáng tùy chọn **IN CẤU HÌNH**, sau đó bấm nút **OK** để in.

Mã ngày tháng của chương trình cơ sở được liệt kê trên Trang cấu hình tại mục có tên là **Device Information** (Thông tin Thiết bị). Mã ngày tháng của chương trình cơ sở có định dạng này: YYYYMMDD XX.XXX.X.

- Chuỗi các số đầu tiên là ngày tháng, trong đó YYYY biểu thị năm, MM biểu thị tháng và DD biểu thị ngày. Ví dụ: mã ngày tháng của chương trình cơ sở được bắt đầu với 20061125
sẽ cho biết là ngày 25 tháng Mười Một năm 2006.
- Chuỗi số thứ hai là số phong bì chương trình cơ sở, ở dạng thập phân.

Tải về chương trình cơ sở mới từ trang Web của HP


Để tìm phần nâng cấp chương trình cơ sở gần đây nhất cho sản phẩm, hãy đến trang www.hp.com/go/cljcp3525_firmware. Trang này cung cấp hướng dẫn để tải về phiên bản mới của chương trình cơ sở.

Chuyển chương trình cơ sở mới vào sản phẩm

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm có thể nhận bản cập nhật tập tin .RFU khi đã ở trạng thái "sẵn sàng".


Các điều kiện sau đây có thể ảnh hưởng tới thời gian cần để chuyển tệp.

- Tốc độ của máy tính chủ gửi bản cập nhật.
- Bạn phải hoàn thành mọi lệnh in nằm trước lệnh in .RFU trong hàng chờ trước khi tiến hành cập nhật.
- Nếu quá trình bị gián đoạn trước khi chương trình cơ sở is được tải xuống, bạn phải gửi lại tệp chương trình cơ sở.
- Nếu mất điện trong quá trình cập nhật chương trình cơ sở, bản cập nhật bị gián đoạn và thông báo **Resend upgrade** (Gửi lại nâng cấp) (chỉ bằng tiếng Anh) trên màn hình panen điều khiển. Trong trường hợp này, bạn phải gửi bản nâng cấp bằng cách sử dụng cổng USB.

 **GHI CHÚ:** Cập nhật chương trình cơ sở có liên quan đến việc thay đổi định dạng của bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên cố định (NVRAM). Bất kỳ cài đặt menu nào đã được thay đổi khác với cài đặt mặc định có thể sẽ trở lại trạng thái cài đặt mặc định và phải được thay đổi lại nếu bạn muốn các cài đặt khác với cài đặt mặc định.

Sử dụng tệp thi hành flash để cập nhật chương trình cơ sở

Sản phẩm này có bộ nhớ flash, để bạn có thể sử dụng tệp thi hành flash chương trình cơ sở (.EXE) để nâng cấp chương trình cơ sở. Tải tệp này xuống từ www.hp.com/go/cljcp3525_firmware.


 **GHI CHÚ:** Để sử dụng phương pháp này, hãy kết nối sản phẩm trực tiếp với máy tính bằng cáp USB, và cài đặt trình điều khiển máy in cho sản phẩm trên máy tính này.

1. In trang cấu hình và lưu lại địa chỉ TCP/IP.
2. Tìm tệp .EXE trên máy tính, và bấm đúp vào nó để mở tệp.
3. Từ danh sách thả xuống **Select Printer to Update** (Chọn Máy in để Cập nhật), chọn sản phẩm này. Bấm **Start** (Bắt đầu) để bắt đầu quá trình cập nhật.

△ **THẬN TRỌNG:** Không tắt sản phẩm hoặc tìm cách gửi lệnh in trong quá trình này.
4. Khi quá trình hoàn tất, một biểu tượng mặt cười sẽ hiển thị trong hộp thoại. Bấm vào **Exit** (Thoát) để đóng hộp thoại.
5. Tắt và sau đó bật sản phẩm.
6. In một trang cấu hình khác và kiểm tra xem mã ngày của chương trình cơ sở có được liệt kê không.


Sử dụng FTP để tải lên chương trình cơ sở thông qua trình duyệt

1. Hãy kiểm tra chắc chắn rằng trình duyệt Internet bạn đang sử dụng đã được lập cấu hình để xem các thư mục từ các trang FTP. Những hướng dẫn này là dành cho trình duyệt Microsoft Internet Explorer.
 - a. Mở trình duyệt và bấm **Tools** (Công cụ), sau đó bấm **Internet Options** (Tùy chọn Internet).
 - b. Bấm vào tab **Advanced** (Nâng cao).
 - c. Chọn hộp có nhãn là **Enable folder view for FTP sites** (Cho phép kiểu hiển thị thư mục đối với các trang FTP).
 - d. Bấm **OK**.
2. In trang cấu hình và lưu lại địa chỉ TCP/IP.
3. Mở một cửa sổ trình duyệt.
4. Trong dòng địa chỉ của trình duyệt, gõ
`ftp://<ADDRESS>`
, trong đó <ADDRESS> là địa chỉ của sản phẩm. Ví dụ: nếu địa chỉ TCP/IP là 192.168.0.90, hãy gõ
`ftp://192.168.0.90`
.
 5. Định vị tệp tin .RFU đã được tải xuống của sản phẩm.
 6. Kéo và thả tệp .RFU vào biểu tượng **PORT** (CỔNG) trong cửa sổ trình duyệt.


 **GHI CHÚ:** Sản phẩm tắt đi, sau đó tự động bật lên để kích hoạt cập nhật. Khi quá trình cập nhật đã xong, một thông báo **Sẵn sàng** hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm.

Sử dụng FTP để nâng cấp chương trình cơ sở thông qua kết nối mạng

1. Ghi nhớ địa chỉ IP trên trang HP Jetdirect. Trang HP Jetdirect là trang thứ hai in ra khi bạn in trang cấu hình.

 **GHI CHÚ:** Trước khi cập nhật chương trình cơ sở, hãy kiểm tra chắc chắn rằng sản phẩm không được đặt ở chế độ Sleep (Nghỉ). Đồng thời, kiểm tra chắc chắn rằng mọi thông báo lỗi đã được xóa sạch khỏi màn hình của bảng điều khiển.

2. Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Run** (Chạy), sau đó gõ `cmd` để mở cửa sổ lệnh.
3. Gõ: `ftp <TCP/IP ADDRESS>`. Ví dụ: nếu địa chỉ TCP/IP là 192.168.0.90, hãy gõ `ftp 192.168.0.90`.
4. Đi đến thư mục lưu trữ tập tin chương trình cơ sở.
5. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím.
6. Khi được nhắc nhập tên người sử dụng, nhấn **Enter**.
7. Khi được nhắc nhập mật khẩu, nhấn **Enter**.
8. Gõ `bin` tại dấu nhắc lệnh.
9. Nhấn **Enter**. Thông báo **200 Types set to I, Using binary mode to transfer files** (200 Kiểu đặt là I, sử dụng chế độ nhị phân để truyền tập tin) xuất hiện trong màn hình lệnh.
10. Nhập `put`, sau đó nhập tên tệp. Ví dụ, nếu tên tệp là `cljcp3525.rfu`, nhập `put cljcp3525.rfu`.
11. Quá trình tải về sẽ bắt đầu và chương trình cơ sở sẽ được cập nhật trên sản phẩm. Quá trình này có thể mất vài phút. Hãy để quá trình hoàn thành mà không tác động gì hơn tới sản phẩm hoặc máy tính.

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm sẽ tự động tắt đi, sau đó bật lên lại sau khi xử lý phần nâng cấp.

12. Tại dấu nhắc lệnh, gõ: `bye` để thoát khỏi lệnh `ftp`.
13. Tại dấu nhắc lệnh, gõ: `exit` để quay về giao diện của Windows.

Sử dụng HP Web Jetadmin để nâng cấp chương trình cơ sở

Để tìm hiểu cách sử dụng HP Web Jetadmin để nâng cấp chương trình cơ sở của sản phẩm, hãy truy cập vào www.hp.com/go/webjetadmin

Sử dụng các lệnh của Microsoft Windows để nâng cấp chương trình cơ sở

Để cập nhật chương trình cơ sở bằng cách sử dụng kết nối mạng, hãy làm theo những hướng dẫn này.

1. Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Run** (Chạy), sau đó gõ `cmd` để mở cửa sổ lệnh.


2. Gõ dòng lệnh sau:

```
copy /B <FILENAME> \\<COMPUTERNAME>\<SHARENAME>
```

, trong đó <FILENAME> là tên tệp .RFU (bao gồm cả đường dẫn), <COMPUTERNAME> là tên máy tính đang chia sẻ sản phẩm, và <SHARENAME> là tên chia sẻ sản phẩm. Ví dụ:

```
C:\>copy /b C:\cljcp3525,rfu \\YOUR_SERVER\YOUR_COMPUTER
```

.

 **GHI CHÚ:** Nếu tên tệp hoặc đường dẫn bao gồm cả dấu cách, bạn phải đóng ngoặc kép tên tệp hoặc đường dẫn đó. Ví dụ, gõ:

```
C:\>copy /b "C:\MY DOCUMENTS\cljcp3525,rfu" \\YOUR_SERVER\YOUR_COMPUTER
```

.

3. Bấm phím **Enter** trên bàn phím. Panen điều khiển sẽ hiển thị thông báo, cho biết tiến trình nâng cấp chương trình cơ sở. Tại phần cuối của quá trình nâng cấp, panen điều khiển sẽ hiển thị thông báo **Sẵn sàng**. Thông báo **One File Copied** (Đã Sao Chép Một Tệp) xuất hiện trên màn hình máy tính.

Nâng cấp chương trình cơ sở HP Jetdirect

Mạch ghép nối mạng HP Jetdirect trong sản phẩm có chương trình cơ sở mà bạn có thể cập nhật nó riêng biệt với chương trình cơ sở của sản phẩm. Quy trình này đòi hỏi bạn phải cài đặt HP Web Jetadmin phiên bản 7.0 hoặc phiên bản mới hơn trên máy tính của bạn. Xem [Sử dụng phần mềm Web Jetadmin software của HP thuộc trang 133](#). Hoàn thành những bước sau để cập nhật chương trình cơ sở HP Jetdirect bằng cách sử dụng HP Web Jetadmin.

1. Mở chương trình HP Web Jetadmin.

2. Mở thư mục **Quản lý Thiết bị** trong danh sách thả xuống trong ô **Điều hướng**. Di chuyển đến thư mục **Danh sách Thiết bị**.

3. Chọn sản phẩm bạn muốn cập nhật.

4. Từ danh sách thả xuống **Công cụ Thiết bị**, chọn tùy chọn **Cập nhật Chương trình Cơ sở Jetdirect**.


5. Số kiểu sản phẩm và phiên bản chương trình cơ sở hiện tại của HP Jetdirect được liệt kê trong phần **Phong bì Chương trình Cơ sở Jetdirect**. Hãy ghi lại những thông tin này.

6. Hãy vào http://www.hp.com/go/wja_firmware.

7. Cuộn xuống danh sách các số kiểu sản phẩm HP Jetdirect và tìm số kiểu sản phẩm mà bạn đã ghi lại.

8. Nhìn thông tin phiên bản chương trình cơ sở hiện tại của kiểu sản phẩm và xem liệu phiên bản ấy có cũ hơn so với phiên bản mà bạn đã ghi lại không. Nếu đúng thế, hãy bấm phải chuột trên liên kết của chương trình cơ sở, và làm theo những hướng dẫn trên trang web để tải về tập tin chương trình cơ sở mới. Tập tin phải được lưu vào thư mục <drive>:\PROGRAM FILES\HP WEB JETADMIN\DOC\PLUGINS\HPWJA\FIRMWARE\JETDIRECT trên máy tính đang chạy phần mềm HP Web Jetadmin.

9. Trong HP Web Jetadmin, hãy quay lại danh sách sản phẩm chính và chọn gửi kỹ thuật số lần nữa.
10. Từ danh sách thả xuống **Công cụ Thiết bị**, chọn lại tùy chọn **Cập nhật Chương trình Cơ sở Jetdirect**.
11. Trên trang chương trình cơ sở HP Jetdirect, phiên bản chương trình cơ sở mới sẽ được liệt kê trong phần **Chương trình Cơ sở Jetdirect Khả dụng trên HP Web Jetadmin**. Bấm **Cập nhật Chương trình Cơ sở Ngay Bây giờ** để cập nhật chương trình cơ sở Jetdirect.

 **GHI CHÚ:** Bạn cũng có thể sử dụng FTP hoặc Máy chủ Web Nhúng HP Jetdirect để cập nhật chương trình cơ sở HP Jetdirect. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào http://www.hp.com/go/wja_firmware.

11 Giải quyết sự cố

- [Xử lý vấn đề chung](#)
- [Khôi phục lại cài đặt gốc](#)
- [Các loại thông báo ở bảng điều khiển](#)
- [Các thông báo ở bảng điều khiển](#)
- [Ket giấy](#)
- [Vấn đề về quản lý giấy](#)
- [Hiểu các đèn trên bộ định dạng](#)
- [Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh](#)
- [Xử lý vấn đề về hoạt động](#)
- [Xử lý vấn đề về khả năng kết nối](#)
- [Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm](#)
- [Các sự cố thông thường của Windows](#)
- [Xử lý vấn đề thường gặp đối với máy Macintosh](#)

Xử lý vấn đề chung

Nếu sản phẩm không đáp trả tín hiệu đúng cách, hãy hoàn thành các bước trong danh sách kiểm tra sau, theo thứ tự. Nếu sản phẩm không vượt qua được bước nào, hãy làm theo những gợi ý xử lý sự cố tương ứng cho bước đó. Nếu bước nào đó có thể xử lý được vấn đề, bạn có thể dừng lại và không cần phải thực hiện các bước khác trong danh sách kiểm tra.

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố

- Đảm bảo rằng đèn Ready (Sẵn sàng) đã được bật. Nếu không có đèn sáng, hãy hoàn thành các bước sau:
 - Kiểm tra điểm kết nối dây cáp nguồn.
 - Kiểm tra xem đã bật máy chưa.
 - Kiểm tra chắc chắn rằng điện áp đường dây đã phù hợp với cấu hình nguồn điện của sản phẩm. (Xem nhãn ở mặt sau của sản phẩm để biết thông tin về yêu cầu điện áp.) Nếu bạn đang sử dụng dải điện áp và điện áp của nó không nằm trong phạm vi của thông số kỹ thuật, hãy cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm trên tường. Nếu đã cắm trực tiếp vào ổ cắm trên tường, hãy thử ổ cắm khác.
 - Nếu không biện pháp nào ở đây có thể phục hồi nguồn điện, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng HP.
- Kiểm tra việc truyền tín hiệu cáp.
 - Kiểm tra kết nối cáp giữa sản phẩm và máy tính hoặc cổng mạng. Kiểm tra rằng bạn đã kết nối chắc chắn.
 - Kiểm tra chắc chắn rằng bản thân cáp không bị hỏng bằng cách sử dụng dây cáp khác, nếu có thể.
 - Kiểm tra kết nối mạng. Xem [Xử lý vấn đề về mạng thuộc trang 204](#).
- Kiểm tra xem có bất kỳ thông báo nào xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển hay không. Nếu có bất kỳ thông báo lỗi nào, hãy xem [Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 162](#).
- Nhớ sử dụng giấy đáp ứng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật.
- In trang cấu hình. Xem [trang thông tin thuộc trang 126](#). Nếu sản phẩm đã kết nối mạng, trang HP Jetdirect cũng sẽ in ra.
 - Nếu trang không được in ra, kiểm tra xem có giấy trong ít nhất một khay giấy hay không.
 - Nếu có kẹt giấy trong sản phẩm, hãy xem [Kẹt giấy thuộc trang 180](#).
- Nếu trang cấu hình được in ra, hãy kiểm tra những phần sau.
 - Nếu các trang không được in đúng, vấn đề là nằm ở phần cứng của sản phẩm. Liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng HP.
 - Nếu trang được in ra đúng, thì phần cứng của sản phẩm vẫn hoạt động bình thường. Vấn đề là do máy tính bạn đang sử dụng, trình điều khiển hoặc chương trình.
- Chọn một trong các tùy chọn sau:

Windows: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Settings** (Cài đặt), sau đó bấm **Printers** (Máy in) hoặc **Printers and Faxes** (Máy in và Fax). Bấm đúp vào tên của sản phẩm.

- hoặc -


Mac OS X: Mở **Print Center** (Trung tâm In) hoặc **Printer Setup Utility** (Tiện ích Cài đặt Máy in) và bấm đúp vào dòng có tên sản phẩm.

8. Hãy kiểm tra rằng bạn đã cài trình điều khiển máy in cho sản phẩm này. Kiểm tra chương trình để chắc chắn rằng bạn đang sử dụng trình điều khiển máy in đó cho sản phẩm này.
9. In một tài liệu ngắn từ chương trình khác đã từng hoạt động trước đây. Nếu giải pháp này giải quyết được vấn đề, thì vấn đề là do chương trình bạn đang sử dụng. Nếu giải pháp này không giải quyết được vấn đề (tài liệu không được in ra), hãy hoàn thành những bước sau:
 - a. Thử in từ máy tính khác có cài đặt phần mềm của sản phẩm.
 - b. Nếu bạn kết nối sản phẩm với mạng máy tính, hãy kết nối sản phẩm trực tiếp đến máy tính bằng cáp USB. Chuyển hướng sản phẩm đến đúng cổng, hoặc cài lại phần mềm, chọn kiểu kết nối mới mà bạn đang sử dụng.

Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm


Một vài yếu tố có thể tác động đến thời gian in một lệnh in:

- Tốc độ tối đa của sản phẩm được tính bằng số trang trên mỗi phút (ppm)
- Việc sử dụng giấy đặc biệt (chẳng hạn như giấy trong, giấy nặng, và giấy có kích thước tùy chỉnh)
- Thời gian xử lý sản phẩm và thời gian tải xuống
- Mức độ phức tạp và kích thước đồ họa
- Tốc độ của máy tính bạn sử dụng
- Kết nối USB
- Cấu hình I/O của máy in
- Lượng bộ nhớ được cài trong sản phẩm
- Cấu hình và hệ điều hành mạng (nếu phù hợp)
- Trình điều khiển máy in bạn đang sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Mặc dù thêm bộ nhớ có thể giúp nâng cao cách thức sản phẩm xử lý đồ họa phức tạp và thời gian tải xuống, nhưng việc này sẽ không làm tăng tốc độ tối đa của sản phẩm (ppm).

Khôi phục lại cài đặt gốc


Sử dụng menu **XÁC LẬP LẠI** để khôi phục các cài đặt của nhà sản xuất.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÁU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **XÁC LẬP LẠI**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **KHÔI PHỤC CÀI ĐẶT GỐC**, và sau đó bấm nút **OK** để xác lập lại sản phẩm về cài đặt gốc.

Để biết thêm thông tin, xem [Xác lập lại menu thuộc trang 40](#).

Các loại thông báo ở bảng điều khiển

Bốn dạng thông báo ở bảng điều khiển có thể cho biết tình trạng hoặc vấn đề đối với sản phẩm.

Dạng thông báo	Mô tả
Thông báo tình trạng	Thông báo tình trạng cho biết tình trạng hiện tại của sản phẩm. Thông báo này cho bạn biết hoạt động thông thường của sản phẩm và không cần phải xóa thông báo đi. Chúng thay đổi khi tình trạng sản phẩm thay đổi. Bất kể khi nào sản phẩm sẵn sàng, không bận và không có cảnh báo chờ, thì thông báo tình trạng Ready (Sẵn sàng) sẽ xuất hiện nếu sản phẩm ở trạng thái trực tuyến.
Cảnh báo	Các cảnh báo sẽ cho bạn biết lỗi in hoặc dữ liệu. Những thông báo này thường xảy ra luân phiên với các thông báo Ready (Sẵn sàng) hoặc thông báo tình trạng và giữ nguyên cho đến khi nhấn OK . Một số cảnh báo có thể xóa đi được. Nếu CLEARABLE WARNINGS (CẢNH BÁO CÓ THỂ XÓA ĐI) được đặt là JOB (LỆNH IN) trên menu CẤU HÌNH THIẾT BỊ của sản phẩm, thì lệnh in tiếp theo sẽ xóa những thông báo này.
Thông báo lỗi	<p>Thông báo lỗi cho biết rằng bạn phải thực hiện một số hành động, ví dụ như thêm giấy vào hoặc xử lý kẹt giấy.</p> <p>Một số thông báo lỗi có thể tự động tiếp tục. Nếu AUTO-CONTINUE (TỰ ĐỘNG TIẾP TỤC) được đặt trong các menu, sản phẩm sẽ tiếp tục hoạt động thông thường sau khi thông báo lỗi "tự động tiếp tục" xuất hiện trong 10 giây.</p> <p>GHI CHÚ: Khi nhấn bất kỳ nút nào trong thời gian 10 giây, thông báo lỗi tự động tiếp tục sẽ ghi đè tính năng tự động tiếp tục và chức năng của nút đó sẽ được quyền ưu tiên. Ví dụ: nhấn nút dừng  sẽ tạm dừng việc in và cho bạn cơ hội hủy bỏ lệnh in.</p>
Thông báo lỗi nghiêm trọng	Thông báo lỗi nghiêm trọng cho bạn biết lỗi của sản phẩm. Một số thông báo trong loại này có thể được xóa đi bằng cách tắt sản phẩm, sau đó bật lên lại. Cài đặt AUTO-CONTINUE (TỰ ĐỘNG TIẾP TỤC) không ảnh hưởng gì đến những thông báo này. Nếu vẫn có lỗi nghiêm trọng, bạn cần phải bảo dưỡng máy.

Các thông báo ở bảng điều khiển

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
(62 KHÔNG CÓ HỆ THỐNG Để tiếp tục, tắt sau đó bật lại	Sản phẩm có một vấn đề bên trong.	Tắt và sau đó bật sản phẩm. Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
10.32.00 ĐANG SỬ DỤNG NGUỒN CUNG CẤP KHÔNG ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG	Sản phẩm đang sử dụng một nguồn cung cấp không phải của HP.	Nếu bạn tin rằng bạn đã mua nguồn cung cấp HP chính hãng, hãy truy cập vào http://www.hp.com/go/anticounterfeit . Bất kỳ yêu cầu sửa chữa sản phẩm nào do việc sử dụng các nguồn cung cấp không phải của HP hoặc nguồn cung cấp trái phép đều không nằm trong phạm vi bảo hành. HP không thể đảm bảo độ chính xác hoặc tính khả dụng của một số tính năng nhất định.
10.90.XY THAY HỘP MỰC <COLOR>	Đã xuất hiện lỗi bổ sung bột mực.	Thay hộp mực.
10.91.99 LỖI HỘP MỰC IN	Một trong các hộp mực in màu xanh lá mạ, đỏ tươi, hoặc vàng bị lỗi và cần thay thế.	Sau khi thay hộp mực bị lỗi, hãy tắt máy sau đó bật lại để tiếp tục.
10.XX.YY LỖI BỘ NHỚ CUNG CẤP	Sản phẩm không thể đọc hoặc ghi vào ít nhất một thẻ nhớ của hộp mực in hoặc thiếu một thẻ nhớ tag trong một hộp mực in.	Lắp lại hộp mực in, hoặc lắp hộp mực in mới vào.
Giá trị XX		
<ul style="list-style-type: none">• 00 = Lỗi thẻ nhớ• 10 = Thiếu thẻ nhớ		
Giá trị YY		
<ul style="list-style-type: none">• 00 = Đen• 01 = Xanh lá mạ• 02 = Đỏ tươi• 03 = Vàng		
11.XX Lỗi đồng hồ bên trong Để tiếp tục, nhấn OK	Xảy ra lỗi với đồng hồ thời gian thực của sản phẩm.	Bất cứ khi nào tắt sản phẩm và sau đó bật lại, hãy đặt thời gian và ngày trên panen điều khiển. Xem Sử dụng panen điều khiển thuộc trang 12 . Nếu lỗi vẫn còn, bạn có thể cần thay bộ định dạng.
13.XX.YY GIẤY KỆT CUỐN VÀO CUỘN SẤY	Xảy ra kẹt giấy trong cuộn sấy.	THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy. Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải thuộc trang 182 .

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		Để tránh vấn đề kẹt giấy này trong tương lai, hãy đặt chế độ tối ưu hóa in PHƯƠNG TIỆN NHẸ là BẬT . Xem Menu Chất lượng In thuộc trang 23 .
13.XX.YY KẸT GIẤY BÊN TRÊN NGĂN GIẤY RA TRÊN CÙNG	Xảy ra kẹt giấy trong vùng giấy ra.	Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra thuộc trang 186 .
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG CỬA BÊN PHẢI	Xảy ra kẹt giấy trong vùng cuộn sấy.	THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy. Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải thuộc trang 182 .
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG CỬA BÊN PHẢI	Đã xuất hiện kẹt giấy trong phụ kiện in hai mặt và vùng tiếp giấy bên trong cửa bên phải.	Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải thuộc trang 182 .
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG CỬA BÊN PHẢI PHÍA DƯỚI	Đã xuất hiện kẹt giấy ở cửa bên phải phía dưới (Khay 3).	Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3) thuộc trang 190 .
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG KHAY 1	Xảy ra kẹt giấy trong Khay 1.	Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Gỡ giấy kẹt trong Khay 1 thuộc trang 187 .
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG KHAY 3	Đã xuất hiện kẹt giấy trong khay được chỉ báo.	Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Gỡ giấy kẹt trong Khay 2 thuộc trang 188 hoặc Gỡ giấy kẹt trong khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ tùy chọn (Khay 3) thuộc trang 189 .
13.XX.YY KẸT GIẤY VÙNG CUỘN SẤY	Xảy ra kẹt giấy trong vùng cuộn sấy.	THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy. Để xem hướng dẫn về cách xử lý kẹt giấy, xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải thuộc trang 182 .
20 KHÔNG ĐỦ BỘ NHỚ Đề tiếp tục, nhấn OK	Sản phẩm đã nhận nhiều dữ liệu hơn so với lượng dữ liệu có thể được chứa đủ trong bộ nhớ. Bạn có thể đã tìm cách truyền quá nhiều macro, các phòng chữ mềm hoặc hình đồ họa phức tạp.	Bấm nút OK để in dữ liệu đã được chuyển (một số dữ liệu có thể mất), và sau đó đơn giản hóa lệnh in hoặc lấp thêm bộ nhớ.
22 TRÀN BỘ NHỚ ĐỆM EIO X Đề tiếp tục, nhấn OK	Đã gửi quá nhiều dữ liệu đến thẻ EIO trong khe chỉ định (x). Có thể đang sử dụng một giao thức sai để truyền tín hiệu.	Bấm nút OK để in dữ liệu đã chuyển. (Một số dữ liệu có thể bị mất.) Kiểm tra cấu hình máy chủ. Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
22 TRÀN BỘ NHỚ ĐỆM I/O NHÚNG Đề tiếp tục, nhấn OK	Đã gửi quá nhiều dữ liệu đến máy chủ in HP Jetdirect nhúng.	Bấm nút OK để in dữ liệu đã chuyển. (Một số dữ liệu có thể bị mất.) Kiểm tra cấu hình máy chủ. Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
22 TRÀN BỘ NHỚ ĐỆM I/O USB Để tiếp tục, nhấn OK	Bộ đệm USB của sản phẩm đã bị tràn.	Bấm nút OK để in dữ liệu đã chuyển. (Một số dữ liệu có thể bị mất.) Kiểm tra cấu hình máy chủ. Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .) Nếu thông báo vẫn hiển thị, hãy liên hệ bộ phận Hỗ trợ HP tại www.hp.com/support/cljcp3525 .
40 LỖI TRUYỀN I/O NHÚNG Để tiếp tục, nhấn OK	Đã xảy ra lỗi in tạm thời.	Bấm nút OK để xóa thông báo lỗi. (Dữ liệu sẽ bị mất.)
41.3 KHỔ GIẤY KHÔNG MONG MUỐN TRONG KHAY <X> NẠP KHAY <X> [LOẠI] [KÍCH THƯỚC] Để sử dụng khay khác, bấm OK	Sản phẩm đã phát hiện thấy một khổ giấy khác so với mong chờ. Thông báo nhắc sử dụng một khay khác sẽ chỉ hiển thị nếu một khay khác đã nạp giấy.	Nạp giấy có kích thước và loại giấy được chỉ báo vào khay, hoặc sử dụng một khay khác.
41.5 LOẠI GIẤY KHÔNG MONG MUỐN TRONG KHAY <X> NẠP KHAY <X> [LOẠI] [KÍCH THƯỚC] Để sử dụng khay khác, bấm OK	Sản phẩm đã phát hiện thấy một loại giấy khác so với mong chờ.	Nạp giấy có kích thước và loại giấy được chỉ báo vào khay, hoặc sử dụng một khay khác, nếu có. Thông báo nhắc sử dụng một khay khác sẽ chỉ hiển thị nếu một khay khác đã nạp giấy.
41.7 LỖI Để tiếp tục, nhấn OK	Đã xảy ra lỗi in tạm thời.	Hãy thử sử dụng giấy khác. Nếu lỗi không xóa đi, hãy tắt sản phẩm và sau đó bật lại.
41.X LỖI Để tiếp tục, tắt sau đó bật lại	Đã xảy ra lỗi in tạm thời.	Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại. Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
44 LỖI TRUYỀN EIO X Để tiếp tục, nhấn OK	Kết nối giữa sản phẩm và thẻ EIO tron khe được chỉ định đã bị ngắt.	Bấm nút OK để xóa thông báo lỗi và tiếp tục in. Thử cài đặt lại thẻ EIO.
48.01 LỖI BỘ CHUYỂN	Bảng truyền đã trật trong khi in.	Tắt sản phẩm sau đó bật lại. Nếu thông báo vẫn hiển thị, hãy liên hệ bộ phận Hỗ trợ HP tại www.hp.com/support/cljcp3525 .
49.XXXX LỖI Để tiếp tục, tắt sau đó bật lại	Xảy ra lỗi đối với chương trình cơ sở.	Lỗi này có thể là do các lệnh in bị lỗi, vấn đề về ứng dụng phần mềm, các trình điều khiển máy in không dành riêng cho sản phẩm, cáp USB hoặc cáp mạng chất lượng kém, kết nối



Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		<p>mạng không tốt hoặc cấu hình sai, hoạt động chương trình cơ sở không hợp lệ, hoặc phụ kiện không được hỗ trợ.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tắt và sau đó bật sản phẩm. 2. Nếu lỗi này lặp lại, lỗi có thể là do vấn đề kết nối mạng, chẳng hạn như một cáp ghép nối bị lỗi, cổng USB bị lỗi, hoặc cài đặt cấu hình mạng không hợp lệ. Để biết thêm thông tin về cách khắc phục các vấn đề mạng, xem Xử lý vấn đề về khả năng kết nối thuộc trang 204. 3. Nếu lỗi này lặp lại, lỗi có thể là do lệnh in, chẳng hạn như một trình điều khiển máy in không hợp lệ, vấn đề với ứng dụng phần mềm, hoặc vấn đề với tệp bạn đang in. Để biết thêm thông tin về cách khắc phục các vấn đề về lệnh in, xem Xử lý vấn đề chung thuộc trang 158. 4. Nếu lỗi này lặp lại, việc nâng cấp chương trình cơ sở của sản phẩm có thể giúp khắc phục lỗi. Để biết thêm thông tin về nâng cấp chương trình cơ sở, xem Nâng cấp chương trình cơ sở thuộc trang 152. 5. Nếu lỗi vẫn lặp lại sau khi thực hiện các bước trên đây, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525.)
50.X LỖI CUỘN SẤY	Xảy ra lỗi đối với cuộn sấy.	<p>Đảm bảo bạn có cuộn sấy thích hợp. Đặt lại cuộn sấy. Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.</p> <p>Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525.)</p>
51.XY LỖI	Đã xuất hiện lỗi máy in.	Tắt sản phẩm sau đó bật lại.
51.XY LỖI		
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại		
52.XY LỖI	Đã xuất hiện lỗi máy in.	Tắt sản phẩm sau đó bật lại.
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại		
54.XX LỖI	Lỗi yêu cầu tắt sản phẩm sau đó bật lại.	Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại		Nếu thông báo vẫn hiển thị, hãy liên hệ bộ phận Hỗ trợ HP tại www.hp.com/support/cljcp3525 .
55.XX.YY LỖI BỘ ĐIỀU KHIỂN DC	Động cơ máy in không giao tiếp được với bộ định dạng.	Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại		Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
57.XX LỖI	Đã xảy ra lỗi in tạm thời.	Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại		Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
58.XX LỖI	Đã xảy ra lỗi in tạm thời.	Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại		Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
59.BO LỖI MÔ-TƠ LAU DỌN THAY BỘ THU GOM BỘT MỰC	Thông báo này hiển thị vì một trong các lý do sau: <ul style="list-style-type: none"> • Mô-tơ lau dọn bị kẹt. • Bộ thu gom bột mực đầy. • Máng đổ phía trên cùng của bộ thu gom bột mực bị tắc. 	Thay bộ thu gom bột mực. Xem Thay bộ thu gom bột mực thuộc trang 141 .
59.XY LỖI	Đã xảy ra lỗi in tạm thời.	Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại		Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
60.X LỖI	Khay được chỉ định bởi X không nhấc đúng cách.	Thực hiện theo hướng dẫn trên panen điều khiển của sản phẩm.
Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại	Giá trị X <ul style="list-style-type: none"> • 2 = Khay 2 • 3 = Khay 3 	
66.XY.ZZ LỖI DỊCH VỤ	Bộ điều khiển quản lý giấy in ngoài phát hiện thấy có lỗi.	Tắt và sau đó bật sản phẩm.
Kiểm tra các dây cáp, tắt sau đó bật lại		Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
68.X BỘ LƯU TRỮ CỐ ĐỊNH ĐẦY	NVRAM của sản phẩm đầy. Một số cài đặt đã được lưu trong NVRAM có thể đã được xác lập lại về cài đặt mặc định của nhà sản xuất. Có thể tiếp tục in nhưng một số chức năng không mong muốn có thể xảy ra nếu xuất hiện một lỗi trong bộ lưu trữ cố định.	Bấm nút OK để xóa thông báo. Nếu thông báo này không được xóa, hãy tắt sản phẩm, và sau đó bật lại. Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
	<p>Giá trị X</p> <ul style="list-style-type: none"> 0 = Bộ nhớ trong 1 = Tháo đĩa 	tờ rơi hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525 .)
68.X LỖI GHI BỘ LƯU TRỮ CỐ ĐỊNH Đề tiếp tục, nhấn OK	<p>NVRAM của sản phẩm không ghi được. Có thể tiếp tục in nhưng một số chức năng không mong muốn có thể xảy ra nếu xuất hiện một lỗi trong bộ lưu trữ cố định.</p> <p>Giá trị X</p> <ul style="list-style-type: none"> 0 = Bộ nhớ trong 1 = Tháo đĩa 	<p>Bấm nút OK để xóa thông báo. Nếu thông báo này không được xóa, hãy tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.</p> <p>Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525.)</p>
68.X LỖI LƯU TRỮ, CÀI ĐẶT ĐÃ THAY ĐỔI Đề tiếp tục, nhấn OK	<p>Một hoặc nhiều cài đặt sản phẩm là không hợp lệ và đã được xác lập lại về cài đặt mặc định ban đầu. Có thể tiếp tục in nhưng một số chức năng không mong muốn có thể xảy ra nếu xuất hiện một lỗi trong bộ lưu trữ cố định.</p>	<p>Bấm nút OK để xóa thông báo. Nếu thông báo này không được xóa, hãy tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.</p> <p>Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525.)</p>
69.X LỖI Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại	Xảy ra lỗi in tạm thời.	<p>Tắt sản phẩm, và sau đó bật lại.</p> <p>Nếu vẫn xuất hiện thông báo này, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. (Xem tờ rơi Hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525.)</p>
79.XXXX LỖI Đề tiếp tục, tắt sau đó bật lại	Đã xuất hiện một lỗi sản phẩm nội bộ.	<p>Tắt và sau đó bật sản phẩm.</p> <p>Nếu thông báo này vẫn lặp lại, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Hỗ trợ khách hàng thuộc trang 224.</p>
8X.YYYY LỖI EIO	Thông báo này chỉ hiển thị bằng tiếng Anh. Nó cho biết rằng thẻ EIO trong khe X bị lỗi.	Hãy thay thẻ EIO.
8X.YYYY LỖI JETDIRECT NHÚNG	Thông báo này chỉ hiển thị bằng tiếng Anh. Nó cho biết rằng thẻ HP Jetdirect nhúng bị lỗi.	Hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của HP. Xem Hỗ trợ khách hàng thuộc trang 224 .
BỊ HẠN CHẾ IN MÀU	Thông báo này hiển thị khi khi việc in màu bị vô hiệu cho sản phẩm hoặc khi nó bị vô hiệu cho một người sử dụng hoặc lệnh in cụ thể.	Để cho phép sản phẩm in màu, hãy thay đổi cài đặt HẠN CHẾ SỬ DỤNG MÀU trong menu CÀI ĐẶT HỆ THỐNG . Xem Hạn chế in màu thuộc trang 118 .
Chế độ nghỉ bật	Sản phẩm đang ở chế độ nghỉ. Việc bấm nút, nhận dữ liệu có thể in, hoặc điều kiện lỗi sẽ xóa thông báo này.	Không cần thao tác.
Chế độ Chẩn đoán Sẵn sàng Đề thoát, bấm 	Sản phẩm đang ở chế độ Chẩn đoán.	Để dừng chế độ Chẩn đoán, bấm nút Dừng  .
CÁC HỘP MỰC NÀM SAI VỊ TRÍ	Hai hoặc nhiều khe cắm hộp mực in có hộp mực in màu sai.	Lắp hộp mực màu thích hợp vào từng khe.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
	<p>Từ trái sang phải, các hộp mực cần được lắp theo thứ tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vàng • Đỏ tươi • Xanh lá mạ • Đen 	
CÁC NGUỒN CUNG CẤP KHÔNG TƯƠNG THÍCH	Đã lắp các hộp mực in hoặc mực nguồn cung cấp khác không được thiết kế cho sản phẩm này. Sản phẩm không thể in bằng các nguồn cung cấp đã được lắp đặt này.	Lắp nguồn cung cấp được thiết kế cho sản phẩm này.
CUỘN SÁY KHÔNG TƯƠNG THÍCH	Đã lắp cuộn sấy không phù hợp.	<p>THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mở cửa bên phải. 2. Tháo cuộn sấy không tương thích ra. 3. Lắp cuộn sấy thích hợp vào. 4. Đóng cửa bên phải lại.
CHỜ KHAY <X> NHẮC LÊN	Khay đã xác định đang nhắc giấy để tiếp giấy.	Không cần thao tác.
CHỜ MÁY IN KHỞI CHẠY LẠI	Thông báo này có thể xuất hiện vì nhiều lý do: Cài đặt ĐĨA RAM đã thay đổi trước khi sản phẩm khởi động lại. Sản phẩm đang khởi động lại sau khi thay đổi chế độ thiết bị ngoài. Người sử dụng đã thoát khỏi chế độ Chẩn đoán. Bạn đã lắp bộ định dạng mới vào động cơ cũ, hoặc động cơ mới đã được lắp cùng với một bộ định dạng cũ.	Không cần thao tác.
DỮ LIỆU KHÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ TRÊN [FS] DIMM TRONG KHE CẮM X Để xóa, bấm OK	Dữ liệu trên DIMM cho hệ thống tệp được chỉ báo không phải là loại được sản phẩm hỗ trợ. [FS] có thể là hệ thống tệp ROM hoặc Flash.	<p>Bấm nút OK để xóa thông báo.</p> <p>Thay DIMM. Xem Lắp bộ nhớ thuộc trang 143.</p>
DI CHUYỂN SÔLÊNÔIT Để thoát, bấm ⊗	Sôlênôit di chuyển như một phần của bài kiểm tra thành phần.	Không cần thao tác.
DI CHUYỂN SÔLÊNÔIT VÀ MÔ-TƠ Để thoát, bấm ⊗	Sôlênôit và một mô-tơ di chuyển như một phần của bài kiểm tra thành phần.	Không cần thao tác.
DỮ LIỆU ĐÃ NHẬN Để in trang cuối cùng, bấm OK	Sản phẩm đang chờ lệnh để in trang cuối cùng.	Bấm nút OK để in trang cuối cùng.
Đang hiệu chỉnh...	Hiện thị trong khi hiệu chỉnh.	Không cần thao tác.
Đang hủy...	Sản phẩm đang hủy lệnh in hiện thời.	Không cần thao tác.
Đang khôi phục...	Sản phẩm đang khôi phục lại cài đặt. Thông báo này hiển thị trong khi thực hiện một thao tác khôi phục, chẳng hạn như KHÔI PHỤC CÁC GIÁ TRỊ MÀU .	Vui lòng chờ cho tới khi hoàn tất quá trình lau dọn.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Đang khôi phục cài đặt của nhà sản xuất	Sản phẩm đang khôi phục lại cài đặt gốc.	Không cần thao tác.
Đang khởi tạo	Sản phẩm đang khởi động.	Không cần thao tác. Vui lòng chờ cho tới khi thông báo Sẵn sàng hiển thị trên màn hình.
Đang khởi tạo bộ nhớ cố định	Hiện thị khi sản phẩm được bật để cho thấy rằng bộ lưu trữ lâu dài đang được khởi tạo.	Không cần thao tác.
Đang làm mát động cơ	Sản phẩm đang nguội lại.	Không cần thao tác.
Đang nhận Nâng cấp	Đang nâng cấp chương trình cơ sở.	Không tắt sản phẩm cho tới khi sản phẩm trở về Sẵn sàng .
Đang tạo...	Đang tạo một trang lau dọn.	Không cần thao tác.
TRANG LAU DỌN		
Đang tắt nguồn...	Sản phẩm đang tắt.	Vui lòng chờ cho tới khi sản phẩm tắt.
Đang thực hiện nâng cấp <X:YYY> % hoàn tất	Sản phẩm đang trong quá trình nâng cấp chương trình cơ sở.	Vui lòng chờ cho tới khi hoàn tất quá trình nâng cấp.
Không tắt nguồn		
Đang tiến hành...KIỂM TRA DẢI MÀU	Đang tiến hành kiểm tra dải màu.	Không cần thao tác.
Đang tiến hành...KIỂM TRA ĐƯỜNG DẪN GIẤY	Sản phẩm đang thực hiện việc kiểm tra đường dẫn giấy.	Không cần thao tác.
Đang xóa...	Sản phẩm hiện đang xóa lệnh in đã được lưu.	Không cần thao tác.
Đang xóa các lệnh in riêng	Sản phẩm đang xóa lệnh in đã được lưu riêng.	Không cần thao tác.
Đang xử lý...	Sản phẩm hiện đang xử lý một lệnh in nhưng chưa cuộn trang. Khi giấy ngừng chuyển động, thông báo này sẽ được thay bằng một thông báo cho biết lệnh in sẽ được in từ khay nào.	Không cần thao tác.
Đang xử lý...	Sản phẩm đang xử lý một trang lau dọn.	Không cần thao tác.
TRANG LAU DỌN		
Đang xử lý... bản sao <X> / <Y>	Sản phẩm hiện đang xử lý hoặc in các bản sao đổi chiều. Thông báo này cho biết rằng bản sao X / Y tổng số bản sao hiện đang được xử lý.	Không cần thao tác.
Đang xử lý... từ khay <X>	Sản phẩm đang xử lý một lệnh in từ khay được chỉ định.	Không cần thao tác.
Đang xử lý lệnh in hai mặt Không nắm vào giấy cho tới khi in xong	Giấy tạm thời đi vào ngăn giấy ra trong khi in một lệnh in hai mặt. Không tìm cách lấy các trang này ra cho tới khi lệnh in được in xong.	Không cầm giấy vì nó tạm thời đi vào ngăn giấy ra. Thông báo sẽ biến mất khi lệnh in kết thúc.
Đã chấp nhận yêu cầu, vui lòng chờ	Sản phẩm đã chấp nhận một yêu cầu in trong nội bộ, nhưng lệnh in hiện thời phải kết thúc in trước khi trang nội bộ được in.	Không cần thao tác.
Đã lắp hộp mực HP chính hãng	Bạn đã lắp một hộp mực in mới được sản xuất bởi HP.	Không cần thao tác.
Đã lắp nguồn cung cấp HP chính hãng	Bạn đã lắp nhiều hộp mực in mới được sản xuất bởi HP.	Không cần thao tác.



Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Đã tạm dừng Đề trở về Sẵn sàng bấm ☒	Sản phẩm bị tạm dừng, và không có thông báo lỗi nào đang chờ xem xét trên màn hình. I/O tiếp tục nhận dữ liệu cho tới khi bộ nhớ đầy.	Bấm nút dừng ☒.
ĐANG IN <BÁO CÁO>	Sản phẩm đang in một trang nội bộ. Sản phẩm sẽ trở lại trạng thái Sẵn sàng trực tuyến khi in xong trang này.	Không cần thao tác.
ĐANG KIỂM TRA ĐƯỜNG DẪN GIẤY	Sản phẩm đang kiểm tra những lỗi kẹt giấy có thể xảy ra.	Không cần thao tác.
ĐANG KIỂM TRA MÁY IN	Sản phẩm đang tiến hành kiểm tra bên trong.	Không cần thao tác.
ĐANG KHỞI ĐỘNG	Sản phẩm đang thoát khỏi chế độ Nghỉ.	Không cần thao tác.
ĐANG LAU DỌN...	Sản phẩm đang thực hiện chu kỳ lau dọn tự động. Máy sẽ tiếp tục in sau khi lau dọn xong.	Không cần thao tác.
ĐANG LAU DỌN ĐƯỜNG DẪN GIẤY	Sản phẩm đang tìm cách đẩy giấy bị kẹt ra.	Kiểm tra tiến triển ở phía dưới cùng của màn hình.
ĐANG NẠP CHƯƠNG TRÌNH <XX> Không tắt nguồn	Các chương trình và phông chữ được lưu trên hệ thống tệp của sản phẩm và được nạp vào RAM khi bật sản phẩm. Số XX xác định số tuần tự chỉ báo chương trình hiện thời đang được nạp.	Không cần thao tác. Không tắt sản phẩm.
ĐANG SỬ DỤNG NGUỒN CUNG CẤP KHÔNG ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG	Sản phẩm đang sử dụng một nguồn cung cấp không phải của HP.	Nếu bạn tin rằng bạn đã mua nguồn cung cấp HP chính hãng, hãy truy cập vào www.hp.com/go/anticounterfeit . Bất kỳ yêu cầu sửa chữa sản phẩm nào do việc sử dụng các nguồn cung cấp không phải của HP hoặc nguồn cung cấp trái phép đều không nằm trong phạm vi bảo hành. HP không thể đảm bảo độ chính xác hoặc tính khả dụng của một số tính năng nhất định.
ĐANG SỬ DỤNG NGUỒN CUNG CẤP KHÔNG PHẢI CỦA HP	Đang sử dụng nguồn cung cấp không phải của HP.	Một người sử dụng đã cho phép sử dụng một nguồn cung cấp không phải của HP khi nguồn cung cấp HP được thay. Bất kỳ yêu cầu sửa chữa sản phẩm nào do việc sử dụng các nguồn cung cấp không phải của HP hoặc nguồn cung cấp trái phép đều không nằm trong phạm vi bảo hành. HP không thể đảm bảo độ chính xác hoặc tính khả dụng của một số tính năng nhất định.
ĐÃ CÀI ĐẶT NGUỒN CUNG CẤP KHÔNG PHẢI CỦA HP	Sản phẩm đang sử dụng một nguồn cung cấp không phải của HP.	Nếu bạn tin rằng bạn đã mua nguồn cung cấp HP chính hãng, hãy truy cập vào www.hp.com/go/anticounterfeit . Bất kỳ yêu cầu sửa chữa sản phẩm nào do việc sử dụng các nguồn cung cấp không phải của HP hoặc nguồn cung cấp trái phép đều không nằm trong phạm vi bảo hành. HP không thể đảm bảo độ chính xác hoặc tính khả dụng của một số tính năng nhất định.
ĐÃ DỪNG IN Đề tiếp tục, nhấn OK	Đã hết thời gian trên bài kiểm tra In/Dừng.	Bấm nút OK để tiếp tục.
ĐÃ LẮP Ổ ĐĨA KHÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ	Đã lắp một ổ cứng không được hỗ trợ.	Tắt sản phẩm, tháo ổ cứng ra, và sau đó bật lại sản phẩm.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
ĐẶC TÍNH ĐƯỢC CHỌN HIỆN KHÔNG CÓ Đề tiếp tục, nhấn OK	Một lệnh in đã yêu cầu một ngôn ngữ sản phẩm (đặc tính) không khả dụng cho sản phẩm này. Lệnh in này sẽ không in và sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.	Hãy in lệnh in này bằng cách sử dụng một trình điều khiển máy in cho một ngôn ngữ máy in khác, hoặc thêm ngôn ngữ được yêu cầu vào sản phẩm (nếu có thể). Để xem danh sách đặc tính hiện có, hãy in trang cấu hình. (Xem trang thông tin thuộc trang 126 .)
ĐẶT MUA BỘ CUỘN SẤY DƯỚI XXXX TRANG	Cuộn sấy sắp hết. Sản phẩm đã sẵn sàng và sẽ tiếp tục với số trang ước tính được chỉ báo. Việc in sẽ tiếp tục cho tới khi một nguồn cung cấp cần được thay thế.	Đặt mua bộ cuộn sấy thay thế.
ĐẶT MUA BỘ THU GOM BỘT MỰC	Bộ thu gom bột mực gần đầy.	Hãy đặt mua một bộ thu gom bột mực thay thế ngay bây giờ. Có thể tiếp tục in.
ĐẶT MUA HỘP MỰC <COLOR> DƯỚI XXXX TRANG	Hộp mực in được nhận dạng sắp hết thời gian sử dụng hữu ích ước tính của nó. Việc in sẽ tiếp tục cho tới khi một nguồn cung cấp cần được thay thế.	Đặt mua hộp mực in thay thế.
ĐẶT MUA HỘP MỰC <COLOR> DƯỚI XXXX TRANG	Hộp mực được nhận dạng sắp hết thời gian sử dụng hữu ích ước tính của nó. Số trang ước tính còn lại được tính dựa trên diện phủ trang trong quá khứ của sản phẩm này.	Đặt mua hộp mực thay thế.
ĐẶT MUA NGUỒN CUNG CẤP	Có nhiều nguồn cung cấp sắp hết.	Hãy đặt mua nguồn cung cấp cần thiết.
ĐĨA EIO <X> ĐANG KHỞI TẠO	Thiết bị đĩa EIO được xác định đang khởi tạo.	Không cần thao tác.
ĐĨA EIO <X> ĐANG QUAY	Thiết bị đĩa EIO trong khe cắm <X> đang quay các đĩa của nó. Những lệnh in mà cần truy cập đĩa phải chờ đợi.	Không cần thao tác.
ĐĨA EIO <X> KHÔNG HOẠT ĐỘNG	Đĩa EIO trong khe cắm <X> không hoạt động đúng cách.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tắt sản phẩm. 2. Tháo đĩa ra khỏi khe cắm được chỉ báo. 3. Thay đĩa mới vào. 4. Bật máy lên.
ĐĨA RAM ĐƯỢC BẢO VỆ CHỐNG GHI Đề xóa, bấm OK	Thiết bị hệ thống tệp được bảo vệ và không thể ghi các tệp mới vào nó.	Bấm nút OK để xóa.
ĐĨA RAM KHÔNG KHỞI TẠO	Thành phần lưu trữ tệp này phải được khởi tạo trước khi sử dụng.	Sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc HP Web Jetadmin để khởi tạo thành phần.
ĐĨA ROM ĐƯỢC BẢO VỆ CHỐNG GHI Đề xóa, bấm OK	Thiết bị hệ thống tệp được bảo vệ và không thể ghi các tệp mới vào nó.	Bấm nút OK để xóa.
ĐÓNG CỬA BÊN PHẢI	Một cửa ở bên phải của sản phẩm đang mở.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đóng cửa lại. 2. Nếu thông báo vẫn hiển thị, hãy liên hệ bộ phận Hỗ trợ HP tại www.hp.com/support/cljcp3525.
EIO ĐƯỢC BẢO VỆ CHỐNG GHI Đề xóa, bấm OK	Thiết bị hệ thống tệp được bảo vệ và không thể ghi các tệp mới vào nó.	Bấm nút OK để xóa.
EIO KHÔNG KHỞI TẠO	Thành phần lưu trữ tệp này phải được khởi tạo trước khi sử dụng.	Sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc HP Web Jetadmin để khởi tạo thành phần.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Gửi lại Nâng cấp	Quá trình nâng cấp chương trình cơ sở chưa hoàn tất thành công.	Hãy tìm cách nâng cấp lại.
HỆ THỐNG TỆP ĐĨA RAM ĐẦY Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL không thể lưu một thứ gì đó lên hệ thống tệp vì hệ thống tệp đầy.	Bấm nút OK để xóa.
HỆ THỐNG TỆP ĐĨA ROM ĐẦY Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL không thể lưu một thứ gì đó lên hệ thống tệp vì hệ thống tệp đầy.	Bấm nút OK để xóa.
HỆ THỐNG TỆP EIO ĐẦY Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL không thể lưu một thứ gì đó lên hệ thống tệp vì hệ thống tệp đầy.	Bấm nút OK để xóa.
HỆ THỐNG TỆP KHE CẮM THẺ ĐẦY Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL không thể lưu một thứ gì đó lên hệ thống tệp vì hệ thống tệp đầy.	Bấm nút OK để xóa.
HỆ THỐNG TỆP LƯU TRỮ USB ĐẦY Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL không thể lưu một thứ gì đó lên hệ thống tệp vì hệ thống tệp đầy.	Bấm nút OK để xóa.
HIỆU CHỈNH XÁC LẬP LẠI ĐANG CHỜ XỬ LÝ Đang xử lý...	Một xác lập lại hiệu chỉnh sẽ xuất hiện khi tất cả các lệnh in đã được xử lý.	Để bắt đầu xác lập lại sớm hơn, hãy hủy tất cả các lệnh in bằng cách bấm nút Dừng  .
HOÀN THÀNH LAU DỌN ĐĨA <X> % Không tắt nguồn	Sản phẩm đang lau dọn ổ cứng hoặc thẻ compact flash.	Không được tắt nguồn. Sản phẩm sẽ tự động khởi động lại khi lau dọn xong. Các chức năng của sản phẩm hiện không có.
HOÀN THÀNH VỆ SINH ĐĨA <X> % Không tắt nguồn	Đang lau dọn ổ cứng.	Hãy liên hệ với người quản trị mạng.
HỘP MỰC <COLOR> KHÔNG TƯƠNG THÍCH	Hộp mực in màu được chỉ báo không tương thích với sản phẩm này.	Hãy thay hộp mực in này bằng hộp mực được thiết kế cho sản phẩm này.
HỘP MỰC KHÔNG ĐÚNG TRONG KHE CẮM <COLOR>	Khe cắm được chỉ báo cho một hộp mực in có một hộp mực không đúng màu. Từ trái sang phải, các hộp mực cần được lắp theo thứ tự sau: <ul style="list-style-type: none"> ● Vàng ● Đỏ tươi ● Xanh lá mạ ● Đen 	Tháo hộp mực in ra khỏi khe cắm đó, và lắp một hộp mực đúng màu vào.
Không có lệnh in đã lưu nào	Hiện thị khi người sử dụng mở menu TRUY LỤC LỆNH IN và không có lệnh in nào để tải.	Không cần thao tác.
Không có lệnh in để hủy	Bạn đã bấm nút dừng  nhưng sản phẩm hiện không xử lý bất kỳ lệnh in nào.	Không cần thao tác.
KÍCH THƯỚC KHAY <X> = <Size> Yêu cầu lắp phụ kiện lắp phương tiện vào khay	Sản phẩm được đặt để in trên khổ giấy nhỏ yêu cầu phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP vào khay này.	Để sử dụng khổ giấy này, hãy lắp phụ kiện lắp phương tiện vào trước khi nạp giấy. Xem Nạp khay thuộc trang 81

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
KÍCH THƯỚC KHÔNG KHỚP TRONG KHAY XX	Giấy trong khay được liệt kê không khớp với kích thước được xác định cho khay đó.	<ol style="list-style-type: none"> Hãy nạp đúng giấy. Kiểm tra xem giấy đã được đặt đúng chưa. Nếu thông báo vẫn hiển thị, hãy liên hệ bộ phận Hỗ trợ HP tại www.hp.com/support/cljcp3525.
KHAY <X> [LOẠI] [KÍCH THƯỚC] Để thay đổi kích thước hoặc loại, bấm OK Để chấp nhận các cài đặt, bấm ↵.	Thông báo này cho biết cấu hình loại và kích thước hiện thời của khay.	Để thay đổi kích thước hoặc loại, hãy bấm nút OK . Để chấp nhận cài đặt, bấm mũi tên lùi ↵.
KHAY <X> CÓ QUÁ NHIỀU GIẤY Lấy giấy thừa ra	Khay được nắp quá đầy chiều cao xếp giấy.	Hãy lấy bớt giấy ra sao cho xếp giấy không vượt quá giới hạn của khay này.
KHAY <X> HẾT GIẤY [LOẠI] [KÍCH THƯỚC]	Khay đã xác định không có giấy và lệnh in hiện thời không cần khay này để in.	Hãy nạp giấy vào khay này khi nào bạn thấy tiện.
KHAY <X> MỞ	Khay được chỉ định đang để mở hoặc chưa đóng hoàn toàn.	Đóng khay lại.
KHE CẮM THẺ <X> KHÔNG HOẠT ĐỘNG	Thẻ compact flash trong khe cắm <X> không hoạt động bình thường.	Hãy tháo thẻ này ra khỏi khe cắm như được chỉ báo, và thay nó bằng một thẻ mới.
KHE CẮM THẺ ĐƯỢC BẢO VỆ CHỐNG GHI Để xóa, bấm OK	Thiết bị hệ thống tệp được bảo vệ và không thể ghi các tệp mới vào nó.	Bấm nút OK để xóa.
KHE CẮM THẺ KHÔNG ĐƯỢC KHỞI TẠO	Thành phần lưu trữ tệp này phải được khởi tạo trước khi sử dụng.	Sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc HP Web Jetadmin để khởi tạo thành phần.
KHÔNG ĐỦ BỘ NHỚ ĐỂ NẠP DỮ LIỆU PHÒNG CHỮ	Sản phẩm không có đủ bộ nhớ để tải dữ liệu (ví dụ, phòng chữ hoặc macro) từ vị trí đã xác định.	Để tiếp tục mà không cần thông tin này, bấm nút OK . Nếu thông báo vẫn xuất hiện, hãy bổ sung thêm bộ nhớ.
KHÔNG THỂ "ĐA SAO CHÉP" LỆNH IN	Sản phẩm không có đủ bộ nhớ để tạo nhiều bản in gốc cho lệnh in này. Một bản sao sẽ được in.	Thêm bộ nhớ vào sản phẩm. Xem Lắp bộ nhớ thuộc trang 143 .
KHÔNG THỂ LƯU LỆNH IN	Không thể lưu một lệnh in do vấn đề về bộ nhớ hoặc cấu hình.	Lắp thêm bộ nhớ vào sản phẩm.
Lắp hoặc đóng khay <X>	Khay được chỉ báo đang mở, và nó gây ảnh hưởng tới giấy được tiếp vào từ một khay khác.	Đóng khay này lại để có thể tiếp tục in.
LẮP CUỘN SẤY	Cuộn sấy đã được tháo ra hoặc bị lắp sai.	THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy. <ol style="list-style-type: none"> Mở cửa bên phải. Lắp hoặc điều chỉnh lại cuộn sấy. Đóng cửa bên phải lại.
LẮP HỘP MỰC <COLOR>	Hộp mực in đã được tháo ra hoặc bị lắp sai.	Thay hoặc lắp lại hộp mực in theo đúng cách để tiếp tục in. Xem Thay hộp mực in thuộc trang 139 .

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
LẮP NGUỒN CUNG CẤP Để xem tình trạng bấm OK	Bấm nút OK để xác định xem nguồn cung cấp nào cần thay thế. Bấm nút OK lần thứ hai để biết thêm thông tin về nguồn cung cấp cụ thể này.	Lắp mục nguồn cung cấp vào hoặc đảm bảo mục nguồn cung cấp đã được lắp vào đúng vị trí.
LOẠI KHÔNG KHỚP TRONG KHAY X	Khay đã xác định có loại giấy không khớp với loại được cấu hình.	Khay đã xác định sẽ không được sử dụng cho tới khi tình trạng này được khắc phục. Có thể tiếp tục in từ các khay khác. 1. Nạp giấy đúng loại giấy vào khay đã xác định. 2. Kiểm tra cấu hình loại.
LỖI HOẠT ĐỘNG TỆP ĐĨA ROM Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL đã tìm cách thực hiện một thao tác không theo logic.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI HOẠT ĐỘNG TỆP ĐĨA ROM Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL đã tìm cách thực hiện một thao tác không theo logic.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI HOẠT ĐỘNG TỆP EIO Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL đã tìm cách thực hiện một thao tác không theo logic.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI HOẠT ĐỘNG TỆP KHE CẤM THỂ Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL đã tìm cách thực hiện một thao tác không theo logic.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI HOẠT ĐỘNG TỆP LƯU TRỮ USB Để xóa, bấm OK	Một lệnh hệ thống tệp PjL đã tìm cách thực hiện một thao tác không theo logic.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI KẾT NỐI KHAY TỰY CHỌN	Khay tùy chọn không được kết nối.	1. Tắt sản phẩm. 2. Tháo và sau đó lắp lại khay tùy chọn. Nếu lỗi vẫn lặp lại, hãy liên hệ với một nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. Hãy xem tờ rơi hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525
LỖI PHỤ KIỆN USB	Thông báo này hiển thị khi một phụ kiện USB được kết nối sử dụng quá nhiều điện. Khi điều này xảy ra, cổng ACC sẽ bị vô hiệu và máy sẽ ngừng in.	Có thể tiếp tục in. Cần tháo thiết bị USB ra.
LỖI THIẾT BỊ ĐĨA RAM Để xóa, bấm OK	Thiết bị được nêu bị lỗi.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI THIẾT BỊ ĐĨA ROM Để xóa, bấm OK	Thiết bị được nêu bị lỗi.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI THIẾT BỊ EIO Để xóa, bấm OK	Thiết bị được nêu bị lỗi.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI THIẾT BỊ KHE CẤM THỂ Để xóa, bấm OK	Thiết bị được nêu bị lỗi.	Bấm nút OK để xóa.
LỖI THIẾT BỊ LƯU TRỮ USB	Thiết bị được nêu bị lỗi.	Bấm nút OK để xóa.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Đề xóa, bấm OK		
Mô-tơ <color> Đang xoay Đề thoát, bấm 	Đang tiến hành một kiểm tra thành phần; thành phần được chọn là mô-tơ hộp mực <color>.	Bấm nút dừng  khi sẵn sàng dừng kiểm tra này.
Mô-tơ Đang xoay Đề thoát, bấm 	Sản phẩm đang tiến hành một kiểm tra thành phần và thành phần được chọn là một mô-tơ.	Bấm nút dừng  khi sẵn sàng dừng kiểm tra này.
Nhật ký sự kiện trống	Không có sự kiện sản phẩm nào trong nhật ký.	Không cần thao tác.
NẠP KHAY <X> [LOẠI] [KÍCH THƯỚC]	Thông báo này hiển thị khi khay chỉ báo được chọn nhưng chưa nạp giấy, và không có khay giấy nào khác khả dụng để sử dụng.	Nạp giấy được yêu cầu vào khay và sau đó bấm nút OK để tiếp tục.
NẠP KHAY <X> [LOẠI] [KÍCH THƯỚC] Đề sử dụng khay khác, bấm OK	Thông báo này hiển thị khi khay chỉ báo được chọn nhưng chưa nạp giấy, và có các khay giấy nào khác khả dụng để sử dụng.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nạp giấy đúng loại giấy vào khay. 2. Nếu được nhắc, hãy xác nhận kích thước và loại giấy được nạp. 3. Nếu không, bấm nút OK để chọn một khay khác.
NẠP KHAY 1 [LOẠI] [KÍCH THƯỚC] Đề tiếp tục, nhấn OK	Khay được chỉ báo đã được nạp và cấu hình cho loại và kích thước khác với chỉ định trong lệnh in.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nếu giấy thích hợp đã được nạp, hãy bấm nút OK. 2. Nếu không, hãy tháo giấy không thích hợp ra và nạp giấy đã được xác định vào khay này. 3. Nếu được nhắc, hãy xác nhận kích thước và loại giấy được nạp. 4. Xác nhận rằng các thanh dẫn giấy ở đúng vị trí. 5. Để sử dụng một khay khác, hãy lấy giấy ra khỏi khay này và sau đó nút OK.
NẠP KHAY 3 [LOẠI] [KÍCH THƯỚC] Yêu cầu lắp phụ kiện lắp phương tiện vào khay Đề sử dụng khay khác, bấm OK	Thông báo này hiển thị khi in giấy khổ 4 x 6 inch hay 100 x 150 mm, khi in khổ giấy này yêu cầu có phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP trong Khay 3.	Lắp phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP vào Khay 3, và nạp giấy được yêu cầu vào.
NGÀY/GIỜ = YYYY/MMMM/DD HH:MM Đề thay đổi, nhấn bấm OK. Đề bỏ qua, bấm 	Ngày giờ hiện thời đã được đặt cho sản phẩm.	Bấm nút OK để đặt ngày giờ hoặc bấm nút dừng  để bỏ qua cài đặt.
NGĂN TRÊN CHUẨN ĐẦY Lấy hết giấy ra khỏi ngăn	Ngăn giấy ra đầy.	Lấy hết giấy trong ngăn ra và tiếp tục in.
NHẬT KÝ SỰ KIỆN LAU DỌN	Thông báo này hiển thị khi nhật ký sự kiện bị xóa. Sản phẩm sẽ thoát khỏi menu sau khi nhật ký sự kiện đã bị xóa.	Không cần thao tác.
Ổ MÃ HÓA HP BỊ VÔ HIỆU	Ổ đã được mã hóa cho một sản phẩm khác.	Hãy tháo ổ này ra hoặc xem the máy chủ Web nhúng để biết thêm thông tin.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Sai	Mã PIN không chính xác.	Sử dụng các nút mũi tên lên ▲ và mũi tên xuống ▼ để nhập chính xác mã PIN.
Sẵn sàng	Sản phẩm đang trong trạng thái trực tuyến và sẵn sàng cho dữ liệu. Không có thông báo tình trạng hoặc thông báo cần chú ý đến sản phẩm đang chờ xử lý trên màn hình.	Không cần thao tác.
Sẵn sàng ĐỊA CHỈ IP	Sản phẩm đang trong trạng thái trực tuyến và sẵn sàng.	Không cần thao tác.
Thao tác hiện không khả dụng cho khay x KÍCH thước khay không thể là KÍCH THƯỚC BẤT KỲ/TÙY CHỈNH BẤT KỲ	Đăng ký in hai mặt không khả dụng khi kích thước được đặt là KÍCH THƯỚC BẤT KỲ hoặc TÙY CHỈNH BẤT KỲ .	Cấu hình khay cho một kích thước cụ thể, và sau đó đặt đăng ký cho khay đó.
Tháo ít nhất một hộp mực in Để thoát, bấm ⊗	Sản phẩm đang kiểm tra mô-tơ hộp mực in.	Để tiến hành kiểm tra, hãy tháo ít nhất một hộp mực in ra. Để hủy the kiểm tra, bấm nút dừng ⊗.
Tháo tất cả hộp mực in Để thoát, bấm ⊗	Sản phẩm đang kiểm tra bộ chuyển.	Để tiến hành kiểm tra, hãy tháo tất cả các hộp mực in ra. Để hủy the kiểm tra, bấm nút dừng ⊗.
Thiết bị lưu trữ USB <X> đang khởi tạo	Một trong các thông số của thiết bị lưu trữ USB đang khởi tạo.	Không cần thao tác.
Truy cập bị từ chối CÁC MENU BỊ KHÓA	Menu panen điều khiển bạn đã tìm cách chọn hiện đang bị khóa.	Hãy tham vấn với người quản trị sản phẩm này.
TIẾP GIẤY THỦ CÔNG <LOẠI> <KÍCH THƯỚC>	Thông báo này hiển thị khi Khay 1 được chọn nhưng chưa nạp giấy, và có các khay giấy nào khác khả dụng để sử dụng.	Nạp giấy được yêu cầu vào khay. Nếu giấy đã có trong khay, bấm nút trợ giúp ? để thoát khỏi thông báo và sau đó bấm nút OK để in. Để sử dụng một khay khác, hãy lấy hết giấy ra khỏi Khay 1, bấm nút trợ giúp ? để thoát khỏi thông báo và sau đó bấm nút OK .
TIẾP GIẤY THỦ CÔNG <LOẠI> <KÍCH THƯỚC> Để sử dụng khay khác, bấm OK	Lệnh in đã xác định yêu cầu tiếp giấy theo cách thủ công.	Nạp giấy được yêu cầu vào khay. Nếu giấy đã có trong khay, bấm nút trợ giúp ? để thoát khỏi thông báo và sau đó bấm nút OK để in. Để sử dụng một khay khác, hãy lấy hết giấy ra khỏi Khay 1, bấm nút trợ giúp ? để thoát khỏi thông báo và sau đó bấm nút OK .
TIẾP GIẤY THỦ CÔNG <LOẠI> <KÍCH THƯỚC> Để tiếp tục, nhấn OK	Thông báo này hiển thị khi Khay 1 được chọn nhưng chưa nạp giấy, và có các khay giấy nào khác khả dụng để sử dụng.	Nạp giấy được yêu cầu vào khay. Để ghi đề thông báo này, bấm nút OK để sử dụng a loại và khổ giấy có trong một khay khác.
TIẾP GIẤY THỦ CÔNG CHỜNG GIẤY RA Sau đó bấm OK để in mặt thứ hai	Sản Phẩm đã in mặt đầu tiên của của lệnh in hai mặt thủ công và đang chờ người sử dụng cho xếp giấy ra vào để in mặt thứ hai.	<ol style="list-style-type: none"> Giữ nguyên hướng giấy, lấy tài liệu ra khỏi ngăn giấy ra. Lật tài liệu đã in lên. Nạp tài liệu vào Khay 1. Bấm nút OK để in.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
THAY BỘ CUỘN SẤY	Cuộn sấy sắp hết thời gian sử dụng hữu ích của nó. Có thể tiếp tục in.	THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy. <ol style="list-style-type: none">1. Mở cửa bên phải.2. Nắm vào tay cầm màu xanh da trời ở cả hai bên của cuộn sấy và kéo thẳng nó ra để tháo.3. Lắp cuộn sấy mới.4. Đóng cửa bên phải lại.
THAY BỘ CUỘN SẤY Để tiếp tục, nhấn OK	Menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP được đặt ở cài đặt DỪNG KHI GẦN HẾT MỰC . Bộ cuộn sấy đã đến ngưỡng thấp.	THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy. Bấm nút OK để tiếp tục in cho tới khi hết cuộn sấy, hoặc thay cuộn sấy ngay bây giờ. Thay cuộn sấy <ol style="list-style-type: none">1. Mở cửa bên phải.2. Nắm vào tay cầm màu xanh da trời ở mỗi bên của cuộn sấy, và kéo thẳng nó ra để tháo.3. Lắp cuộn sấy mới.4. Đóng cửa bên phải lại.
THAY BỘ THU GOM BỘT MỰC	Bộ thu gom bột mực đã đạt tới khả năng chứa của nó.	Hãy thay bộ thu gom bột mực hoặc, nếu bạn muốn để bộ thu gom bột mực hoạt động vượt ra ngoài khả năng chứa của nó, hãy cấu hình lại máy in để sử dụng GHI ĐỀ KHI HẾT MỰC 2 trong menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP . Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP , xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26 . Bạn không nên sử dụng tùy chọn này để tránh nguy cơ làm tràn bộ thu gom bột mực, tình trạng này có thể dẫn đến việc cần phải sửa chữa sản phẩm.
THAY BỘ THU GOM BỘT MỰC Để tiếp tục, nhấn OK	Bộ thu gom bột mực sắp đạt tới khả năng chứa của nó.	Hãy đặt mua một bộ thu gom bột mực mới ngay bây giờ. Bạn có thể bấm nút OK để tiếp tục in. Bạn có thể tiếp tục in cho tới khi thông báo nhắc liên tục không còn hiển thị.
THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP Để tiếp tục, nhấn OK	Số trang còn lại cho ít nhất hai nguồn cung cấp đã đạt tới ngưỡng thấp. Sản phẩm được đặt để dừng khi một nguồn cung cấp cần được đặt mua.	Bấm nút OK để tiếp tục in cho tới khi hết nguồn cung cấp này. Hoặc, cấu hình sản phẩm để tiếp tục in bằng cách sử dụng menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP . Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP , xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26 .

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP Để xem tình trạng bấm OK	Hai hoặc nhiều nguồn cung cấp đã hết thời gian sử dụng. Lượng nguồn cung cấp còn lại thực tế có thể khác với ước tính. Hãy chuẩn bị sẵn nguồn cung cấp thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Nguồn cung cấp không cần thay thế ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Sau khi một nguồn cung cấp HP đã hết, Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó sẽ chấm dứt. Bạn có thể cấu hình sản phẩm để tiếp tục in bằng cách sử dụng menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP . Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP , xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26 .	Bấm nút OK để xem nguồn cung cấp nào cần thay thế. Hoặc, cấu hình sản phẩm để tiếp tục in bằng cách sử dụng menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP . Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP , xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26 .
THAY HỘP MỰC <COLOR>	Sản phẩm cho biết nguồn cung cấp đã hết. Lượng nguồn cung cấp còn lại thực tế có thể khác với ước tính. Hãy chuẩn bị sẵn nguồn cung cấp thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Nguồn cung cấp không cần thay thế ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Sau khi một nguồn cung cấp HP đã hết, Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó sẽ chấm dứt. Bạn có thể cấu hình sản phẩm để tiếp tục in bằng cách sử dụng menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP . Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP , xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26 .	Thay hộp mực màu đã xác định. Thay hộp mực in thuộc trang 139 Hoặc, cấu hình sản phẩm để tiếp tục in bằng cách sử dụng menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP . Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP , xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26 .
THAY NGUỒN CUNG CẤP - Chỉ sử dụng màu đen	<p>Bạn có thể cấu hình sản phẩm để in bằng cách chỉ so sánh màu đen khi mực của nguồn cung cấp màu đã hết. Tuy nhiên, nguồn cung cấp màu có thể vẫn cho ra chất lượng in có thể chấp nhận được. Để in màu, hãy thay nguồn cung cấp màu hoặc cấu hình lại máy in bằng cách sử dụng menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP trên panen điều khiển. Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP, xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26.</p> <p>Lượng nguồn cung cấp còn lại được sử dụng để xác định xem nguồn cung cấp đã thật gần hết chưa. Lượng nguồn cung cấp còn lại chỉ là tương đối và thay đổi tùy thuộc vào loại tài liệu được in và các yếu tố khác.</p>	Không yêu cầu người sử dụng nhập bất cứ thứ gì để tiếp tục in màu đen. Để tiếp tục in màu, hãy thay nguồn cung cấp hoặc cấu hình lại máy in bằng cách sử dụng menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP trên panen điều khiển. Để biết thêm thông tin về cách đặt mua nguồn cung cấp, xem Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 211 . Để biết thêm thông tin về menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CUNG CẤP , xem Mục nhập cài đặt hệ thống thuộc trang 26 .
THAY NGUỒN CUNG CẤP - ĐANG SỬ DỤNG GHI ĐỀ	Sản phẩm cho biết nguồn cung cấp đã hết. Lượng nguồn cung cấp còn lại thực tế có thể khác với ước tính. Hãy chuẩn bị sẵn nguồn cung cấp thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Nguồn cung cấp không cần thay thế ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Sau khi một nguồn cung cấp HP đã hết, Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó sẽ chấm dứt. Có thể in sử	Mở menu TÌNH TRẠNG NGUỒN CUNG CẤP để biết thông tin về mỗi nguồn cung cấp. Bấm nút OK để biết thông tin chi tiết.

Bảng 11-1 Các thông báo ở bảng điều khiển (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
	dụng chế độ ghi đề (xem mục menu THAY CÁC NGUỒN CUNG CẤP). GHI CHÚ: Việc in ở chế độ Ghi đề cuối cùng rồi cũng sẽ cho ra kết quả có chất lượng in không như ý.	
THIẾT BỊ LƯU TRỮ USB <X> ĐÃ BỊ THÁO	Một phụ kiện lưu trữ USB đã được tháo ra.	<ol style="list-style-type: none">1. Tắt sản phẩm.2. Cắm lại phụ kiện lưu trữ USB.3. Bật sản phẩm.
THIẾT BỊ LƯU TRỮ USB <X> KHÔNG HOẠT ĐỘNG	Một thông số trong bộ lưu trữ USB không hoạt động bình thường.	<ol style="list-style-type: none">1. Tắt sản phẩm.2. Tháo phụ kiện lưu trữ USB ra, và thay bằng phụ kiện lưu trữ USB mới.
THIẾT BỊ LƯU TRỮ USB ĐƯỢC BẢO VỆ CHỐNG GHI Để xóa, bấm OK	Thiết bị hệ thống tệp được bảo vệ và không thể ghi các tệp mới vào nó.	Bấm nút OK để xóa.
THIẾT BỊ LƯU TRỮ USB KHÔNG KHỞI TẠO	Thành phần lưu trữ tệp này phải được khởi tạo trước khi sử dụng.	Sử dụng máy chủ Web nhúng hoặc HP Web Jetadmin để khởi tạo thành phần.
THIẾU Ổ MONG MUỐN	Sản phẩm không thể tìm thấy ổ cứng ngoài.	Hãy lắp ổ cứng vào hoặc xem the máy chủ Web nhúng để biết thêm thông tin.
Vui lòng chờ	Sản phẩm đang trong quá trình xóa dữ liệu.	Không cần thao tác.
Xác lập lại bộ đếm	Bạn đã chọn tùy chọn xác lập lại số đếm cho một mục nguồn cung cấp mới.	Không cần thao tác.

Kẹt giấy

Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp

Sản phẩm bị kẹt.

Nguyên nhân	Giải pháp
Giấy không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật.	Chỉ sử dụng giấy đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ thuộc trang 75 .
Một thành phần được cài không đúng cách.	Kiểm tra xem băng truyền và trục truyền đã được lắp đúng chưa.
Bạn đang sử dụng giấy đã qua sản phẩm hoặc máy photocopy.	Không sử dụng giấy đã được in hoặc sao chép trước đó.
Khay tiếp giấy được nạp không đúng.	Lấy hết giấy thừa ra khỏi khay tiếp giấy. Đảm bảo chồng giấy ở dưới đầu chiều cao chồng giấy tối đa trong khay. Xem Nạp khay thuộc trang 81 .
Giấy bị xiên.	Các thanh dẫn của khay tiếp giấy không được điều chỉnh đúng. Điều chỉnh các thanh dẫn này sao cho chúng giữ chặt chồng giấy vào vị trí và giấy không bị cong.
Giấy bó hoặc dính vào nhau.	Lấy giấy ra, bẻ cong, xoay 180°, hoặc lật ngược. Nạp lại giấy vào khay tiếp giấy.
Giấy phải được lấy ra trước khi đặt vào ngăn giấy ra.	Đặt lại sản phẩm. Chờ cho tới khi trang được xếp hoàn toàn vào ngăn giấy ra trước khi lấy ra.
Trong khi in hai mặt, bạn đã lấy giấy ra trước khi in mặt thứ hai của tài liệu.	Đặt lại sản phẩm và in tài liệu lại lần nữa. Chờ cho tới khi trang được xếp hoàn toàn vào ngăn giấy ra trước khi lấy ra.
Giấy ở tình trạng không tốt.	Thay giấy.
Các con lăn bên trong khay không tiếp giấy lên.	Nếu giấy nặng trên 220 g/m ² , nó có thể không lấy ra được từ khay. Các con lăn bị mòn. Thay con lăn.
Giấy có cạnh gò ghề hoặc lờm chờm.	Thay giấy.
Giấy bị đục răng cưa hoặc dập nổi.	Giấy bị đục răng cưa hoặc dập nổi không dễ dàng tách rời. Nạp các trang giấy từ Khay 1.
Giấy được lưu trữ sai cách.	Thay giấy trong các khay. Giấy cần được lưu trữ trong bao gói gốc ở môi trường được kiểm soát.
Chưa tháo tất cả vật liệu đóng gói sản phẩm.	Kiểm tra xem băng dán, bia các-tông, và các khóa vận chuyển dùng để đóng gói đã được tháo ra khỏi sản phẩm chưa.
Phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP được lắp vào Khay 3, và bạn không in trên giấy khổ 4 x 6 in (10 x 15 cm). Hoặc Phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP không được lắp vào Khay 3, và bạn in trên giấy khổ 4 x 6 in (10 x 15 cm).	Luôn sử dụng phụ kiện lắp phương tiện bưu thiếp HP khi in trên giấy khổ 4 x 6 in (10 x 15 cm), nhưng hãy tháo nó ra khi in trên các khổ giấy khác.

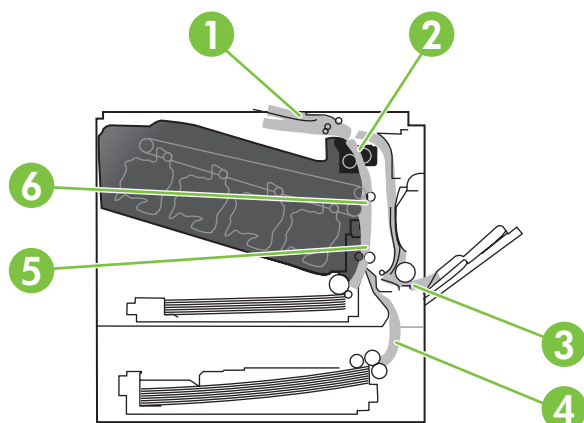
Nếu sản phẩm vẫn tiếp tục bị kẹt giấy, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ Khách hàng HP hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền.

Các vị trí kẹt giấy

Sử dụng hình minh họa này để xác định vị trí giấy kẹt. Ngoài ra, các hướng dẫn sẽ hiển thị trên panen điều khiển để chỉ cho bạn vị trí giấy kẹt và cách xử lý nó.

GHI CHÚ: Các vùng bên trong sản phẩm có thể cần được mở ra để xử lý kẹt giấy có tay cầm hoặc nhãn màu xanh lá cây.

Hình 11-1 Các vị trí kẹt giấy



1	Vùng ngăn giấy ra
2	Vùng in hai mặt
3	Vùng Khay 1
4	Khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ tùy chọn (Khay 3)
5	Vùng cuộn giấy của Khay 2
6	Khu vực của cuộn sấy

Xử lý kẹt giấy

Khi bị kẹt giấy, một thông báo sẽ hiển thị trên màn hình của panen điều khiển mô tả vị trí giấy kẹt. Bảng sau đây liệt kê các thông báo có thể hiển thị và cung cấp liên kết đến những bước để xử lý kẹt giấy.

⚠ CẢNH BÁO! Để tránh bị điện giật, hãy tháo vòng đeo tay, vòng đeo cổ hoặc các vật bằng kim loại khác ra khỏi người trước khi tiếp cận vào bên trong sản phẩm.

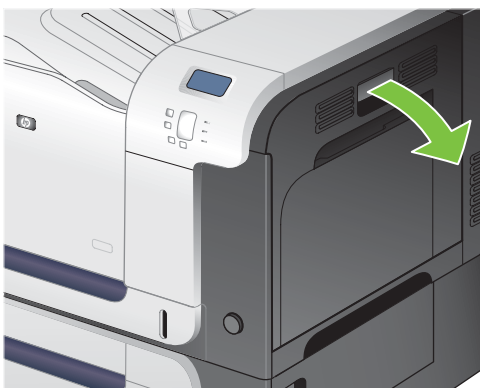
Kiểu kẹt giấy	Quy trình
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG CỬA BÊN PHẢI	Xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải thuộc trang 182 .
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG CỬA BÊN PHẢI	
13.XX.YY KẸT GIẤY VÙNG CUỘN SẤY	
13.XX.YY GIẤY KẸT CUỘN VÀO CUỘN SẤY	
13.XX.YY KẸT GIẤY BÊN TRÊN NGĂN GIẤY RA TRÊN CÙNG	Xem Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra thuộc trang 186 .

Kiểu kẹt giấy	Quy trình
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG KHAY 1	Xem Gỡ giấy kẹt trong Khay 1 thuộc trang 187.
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG KHAY 2	Xem Gỡ giấy kẹt trong Khay 2 thuộc trang 188.
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG KHAY 3	Xem Gỡ giấy kẹt trong khay giấy và phương tiện nâng 500 tờ tùy chọn (Khay 3) thuộc trang 189.
13.XX.YY KẸT GIẤY TRONG CỬA BÊN PHẢI PHÍA DƯỚI	Xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3) thuộc trang 190.

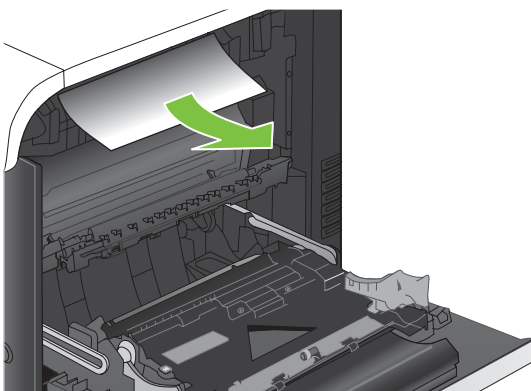
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải

- △ **THẬN TRỌNG:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.
- 💡 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-right-door-jams.

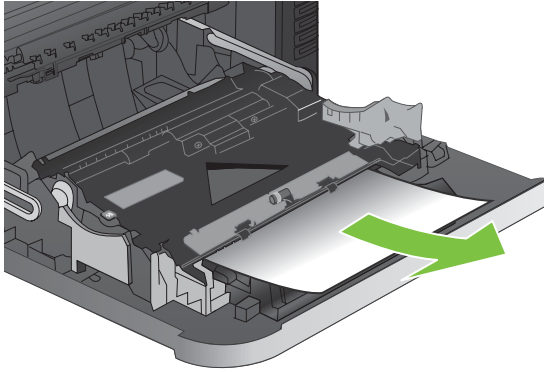
1. Mở cửa bên phải.



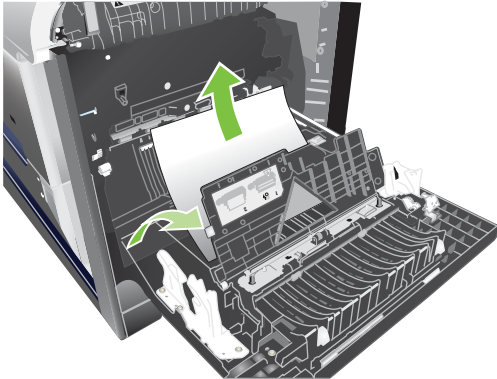
2. Nếu giấy bị kẹt khi nó đi vào ngăn giấy ra, hãy nhẹ nhàng kéo giấy xuống để tháo nó ra.



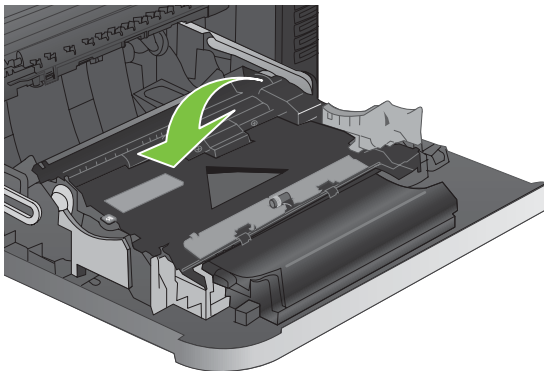
3. Nếu giấy bị kẹt bên trong cửa bên phải, hãy nhẹ nhàng kéo giấy để tháo nó ra.



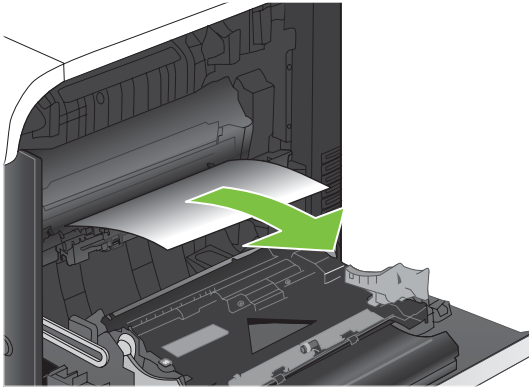
4. Nhấc nắp tiếp giấy bên trong cửa bên phải. Nếu có giấy bị kẹt, hãy nhẹ nhàng kéo thẳng giấy ra để tháo nó.



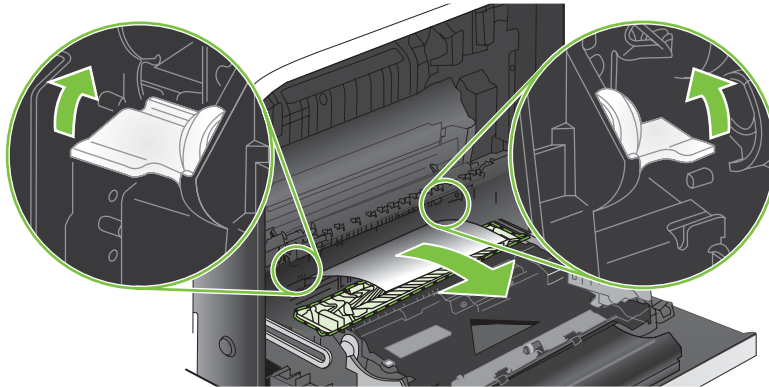
5. Đóng nắp tiếp giấy.



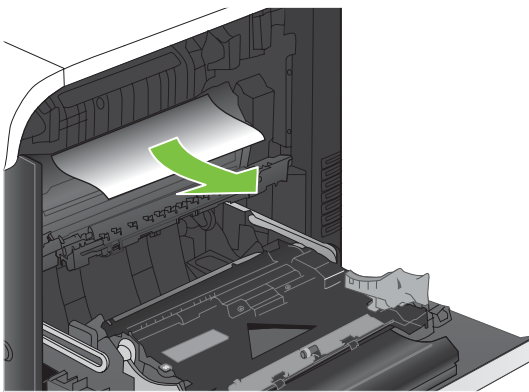
6. Nhẹ nhàng kéo giấy ra khỏi vùng cuộn giấy.



7. Tìm giấy trong cùng con lăn của khay 2. Gắn đáy của mặt bên phải, bóp hai cần màu trắng lên trên để mở cửa tháo kẹt giấy. Lấy hết giấy bị kẹt ra, và đóng cửa lại.



8. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt ở dưới đáy cuộn sấy, hãy nhẹ nhàng kéo xuống để tháo nó.

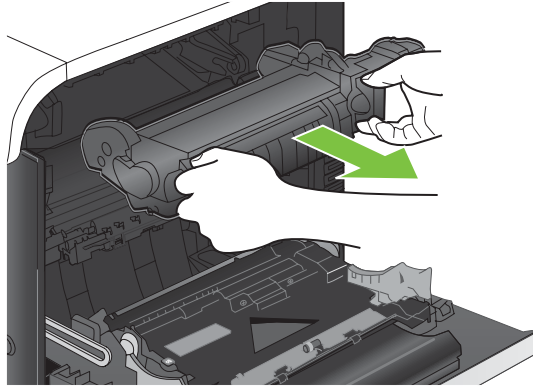


△ **THẬN TRỌNG:** Không chạm vào các con lăn trên trục truyền. Bụi bẩn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

9. Giấy có thể bị kẹt bên trong cuộn sấy, tại vị trí này bạn sẽ không nhìn thấy nó. Tháo cuộn sấy ra để kiểm tra giấy bị kẹt bên trong.

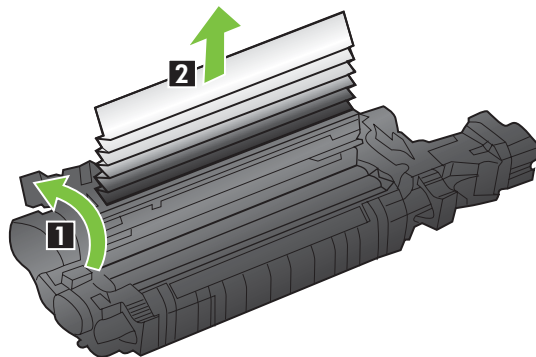
△ **THẬN TRỌNG:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.

- a. Nắm vào các tay cầm của cuộn sấy, nhẹ nhàng nhấc nó lên, và kéo thẳng ra để tháo cuộn sấy.



- b. Mở cửa tháo kẹt giấy. Nếu giấy bị kẹt bên trong cuộn sấy, nhẹ nhàng kéo thẳng nó lên để tháo nó. Nếu giấy rách, hãy lấy tất cả các mảnh giấy ra.

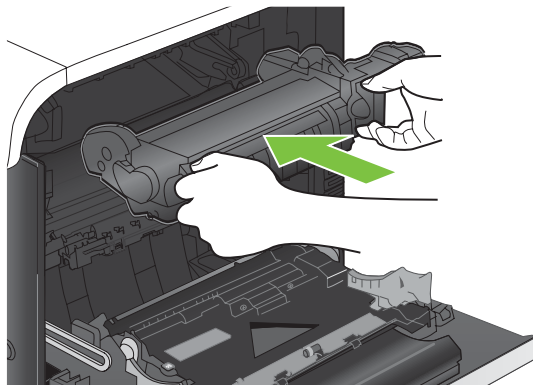
△ **THẬN TRỌNG:** Kể cả khi thân cuộn sấy đã nguội hẳn, các con lăn bên trong có thể vẫn còn nóng. Không chạm vào các con lăn của cuộn sấy cho tới khi chúng đã nguội hẳn.



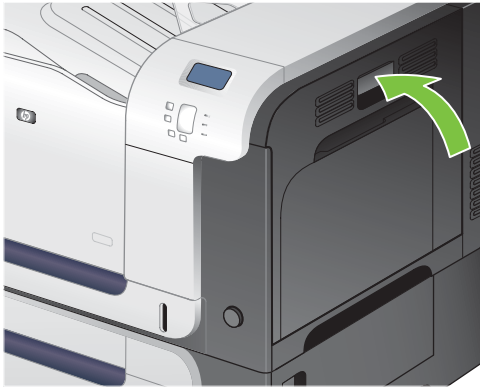
1 Mở cửa tháo kẹt giấy.

2 Lấy giấy bị kẹt ra.

- c. Đóng cửa tháo kẹt giấy, và ấn hết cuộn sấy vào sản phẩm.



10. Đóng cửa bên phải lại.



Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra

CHỈ DẪN: Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-output-jams.


1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, hãy nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



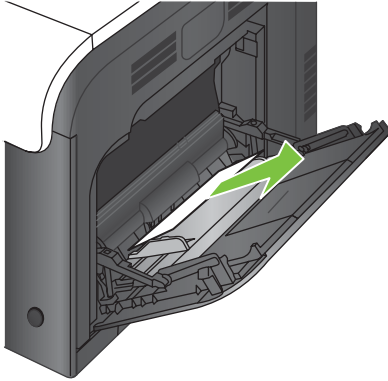
2. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong vùng đầu ra khi in hai mặt, nhẹ nhàng kéo ra để tháo nó.



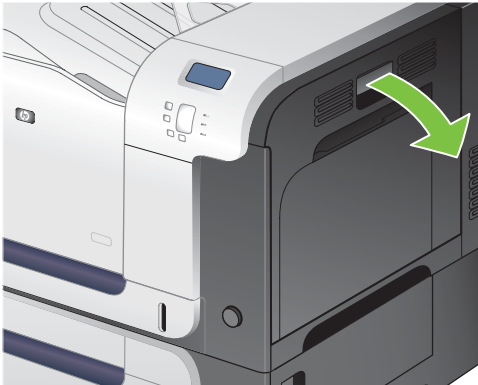
Gỡ giấy kẹt trong khay 1

 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-tray1-jams.

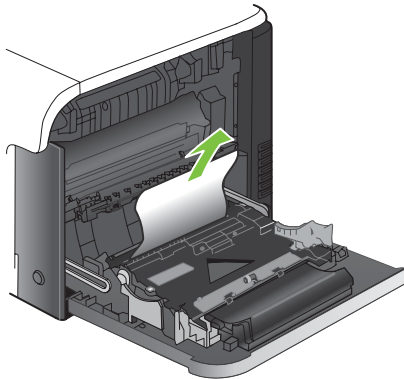
1. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong khay 1, hãy gỡ giấy bị kẹt bằng cách nhẹ nhàng kéo giấy thẳng ra. Bấm nút **OK** để xóa thông báo này.



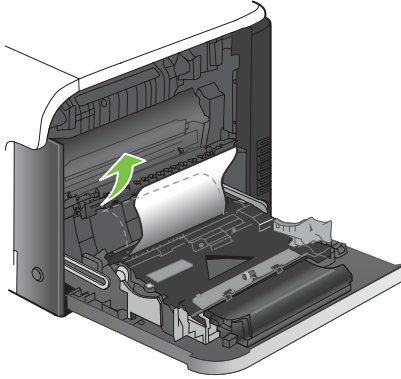
2. Nếu bạn không thể lấy giấy ra, hoặc nếu không nhìn thấy giấy bị kẹt trong khay 1, hãy đóng khay 1 và mở cửa bên phải.



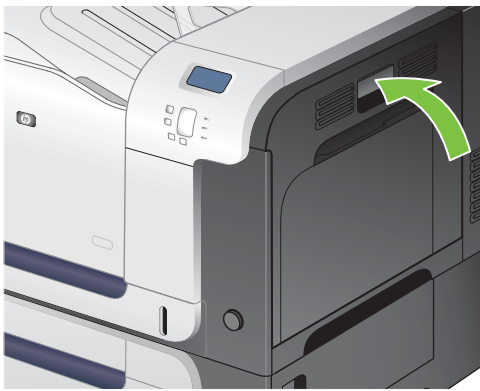
3. Nếu nhìn thấy giấy bên trong cửa bên phải, hãy nhẹ nhàng kéo cạnh dưới để tháo nó ra.



4. Nhẹ nhàng kéo giấy ra khỏi vùng cuộn giấy.



5. Đóng cửa bên phải lại.

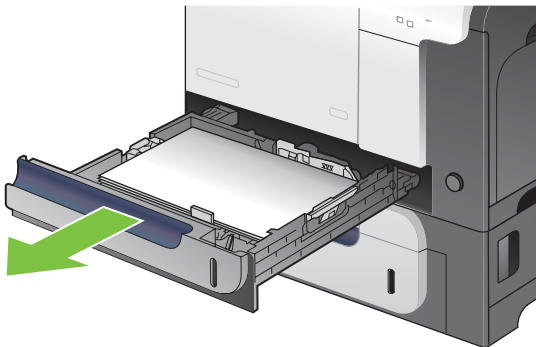


Gỡ giấy kẹt trong khay 2

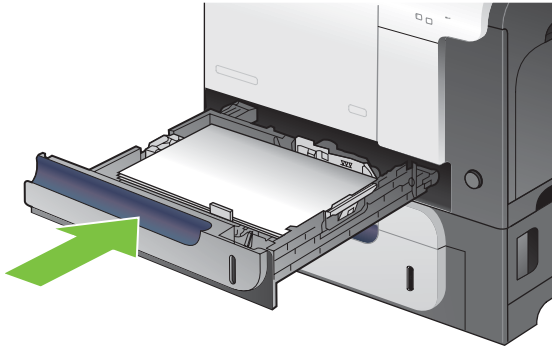
△ **THẬN TRỌNG:** Việc mở một khay khi giấy bị kẹt có thể làm rách giấy và để lại những mảnh giấy trong khay, như vậy có thể tạo thêm lần kẹt khác. Nhớ gỡ hết giấy ra trước khi mở khay.

💡 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-tray2-jams.


1. Mở Khay 2 và đảm bảo giấy được xếp đúng. Gỡ hết giấy bị kẹt hoặc các trang bị hư ra.



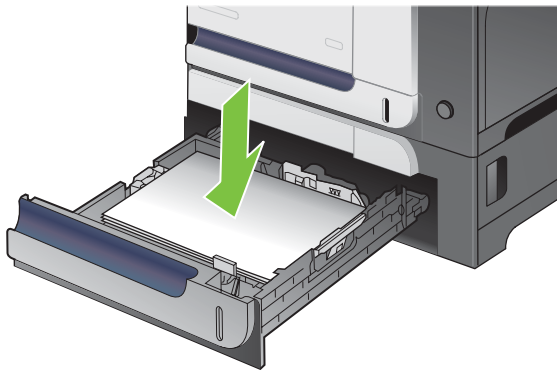
2. Đóng khay lại.



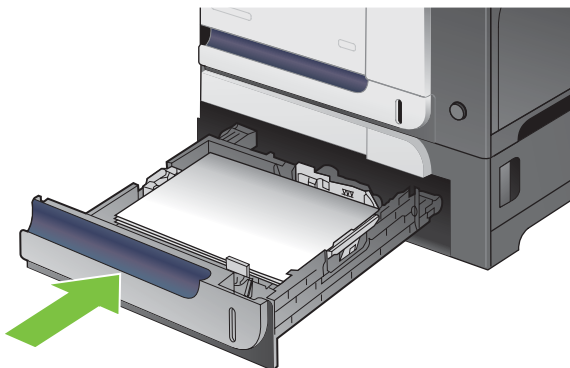
Gỡ giấy kẹt trong khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ tùy chọn (Khay 3)

 **CHỈ DẪN:** Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-tray3-jams.

1. Mở Khay 3 và đảm bảo giấy được xếp đúng. Gỡ hết giấy bị kẹt hoặc các trang bị hư ra.



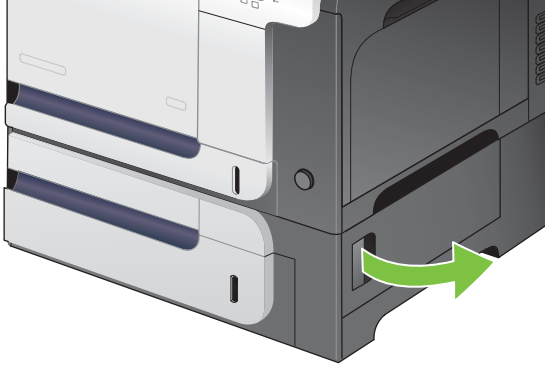
2. Đóng Khay 3.



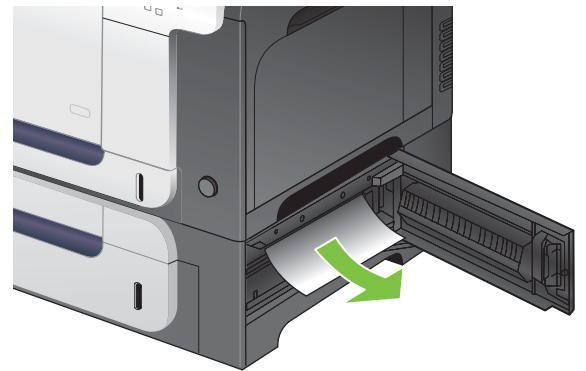
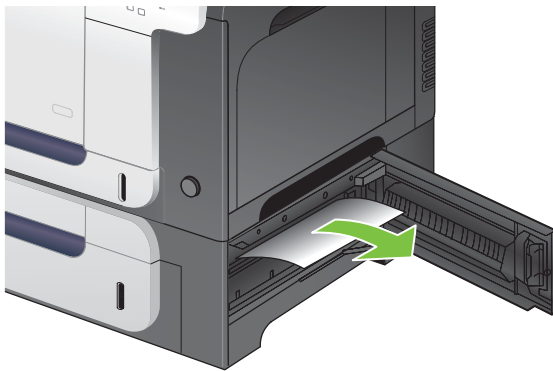
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3)

CHỈ DẪN: Để xem hình động minh họa quá trình này hãy truy cập vào trang Web: www.hp.com/go/cljcp3525-lower-right-door-jams.

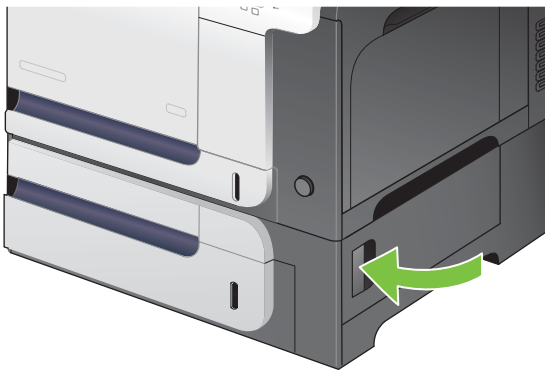
1. Mở cửa bên phải phía dưới ra.



2. Nếu nhìn thấy giấy, hãy nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt lên hoặc xuống để tháo nó.




3. Đóng cửa bên phải phía dưới lại.



Khôi phục khỏi tình trạng kẹt giấy



Sản phẩm này cung cấp một tính năng khắc phục kẹt giấy, tính năng này sẽ in lại trang bị kẹt. Sản phẩm có các tùy chọn sau:

- **TỰ ĐỘNG** — Sản phẩm tìm cách in lại các trang bị kẹt khi có đủ bộ nhớ. Đây là cài đặt mặc định.
- **TẮT** — Sản phẩm không tìm cách in lại các trang bị kẹt. Do không sử dụng bộ nhớ để lưu các trang gần đây nhất, hiệu suất hoạt động đạt mức tối ưu.

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng tùy chọn này, nếu sản phẩm hết giấy hoặc khi in trên cả hai mặt, một số trang có thể bị mất.

- **BẬT** — Sản phẩm luôn luôn in lại các trang bị kẹt. Sản phẩm chia thêm bộ nhớ để lưu một vài trang vừa được in gần đây nhất. Điều này có thể khiến hiệu suất tổng thể bị giảm sút.

Đặt tính năng khôi phục khỏi tình trạng kẹt giấy

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CÀI ĐẶT HỆ THỐNG**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **KHÔI PHỤC GIẤY KẸT**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên xuống hoặc mũi tên lên ▼/▲ để chọn cài đặt phù hợp, sau đó bấm nút **OK**.
6. Bấm nút **Menu**  để trở về trạng thái **Sẵn sàng**.

Vấn đề về quản lý giấy

Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật được nêu trong *HP LaserJet Printer Family Print Media Guide* (Hướng dẫn về Phương tiện In cho Dòng Máy in HP LaserJet). Luôn cấu hình loại giấy trên panen điều khiển cho khớp với loại giấy được nạp trong khay.

Sản phẩm tiếp nhiều trang cùng lúc

Sản phẩm tiếp nhiều trang cùng lúc

Nguyên nhân	Giải pháp
Đã nạp quá nhiều giấy vào khay tiếp giấy. Mở khay này ra và kiểm tra xem xếp giấy có ở dưới dấu chiều cao xếp giấy tối đa không.	Lấy giấy thừa ra khỏi khay tiếp giấy.
Giấy in dính với nhau.	Lấy giấy ra, bẻ cong, xoay 180 độ hoặc lật ngược, và sau đó nạp lại giấy vào khay. GHI CHÚ: Không xòe giấy ra. Việc xòe giấy ra có thể tạo ra tĩnh điện và làm cho giấy dính với nhau.
Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật cho sản phẩm này.	Chỉ sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP cho sản phẩm này.
Các khay chưa được điều chỉnh đúng.	Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy khớp với khổ giấy được sử dụng.

Sản phẩm tiếp khổ giấy không đúng.

Sản phẩm tiếp khổ giấy không đúng.

Nguyên nhân	Giải pháp
Giấy có kích thước đúng chưa được nạp vào khay tiếp giấy.	Nạp giấy đúng khổ giấy vào khay tiếp giấy.
Khổ giấy đúng chưa được chọn trong chương trình phần mềm hoặc trình điều khiển máy in.	Xác nhận rằng cài đặt trong chương trình phần mềm và trình điều khiển máy in là chính xác, vì cài đặt của chương trình phần mềm sẽ ghi đè cài đặt trình điều khiển máy in và panen điều khiển, và cài đặt của trình điều khiển máy in sẽ ghi đè cài đặt của panen điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows thuộc trang 51 hoặc Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh thuộc trang 59 .
Khổ giấy đúng cho khay chưa được chọn trong panen điều khiển của sản phẩm.	Từ panen điều khiển, chọn đúng khổ giấy cho khay.
Khổ giấy chưa được cấu hình đúng cho khay tiếp giấy.	In một trang cấu hình hoặc sử dụng panen điều khiển để xác định khổ giấy được cấu hình cho khay.
Các thanh dẫn giấy trong khay chưa được đẩy sát vào giấy.	Kiểm tra xem các thanh dẫn giấy có chạm vào giấy không.

Sản phẩm không kéo giấy từ đúng khay

Sản phẩm không kéo giấy từ đúng khay

Nguyên nhân	Giải pháp
Bạn đang sử dụng một trình điều khiển cho sản phẩm khác.	Hãy sử dụng một trình điều khiển cho sản phẩm này.
Khay được xác định đã hết giấy.	Nạp giấy vào khay được xác định.
Khổ giấy chưa được cấu hình đúng cho khay tiếp giấy.	In một trang cấu hình hoặc sử dụng panen điều khiển để xác định khổ giấy được cấu hình cho khay.
Các thanh dẫn giấy trong khay chưa được đẩy sát vào giấy.	Kiểm tra xem các thanh dẫn giấy có chạm vào giấy không.

Giấy không tự động được tiếp vào.

Giấy không tự động được tiếp vào.

Nguyên nhân	Giải pháp
Tiếp thủ công được chọn trong chương trình phần mềm.	Nạp giấy vào Khay 1, hoặc, nếu giấy đã nạp, bấm nút dấu chọn ✓.
Giấy có kích thước đúng chưa được nạp vào.	Hãy nạp đúng khổ giấy.
Khay tiếp giấy đã cạn.	Nạp giấy vào khay tiếp giấy.
Giấy từ lần kẹt trước đó chưa được gỡ hết ra.	Mở sản phẩm và gỡ hết giấy ra khỏi đường dẫn giấy.
Khổ giấy chưa được cấu hình đúng cho khay tiếp giấy.	In một trang cấu hình hoặc sử dụng panen điều khiển để xác định khổ giấy được cấu hình cho khay.
Các thanh dẫn giấy trong khay chưa được đẩy sát vào giấy.	Kiểm tra xem các thanh dẫn giấy phía sau và hai bên có chạm vào giấy không.
Thông báo nhắc tiếp giấy được đặt là ALWAYS (LUÔN LUÔN). Sản phẩm luôn nhắc tiếp giấy thủ công, ngay cả khi khay đã được nạp.	Mở khay ra, nạp lại phương tiện, và sau đó đóng khay lại. Hoặc, thay đổi cài đặt nhắc tiếp giấy thủ công thành UNLESS LOADED (TRỪ KHI ĐƯỢC NẠP) để sản phẩm chỉ nhắc tiếp giấy thủ công khi khay hết giấy.
Cài đặt USE REQUESTED TRAY (SỬ DỤNG KHAY ĐƯỢC YÊU CẦU) trên sản phẩm được đặt là EXCLUSIVELY (DÀNH RIÊNG) và khay được yêu cầu hết giấy. Sản phẩm sẽ không sử dụng một khay khác.	Nạp giấy vào khay được yêu cầu. Hoặc, đổi cài đặt từ EXCLUSIVELY (DÀNH RIÊNG) thành FIRST (ĐẦU TIÊN) trên menu CONFIGURE DEVICE (CẤU HÌNH THIẾT BỊ). Sản phẩm có thể sử dụng khay khác nếu không có phương tiện được nạp vào khay đã xác định.

Giấy không tiếp vào từ Khay 2 hoặc 3

Giấy không tiếp vào từ Khay 2 hoặc 3

Nguyên nhân	Giải pháp
Giấy có kích thước đúng chưa được nạp vào.	Hãy nạp đúng khổ giấy.
Khay tiếp giấy đã cạn.	Nạp giấy vào khay tiếp giấy.
Loại giấy đúng cho khay tiếp giấy chưa được chọn trong panen điều khiển của sản phẩm.	Từ panen điều khiển của sản phẩm, chọn đúng loại giấy cho khay tiếp giấy.

Giấy không tiếp vào từ khay 2 hoặc 3

Nguyên nhân	Giải pháp
Giấy từ lần kẹt trước đó chưa được gỡ hết ra.	Mở sản phẩm và gỡ hết giấy ra khỏi đường dẫn giấy. Kiểm tra kỹ cùng cuộn sấy xem còn giấy kẹt không.
Không có khay tùy chọn nào hiển thị như các tùy chọn khay tiếp giấy.	Khay tùy chọn chỉ hiển thị sẵn sàng khi chúng được lắp. Kiểm tra xem có khay tùy chọn nào được lắp đúng chưa. Kiểm tra xem trình điều khiển máy in đã được cấu hình để nhận dạng khay tùy chọn không.
Một khay tùy chọn đã bị lắp sai.	In một trang cấu hình để xác nhận rằng khay tùy chọn đã được lắp. Nếu không, hãy kiểm tra xem khay đã được lắp đúng vào sản phẩm chưa.
Khổ giấy chưa được cấu hình đúng cho khay tiếp giấy.	In một trang cấu hình hoặc sử dụng panen điều khiển để xác định khổ giấy được cấu hình cho khay.
Các thanh dẫn giấy trong khay chưa được đẩy sát vào giấy.	Kiểm tra xem các thanh dẫn giấy có chạm vào giấy không.

Phim trong suốt hoặc giấy láng sẽ không tiếp vào máy

Phim trong suốt hoặc giấy láng sẽ không tiếp vào máy

Nguyên nhân	Giải pháp
Chưa chọn đúng loại giấy trong phần mềm hoặc trình điều khiển máy in.	Kiểm tra xem đã chọn đúng loại giấy trong phần mềm hoặc trình điều khiển máy in chưa.
Đã nạp quá nhiều giấy vào khay tiếp giấy.	Lấy giấy thừa ra khỏi khay tiếp giấy. Không nạp giấy vào khay vượt quá dấu chiều cao xếp giấy tối đa.
Giấy trong một khay tiếp giấy khác có cùng kích thước như phim trong suốt, và sản phẩm cài mặc định về khay kia.	Đảm bảo rằng khay tiếp giấy có chứa phim trong suốt hoặc giấy láng được chọn trong chương trình phần mềm hoặc trình điều khiển máy in. Sử dụng panen điều khiển của sản phẩm để cấu hình khay theo loại giấy được nạp.
Khay có chứa phim trong suốt hoặc giấy láng chưa được cấu hình cho đúng loại.	Đảm bảo rằng khay tiếp giấy có chứa phim trong suốt hoặc giấy láng được chọn trong chương trình phần mềm hoặc trình điều khiển máy in. Sử dụng panen điều khiển của sản phẩm để cấu hình khay theo loại giấy được nạp.
Phim trong suốt hoặc giấy láng có thể không đáp ứng thông số kỹ thuật của giấy được hỗ trợ.	Chỉ sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP cho sản phẩm này.
Môi trường có độ ẩm cao có thể làm cho giấy láng không tiếp vào máy, hoặc tiếp quá nhiều trang.	Tránh in giấy láng trong tình trạng độ ẩm quá cao. Khi in giấy láng, lấy giấy ra khỏi bao gói và để giấy nằm yên trong vài giờ có thể cải thiện khả năng tiếp giấy vào sản phẩm. Tuy nhiên, việc để giấy ở môi trường ẩm thấp cũng có thể gây ra hiện tượng dộp.

Phong bì bị kẹt hoặc không đi vào sản phẩm

Phong bì bị kẹt hoặc không đi vào sản phẩm

Nguyên nhân	Giải pháp
Phong bì được nạp vào khay không được hỗ trợ. Chỉ có thể tiếp phong bì vào từ khay 1.	Nạp phong bì vào khay 1.

Phong bì bị kẹt hoặc không đi vào sản phẩm

Nguyên nhân	Giải pháp
Phong bì bị cong hoặc hư.	Hãy thử sử dụng phong bì khác. Bảo quản phong bì trong một môi trường có sự kiểm soát.
Phong bì bị dính vì độ ẩm quá cao.	Hãy thử sử dụng phong bì khác. Bảo quản phong bì trong một môi trường có sự kiểm soát.
Đặt sai hướng phong bì.	Kiểm tra xem phong bì đã được nạp đúng.
Sản phẩm này không hỗ trợ phong bì đang được sử dụng.	Hãy tham khảo <i>HP LaserJet Printer Family Print Media Guide</i> (Hướng dẫn về Phương tiện In cho Dòng Máy in HP LaserJet).
Khay 1 được cấu hình cho khổ giấy khác với phong bì.	Cấu hình kích thước Khay 1 cho phong bì.

Giấy in ra bị cong hoặc nhăn

Giấy in ra bị cong hoặc nhăn

Nguyên nhân	Giải pháp
Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật cho sản phẩm này.	Chỉ sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP cho sản phẩm này.
Giấy bị hư hoặc ở tình trạng kém.	Lấy giấy ra khỏi khay tiếp giấy và nạp giấy tốt vào.
Cần giảm tốc độ của sản phẩm.	Đặt tùy chọn PAPER CURL (GIẤY CONG) trong menu Print Quality (Chất lượng In) là REDUCED (GIẢM) để giảm tốc độ đầy đủ xuống 10 ppm (thay vì 40 ppm) và 3/4 tốc độ xuống 7,5 ppm (thay vì 30 ppm).
Sản phẩm hoạt động ở môi trường quá ẩm.	Kiểm tra xem môi trường in có nằm trong phạm vi độ ẩm cho phép không.
Bạn in những diện tích rộng, màu liền khối.	Những diện tích rộng, màu liền khối có thể làm cong giấy nhiều hơn. Thử sử dụng một cấp kiểu khác.
Giấy sử dụng không được bảo quản đúng cách và có thể hút ẩm.	Tháo giấy ra và thay bằng giấy mới chưa mở bao gói.
Giấy có cạnh cắt không tốt.	Lấy giấy ra, bẻ cong, xoay 180 độ hoặc lật ngược, và sau đó nạp lại giấy vào khay tiếp giấy. Không xòe giấy ra. Nếu vẫn đề vẫn lặp lại, hãy thay giấy.
Loại giấy được chỉ định chưa được cấu hình cho khay này hoặc chưa được chọn trong phần mềm.	Hãy cấu hình phần mềm cho giấy này (xem tài liệu của phần mềm). Cấu hình khay cho loại giấy này, xem Nạp khay thuộc trang 81 .
Giấy đã được sử dụng cho một lệnh in trước đó.	Không sử dụng lại giấy.

Sản phẩm sẽ không in hai mặt theo đúng cách.

Sản phẩm sẽ không in hai mặt theo đúng cách.

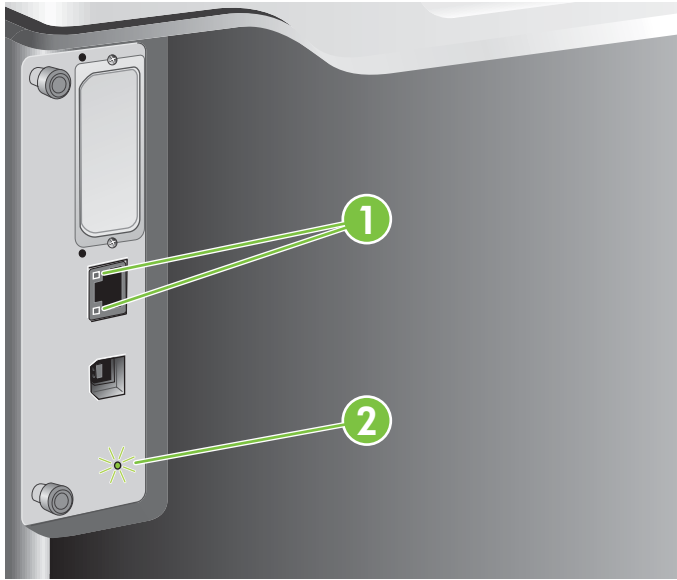
Nguyên nhân	Giải pháp
Bạn đang tìm cách in hai mặt trên giấy không được hỗ trợ.	Kiểm tra xem giấy có được hỗ trợ để in hai mặt không.

Sản phẩm sẽ không in hai mặt theo đúng cách.

Nguyên nhân	Giải pháp
Trình điều khiển máy in không được cài đặt để in hai mặt.	Cài đặt trình điều khiển máy in để cho phép in hai mặt.
Trang đầu tiên in trên mặt sau của các biểu mẫu được in sẵn hoặc tiêu đề thư.	Nạp biểu mẫu in sẵn và tiêu đề thư vào Khay 1 với tiêu đề thư hoặc mặt in sẵn quay xuống và cạnh trên của trang hướng vào sản phẩm. Đối với Khay 2 và 3, nạp mặt in sẵn của giấy quay lên với đầu trên của trang hướng về bên phải sản phẩm.
Kiểu sản phẩm này không hỗ trợ in hai mặt tự động.	Kiểu HP Color LaserJet CP3525 và HP Color LaserJet CP3525n không hỗ trợ in hai mặt tự động.
Cấu hình của sản phẩm không được đặt để in hai mặt.	Trong Windows, hãy chạy tính năng cấu hình tự động: <ol style="list-style-type: none">1. Bấm vào nút Start (Bắt đầu), trở đến Settings (Cài đặt), và sau đó bấm Printers (Máy in) (với Windows 2000) hoặc Printers and Faxes (Máy in và Fax) (với Windows XP).2. Bấm chuột phải vào biểu tượng sản phẩm HP, và sau đó bấm Properties (Đặc tính) hoặc Printing Preferences (Sở thích Máy in).3. Bấm vào tab Device Settings (Cài Đặt Thiết Bị).4. Dưới Installable Options (Tùy chọn Có thể Cài đặt), bấm Update Now (Cập nhật Ngay bây giờ) trong danh sách Automatic Configuration (Cấu hình Tự động).

Hiểu các đèn trên bộ định dạng

Ba đèn LED trên bộ định dạng cho biết sản phẩm đang hoạt động bình thường.




1	Đèn LED HP Jetdirect
2	Đèn LED nhấp đập

Đèn LED HP Jetdirect

Máy chủ in HP Jetdirect nhúng có hai đèn LED. Đèn LED màu vàng cho biết hoạt động của mạng, còn đèn LED màu xanh lá cây cho biết tìm kiếm liên kết. Đèn LED màu vàng nhấp nháy cho biết dữ liệu chuyển qua mạng. Nếu đèn LED màu xanh tắt có nghĩa là liên kết bị lỗi.

Với các lỗi liên kết, hãy kiểm tra tất cả các kết nối cáp mạng. Ngoài ra, bạn có thể thử cấu hình cài đặt liên kết theo cách thủ công trên máy chủ in nhúng bằng cách sử dụng menu panen điều khiển của sản phẩm.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **I/O**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn tùy chọn **MENU JETDIRECT CÀI SẴN**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **TỐC ĐỘ LIÊN KẾT**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Chọn tốc độ liên kết thích hợp, và sau đó bấm nút **OK**.

Đèn LED nhấp đập

Đèn LED nhấp đập cho biết bộ định dạng đang hoạt động bình thường. Trong khi sản phẩm đang khởi tạo sau khi bật, đèn LED nhấp nhanh nhanh, và sau đó tắt. Khi sản phẩm đã kết thúc trình tự khởi tạo, đèn LED nhấp đập sẽ nhấp nháy và tắt.

Nếu đèn LED nhấp nháy tắt, bộ định dạng có thể có vấn đề. Xin liên hệ người hỗ trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được HP ủy quyền. Hãy xem tờ rơi hỗ trợ của HP, hoặc truy cập vào www.hp.com/go/cljcp3525_firmware.

Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh

Bạn có thể ngăn phần lớn sự cố xảy ra liên quan đến vấn đề chất lượng in bằng cách làm theo hướng dẫn sau.

- Lập cấu hình khay giấy theo đúng cài đặt loại giấy. Xem [Cấu hình các khay thuộc trang 96](#).
- Sử dụng giấy đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem [Giấy và vật liệu in thuộc trang 73](#).
- Lau chùi sản phẩm nếu cần. Xem [Lau dọn sản phẩm thuộc trang 151](#).
- Sử dụng nguồn cung cấp HP chính hãng. In một trang Tình trạng Nguồn cung cấp để xác nhận rằng tất cả các nguồn cung cấp là hiện hành.

Để được trợ giúp thêm trong việc giải quyết các vấn đề về chất lượng in, xem các trang Web sau đây:

- www.hp.com/go/printquality/cljcp3525
- www.hp.com/go/cljcp3525_manuals. Trong mục Sách trắng, bấm vào liên kết cho tài liệu xử lý sự cố về chất lượng in.

Vấn đề về chất lượng in mẫu

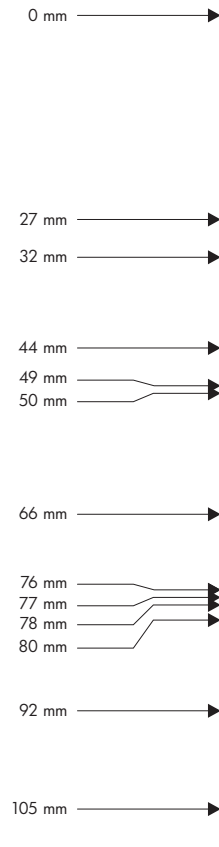
Một số vấn đề về chất lượng in phát sinh từ việc sử dụng giấy không phù hợp.

- Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP.
- Bề mặt giấy quá ráp. Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP.
- Cài đặt trình điều khiển máy in hoặc cài đặt khay giấy có thể chưa đúng. Đảm bảo rằng bạn đã cấu hình khay giấy trên panen điều khiển của sản phẩm và cũng đã chọn đúng cài đặt trình điều khiển cho giấy bạn định sử dụng.
- Có thể đã đặt sai chế độ in, hoặc giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật được đề xuất.
- Phim trong suốt bạn đang sử dụng không được thiết kế để bám dính bột mực thích hợp. Chỉ sử dụng phim trong suốt được thiết kế cho các sản phẩm HP Color LaserJet.
- Mức độ ẩm của giấy không đều, quá cao hoặc quá thấp. Sử dụng giấy từ nguồn khác hoặc từ tập giấy chưa được mở ra.
- Một số khu vực của giấy không ăn mực. Sử dụng giấy từ nguồn khác hoặc từ tập giấy chưa được mở ra.
- Phần đầu đề bạn đang sử dụng được in trên giấy dai. Sử dụng giấy mịn hơn và dùng kỹ thuật viết khô (giấy xerography). Nếu làm theo cách này khắc phục được vấn đề, hãy tham vấn với người in tiêu đề thư để kiểm tra xem giấy được sử dụng có đáp ứng thông số kỹ thuật cho sản phẩm này không.
- Có thể sử dụng nhiều chế độ in khác nhau để giải quyết các vấn đề về chất lượng in. Xem [Menu Chất lượng In thuộc trang 23](#).

Thước lỗi lặp lại

Nếu lỗi lặp lại tại những khoảng đều nhau trên trang, hãy sử dụng thước này để xác định nguyên nhân gây lỗi. Đặt đầu trên của thước tại điểm lỗi đầu tiên. Dấu bên trong lỗi tiếp theo cho biết thành phần nào cần thay thế.


Hình 11-2 Thước lỗi lặp lại



Khoảng cách giữa các lỗi	Các thành phần của sản phẩm gây ra lỗi
27 mm	Hộp mực in
32 mm	Hộp mực in
44 mm	Động cơ in
49 mm	Động cơ in
50 mm	Động cơ in
66 mm	Động cơ in
76 mm	Hộp mực in
77 mm	Cuộn sấy
78 mm	Cuộn sấy
80 mm	Động cơ in
92 mm	Động cơ in
105 mm	Động cơ in

Phim trong suốt bị lỗi

Phim trong suốt có thể hiển thị bất kỳ vấn đề về chất lượng hình nào mà các loại giấy khác có thể hiển thị, cũng như những lỗi riêng với phim trong suốt. Ngoài ra, vì phim trong suốt dễ uốn cong trong khi ở trong đường dẫn in, chúng sẽ bị đánh dấu bởi các thành phần quản lý giấy.

 **GHI CHÚ:** Hãy để phim trong suốt nguội xuống trong thời gian ít nhất là 30 giây trước khi sử dụng.

- Trên tab **Paper** (Giấy) của trình điều khiển, chọn **Transparency** (Phim trong suốt) làm loại giấy. Ngoài ra, hãy đảm bảo rằng khay này đã được cấu hình đúng cho phim trong suốt.
- Kiểm tra xem phim trong suốt có đáp ứng thông số kỹ thuật cho sản phẩm này không.
- Cầm phim trong suốt bằng cách cạnh. Dầu da trên bề mặt phim trong suốt có thể tạo ra các điểm và vết ố.
- Các vùng nhỏ, tối ngẫu nhiên trên cạnh dưới của trang in màu liền khối có thể là do phim trong suốt dính với nhau trong ngăn giấy ra. Hãy thử in lại lệnh in bằng nhiều phần nhỏ hơn.
- Nếu màu được chọn không mong muốn khi in, hãy chọn các màu khác trong chương trình phần mềm hoặc trình điều khiển máy in.
- Nếu bạn định sử dụng một máy chiếu phản xạ, hãy sử dụng một máy chiếu chuẩn để thay thế.

Vấn đề về chất lượng in liên quan đến môi trường

Nếu sản phẩm đang hoạt động trong môi trường quá ẩm hoặc quá khô, hãy kiểm tra xem môi trường in có nằm trong phạm vi cho phép theo tiêu chuẩn kỹ thuật hay không. Xem [Đặc điểm môi trường thuộc trang 228](#).

Vấn đề về chất lượng in liên quan đến kẹt giấy

- Đảm bảo rằng tất cả giấy đã được lấy ra khỏi đường dẫn giấy.
- Nếu gần đây xảy ra tình trạng kẹt trong sản phẩm, hãy in hai đến ba trang để lau dọn sạch sản phẩm.
- Giấy không đi qua cuộn sấy, làm cho hình bị lỗi hiển thị trên các tài liệu kế tiếp. In hai đến ba trang để lau dọn sạch sản phẩm.

Tối ưu hoá và cải thiện chất lượng hình

Có thể sử dụng các bước sau đây để giải quyết hầu hết các vấn đề về chất lượng hình.

Nếu thực hiện theo các bước này vẫn không cải thiện được chất lượng in, hãy truy cập vào www.hp.com/support/cljcp3525.

Hiệu chỉnh sản phẩm


Hiệu chỉnh là một chức năng của sản phẩm giúp tối ưu hóa chất lượng in. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề gì về chất lượng hình, hãy hiệu chỉnh sản phẩm.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CẤU HÌNH THIẾT BỊ**, và sau đó bấm nút **OK**.

3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CHẤT LƯỢNG IN**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **HIỆU CHỈNH TOÀN BỘ NGAY BÂY GIỜ**, và sau đó bấm nút **OK**.

Trang xử lý sự cố về chất lượng in

Sử dụng trang xử lý sự cố về chất lượng in để giúp chẩn đoán và giải quyết các vấn đề về chất lượng in.

1. Bấm nút **Menu** .
2. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn menu **CHẨN ĐOÁN**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Bấm mũi tên xuống ▼ để chọn cài đặt **XỬ LÝ SỰ CỐ PQ**, sau đó bấm nút **OK** để in các trang.

Sản phẩm trở về trạng thái **Sẵn sàng** sau khi in trang xử lý sự cố về chất lượng in. Thực hiện theo hướng dẫn trên the trang được in ra.

Đặt đăng ký hình

Nếu bạn gặp phải vấn đề về canh chỉnh văn bản trên trang, hãy sử dụng menu **ĐẶT ĐĂNG KÝ** để đặt đăng ký hình. Để được hướng dẫn, xem phần [Đặt canh chỉnh hai mặt thuộc trang 108](#).

Khắc phục các vấn đề với các vệt sáng

Nếu đang gặp phải những vấn đề với các vệt sáng trong một hình, hãy sử dụng menu **THÔNG TIN** để in trang tình trạng nguồn cung cấp. Nếu chưa có hộp mực nào hết mực, hãy tháo các hộp mực ra khỏi sản phẩm, và sau đó lắp lại chúng. Sản phẩm sẽ khởi chạy một cơ cấu lau dọn có thể khắc phục các vệt sáng.

Xử lý vấn đề về hoạt động

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
In ra được các trang nhưng chúng lại hoàn toàn bị để trống.	Tài liệu có thể có các trang trắng.	Kiểm tra tài liệu được in xem có nội dung trên tất cả các trang không.
	Máy in có thể bị lỗi.	Để kiểm tra máy in, hãy in một trang Cấu hình.
Các trang được in rất chậm.	Các loại giấy nặng hơn có thể làm chậm lệnh in.	Hãy in trên một loại giấy khác.
	Các trang phức tạp có thể in chậm.	Quá trình sấy nóng thích hợp có thể yêu cầu tốc độ in chậm hơn để đảm bảo chất lượng in tốt nhất.
Các trang không được in.	Sản phẩm có thể không lấy giấy theo đúng cách.	Đảm bảo giấy được nạp vào khay theo đúng cách.
	Giấy đang kẹt trong sản phẩm.	Xử lý kẹt giấy. Xem Kẹt giấy thuộc trang 180 .
	Cáp USB có thể bị hư hoặc kết nối không đúng.	<ul style="list-style-type: none">Ngắt cáp USB ở cả hai đầu và cắm lại.Thử in một nhiệm vụ đã in được trước đó.Thử sử dụng một cáp USB khác.
	Các thiết bị khác đang chạy trên máy tính của bạn.	Sản phẩm này không thể chia sẻ cổng USB. Nếu bạn có một ổ cứng ngoài hoặc hộp chuyển mạng sử dụng chung một cổng với sản phẩm này, thiết bị kia có thể gây ảnh hưởng. Để nối và sử dụng sản phẩm này, bạn phải ngắt thiết bị kia hoặc sử dụng hai cổng USB trên máy tính.

Xử lý vấn đề về khả năng kết nối

Xử lý vấn đề kết nối trực tiếp

Nếu bạn kết nối sản phẩm trực tiếp với máy tính, hãy kiểm tra cáp.

- Kiểm tra xem cáp đã cắm vào máy tính và vào sản phẩm chưa.
- Kiểm tra rằng dây cáp không dài quá 2 mét. Thay cáp nếu cần.
- Kiểm tra hoạt động của cáp bằng cách cắm dây cáp vào sản phẩm khác. Thay dây cáp nếu cần.

Xử lý vấn đề về mạng

Kiểm tra các mục sau để xác nhận rằng sản phẩm đang trao đổi tín hiệu với mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in một trang cấu hình. Xem [trang thông tin thuộc trang 126](#).

1. Có bất kỳ vấn đề nào về kết nối vật lý giữa trạm làm việc hoặc máy phục vụ tập tin và sản phẩm không?

Kiểm tra rằng việc truyền tín hiệu cáp mạng, kết nối và cấu hình bộ định tuyến đều đã phù hợp. Kiểm tra rằng chiều dài cáp mạng đáp ứng đúng các thông số kỹ thuật của mạng.

2. Cáp mạng đã được cắm đúng cách chưa?

Kiểm tra chắc chắn rằng sản phẩm đã sử dụng đúng cổng và cáp để nối mạng. Kiểm tra mỗi kết nối cáp để bảo đảm là đã được cắm chắc và ở đúng vị trí. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub hoặc máy thu phát. Đèn hoạt động màu hổ phách và đèn trạng thái kết nối màu xanh nằm kế bên cổng kết nối của sản phẩm phải sáng đèn.

3. Các cài đặt in hai mặt và tốc độ kết nối đã được đặt đúng chưa?

Hewlett-Packard khuyên bạn để cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Xem [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết thuộc trang 71](#).

4. Bạn có thể "ping" sản phẩm không?

Sử dụng dấu nhắc lệnh để kiểm tra khả năng liên lạc của sản phẩm bằng giao thức PING từ máy tính của bạn. Ví dụ:

```
ping 192.168.45.39
```

Chắc chắn rằng ping hiển thị thời gian khứ hồi.

Nếu bạn có thể ping sản phẩm, hãy kiểm tra rằng cấu hình địa chỉ IP cho sản phẩm đã được xác lập đúng trên máy tính. Nếu đúng, hãy xóa, sau đó thêm sản phẩm vào lại lần nữa.

Nếu lệnh ping không thể hồi đáp, kiểm tra rằng các hub mạng đã được bật, sau đó kiểm tra rằng các cài đặt mạng, sản phẩm và máy tính, tất cả đều đã được lập cấu hình cho cùng một mạng.

5. Bạn có thêm bất kỳ ứng dụng phần mềm nào vào mạng không?

Kiểm tra chắc chắn rằng chúng tương thích và rằng chúng đã được cài đặt đúng với các trình điều khiển máy in phù hợp.

6. Những người sử dụng khác có thể in được không?

Vấn đề có thể chỉ là sự cố riêng về mạng. Hãy kiểm tra các trình điều khiển của trạm làm việc, trình điều khiển máy in và tính năng chuyển hướng (có trong Novell NetWare).

7. Nếu những người sử dụng khác có thể in được, họ có sử dụng cùng một hệ điều hành mạng không?

Hãy kiểm tra cài đặt hệ điều hành mạng phù hợp với hệ thống của bạn.

8. Giao thức của bạn có được phép không?

Hãy kiểm tra tình trạng giao thức của bạn trên Trang cấu hình. Bạn cũng có thể sử dụng máy chủ Web nhúng để kiểm tra tình trạng các giao thức khác. Xem [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 130](#).

9. Sản phẩm có xuất hiện trong HP Web Jetadmin hoặc ứng dụng quản lý khác không?

- Hãy kiểm tra các cài đặt mạng trên Trang cấu hình mạng.
- Xác nhận cài đặt mạng đối với sản phẩm sử dụng bảng điều khiển giao thức (dành cho sản phẩm có bảng điều khiển).

Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm

Sự cố	Giải pháp
Không nhìn thấy trình điều khiển máy in cho sản phẩm này trong thư mục Printer (Máy in)	<ul style="list-style-type: none">● Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. GHI CHÚ: Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng mà có biểu tượng trên khay hệ thống, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn Close hoặc Disable.● Thử cắm cáp USB vào một cổng USB khác trên máy tính.
Hiện thị một thông báo lỗi khi đang cài đặt phần mềm	<ul style="list-style-type: none">● Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. GHI CHÚ: Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng có biểu tượng trên thanh tác vụ, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn Close hoặc Disable.● Kiểm tra bộ nhớ trống của ổ mà bạn đang cài đặt phần mềm sản phẩm vào. Nếu cần, giải phóng thêm bộ nhớ trống đến mức có thể và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.● Nếu cần, chạy Trình Giảm Phân Tán Ổ Đĩa và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.
Sản phẩm đang ở chế độ Ready (Sẵn sàng) nhưng không in được	<ul style="list-style-type: none">● In trang Cấu hình, và kiểm tra chức năng của sản phẩm.● Kiểm tra xem tất cả các dây cáp có được đặt đúng vị trí và có còn đạt chỉ tiêu kỹ thuật không. Việc kiểm tra bao gồm dây cáp USB và cáp nguồn. Thử dây cáp mới.

Các sự cố thông thường của Windows

Thông báo lỗi:

"General Protection FaultException OE" (Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE)

"Spool32"

"Illegal Operation" (Thao tác Không hợp lệ)

Nguyên nhân	Giải pháp
	<p>Đóng tất cả các chương trình phần mềm, khởi động lại Windows, và thử lại.</p> <p>Chọn một trình điều khiển máy in khác. Nếu trình điều khiển máy in PCL 6 của sản phẩm được chọn, hãy chuyển sang trình điều khiển máy in PCL 5 hoặc mô phỏng HP postscript cấp 3, thao tác này có thể được thực hiện từ một chương trình phần mềm.</p> <p>Xóa tất cả các tập tin tạm thời khỏi thư mục con Temp (Tạm thời). Xác định tên thư mục này bằng cách mở tập tin AUTOEXEC.BAT và tìm hàng lệnh "Set Temp =". Tên đứng cuối hàng lệnh này chính là thư mục Temp (Tạm thời). Thư mục mặc định là C:\TEMP, nhưng bạn có thể chọn thư mục khác.</p> <p>Xem các tài liệu Microsoft Windows kèm theo máy tính để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi của Windows.</p>

Xử lý vấn đề thường gặp đối với máy Macintosh

Phần này liệt kê các sự cố có thể xảy ra khi sử dụng Mac OS X.

Bảng 11-2 Các vấn đề với Mac OS X

Bộ phận điều khiển của máy in không được liệt kê trong Trung tâm In hoặc Tiện ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
Phần mềm sản phẩm có thể chưa được cài đặt hay không được cài đặt đúng.	Đảm bảo rằng tệp PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<ngôn ngữ>.lproj</code> , trong đó <ngôn ngữ> là mã ngôn ngữ bạn đang sử dụng, gồm có hai chữ cái. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.
Tệp Mô tả Máy in Bằng Ngôn ngữ PostScript (PPD) bị lỗi.	Xóa tệp tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<ngôn ngữ>.lproj</code> , trong đó <ngôn ngữ> là mã ngôn ngữ bạn đang sử dụng, gồm có hai chữ cái. Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Rendezvous/Bonjour không có trong sử dụng sản phẩm trong Trung tâm In hoặc Tiện ích Cài Đặt Máy in.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Chắc chắn là các dây cáp được tiếp xúc đúng cách, đã bật sản phẩm và đèn báo sẵn sàng đã sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB hoặc hub Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.
Có thể bạn đã chọn kiểu kết nối sai.	Kiểm tra chắc chắn rằng bạn đã chọn USB, In IP hoặc Rendezvous/Bonjour, tùy thuộc vào kiểu kết nối hiện có giữa sản phẩm và máy tính.
Sai tên sản phẩm, địa chỉ IP, hay sử dụng sai tên máy chủ Rendezvous/Bonjour.	In một trang cấu hình để kiểm tra tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Rendezvous. Xác định xem tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trên trang cấu hình có khớp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trong Trung tâm In hoặc Tiện ích Cài Đặt Máy in không.
Cáp ghép nối có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.	Thay cáp ghép nối. Kiểm tra chắc chắn rằng bạn sử dụng cáp có chất lượng cao.

Trình điều khiển máy in không tự động cài đặt sản phẩm bạn chọn từ mục Trung tâm In hoặc Tiện ích Cài Đặt Máy in.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Chắc chắn là các dây cáp được tiếp xúc đúng cách, đã bật sản phẩm và đèn báo sẵn sàng đã sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB hoặc hub Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.
Phần mềm sản phẩm có thể chưa được cài đặt hay không được cài đặt đúng.	Đảm bảo rằng tệp PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng:

Bảng 11-2 Các vấn đề với Mac OS X (còn tiếp)

Trình điều khiển máy in không tự động cài đặt sản phẩm bạn chọn từ mục Trung tâm In hoặc Tiện ích Cài đặt Máy in.

Nguyên nhân	Giải pháp
	<p>Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<ngôn ngữ>.lproj</p> <p>, trong đó <ngôn ngữ> là mã ngôn ngữ bạn đang sử dụng, gồm có hai chữ cái. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.</p>
Tệp Mô tả Máy in Bằng Ngôn ngữ PostScript (PPD) bị lỗi.	<p>Xóa tệp tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<ngôn ngữ>.lproj</p> <p>, trong đó <ngôn ngữ> là mã ngôn ngữ bạn đang sử dụng, gồm có hai chữ cái. Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.</p>
Cáp ghép nối có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.	Thay cáp ghép nối. Kiểm tra chắc chắn rằng bạn sử dụng cáp có chất lượng cao.

Một lệnh in đã không được gửi tới sản phẩm bạn muốn.

Nguyên nhân	Giải pháp
Hàng chờ in có thể đã bị dừng lại.	Khởi động lại hàng chờ in. Mở print monitor (màn hình in) và chọn Start Jobs (Bắt đầu Lệnh In).
Bạn đang sử dụng sai tên sản phẩm hoặc địa chỉ IP. Sản phẩm khác có tên, địa chỉ IP, tên máy chủ Rendezvous giống hoặc tương tự thế có thể đã nhận lệnh in của bạn.	In một trang cấu hình để kiểm tra tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Rendezvous. Xác định xem tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trên trang cấu hình có khớp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Rendezvous trong Trung tâm In hoặc Tiện ích Cài đặt Máy in không.

Tệp PostScript bao gói (EPS) không in theo đúng phông chữ.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này xuất hiện trong một số chương trình.	<ul style="list-style-type: none">Thử tải các phông chữ chứa trong tệp EPS vào sản phẩm trước khi in.Gửi tệp ở định dạng ASCII thay vì dạng mã nhị phân.

Bạn không thể in từ thẻ USB của bên thứ ba.

Nguyên nhân	Giải pháp
Lỗi này xảy ra khi phần mềm cho các sản phẩm USB chưa được cài đặt.	Khi thêm thẻ USB của bên thứ ba, bạn cần phải có phần mềm Apple USB Adapter Card Support (Hỗ Trợ Thẻ Điều Hợp USB Apple). Hầu hết phiên bản hiện tại của phần mềm này đều có trên trang Web của Apple.

Bảng 11-2 Các vấn đề với Mac OS X (còn tiếp)

Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện trong Trung tâm In hoặc Tiện ích Cài đặt Máy in sau khi đã chọn trình điều khiển này.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này xảy ra do một bộ phận phần cứng hoặc phần mềm.	<p>Xử lý sự cố phần mềm</p> <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra rằng máy Macintosh của bạn có hỗ trợ USB.• Kiểm tra xem hệ điều hành Macintosh của bạn có phải là Mac OS X v10.1 trở lên không.• Bảo đảm rằng máy Macintosh của bạn có phần mềm USB tương thích từ Apple. <p>Xử lý sự cố phần cứng</p> <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem sản phẩm đã được bật chưa.• Kiểm tra xem cáp USB đã được kết nối đúng chưa.• Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng cáp USB tốc độ cao tương thích không.• Phải chắc là bạn không nối quá nhiều thiết bị USB vào một nguồn điện. Ngừng kết nối tất cả các thiết bị trong chuỗi và cắm trực tiếp cáp vào cổng USB trên máy tính chủ.• Kiểm tra xem có nhiều hơn hai hub USB không cắm điện cùng được kết nối trên một hàng của chuỗi. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trong chuỗi và cắm trực tiếp cáp vào cổng USB trên máy tính chủ. <p>GHI CHÚ: Bàn phím iMac là một hub USB không cắm điện.</p>

A Hàng cung cấp và phụ tùng

- Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in
- Số của bộ phận

Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in

Có nhiều cách để đặt mua các bộ phận, nguồn cung cấp, và phụ kiện.

Đặt mua mực và giấy in	www.hp.com/go/suresupply
Đặt mua các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	www.hp.com/buy/parts
Đặt mua qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt mua bằng cách sử dụng phần mềm HP	HP Easy Printer Care thuộc trang 127 Máy chủ Web nhúng thuộc trang 130

Số của bộ phận

Thông tin đặt hàng và khả năng cung cấp có thể thay đổi trong thời gian sử dụng của sản phẩm.

Phụ kiện

Mục	Mô tả	Số bộ phận
Bộ tiếp Giấy 1x500 HP Color LaserJet	Khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ.	CE522A
Phụ kiện lắp phương tiện Bưu thiếp HP	Phụ kiện lắp thay thế cho một trong những phụ kiện đi kèm với Bộ tiếp Giấy 1x500 HP Color LaserJet.	CC497A

Hộp mực in và bộ thu gom bột mực

Mục	Mô tả ¹	Số bộ phận
Hộp mực in màu đen HP Color LaserJet	Hộp mực màu đen chuẩn	CE250A
Hộp mực in màu đen HP Color LaserJet	Hộp mực màu đen có dung lượng cao	CE250X
Hộp mực in màu xanh lá mạ HP Color LaserJet	Hộp mực màu xanh lá mạ	CE251A
Hộp mực in màu vàng HP Color LaserJet	Hộp mực in màu vàng	CE252A
Hộp mực in màu đỏ tươi HP Color LaserJet	Hộp mực màu đỏ tươi	CE253A
Bộ thu gom Bột mực	Chỗ chứa bột mực không được áp vào giấy.	CE254A

¹ Để biết thêm thông tin, hãy đến www.hp.com/go/learnaboutsupplies

Bộ nhớ

Mục	Mô tả	Số bộ phận
Mô-đun bộ nhớ DDR2 SODIMM x64 200-pin	128 MB	CC409AX
	256 MB	CC410AX
	512 MB	CC411AX
	1 GB	CC412AX
Tăng cường năng lực cho sản phẩm để xử lý các lệnh in lớn hoặc phức tạp.		
Ổ cứng Hiệu suất Cao được Mã hóa của HP	Ổ cứng được mã hóa EIO để lắp vào khe cắm phụ kiện EIO 63 mm (2,5 inch)	J8019A

Dây cáp và mạch ghép nối

Mục	Mô tả	Số bộ phận
Thẻ I/O Nâng cao (EIO)	Máy chủ In HP Jetdirect 635n IPv6/IPsec	J7961G
Cáp USB	Đầu nối thiết bị tương thích với USB chuẩn 2 mét	C6518A

Các bộ đồ nghề bảo dưỡng

Mục	Mô tả	Số bộ phận
Bộ cuộn sấy	Cuộn sấy thay thế 110 Vôn	CE484A
	Cuộn sấy thay thế 220 Vôn	CE506A

B Dịch vụ và hỗ trợ

- [Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard](#)
- [Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực](#)
- [Tuyên bố về Bảo hành có Giới hạn của Bộ Cuộn sấy HP Color LaserJet](#)
- [Thỏa thuận Cấp giấy phép Người dùng cuối](#)
- [Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa](#)
- [Hỗ trợ khách hàng](#)

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard

SẢN PHẨM HP

THỜI HẠN BẢO HÀNH CÓ GIỚI HẠN

HP Color LaserJet CP3525, CP3525n, CP3525dn, CP3525x Bảo hành tại chỗ một năm

HP bảo đảm với bạn, là người dùng trực tiếp, rằng các sản phẩm phần cứng và phụ tùng của HP sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành sau khi mua, trong thời hạn quy định trên. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ có quyền lựa chọn, sửa chữa hoặc thay thế các sản phẩm có biểu hiện có khuyết tật. Sản phẩm thay thế sẽ là sản phẩm mới hoặc tương đương với sản phẩm mới về mặt hiệu năng hoạt động.

HP bảo đảm với bạn rằng, phần mềm HP sẽ không trục trặc khi xử lý các lệnh chương trình của nó sau khi mua, trong thời hạn nêu trên, gây ra bởi các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành khi đã được cài đặt và sử dụng đúng. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ thay thế phần mềm không xử lý được các lệnh chương trình của nó gây ra bởi các khuyết tật đó.

HP không bảo đảm rằng các sản phẩm của HP sẽ không gặp lỗi hoặc bị gián đoạn trong lúc vận hành. Nếu HP không thể, trong một khoảng thời gian hợp lý, sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ sản phẩm nào trong điều kiện bảo hành, bạn sẽ có quyền được nhận lại số tiền đã trả để mua sau khi trả ngay sản phẩm đó về cho HP.

Các sản phẩm của HP có thể chứa các chi tiết đã được tái chế có chất lượng tương đương bộ phận mới về mặt hiệu năng hoạt động hoặc có thể đã được lấy làm mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra sử dụng.

Chế độ bảo hành không áp dụng cho các khuyết tật có nguyên nhân từ (a) bảo trì hoặc xác lập chuẩn sai hoặc không thỏa đáng, (b) phần mềm, thiết bị nối ghép, các chi tiết máy hoặc mực in không do HP cung cấp, (c) chỉnh sửa hoặc sử dụng trái quy định, (d) sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố, hoặc (e) chuẩn bị môi trường vận hành thiết bị hoặc bảo trì thiết bị không đúng.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG. Một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn thời hạn bảo hành đối với chế độ bảo hành không công bố, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn. Điều này cho phép bạn có được các quyền lợi cụ thể về mặt pháp luật và bạn cũng có thể có thêm các quyền lợi khác tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh.

Chế độ bảo hành có giới hạn của HP được áp dụng cho mọi quốc gia/vùng lãnh thổ hoặc địa phương HP có cung cấp dịch vụ hỗ trợ và những nơi HP có bán sản phẩm này ra thị trường. Mức độ bảo hành cho bạn có thể khác nhau theo các tiêu chuẩn địa phương. HP sẽ không điều chỉnh hình dạng, tính phù hợp hoặc chức năng hoạt động của sản phẩm để sử dụng ở các quốc gia/vùng lãnh thổ không nằm trong kế hoạch cung cấp sản phẩm của HP cho sử dụng vì các lý do luật pháp hoặc quy định.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, CÁC GIẢI PHÁP TRONG BẢN CÔNG BỐ CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH NÀY CHỈ ÁP DỤNG RIÊNG CHO MỖI BẠN. NGOẠI TRỪ NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ MẤT MÁT DỮ LIỆU HOẶC CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC. Ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho

phép giới hạn hoặc loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc gián tiếp, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực

Sản phẩm này của HP được bảo đảm sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã nạp lại mực, tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố và các bản in mẫu) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Tuyên bố về Bảo hành có Giới hạn của Bộ Cuộn sấy HP Color LaserJet

Sản phẩm HP này được bảo hành đối với các lỗi trong vật liệu và khả năng vận hành cho tới khi máy in hiển thị chỉ báo sắp hết trên panen điều khiển.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Thỏa thuận Cấp giấy phép Người dùng cuối

VUI LÒNG ĐỌC KỸ TRƯỚC KHI SỬ DỤNG SẢN PHẨM PHẦN MỀM NÀY: Thỏa thuận Cấp phép Người dùng cuối này (End-User License Agreement - EULA) là một hợp đồng giữa (a) bạn (một cá nhân hay một tổ chức bạn đại diện) và (b) Công ty Hewlett-Packard Company (“HP”) sẽ chi phối việc bạn sử dụng sản phẩm phần mềm (Phần mềm) này. Eula này sẽ không được áp dụng nếu có thỏa thuận cấp phép riêng biệt giữa bạn và HP hoặc các nhà cung cấp của HP đối với Phần mềm này, bao gồm thỏa thuận cấp phép trong tài liệu trực tuyến. Thuật ngữ “Phần mềm” có thể bao gồm (i) các phytng tiện liên quan, (ii) sách hướng dẫn người sử dụng và bản in các tài liệu khác, và (iii) tài liệu “trực tuyến” hoặc tài liệu điện tử (gọi chung là “Tài liệu Người sử dụng”).

CÁC QUYỀN TRONG PHẦN MỀM CHỈ ĐƯỢC CUNG CẤP THEO ĐIỀU KIỆN BẠN ĐỒNG Ý VỚI TẤT CẢ CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA EULA NÀY. BẰNG CÁCH CÀI ĐẶT, SAO CHÉP, TẢI XUỐNG HOẶC SỬ DỤNG THEO CÁCH KHÁC PHẦN MỀM, BẠN ĐÃ ĐỒNG Ý BỊ RÀNG BUỘC BỞI EULA NÀY. NẾU BẠN KHÔNG CHẤP NHẬN EULA NÀY, ĐỪNG CÀI ĐẶT, TẢI XUỐNG HOẶC SỬ DỤNG THEO CÁCH KHÁC PHẦN MỀM NÀY. NẾU BẠN ĐÃ THANH TOÁN CHO PHẦN MỀM NHỮNG KHÔNG ĐỒNG Ý VỚI EULA NÀY, VUI LÒNG GỬI LẠI PHẦN MỀM VỀ NƠI BẠN ĐÃ THANH TOÁN TRONG VÒNG MỖI BỐN NGÀY ĐỂ NHẬN ĐƯỢC KHOẢN TIỀN HOÀN LẠI THEO GIÁ ĐÃ THANH TOÁN; NẾU PHẦN MỀM ĐƯỢC CÀI ĐẶT TRÊN HOẶC ĐƯỢC CHUẨN BỊ SẴN VỚI MỘT SẢN PHẨM HP KHÁC, BẠN CÓ THỂ TRẢ LẠI TOÀN BỘ SẢN PHẨM KHÔNG SỬ DỤNG ĐÓ.

1. PHẦN MỀM BÊN THỨ BA. Phần mềm này ngoài phần mềm thuộc sở hữu của HP (“Phần mềm HP”), có thể bao gồm phần mềm theo các giấy phép từ các bên thứ ba (“Phần mềm Bên thứ ba” và “Giấy phép Bên thứ ba”. Bất cứ Phần mềm Bên thứ ba nào được cấp phép cho bạn đều phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Giấy phép Bên thứ ba tống ứng. Thông thường, Giấy phép Bên thứ ba nằm trong một tệp tin chẳng hạn nhý license.txt; bạn cần phải liên hệ bộ phận hỗ trợ của HP nếu bạn không tìm thấy bất cứ Giấy phép Bên thứ ba nào. Nếu các Giấy phép Bên thứ ba bao gồm các giấy phép cung cấp mã nguồn (chẳng hạn nhý Giấy phép Công cộng GNU (GNU General Public License) và mã nguồn tống ứng không đi kèm theo Phần mềm này, hãy kiểm tra các trang về hỗ trợ sản phẩm trên website của HP (hp.com) để biết cách có được mã nguồn đó nhý thế nào.

2. CÁC QUYỀN CỦA GIẤY PHÉP. Bạn sẽ có các quyền sau đây miễn là bạn tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện của EULA này:

a. Sử dụng. HP cấp cho bạn một giấy phép để Sử dụng một bản sao của Phần mềm HP. “Sử dụng” nghĩa là cài đặt, sao chép, lúy trữ, tải, thực thi, hiển thị hoặc sử dụng theo cách khác Phần mềm HP. Bạn không thể chỉnh sửa Phần mềm HP hoặc vô hiệu hóa bất cứ việc cấp phép hoặc tính năng kiểm soát nào của Phần mềm HP. Nếu Phần mềm này được HP cung cấp để Sử dụng với một sản phẩm tạo ảnh hoặc in ấn (ví dụ trýờng hợp Phần mềm là một trình điều khiển thiết bị máy in, phần mềm hệ thống cơ sở firmware hoặc chýõng trình bổ sung add-on), Phần mềm HP này chỉ có thể được sử dụng với sản phẩm đó (“Sản phẩm HP”). Các giới hạn bổ sung đối với việc Sử dụng này có thể có trong Tài liệu Người sử dụng. Bạn không thể tách riêng các thành phần của Phần mềm HP để Sử dụng. Bạn không có quyền phân phối Phần mềm HP này.

b. Sao chép. Quyền sao chép của bạn có nghĩa là bạn có thể tạo các bản sao Phần mềm HP để lúy trữ hoặc dự phòng, miễn là mỗi bản sao phải chứa tất cả các thông báo về quyền sở hữu của Phần mềm HP và chỉ được sử dụng vào các mục đích dự phòng.

3. NÂNG CẤP. Để sử dụng Phần mềm HP do HP cung cấp dýới dạng bản nâng cấp, cập nhật hoặc thành phần bổ sung (gọi chung là “Nâng cấp”), trýớc tiên bạn phải được cấp phép cho Phần mềm HP gốc do HP xác định đủ điều kiện cho việc nâng cấp. Trong trýờng hợp bản Nâng cấp thay thế cho Phần mềm HP gốc, bạn có thể không cần sử dụng Phần mềm HP đó nữa. EULA này đều được áp dụng cho mỗi bản Nâng cấp trừ khi HP quy định các điều khoản khác cho bản Nâng cấp đó. Trong trýờng hợp có mâu thuẫn giữa EULA này và các điều khoản khác, các điều khoản khác sẽ được ưu tiên.

4. CHUYỂN GIAO.

a. Chuyển giao Bên thứ ba. Người dùng cuối ban đầu của Phần mềm HP Software có thể thực hiện việc chuyển giao một lần Phần mềm HP đó cho một người dùng cuối khác. Bất cứ việc chuyển giao nào đều phải bao gồm tất cả các thành phần, phytng tiện, Tài liệu Người sử dụng, EULA này và Chứng nhận Xác thực nếu có. Việc chuyển giao không đytng phép thực hiện gián tiếp, chẳng hạn nhyt việc gửi sản phẩm để bán. Trước khi chuyển giao, người dùng cuối nhận Phần mềm chuyển giao phải đồng yt với EULA này. Sau khi chuyển giao Phần mềm HP, giấy phép của bạn sẽ tự động hết hiệu lực.

b. Các hạn chế. Bạn không thể thuê, cho thuê hoặc cho mtyon Phần mềm HP hoặc Sử dụng Phần mềm HP để sử dụng thytng mại hoặc sử dụng trong văn phòng đồng thời. Bạn không thể cấp giấy phép lại, nhytng lại hoặc chuyển giao dytng hình thức khác Phần mềm HP này trừ khi đytng quy định cụ thể trong EULA này.

5. CÁC QUYỀN SỞ HỮU. Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ trong Phần mềm và Tài liệu Người sử dụng đều thuộc sở hữu của HP hoặc các nhà cung cấp của HP và đytng bảo vệ bởi luật pháp, bao gồm bản quyền, bí mật thytng mại, bằng sáng chế và các luật đytng ký nhãn hiệu đytng áp dụng. Bạn không đytng loại bỏ khỏi Phần mềm bất cứ thông báo nào về nhận dạng, bản quyền hoặc giới hạn về quyền sở hữu.

6. GIỚI HẠN VỀ VIỆC VIẾT LẠI CHYTNG TRÌNH. Bạn không đytng phép viết lại chytng trình, dịch ngytng hoặc phân rã mã nguồn Phần mềm HP, chỉ trừ trytng hợp khi quyền thực hiện việc đytng đytng phép theo luật đytng áp dụng.

7. THỎA THUẬN ĐỒNG YT SỬ DỤNG DỮ LIỆU. HP và các chi nhánh của HP có thể thu thập và sử dụng các thông tin kỹ thuật mà bạn cung cấp liên quan đến (i) việc bạn Sử dụng Phần mềm hoặc Sản phẩm HP, hoặc (ii) điều khoản các dtych vụ hỗ trợ liên quan đến Phần mềm hoặc Sản phẩm HP. Tất cả những thông tin nhyt vậy sẽ phụ thuộc và chính sách về quyền riêng ty của HP. HP sẽ không sử dụng những thông tin nhyt vậy dytng hình thức qua đó có thể nhận diện đytng cá nhân bạn trừ trytng hợp cần thiết để nâng cao việc Sử dụng của bạn hoặc cung cấp các dtych vụ hỗ trợ.

8. GIỚI HẠN VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ. Bất kể mọi thiệt hại nào mà bạn có thể gặp phải, toàn bộ trách nhiệm pháp lý của HP và các nhà cung cấp của HP theo EULA này và biện pháp loại trừ biệt của bạn theo EULA này sẽ đytng giới hạn bằng giá trị nào lớn hơn giữa khoản chi phí thực tế bạn đã thanh toán cho Sản phẩm đó hoặc 5,00 USD. TRONG PHẠM VI TỐI ĐA LUẬT PHÁP CHO PHÉP ÁP DỤNG, TRONG BẤT CỨ TRYTNG HỢP NÀO HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI BẤT CỨ THIỆT HẠI ĐẶC BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP HOẶC DO HẬU QUẢ NÀO (BAO GỒM CÁC THIỆT HẠI ĐỐI VỚI VIỆC MẮT MẮT LỢI NHUẬN, MẤT DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÔNG VIỆC, TỒN THYTNG CÁ NHÂN HOẶC MẤT QUYỀN RIÊNG TY) LIÊN QUAN DYTNG BẤT CỨ HÌNH THỨC NÀO ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG HOẶC KHÔNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, NGAY CẢ KHI HP HOẶC BẤT CỨ NHÀ CUNG CẤP NÀO CỦA HP ĐÃ KHUYẾN CÁO VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG THIỆT HẠI NHYT VẬY VÀ CHO DÙ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC Ở TRÊN ĐÂY KHÔNG ĐẠT ĐYTNG MỤC ĐÍCH CẦN THIẾT CỦA CHÚNG. Một vài bang hoặc các vùng khác không cho phép việc loại trừ hoặc giới hạn các thiệt hại do ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, do đó việc giới hạn hoặc loại trừ nêu trên có thể không đytng áp dụng cho bạn.

9. CÁC KHÁCH HÀNG CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ. Nếu bạn là một cố quan của Chính phủ Hoa Kỳ, theo quy định của FAR 12.211 và FAR 12.212, Phần mềm Máy tính Thytng mại, Tài liệu Phần mềm Máy tính và Dữ liệu Kỹ thuật đối với các Mục Thytng mại đều phải đytng cấp giấy phép theo thỏa thuận cấp phép thytng mại của HP đytng áp dụng.

10. TUÂN THỦ CÁC LUẬT XUẤT KHẨU. Bạn sẽ phải tuân thủ tất cả các luật lệ, quy tắc và quy định (i) đytng áp dụng đối với việc xuất khẩu hay nhập khẩu Phần mềm này, hoặc (ii) việc giới hạn Sử dụng Phần mềm này, bao gồm bất cứ việc giới hạn nào về phát triển các vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học.

11. BẢO LYTU CÁC QUYỀN. HP và các nhà cung cấp của HP bảo lytu tất cả các quyền không đytng cấp cụ thể cho bạn trong bản EULA này.

(c) 2007 Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Hiệu chỉnh 11/06

Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa

Các sản phẩm của HP được thiết kế với nhiều bộ phận Khách hàng Tự Sửa chữa (CSR) để giảm thời gian sửa chữa đến mức tối thiểu và cho phép linh động hơn trong việc thực hiện thay thế các bộ phận bị lỗi. Nếu trong thời gian chẩn đoán, HP xác định rằng có thể sử dụng bộ phận CSR để hoàn thành việc sửa chữa thì HP sẽ chuyển bộ phận đó trực tiếp đến bạn để thay thế. Có hai loại bộ phận CSR: 1) Bộ phận bắt buộc phải có để khách hàng tự sửa chữa. Nếu bạn yêu cầu HP thay thế những bộ phận này, bạn sẽ phải trả tiền vận chuyển và chi phí nhân công cho dịch vụ này. 2) Bộ phận tùy chọn để khách hàng tự sửa chữa. Những bộ phận này cũng là để Khách hàng Tự Sửa chữa. Tuy nhiên, nếu bạn yêu cầu HP thay thế chúng cho bạn, bạn có thể không phải trả tiền theo dạng dịch vụ bảo hành dành cho sản phẩm của bạn.

Dựa trên độ khả thi và vị trí địa lý cho phép, các bộ phận CSR sẽ được chuyển đến cho bạn trong lần phân phát của ngày làm việc tiếp theo. Việc phát trong cùng ngày hoặc trong vòng bốn giờ đồng hồ có thể được thực hiện miễn phí tại nơi điều kiện địa lý cho phép. Nếu cần hỗ trợ, bạn có thể gọi Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật HP và kỹ thuật viên sẽ trợ giúp bạn qua điện thoại. HP sẽ cho biết có phải hoàn trả bộ phận bị lỗi cho HP không, ở trong tài liệu được chuyển kèm với bộ phận CSR thay thế. Trong trường hợp cần phải hoàn trả bộ phận bị lỗi cho HP, bạn phải chuyển bộ phận bị lỗi đó cho HP trong một khoảng thời gian xác định, thường là trong năm (5) ngày làm việc. Bộ phận bị lỗi phải được hoàn trả cùng với tài liệu trong hộp vận chuyển đi kèm. Nếu bạn không hoàn trả bộ phận bị lỗi, HP có thể sẽ yêu cầu bạn trả tiền cho bộ phận thay thế. Đối với những sửa chữa do khách hàng thực hiện, HP sẽ trả mọi chi phí hoàn trả bộ phận và chi phí vận chuyển, và xác định nhà vận chuyển/hãng vận tải sẽ được dùng để chuyển bộ phận đến bạn.

Hỗ trợ khách hàng

Hỗ trợ qua điện thoại, miễn phí khi vẫn trong thời hạn bảo hành, dành cho quốc gia/vùng lãnh thổ bạn sinh sống

Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp sản phẩm bạn đã mua hoặc xem tại www.hp.com/support/.

Chuẩn bị sẵn sàng tên sản phẩm, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố.

Hỗ trợ Internet thường trực 24 giờ

www.hp.com/support/cljcp3525

Hỗ trợ cho các sản phẩm được sử dụng với máy tính Macintosh

www.hp.com/go/macosex

Tải xuống thông tin về các phần mềm tiện ích, trình điều khiển thiết bị, và các thông tin điện tử

www.hp.com/go/cljcp3525_software

Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì

www.hp.com/go/carepack

C Thông số kỹ thuật của sản phẩm

- Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể
- Lượng điện tiêu thụ và độ ồn
- Đặc điểm môi trường

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Bảng C-1 Kích thước sản phẩm

Sản phẩm	Chiều cao	Chiều sâu	Chiều rộng	Trọng lượng
HP Color LaserJet CP3525n	358 mm	491 mm	514 mm	32,9 kg
HP Color LaserJet CP3525dn	358 mm	491 mm	514 mm	32,9 kg
HP Color LaserJet CP3525x	520 mm	491 mm	514 mm	40,5 kg

Bảng C-2 Kích thước sản phẩm khi mở tất cả các cửa và khay

Sản phẩm	Chiều cao	Chiều sâu	Chiều rộng
HP Color LaserJet CP3525n	358 mm	739 mm	822 mm
HP Color LaserJet CP3525dn	358 mm	739 mm	822 mm
HP Color LaserJet CP3525x	520 mm	739 mm	822 mm

Lượng điện tiêu thụ và độ ồn

Xem www.hp.com/go/cljcp3525_regulatory để biết thông tin mới nhất.

Đặc điểm môi trường

Điều kiện môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ (sản phẩm và hộp mực in)	15° đến 27°C (59° đến 80,6°F)	10° đến 30°C (50° đến 86°F)
Độ ẩm tương đối	10% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH
Độ cao	Không áp dụng	0 mét to 2500 mét


D Thông tin về Tuân Thủ Quy Định

- [Các qui định của FCC](#)
- [Chương trình quản lý sản phẩm bảo vệ môi trường](#)
- [Tuyên bố về tính Thích hợp](#)
- [Tuyên bố về an toàn](#)

Các qui định của FCC

Đã kiểm tra và xác định rằng thiết bị này tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Nhóm B, theo Phần 15 của Qui định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ phù hợp chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong nhà. Thiết bị này tạo, sử dụng, và có thể phát ra năng lượng sóng vô tuyến. Nếu thiết bị này không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể gây nhiễu có hại với các liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng sẽ không xuất hiện nhiễu tại một lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho đài radio hoặc tivi, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người sử dụng nên chỉnh lại nhiễu bằng một trong những biện pháp sau:

- Xoay hoặc chuyển lại vị trí của ăng-ten nhận.
- Gia tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận.
- Cắm thiết bị với ổ điện trên một mạch khác với ổ điện của bộ nhận.
- Tham vấn với người bán hàng của bạn hoặc một chuyên gia radio/tivi có kinh nghiệm.

 **GHI CHÚ:** Mọi thay đổi hoặc chỉnh sửa đối với máy in không được chấp nhận rõ ràng bởi HP có thể làm mất quyền sử dụng thiết bị này của người sử dụng.

Cần sử dụng cáp giao diện được bảo vệ để tuân thủ các giới hạn của Nhóm B của Phần 15, Qui định FCC.

Chương trình quản lý sản phẩm bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường

Công ty Hewlett-Packard cam kết cung cấp các sản phẩm chất lượng theo cách bền vững với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế với một số tính năng làm giảm thiểu tác động tới môi trường.

Sản sinh ra khí ozone

Sản phẩm này không sản sinh một lượng khí ozone đáng kể nào (O₃).

Điện năng tiêu thụ

Công suất sử dụng nguồn điện giảm đáng kể khi ở chế độ Ready (Sẵn sàng) và Sleep (Nghỉ). Những chế độ này tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên và tiền bạc mà không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động cao của sản phẩm này. Để xác định trạng thái được chứng nhận ENERGY STAR® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật. Các sản phẩm được chứng nhận cũng được liệt kê tại:

www.hp.com/go/energystar

Sử dụng giấy

Tính năng in hai mặt tự động tùy chọn và in N-up (in nhiều trang trên cùng một mặt giấy) của sản phẩm này giúp giảm lượng giấy sử dụng và do vậy, giảm nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên.


Bộ phận làm bằng chất dẻo

Các bộ phận làm bằng chất dẻo nặng trên 25 gram được đánh dấu theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng khả năng nhận biết để tái chế khi hết tuổi thọ của sản phẩm.

Nguồn cung cấp

Thật dễ dàng để hoàn trả và tái chế các hộp mực in HP LaserJet đã hết – hoàn toàn miễn phí - với chương trình Đối tác Toàn cầu của HP. Các hướng dẫn và thông tin về chương trình bằng nhiều ngôn ngữ được giao cùng với mỗi máy in HP LaserJet và hộp mực mới. Bạn sẽ giúp giảm bớt tác động tới môi trường hơn nữa bằng cách hoàn trả nhiều hộp mực một lúc thay vì các hộp riêng lẻ.

HP cam kết cung cấp những sản phẩm và dịch vụ mang tính sáng tạo, có chất lượng cao và không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, từ khâu thiết kế và sản xuất sản phẩm đến khâu phân phối, khách hàng sử dụng và tái chế. Khi bạn tham gia vào chương trình HP Planet Partners (Đối tác Hành tinh HP), chúng tôi bảo đảm sẽ tái chế các hộp mực in HP LaserJet của bạn theo đúng cách, xử lý chúng để thu lại nhựa và kim loại cho sản phẩm mới và tránh được việc phải chôn hàng triệu tấn chất thải xuống đất. Xin hãy lưu ý rằng hộp mực sẽ không được hoàn trả lại cho bạn. Cảm ơn bạn đã có trách nhiệm với môi trường!

 **GHI CHÚ:** Hãy sử dụng nhãn hoàn trả để chỉ hoàn trả những hộp mực in HP LaserJet gốc. Không sử dụng nhãn này cho các hộp mực HP inkjet, hộp mực không phải của HP, hoặc để hoàn trả bảo hành. Xin đến trang www.hp.com/recycle để biết thông tin về việc tái chế hộp mực HP inkjet của bạn.

Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế

Hợp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico

Nhãn đính kèm trên hộp mực in HP LaserJet dùng để hoàn trả và tái chế nhiều hơn một hộp mực in HP LaserJet sau khi sử dụng. Xin vui lòng làm theo hướng dẫn thích hợp dưới đây.

Hoàn trả nhiều sản phẩm (nhiều hơn một hộp mực)

1. Đóng gói mỗi hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của chúng.
2. Sử dụng dây da hoặc dây gói hàng để buộc các hộp lại với nhau. Gói hàng có thể nặng tối đa đến 31 kg (70 lb).
3. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

HOẶC

1. Sử dụng hộp phù hợp mà bạn có, hoặc yêu cầu hộp thu gom lớn, miễn phí từ www.hp.com/recycle hoặc gọi 1-800-340-2445 (chỉ dành cho hộp mực HP LaserJet nặng tối đa là 31 kg (70 lb)).
2. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

Hoàn trả đơn lẻ

1. Đóng gói hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của nó.
2. Dán nhãn vận chuyển vào mặt trước hộp.

Vận chuyển

Đối với tất cả các hộp mực HP LaserJet hoàn trả lại để tái chế, hãy mang gói hàng cho UPS trong lần giao hàng hoặc phát hàng tiếp theo, hoặc mang gói hàng đến trung tâm nhận hàng gửi được UPS ủy quyền. Để biết thông tin về trung tâm nhận hàng gửi của UPS tại địa phương bạn, hãy gọi 1-800-PICKUPS hoặc đến trang www.ups.com. Nếu bạn hoàn trả và sử dụng nhãn USPS, hãy mang gói hàng đến hãng vận tải hoặc nơi nhận hàng gửi U.S. Postal Service (Ngành Bưu điện Hoa Kỳ) tại Văn phòng của U.S. Postal Service. Để biết thêm thông tin, hoặc để đặt mua thêm nhãn hoặc hộp khi hoàn trả nhiều, hãy đến trang www.hp.com/recycle hoặc gọi 1-800-340-2445. Yêu cầu UPS đến lấy hàng sẽ được tính phí theo đơn giá đến lấy hàng thông thường. Thông tin có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Với những người sống ở Alaska và Hawaii: Không sử dụng nhãn UPS. Hãy gọi tới số 1-800-340-2445 để biết thông tin và hướng dẫn. Dịch vụ Bưu chính của Mỹ cung cấp các dịch vụ vận chuyển hoàn trả hộp mực miễn phí theo thỏa thuận với HP cho Alaska và Hawaii.

Hoàn trả ngoài phạm vi Hoa Kỳ

Để tham gia vào chương trình hoàn trả và tái chế HP Planet Partners (Đối tác Hành tinh HP), bạn chỉ cần làm theo những hướng dẫn đơn giản ở trong bản hướng dẫn tái chế (có trong gói hàng cung cấp sản phẩm mới của bạn) hoặc đến trang www.hp.com/recycle. Chọn quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn để biết thông tin về cách thức hoàn trả bộ mực in HP LaserJet của bạn.

Giấy in

Sản phẩm này có thể sử dụng giấy tái chế nếu như giấy đó đáp ứng được các quy định trong sách hướng dẫn *HP LaserJet Printer Family Print Media Guide*. Sản phẩm này phù hợp để sử dụng giấy tái chế theo tiêu chuẩn EN12281:2002.

Giới hạn về vật liệu

Sản phẩm này của HP không chứa thêm thủy ngân.

Sản phẩm này của HP chứa một bộ pin có thể cần phải được xử lý đặc biệt khi hết thời hạn sử dụng. Bộ pin đi kèm hoặc được Hewlett-Packard cung cấp cho sản phẩm này có các thông tin sau:

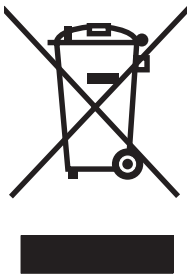
Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP3525	
Dạng	Carbon monofluoride lithium
Trọng lượng	0,8 g
Vị trí	Trên bảng bộ định dạng
Cho phép người sử dụng có thể di dời sản phẩm	No (Không)



廢電池請回收

Để biết thông tin tái chế, hãy đến trang web www.hp.com/recycle, hoặc liên hệ các nhà chức trách địa phương hay Hiệp hội Công nghiệp Điện tử: www.eiae.org.

Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu



Biểu tượng này trên sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm chỉ định rằng sản phẩm không được phép vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt khác. Thay vào đó, bạn có trách nhiệm vứt bỏ thiết bị không sử dụng bằng cách giao nó tại một điểm thu gom được chỉ định cho mục đích tái chế thiết bị điện và điện tử không sử dụng. Việc thu gom và tái chế riêng các loại thiết bị không sử dụng của bạn mỗi khi vứt bỏ sẽ giúp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo rằng thiết bị đó được tái chế theo cách giúp bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Để biết thêm thông tin về nơi vứt bỏ thiết bị không sử dụng để tái chế, xin hãy liên hệ với phòng hành chính địa phương, dịch vụ vứt bỏ rác thải gia đình hoặc cửa hàng nơi bạn đã mua sản phẩm đó.

Hóa chất

HP cam kết cung cấp cho khách hàng của chúng tôi thông tin về những hóa chất có trong sản phẩm của chúng tôi khi cần để tuân thủ với các yêu cầu pháp lý chẳng hạn như REACH (Quy Định EC số 1907/2006 của Quốc Hội và Hội Đồng Châu Âu). Một báo cáo thông tin về hóa chất cho sản phẩm này có thể được tìm thấy trên trang web: www.hp.com/go/reach.

Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)

Bạn có thể lấy Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS) của nguồn cung cấp có chứa các hóa chất (ví dụ như bột mực) bằng cách truy cập vào trang web của HP tại địa chỉ www.hp.com/go/msds hoặc www.hp.com/hpinfo/community/environment/productinfo/safety.

Thông tin thêm

Để có thêm thông tin về các chủ đề môi trường này:

- Tờ mô tả về tác động môi trường của sản phẩm này và nhiều sản phẩm có liên quan của HP
- Cam kết của HP đối với môi trường
- Hệ thống Quản lý Môi trường của HP
- Chương trình hoàn trả và tái chế khi sản phẩm hết tuổi thọ
- Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên liệu

Thăm trang www.hp.com/go/environment hoặc www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment.

Tuyên bố về tính Thích hợp

Tuyên bố về tính Thích hợp

theo ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1, DoC#: BOISB-0802-00-rel.1.0

Tên nhà sản xuất: Công ty Hewlett-Packard
Địa chỉ nhà sản xuất: 11311 Chinden Boulevard,
Boise, Idaho 83714-1021, Mỹ

tuyên bố rằng sản phẩm

Tên sản phẩm: Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP3525
Số hiệu Theo Quy định:²⁾ BOISB-0802-00

Các tùy chọn của sản phẩm: Bao gồm: CE522A — Khay Giấy và Phương tiện Nặng 500 Tờ Tùy chỉnh
TẤT CẢ


Hộp mực in: CE250X, CE250A, CE251A, CE252A, CE253A

phù hợp với các Thông số Kỹ thuật sau của Sản phẩm:

An toàn: IEC 60950-1:2001 / EN60950-1: 2001 + A11
IEC 60825-1:1993 +A1 +A2 / EN 60825-1:1994 +A1 +A2 (Sản phẩm LED/La-de Loại 1)
GB4943-2001

EMC: CISPR 22:2005 / EN 55022:2006 – Loại B¹⁾
EN 61000-3-2:2000 +A2
EN 61000-3-3:1995 + A1
EN 55024:1998 +A1 + A2
FCC Đề mục 47 CFR, Phần 15 Loại B/ ICES-003, Mục 4
GB9254-1998, GB17625.1-2003

Thông tin bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EC và Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, và có dấu CE  tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ theo Phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động phải theo hai Điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

1) Sản phẩm đã được kiểm tra trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính Cá nhân Hewlett-Packard.

2) Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán một con số Model theo Quy định. Con số này không được phép nhầm lẫn với tên sản phẩm hoặc số của sản phẩm.

Boise, Idaho , Mỹ

19 tháng 12 năm 2007

Chỉ riêng đối với vấn đề quy định:

Địa chỉ liên hệ tại Châu Âu: Nơi bán sản phẩm và Phòng dịch vụ Hewlett-Packard Sales tại địa phương hoặc Hewlett-Packard GmbH, Phòng HQ-TRE / Tiêu Chuẩn Châu Âu, Herrenberger Straße 140, D-71034 Böblingen, Đức, (FAX: +49-7031-14-3143),
<http://www.hp.com/go/certificates>

Địa chỉ liên hệ tại Mỹ: Giám đốc Phụ trách việc Tuân thủ Quy định của Sản Phẩm, Công ty Hewlett-Packard, PO Box 15, Mail Stop 160, Boise, Idaho 83707-0015, Mỹ, (Điện thoại: 208-396-6000)

Tuyên bố về an toàn

An toàn laser

Trung tâm Thiết bị Và Sức khỏe Điện Quang (CDRH) của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã áp dụng các quy định đối với các sản phẩm laser được sản xuất kể từ 1 tháng 8 năm 1976. Việc tuân thủ quy định là bắt buộc đối với các sản phẩm lưu hành trên thị trường Hoa Kỳ. Thiết bị này được chứng nhận là sản phẩm laser "Loại 1" theo hệ Tiêu chuẩn Hiệu suất Phóng xạ của Cơ quan Dịch vụ Y tế và Con người Hoa Kỳ (DHHS) theo Đạo luật về Quản lý Phóng xạ đối với Sức khỏe và An toàn 1968. Vì lượng phóng xạ phát ra từ thiết bị này được giữ lại hoàn toàn bên trong lớp vỏ bảo vệ và vỏ bọc bên ngoài, nên tia laser không thể thoát ra ngoài trong bất kỳ giai đoạn hoạt động thông thường nào của máy.

⚠ CẢNH BÁO! Việc điều khiển sử dụng, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác vận hành khác với những gì được quy định trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây phóng xạ nguy hiểm.

Các quy định DOC tại Canada

Complies with Canadian EMC Class B requirements.

« Conforme à la classe B des normes canadiennes de compatibilité électromagnétiques. « CEM ». »

Tuyên bố VCCI (Nhật)

この装置は、情報処理装置等電波障害自主規制協議会（VCCI）の基準に基づくクラスB情報技術装置です。この装置は、家庭環境で使用することを目的としていますが、この装置がラジオやテレビジョン受信機に近接して使用されると、受信障害を引き起こすことがあります。
取扱説明書に従って正しい取り扱いをして下さい。

Tuyên bố về dây dẫn (Nhật)

製品には、同梱された電源コードをお使い下さい。
同梱された電源コードは、他の製品では使用出来ません。

Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)

B급 기기 (가정용 정보통신기기)

이 기기는 가정용으로 전자파적합등록을 한 기기로서
주거지역에서는 물론 모든 지역에서 사용할 수 있습니다.

Tuyên bố về laser cho Phần Lan

Luokan 1 laserlaite

Klass 1 Laser Apparat

HP Color LaserJet CP3525, CP3525n, CP3525dn, CP3525x, laserkirjoitin on käyttäjän kannalta turvallinen luokan 1 laserlaite. Normaalisissa käytössä kirjoittimen suojakotelointi estää lasersäteiden pääsyn laitteen ulkopuolelle. Laitteen turvallisuusluokka on määritetty standardin EN 60825-1 (1994) mukaisesti.

VAROITUS !

Laitteen käyttäminen muulla kuin käyttöohjeessa mainitulla tavalla saattaa altistaa käyttäjän turvallisuusluokan 1 ylittävälle näkymättömälle lasersäteilylle.

WARNING !

Om apparaten används på annat sätt än i bruksanvisning specificerats, kan användaren utsättas för osynlig laserstrålning, som överskrider gränsen för laserklass 1.

HUOLTO

HP Color LaserJet CP3525, CP3525n, CP3525dn, CP3525x - kirjoittimen sisällä ei ole käyttäjän huollettavissa olevia kohteita. Laitteen saa avata ja huoltaa ainoastaan sen huoltamiseen koulutettu henkilö. Tällaiseksi huoltotoimenpiteeksi ei katsota väriainekasetin vaihtamista, paperiradan puhdistusta tai muita käyttäjän käsikirjassa lueteltuja, käyttäjän tehtäväksi tarkoitettuja ylläpitotoimia, jotka voidaan suorittaa ilman erikoistyökaluja.

VARO !

Mikäli kirjoittimen suojakotelo avataan, olet alttiina näkymättömälle lasersäteilylle laitteen ollessa toiminnassa. Älä katso säteeseen.

WARNING !

Om laserprinterns skyddshölje öppnas då apparaten är i funktion, utsättas användaren för osynlig laserstrålning. Betrakta ej strålen. Tiedot laitteessa käytettävän laserdiodin säteilyominaisuuksista: Aallonpituus 775-795 nm Teho 5 m W Luokan 3B laser.

Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc)

有毒有害物质表

根据中国电子信息产品污染控制管理办法的要求而出台

部件名称	有毒有害物质和元素					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr(VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
打印引擎	X	0	X	X	0	0
控制面板	0	0	0	0	0	0
塑料外壳	0	0	0	0	0	0
格式化板组件	X	0	0	0	0	0
碳粉盒	X	0	0	0	0	0

3043

0：表示在此部件所用的所有同类材料中，所含的此有毒或有害物质均低于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

X：表示在此部件所用的所有同类材料中，至少一种所含的此有毒或有害物质高于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

注：引用的“环保使用期限”是根据在正常温度和湿度条件下操作使用产品而确定的。

Bảng chú dẫn

A

ảnh

- cải thiện chất lượng in 111
- loại bỏ mắt đỏ 111

B

bảng điều khiển

- cài đặt 50
- thông báo, dạng 161

bản đồ, in 107

bảo hành

- giấy phép 220
- hộp mực 218
- khách hàng tự sửa chữa 223
- sản phẩm 216

bảo mật

- cài đặt 33
- khóa menu panen điều khiển 135
- ổ cứng được mã hóa 135
- xóa ổ đĩa 134

bảo quản

- hộp mực 137

bẫy 119

biển báo, in 107

bộ mực

- thiết lập mật độ 60

bộ định dạng

- an toàn 136

bộ dập ghim/ngăn xếp

- thông số kỹ thuật, hình ảnh 225

bộ in hai mặt

- cài đặt máy Macintosh 60

bộ nhớ

- đi kèm 3, 59
- không đủ 163, 173
- lỗi nguồn cung cấp 162
- số hiệu bộ phận 213

thông báo lỗi bộ nhớ cố

- định 166

tính năng 4

bộ thu gom bột mực

- thay 141

C

các đèn của bộ định dạng 197

các hệ điều hành được hỗ trợ 58

các hình mờ 62

các ngăn chứa

- tái chế 231

các nguồn cung cấp

- đặt hàng qua máy chủ Web nhúng 132

các nguyên tắc của tài liệu 2

các tính năng 3, 4

các tính năng kết nối 5

các trang bìa 61

các vật liệu đặc biệt

- các nguyên tắc 80

các yêu cầu về khoảng trống 225

cài đặt máy in

- cấu hình 21

cài đặt TCP/IP

- 33

cài đặt DNS 34

cài đặt IPV6 34

cài đặt Proxy Server (Máy chủ Proxy) 35

cài đặt tốc độ liên kết 39

cài đặt

- ưu tiên 50, 58

- trình điều khiển 51, 59

- cài đặt sẵn trình điều khiển (Macintosh) 61

cài đặt sẵn (Macintosh) 61

cài đặt kích thước giấy tùy chỉnh Macintosh 61

cài đặt trình điều khiển Macintosh

- giấy kích thước tùy chỉnh 61

- tab Services (Dịch Vụ) 64

cài đặt trình điều khiển máy

Macintosh

- Lưu trữ Nhiệm vụ 63

cài đặt tab Color (Màu) 64

cài đặt DLC/LLC 71

cài đặt tiết kiệm 100

cài đặt sRGB 123

cài đặt RGB 123

cảnh báo 2

cảnh báo, e-mail 60

cảnh báo e-mail 60

cáp

- USB, xử lý sự cố 203

cáp, USB

- số bộ phận 214

cẩn thận 2

cấp cao

- màu 123

cập nhật chương trình cơ sở từ xa (RFU) 152

cấu hình, kiểu 3

co dẫn tài liệu

- Macintosh 61

co giãn tài liệu

- Windows 112

công tắc bật/tắt, định vị 7

công tắc nguồn, định vị 7

có kèm pin 233

cổng

- đi kèm 5

- định vị 8

- xử lý sự cố Macintosh 209

cổng ghép nối

- định vị 8

cổng giao diện

- đi kèm 5

cổng nối, cài đặt mặc định 69
 cổng nối mặc định, cài đặt 69
 cổng USB
 xử lý sự cố 203
 xử lý sự cố Macintosh 209
 cung cấp
 tái chế 231
 cuộn sậy
 kẹt giấy 182
 lau dọn 151
 thông báo lỗi 165
 cửa bên phải
 kẹt giấy 182
 cửa bên phải phía dưới
 kẹt giấy 190
 Các quy định DOC tại
 Canada 236
 Các tệp Mô Tả Máy In PostScript
 (PPD)
 đi kèm 59
 Các trang Web
 Tờ Thông tin An toàn đối với
 Nguyên Liệu (MSDS) 234
 Cạc Ethernet 5
 Cài đặt IPX/SPX 36, 71
 Cài đặt Bonjour 60
 Cài đặt trình điều khiển Macintosh
 các hình mờ 62
 Cài đặt AppleTalk 71
 Cài đặt RGB 119
 Cài đặt sRGB 119
 Cập nhật Chương trình Cơ sở,
 Macintosh 60
 Cấu hình USB 66
 Chăm sóc Khách hàng HP 224
 Chương trình Quản lý Sản phẩm
 Bảo vệ Môi trường 231
 Công nghệ Tăng cường Độ phân
 giải (REt) 60
 Có phòng chữ TrueType 5

CH

chẩn đoán
 mạng 36
 chất lượng
 xử lý sự cố 199
 chất lượng đầu ra
 xử lý sự cố 199

chất lượng in
 môi trường 201
 xử lý sự cố 199
 chế độ nghỉ 100
 chế độ in sẵn đầu đề khác 115
 chỉnh lại kích thước tài liệu
 Macintosh 61
 chống giả mạo nguồn cung
 cấp 137
 chu kỳ hoạt động 4
 chu kỳ hoạt động hàng tháng 4
 chương trình cơ sở, nâng
 cấp 152
 chủ đề màu 119
 chữ màu
 in đen trắng 115

D

dò tìm thiết bị 67
 dpi, cài đặt 60
 dừng yêu cầu in 110
 DHCP 34
 DIMMs (mô-đun nhớ trực tuyến đôi)
 cài đặt 143
 DIMM (mô-đun nhớ trực tuyến đôi)
 số bộ phận 213
 DIMM bộ nhớ
 an toàn 136
 DLC/LLC 36

Đ

độ phân giải
 thông số kỹ thuật 4
 cài đặt 60
 xử lý sự cố chất lượng 199
 đèn
 panen điều khiển 12
 bộ định dạng 197
 địa chỉ IP
 Macintosh, xử lý sự cố 208
 định hướng
 giấy, trong khi nạp 81
 đồng hồ thời gian thực 101
 đồng hồ
 cài đặt 101
 thông báo lỗi 162
 độ phân giải, điều chỉnh 111
 định hướng
 cài đặt, Windows 112

định hướng dọc
 cài đặt, Windows 112
 định hướng ngang
 cài đặt, Windows 112
 đặt hàng
 các nguồn cung cấp qua máy
 chủ Web nhúng 132
 nguồn cung cấp và phụ
 kiện 212
 số bộ phận 213
 đường dây nóng về gian lận 137
 đặc tính đã chọn không khả
 dụng 171
 đèn LED nhấp đập 197
 độ ẩm
 xử lý vấn đề 201
 địa chỉ, máy in
 Macintosh, xử lý sự cố 208
 điện
 tiêu thụ 227
 đặc điểm môi trường hoạt
 động 228
 Đầu nối LAN 5
 Đèn chú ý
 định vị 12
 Đèn dữ liệu
 định vị 12
 Đèn sẵn sàng
 định vị 12
 Địa chỉ IP 69, 70
 Độ Xám Trung Tính 119
 Đường dây nóng về gian lận của
 HP 137

E

Explorer, phiên bản được hỗ trợ
 máy chủ Web nhúng 130

G

ghi nhớ, lệnh in
 tính năng 103
 truy cập 103
 gỡ cài đặt phần mềm
 Macintosh 58
 Giấy dai HP 107
 Giấy lán 105

GI

giao thức, mạng 33, 67
 giải quyết vấn đề
 thông báo, dạng 161

- giấy
 - các loại được hỗ trợ 78
 - hướng nạp 81
 - kích thước, chọn 111
 - kích thước được hỗ trợ 75
 - kích thước tùy chỉnh, cài đặt Macintosh 61
 - loại, chọn 111
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - nạp 85
 - nạp Khay 3 91, 92
 - nhiều trang trên một bản 62
 - trang đầu tiên 61
 - tùy chỉnh cỡ 77
 - giấy
 - bìa, sử dụng giấy khác nhau 111
 - khổ giấy, chọn 111
 - trang đầu và trang cuối, sử dụng giấy khác nhau 111
 - giấy, đặt mua 212
 - giấy đặc biệt
 - các nguyên tắc 80
 - giấy bị kẹt 180
 - giấy dai 107
 - giấy kẹt 180
 - giấy phép, phần mềm 220
 - giờ, cài đặt 101
 - giới hạn về vật liệu 233
- H**
- hệ điều hành được hỗ trợ 46
 - hình mờ
 - Windows 112
 - hoãn chế độ nghỉ
 - thời gian 100
 - thay đổi cài đặt 100
 - bật 100
 - tắt 100
 - hộp mực
 - đặt hàng qua máy chủ Web nhúng 132
 - bảo hành 218
 - khoảng thời gian thay thế 138
 - không phải của HP 137
 - lưu giữ 137
 - thay 139
 - thông báo lỗi 173
 - hộp mực, in
 - số bộ phận 213
 - thông báo lỗi 173
 - Tình trạng Macintosh 64
 - hộp mực in
 - đặt hàng qua máy chủ Web nhúng 132
 - khoảng thời gian thay thế 138
 - không phải của HP 137
 - lưu giữ 137
 - quản lý 137
 - số hiệu bộ phận 213
 - tái chế 231
 - tình trạng Macintosh 64
 - hộp mực toner. *Xem* hộp mực hỗ trợ
 - các liên kết của máy chủ Web nhúng 132
 - trang HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) 60
 - trực tuyến 115, 224
 - hỗ trợ khách hàng
 - các liên kết của máy chủ Web nhúng 132
 - trang HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) 60
 - trực tuyến 224
 - hỗ trợ kỹ thuật
 - trực tuyến 224
 - hỗ trợ trực tuyến 224
 - hủy
 - in 110
 - hủy yêu cầu in 110
 - HP Easy Printer Care
 - hệ điều hành được hỗ trợ 53
 - mở 127
 - mô tả 53
 - sử dụng 127
 - tải xuống 53
 - trình duyệt được hỗ trợ 53
 - tùy chọn 127
 - HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) 59
 - HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) 60
 - HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP), Macintosh 59
 - HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP) 48
- HP Web Jetadmin
 - cập nhật chương trình cơ sở 154
- I**
- in
 - thông số tốc độ 4
 - xử lý sự cố 203
 - in hai mặt
 - cài đặt máy Macintosh 60
 - hướng nạp giấy 81
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - in hai mặt
 - Windows 112
 - in n-up
 - Windows 112
 - in ở sắc độ xám 118
 - in thử và giữ
 - Windows 114
 - in trên cả hai mặt
 - cài đặt máy Macintosh 60
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - in trên cả hai mặt
 - Windows 112
 - in từ Khay 2 87
 - I/O menu 32
 - Internet Explorer, phiên bản được hỗ trợ
 - máy chủ Web nhúng 130
- J**
- Jetadmin
 - cập nhật chương trình cơ sở 154
 - Jetadmin, HP Web 53, 133
- K**
- kẹt
 - khôi phục 191
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - ngăn giấy ra 186
 - nguyên nhân thường gặp 180
 - xử lý 181
 - Khay 1 187
 - kẹt giấy
 - cuộn sậy 182
 - cửa bên phải 182
 - cửa bên phải phía dưới 190

- phong bì 194
- xử lý 181
- Tray 2 188
- Tray 3 189, 190
- kết nối
 - USB 66
- kết nối nguồn
 - định vị 8
- kiểu, tính năng 3
- kiểu chữ
 - đi kèm 5
- Khay 1
 - in hai mặt 63
 - kẹt giấy 187
 - khả năng chứa giấy 79
- Khay 2
 - kẹt giấy 188
 - khả năng chứa giấy 79
- Khay 3
 - kẹt giấy 189, 190
- Khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ
 - các kiểu bao gồm 3
- Không đủ bộ nhớ 163, 173
- Kiểm Soát Cảnh 119

KH

- khai
 - nạp 81
- khay
 - đi kèm 3
 - định vị 7
 - định hướng giấy 81
 - cài đặt máy Macintosh 60
 - in hai mặt 63
 - khả năng chứa giấy 79
 - lập ấu hình 96
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - thông số kỹ thuật, hình thể 225
 - tự động nhận biết phim trong suốt 97
- khay giấy và phương tiện nặng 500 tờ
 - thông số kỹ thuật, hình thể 225
- khay in hai mặt
 - menu Cách thức Thực hiện 16

- khả năng chứa giấy
 - ngăn giấy ra 5
- khay tiếp giấy
 - cấu hình 20
- khóa
 - menu panen điều khiển 135
- khóa an toàn
 - định vị 8
- không cho phép
 - giao thức mạng 71
 - AppleTalk 71
 - DLC/LLC 71
 - IPX/SPX 71

L

- lau dọn
 - cuộn sậy 151
 - mặt ngoài 151
 - sản phẩm 151
- lắp
 - thẻ EIO 147
- lệnh in
 - cài đặt máy Macintosh 60
- lệnh in đã lưu
 - in 103
 - xóa 104
- lệnh in riêng
 - Windows 114
- lỗi
 - phần mềm 206
 - lỗi, lặp lại 200
 - lỗi đồng hồ trong 162
 - lỗi bộ nhớ cố định 166
 - lỗi lặp lại, xử lý sự cố 200
 - lỗi tắt 111
 - lỗi tràn bộ nhớ đệm 163
- lưu trữ, lệnh in
 - tính năng 103
 - truy cập 103
- lưu trữ, nhiệm vụ
 - cài đặt máy Macintosh 60, 63
- lưu trữ lệnh in
 - tính năng 103
 - truy cập 103
 - Windows 114
- lưu trữ nhiệm vụ
 - cài đặt máy Macintosh 63
- lưu ý 2
- Lock Resources (Khóa Tài nguyên), Macintosh 60

- Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE 207
- Lỗi NVRAM 166
- Lỗi Spool32 207
- Lỗi Thao tác Không hợp lệ 207

M

- mạng
 - địa chỉ IP 68, 69, 70
 - bảo mật 33, 68
 - các giao thức được hỗ trợ 67
 - các tính năng kết nối 5
 - cài đặt 33
 - cài đặt tốc độ liên kết 39
 - cài đặt máy Macintosh 60
 - cài đặt, xem 69
 - cài đặt, thay đổi 69
 - cấu hình 67
 - chẩn đoán 36
 - cổng nối mặc định 69
 - dò tìm thiết bị 67
 - giao thức 33
 - không cho phép giao thức 71
 - lắp thẻ EIO 147
 - mạng cấp dưới 69
 - mật khẩu, cài đặt 69
 - mật khẩu, thay đổi 69
 - máy chủ in bao gồm 3
 - AppleTalk 71
 - HP Web Jetadmin 133
- màn hình đồ họa và văn bản, panen điều khiển 12
- màu
 - điều chỉnh 118
 - được in so với trên màn hình 121
 - in các mẫu màu 121
 - in ở sắc độ xám 118
 - khớp 121
 - khớp bằng sách mẫu 121
 - khớp Pantone® 122
 - quản lý 117, 118
 - sử dụng 117
 - sRGB 119, 123
 - tùy chọn bán sắc 119
 - Độ Xám Trung tính 119
 - HP ImageREt 3600 123
 - Kiểm soát Cảnh 119
- mắt đỏ, loại bỏ 111

- mật độ
 - thiết lập 60
 - mặt nạ mạng cấp dưới 69
 - máy chủ in HP Jetdirect
 - đèn 197
 - cài đặt 147
 - máy chủ in Jetdirect
 - đèn 197
 - cài đặt 147
 - máy chủ Web nhúng
 - gán mật khẩu 134
 - tính năng 130
 - menu
 - cài đặt hệ thống 26
 - cấu hình thiết bị 21
 - chẩn đoán 41
 - in 21
 - quản lý giấy 20
 - thông tin 19
 - thứ bậc 15
 - truy lục lệnh in 17
 - xác lập lại 40
 - I/O (vào/ra) 32
 - menu, panen điều khiển
 - Cách thức Thực hiện 16
 - I/O 32
 - menu, panen điều khiển
 - Dịch vụ 43
 - khóa 135
 - menu cấu hình thiết bị 21
 - menu chẩn đoán 41
 - menu in 21
 - menu quản lý giấy 20
 - menu thông tin 19
 - menu truy lục lệnh in 17
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - mẹo 2
 - môi trường, thông số kỹ thuật 228
 - môi trường đối với sản phẩm
 - xử lý vấn đề 201
 - mục nhập cài đặt hệ thống 26
 - Macintosh
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 58
 - cài đặt trình điều khiển 59, 61
 - chỉnh lại kích thước tài liệu 61
 - hỗ trợ 224
 - phần mềm 59
 - thẻ USB, xử lý sự cố 209
 - trình điều khiển, xử lý sự cố 208
 - vấn đề, xử lý sự cố 208
 - xóa phần mềm 58
 - AppleTalk 71
 - HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) 59
 - Máy chủ in HP Jetdirect
 - cài đặt 147
 - cập nhật chương trình cơ sở 155
 - kiểu bao gồm 3
 - Máy chủ in Jetdirect
 - cập nhật chương trình cơ sở 155
 - kiểu bao gồm 3
 - Menu dịch vụ, panen điều khiển 43
 - Menu I/O (vào/ra) 32
- N**
- nâng cấp chương trình cơ sở 152
 - nap
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - Khay 1 85
 - Khay 2 87
 - nap giấy in sẵn đầu đề 115
 - nap phương tiện
 - cấu hình 81
 - nút, panen điều khiển
 - định vị 12
 - nút xác lập lại button 12
 - Netscape Navigator, phiên bản được hỗ trợ
 - máy chủ Web nhúng 130
 - Nút dừng 12
 - Nút khởi động 12
 - Nút menu 12
 - Nút nghỉ 12
 - Nút tình trạng 12
- NG**
- ngăn
 - định vị 7
 - khả năng chứa giấy 5
 - ngăn, ra
 - khả năng chứa giấy 79
 - ngăn giấy ra
 - định vị 7
 - kẹt giấy 186
 - khả năng chứa giấy 5
 - ngăn giấy ra chuẩn
 - định vị 7
 - khả năng chứa giấy 5
 - ngày, cài đặt 101
 - ngôn ngữ, máy in 5
 - ngôn ngữ máy in 5
 - nguồn điện
 - xử lý sự cố 158
 - nguồn cung cấp
 - định vị 138
 - đặt hàng 212
 - hàng lậu 137
 - khoảng thời gian thay thế 138
 - không phải của HP 137
 - lỗi bộ nhớ 162
 - số bộ phận 213
 - thay 138
 - tình trạng, xem bằng máy chủ Web nhúng 131
 - tình trạng, xem với HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) 60
 - nguồn cung cấp không phải của HP 137
 - nguồn cung cấp lậu 137
 - nguyên tắc, tài liệu 2
- NH**
- nhiều trang trên một bản 62
 - nhiều trang trên một tờ
 - Windows 112
- Ô**
- ổ cứng
 - được mã hóa 135
 - số bộ phận 213
 - xóa 134
- P**
- panen điều khiển
 - định vị 7
 - Menu dịch vụ 43
 - khóa menu 135
 - thông báo, danh sách số 162
 - thông báo, danh sách theo bảng chữ cái 162

- panen điều khiển
 - đèn 12, 13
 - nút 12
 - menu 14, 15
 - menu Cách thức Thực hiện 16
 - menu I/O 32
 - cài đặt 58
- Phần mềm HP-UX 55
- Phần mềm Linux 55
- Phần mềm Solaris 55
- Phần mềm UNIX 55
- PPD
 - đi kèm 59
- PH**
- phần mềm
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 58
 - cài đặt 50, 58
 - gỡ cài đặt Macintosh 58
 - hệ điều hành được hỗ trợ 46
 - máy chủ Web nhúng 53
 - tháo cài đặt cho Windows 52
 - thỏa thuận cấp giấy phép phần mềm 220
 - vấn đề 206
 - HP Easy Printer Care 53, 127
 - HP Web Jetadmin 53
 - Macintosh 59
- phần mềm
 - HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP) 59
- phím, panen điều khiển
 - định vị 12
- phong bì
 - hướng nạp 81
 - kẹt giấy 194
 - nạp vào Khay 1 85
- photocopy
 - chất lượng, xử lý sự cố 199
 - thông số tốc độ 4
- phông chữ
 - đi kèm 5
 - tệp EPS, xử lý sự cố 209
 - Tải lên Macintosh 60
- phương tiện
 - kích thước tùy chỉnh, cài đặt Macintosh 61
 - hiện nhiều trang trên một bản 62
 - trang đầu tiên 61
- phương tiện in
 - nạp vào Khay 1 85
- phụ kiện
 - đặt hàng 212
 - số hiệu bộ phận 213
- phụ kiện in hai mặt
 - định vị 7
 - thông số kỹ thuật, hình thể 225
- Q**
- quản lý lệnh in 98
- quản lý mạng 69
- quét
 - thông số tốc độ 4
- R**
- REt (Công nghệ Tăng cường Độ phân giải) 60
- S**
- sản phẩm không chứa thủy ngân 233
- sơ đồ menu
 - mô tả 19
- số bộ phận
 - hộp mực in 213
 - ổ cứng 213
- số hiệu bộ phận
 - bộ nhớ 213
- số lượng bản sao chép
 - Windows 115
- T**
- tab Services (Dịch Vụ)
 - Macintosh 64
- tác vụ in 109
- tái chế
 - Chương trình hoàn trả thiết bị máy in và bảo vệ môi trường của HP 232
- tạm dừng yêu cầu in 110
- tệp EPS, xử lý sự cố 209
- tính năng bảo mật 6, 68
- tình trạng
 - máy chủ Web nhúng 131
 - tab Services (Dịch Vụ) Macintosh 64
 - thông báo, dạng 161
 - HP Printer Utility (Tiện ích Máy in HP), Macintosh 60
- tình trạng
 - HP Easy Printer Care 127
- tình trạng các khay
 - HP Easy Printer Care 127
- tình trạng các nguồn cung cấp
 - HP Easy Printer Care 127
- tình trạng nguồn cung cấp, tab Services (Dịch Vụ)
 - Macintosh 64
- tình trạng sản phẩm
 - HP Easy Printer Care 127
- tình trạng thiết bị
 - tab Services (Dịch Vụ) Macintosh 64
- tốc độ bộ xử lý 4
- tủ/chân đế
 - thông số kỹ thuật, hình thể 225
- tuyên bố tuân thủ quy định chương trình quản lý sản phẩm bảo vệ môi trường 231
- Tuyên bố về Tính thích hợp 235
- tuyên bố về an toàn 236
- tuyên bố về an toàn laser 236
- tuyên bố về an toàn laser của Phần Lan 236
- tủ lưu trữ
 - thông số kỹ thuật, hình thể 225
- tự động nhận biết phim trong suốt 97
- tùy chỉnh cỡ giấy 77
- tùy chọn in nâng cao
 - Windows 115
- tùy chọn màu 114
- Tab Cài đặt, máy chủ Web nhúng 131
- Tab Information (Thông Tin), máy chủ Web nhúng 131
- Tab Networking (Mạng), máy chủ Web nhúng 132
- Tải lên Tập tin, Macintosh 60
- Thẻ EIO
 - tràn bộ nhớ đệm 163
- Thẻ I/O nâng cao
 - số bộ phận 214

Tính năng Xóa Đĩa 134
Tờ Thông tin An toàn đối với
Nguyên Liệu (MSDS) 234
Trang web
báo cáo gian lận 137
Trình điều khiển PCL 47
Trình điều khiển Mô phỏng
PS 47
Tuyên bố về tính Thích hợp 235
Tuyên bố EMI Hàn Quốc 236
Tuyên Bố VCCI của Nhật 236

TH

thải bỏ, hết thời hạn sử dụng 233
thải bỏ khi hết thời hạn sử
dụng 233
tháo cài đặt phần mềm cho
Windows 52
thay đổi kích thước tài liệu
Windows 112
thay đổi thứ tự giấy 115
thẻ máy chủ in
cài đặt 147
thẻ EIO
cài đặt 32, 147
số bộ phận 214
thông báo
cảnh báo e-mail 60
danh sách số 162
danh sách theo bảng chữ
cái 162
dạng 161
thông báo lỗi
cảnh báo e-mail 60
danh sách số 162
danh sách theo bảng chữ
cái 162
dạng 161
thông báo lỗi lắp hộp mực 173
thông số kỹ thuật
môi trường sử dụng 228
tính năng 4
vật lý 225
thông số kỹ thuật
điện và tiếng ồn 227
thông số kỹ thuật về điện 227
thông số kỹ thuật về độ ồn 227
thông số kỹ thuật về hình thể 225
thông số tốc độ 4

thông số TCP/IP, cấu hình thủ
công 69, 70
thông tin sản phẩm 1
thời gian đánh thức
cài đặt 100
thay đổi 100
thử
mạng 36
thức, lỗi lặp lại 200

TR

trang
in chậm 203
không in 203
trống 203
trang đầu tiên
sử dụng giấy khác nhau 61
trang để trống
xử lý sự cố 203
trang bìa 111
trang cấu hình
Macintosh 60
trang lau dọn, in 151
trang sử dụng
mô tả 19
trang thông tin 126
trang tình trạng nguồn cung cấp
mô tả 19
trang trên một tờ
Windows 112
trang trên phút 4
trang web
hỗ trợ khách hàng 224
trình điều khiển in chung 48
HP Web Jetadmin, tải
xuống 133
trang Web
hỗ trợ khách hàng
Macintosh 224
trạng thái nguồn cung cấp, tab
Services (Dịch vụ)
Windows 115
trình điều khiển
được hỗ trợ 47
cài đặt 50, 51, 58, 59
cài đặt sẵn (Macintosh) 61
cài đặt Macintosh 61
loại giấy 78
lỗi tắt (Windows) 111
Macintosh, xử lý sự cố 208

trình điều khiển
chung 48
Windows, mở 111
trình điều khiển in chung 48
trình điều khiển PCL
chung 48
trợ giúp, menu Cách thức Thực
hiện 16

Ư

ưu tiên, cài đặt 50, 58

V

vật liệu
kích thước được hỗ trợ 75
menu Cách thức Thực
hiện 16
vật liệu in được hỗ trợ 75
vỏ, định vị 7
Vứt bỏ Rác thải tại Liên minh Châu
Âu 233

W

Web Jetadmin
cập nhật chương trình cơ
sở 154
Windows
cài đặt trình điều khiển 51
hệ điều hành được hỗ trợ 46
trình điều khiển được hỗ
trợ 47
trình điều khiển in chung 48
vấn đề xử lý sự cố 207

X

xác định địa chỉ IP 68
xác lập lại menu 40
xóa ổ cứng 134
xóa phần mềm Macintosh 58
xử lý
vấn đề kết nối trực tiếp 204
vấn đề mạng 204
xử lý sự cố
các thông báo trên panen điều
khiển messages, số 162
cảnh báo e-mail 60
chất lượng 199
in hai mặt 195
lỗi lặp lại 200
menu Cách thức Thực
hiện 16

- phim trong suốt 194, 201
- tệp EPS 209
- thông báo lỗi, danh sách số 162
- thông báo lỗi, danh sách theo bảng chữ cái 162
- vấn đề về quản lý giấy 192
- vấn đề Windows 207
- vấn đề với Macintosh 208
- xử lý sự cố
 - các trang in chậm 203
 - các trang không in 203
 - cáp USB 203
 - danh sách kiểm tra 158
 - trang để trống 203
 - vấn đề kết nối trực tiếp 204
 - vấn đề mạng 204
- xử lý vấn đề
 - mạng 36
 - môi trường 201
- Xóa Đĩa An toàn 134

Y

- yêu cầu hệ thống
 - máy chủ Web nhúng 130
- yêu cầu nhiệt độ 228
- yêu cầu trình duyệt
 - máy chủ Web nhúng 130
- yêu cầu trình duyệt Web
 - máy chủ Web nhúng 130
- yêu cầu về độ ẩm 228

© 2008 Hewlett-Packard Development Company, L.P.

www.hp.com



CC468-90943